

Chân thật niệm Phật
CỤC LẠC HIỆN TIỀN

THÍCH THIÊN PHỤNG



Chân thật niệm Phật
CỰC LẠC HIỆN TIỀN

VHSG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

MỤC LỤC

- Trang 7
Lời tựa

PHẦN 1

CẢNH SÁCH NGƯỜI SƠ CƠ HỌC PHẬT

- Trang 15
Chương 1: Thân người khó được
- Trang 66
Chương 2: Phật pháp khó gặp
- Trang 102
Chương 3: Lời Phật dạy
- Trang 130
Chương 4: Tai hại của ngũ dục

PHẦN 2

CHÁNH KIẾN TỊNH ĐỘ

- Trang 171
Chương 1: Tịnh Độ – Pháp môn thù thắng
- Trang 182
Chương 2: Ý nghĩa Tịnh Độ

- **Trang 191**
Chương 3:
Những điều cần biết về Thế giới Tây Phương Cực Lạc
- **Trang 205**
Chương 4:
Phá nghi quần chúng về việc
niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc
- **Trang 213**
Chương 5:
Điểm cần lưu ý trong 48 đại nguyện
của đức Phật A Di Đà
- **Trang 221**
Chương 6:
Tin sâu – Nguyện thiết – Hạnh chuyên
- **Trang 233**
Chương 7:
Chân thật niệm Phật – Cực Lạc hiện tiền
- **Trang 269**
Chương 8:
Tập Dịch Cân Kinh hỗ trợ sức khỏe



LỜI TỰA

Đức Phật ra đời chỉ với mục đích là mở bày chân lý, giúp chúng sanh giác ngộ bản tâm thanh tịnh, thoát vòng luân hồi sanh tử. Tất cả pháp môn đức Phật đã dạy đều nhiệm mầu và thiết thực, đều tập trung vào mục đích thiêng liêng cao cả đó. Thế nhưng, trong thời mạt pháp, để chọn cho mình một pháp môn tu an tồn hiệu quả, thiết nghĩ chỉ có pháp môn trì danh niệm Phật là bảo đảm yêu cầu này và đây cũng là pháp môn phù hợp với căn cơ của tất cả chúng ta.

Trì danh niệm Phật là pháp môn thù thắng vi diệu, may mắn thay cho chúng ta, đó lại là pháp môn đơn giản dễ thực hành, là lối tu thẳng tắt giúp chúng sanh thời mạt pháp kịp thời xa rời ác nghiệp, mau chóng tăng trưởng thiện căn. Nếu *Tin sâu – Nguyện thiết – Hạnh chuyên* mà trì danh niệm Phật thì chắc chắn mai hậu sẽ được vãng sanh Cực Lạc.

Pháp môn trì danh niệm Phật có được diệu dụng vượt trội như vậy, chính là nhờ vào 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà, mà trong mỗi bi nguyện lân mãn đó, đức Từ Phụ đều hết lòng dang tay cứu độ, tiếp dẫn chúng sanh thời mạt pháp. Đây cũng là pháp môn mà chư Phật mười

phương, đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni, cùng chư Đại Bồ Tát luôn tán dương hộ niệm, luôn khuyến khích mong mỗi người học Phật thời mạt pháp nên nương theo đó mà tu hành thì sẽ được lợi ích lớn.

Cách đây trên 2500 năm, dưới cái nhìn của Phật nhãn, suốt thông ba cõi, không giới hạn không gian thời gian, đức Phật Thích Ca đã tường tận tình cảnh chúng sanh thời mạt pháp, đó là nghiệp chướng sâu dày, niềm tin Tam Bảo rất hời hợt, phước đức trí tuệ thì mỏng manh kém cỏi. Đời sống thế gian phải thường xuyên gánh chịu thiên tai dịch bệnh bất ngờ mà con người không thể nào lường trước được. Trên đường đạo pháp, người chân thật tu hành hiếm khi gặp được minh sư nên rất dễ rơi vào dị đoan mê tín, đồng thời cũng dễ bị tà sư dẫn dắt khiến cho ngày càng xa con đường giải thoát giác ngộ. Mặt khác, con người sanh ra trong thời mạt pháp thân thể chất chứa muôn ngàn thứ bệnh, thậm chí có những bệnh nan y không thuốc chữa, thêm vào đó, môi trường sống bị ô nhiễm nặng nề, thức ăn thức uống đa phần kém chất lượng và độ an tồn. Đời sống con người, tâm tư đầy dẫy âu lo phiền muộn, vất vả khổ đau nhiều hơn thành thời vui sướng. Sức khỏe vốn không bằng

người xưa, nay do những nguyên nhân khách quan và chủ quan này, thể lực của người thời nay càng thêm suy giảm... Với những chướng duyên, chướng nạn chướng như vậy, người thật sự muốn bước vào con đường tu tập, nếu không có niềm tin vững vàng sâu sắc, nếu không sáng suốt lý nhân quả, nếu không nắm chắc một pháp môn tu tập an tồn dễ tu và hiệu quả như pháp môn trì danh niệm Phật, thì rất dễ thối tâm và chán nản trên bước đường học Phật. Nhận biết điều này một cách chắc thật, nên trong kinh Đại Tập, đức Phật đã huyền ký: “Đời mạt pháp, ỨC ỨC người tu hành, song khó có người ngộ đạo, chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi sanh tử”.

Nhận thấy tầm quan trọng và lợi ích lớn lao của pháp môn niệm Phật, trước đây chúng tôi đã biên soạn tập sách “Nhất tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh” ngõ hầu trợ duyên cho hàng Phật tử sơ cơ tăng trưởng tín tâm, tinh tấn niệm Phật. Sau khi sách phát hành, chúng tôi đã nhận được sự đồng tình cũng như nhiều ý kiến đóng góp của quý Phật tử. Thật là hạnh phúc cho chúng tôi, khi nhiều Phật tử ở xa đã không dấu cảm xúc vui mừng gọi điện đến chùa bày tỏ lòng tri ân, vì khi đọc được cuốn “Nhất tâm niệm Phật

– Quyết định vãng sanh”, họ đã có thêm niềm tin vào pháp môn niệm Phật. Trong số đó, nhiều Phật tử đã đề nghị chúng tôi biên soạn thêm nội dung cảnh tỉnh vô thường để nhắc nhở hàng Phật tử sơ cơ và soạn thêm phương cách hành trì pháp môn trì danh niệm Phật một cách cụ thể hơn. Trước nhu cầu học Phật chánh đáng và nhất là niềm tin của quý Phật tử đã gởi gắm, chúng tôi xét thấy không thể không thực hiện, hơn nữa, tự nghĩ, là một ông Tăng, ngôi việc công phu tu tập thì còn một công việc vô cùng quan trọng nữa, đó là làm hết khả năng để giúp những người có duyên với mình tin sâu chánh pháp, chỉ cho họ một cách đi an tồn, đúng hướng, bảo đảm đến ngôi nhà giải thoát giác ngộ... Để tâm đến việc này và chúng tôi đã thực hiện, đó cũng chính là nhân duyên ra đời cuốn “Chân thật niệm Phật - Cực Lạc hiện tiền” này.

Trong cuốn “Chân thật niệm Phật – Cực Lạc hiện tiền”, chúng tôi nhấn mạnh đến cái giá trị vô cùng lớn lao của tất cả chúng ta khi được làm người, cái may mắn không gì có thể sánh bằng khi gặp được Phật pháp và nhân duyên đại may mắn nữa là đã tin sâu Tam Bảo, đã phát tâm tu hành theo pháp môn trì danh niệm Phật. Đang có trong tay những may mắn tuyệt vời này,

chúng tôi mong mỗi quý Phật tử thường xuyên xem xét lại bản thân, cùng bạn đồng tu sách tấn nhắc nhở nhau xa rời ngũ dục, buông xả lãng xăng vọng tưởng, tranh thủ cơ hội khi còn sức khỏe mà tinh tấn trì danh niệm Phật.

Tập sách nhỏ “Chân thật niệm Phật – Cực Lạc hiện tiền” được chia làm hai phần. Trong phần một, từ chương “Thân người khó được” đến chương “Tai hại của ngũ dục”, chúng tôi nhấn mạnh đến tinh thần cảnh sách. Phần hai, từ chương “Tịnh Độ pháp môn thù thắng” đến chương “Chân thật niệm Phật”, chúng tôi chú trọng đến chánh nhân niệm Phật (chân thật phát tâm giải thoát luân hồi sanh tử), kể đến là sự buông xả và chí thành cung kính niệm Phật, nhằm giúp cho quý Phật tử sơ cơ giữ gìn chánh niệm. Tóm lại, “Chân thật niệm Phật – Cực Lạc hiện tiền” hình thành không ngòai mục đích trợ duyên cho hàng Phật tử sơ cơ ngày càng tăng trưởng *Tín – Hạnh – Nguyện*.

Trước đây, khi biên soạn xong cuốn “Nhứt tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh”, chúng tôi tự nghĩ, được góp một chút sức mọn vào ngôi nhà Tịnh Độ như vậy cũng mãn nguyện lắm rồi. Nào ngờ, nay lại cùng quý Phật tử, được góp thêm một viên gạch nhỏ nữa vào ngôi nhà

Tịnh Độ, điều này quả là phước duyên Tịnh Độ rất lớn, rất đáng hoan hỷ cho tất cả chúng ta.

Chúng tôi luôn tự biết mình nghiệp chướng sâu dày, trí nông huệ cạn, vả lại việc biên soạn sách càng không phải sở trường, thêm vào đó là tuổi già sức yếu, lại vừa trải qua cơn bệnh thập tử nhất sinh, tự nghĩ, nếu không có được sự mật thù gia hộ của mười phương chư Phật, của đức Quán Thế Âm Bồ Tát thì e rằng đã không qua khỏi, cho nên sự có mặt của cuốn “Chân thật niệm Phật – Cực Lạc hiện tiền” này, cũng là biểu hiện của tấm lòng thành kính hướng về bốn ân ba cõi, đồng thời cũng là tác lòng thành nhằm động viên Phật tử có duyên với chúng tôi vững bước tiến tu.

Thành tâm nguyện cầu oai thần Tam Bảo chứng minh gia hộ quý Phật tử xa gần khi đọc cuốn “Chân thật niệm Phật – Cực Lạc hiện tiền” này, đều nhất thời buông xả vọng tưởng tạp duyên, đều nhất tâm trì danh niệm Phật, đều đạt đến công phu chân thật niệm Phật, đều được thọ hưởng cảnh giới Cực Lạc hiện tiền.

Nguyện hồi hướng công đức biên soạn, ấn tống tập sách “Chân thật niệm Phật - Cực Lạc hiện tiền” về pháp giới chúng sanh, nguyện cầu

hết thầy đồng sanh Cực Lạc, đồng thành Phật
đạo.

Nam mô A Di Đà Phật
Chùa Niết Bàn, mùa an cư kiết hạ PL 2553
Sa môn Thích Thiện Phụng

PHẦN MỘT

**CẢNH SÁCH
NGƯỜI SỞ CƠ HỌC PHẬT**

CHƯƠNG MỘT

—*..*..*..*—

THÂN NGƯỜI KHÓ ĐƯỢC

Đây là tập sách vì hàng Phật tử sơ cơ khuyến tu niệm Phật, tuy nhiên chúng tôi nghĩ rằng, dù là Phật tử sơ cơ hay chư vị hành giả đã thâm niên niệm Phật, dù tu theo pháp môn niệm Phật hay bất cứ pháp môn nào đi chăng nữa, thì tinh thần cảnh sách lúc nào cũng quan trọng, bởi đối với người tu học, nếu không thường xuyên cảnh sách nhắc nhở bản thân, e rằng sẽ khó mà thúc liễm thân tâm, chớ nói gì đến việc trì danh niệm Phật để được nhất tâm bất loạn. Do vậy, trong tập sách nhỏ này, nội dung cảnh tỉnh đời sống vô thường được chúng tôi chú trọng đưa vào phần đầu sách.

Nhân đây chúng tôi xin thưa cùng quý Phật tử, trước đây khoảng hai năm, chúng tôi đã biên soạn và ấn tống tập sách “Nhất tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh”, nhiều Phật tử sau khi xem rất phấn khích, càng thêm tin tưởng vào pháp môn niệm Phật. Nhiều vị ở xa, đã gửi thơ, gọi điện về chùa thỉnh cầu chúng tôi biên soạn thêm phần cảnh sách để sách tấn động viên

người tu học. Thật ra, ý kiến của quý Phật tử yêu cầu chúng tôi thực hiện việc này cũng rất phù hợp với tâm nguyện của chúng tôi, ngặt rằng khả năng của chúng tôi lại giới hạn, văn chương chữ nghĩa càng không phải sở trường, thêm vào đó là tuổi già sức yếu thường xuyên đau bệnh, nên tự xét, khó có thể đáp ứng trọn vẹn niềm tin và sự quan tâm của quý Phật tử.

Cũng cần nói thêm, trong cuốn sách “Nhất tâm niệm Phật - Quyết định vãng sanh” trước đây, chúng tôi đã biên soạn rất nhiều về nội dung cảnh sách, nào là “Sanh tử là việc lớn của đời người”, “Ngày giờ qua mau, mạng sống giảm dần”, nào là “Cảnh tỉnh vô thường”, “Lập chí tu hành”... Nhắc lại điều này, ý chúng tôi muốn nói, những điều gì cần chia sẻ với quý Phật tử, chúng tôi đã dốc lòng trang trải. Do vậy, nay có trình bày thêm điều gì cũng không ra ngoài những điều mà chúng tôi đã cởi mở. Thiết nghĩ, tinh thần cảnh sách là để nhắc người tu phải biết quý trọng thời giờ, phải nỗ lực tích tạo thiện nghiệp, tinh tấn nhiếp tâm niệm Phật, nội dung trọng tâm của việc cảnh sách chỉ là như vậy. Trên tinh thần khuyến tu, hàng ngàn cuốn sách đã được xuất bản, hàng trăm bài pháp ngữ của chư vị Tổ sư đã khai thị, thì cũng xoay quanh trọng tâm này. Tuy

nhiên, điều quan trọng nhất là trong tâm tư sâu kín của chúng ta đã cảm nhận được gì ở đó? Qua những lời văn thông thiết, tràn đầy bi tâm lân mẫn như vậy, chúng ta tiếp nhận nó tới đâu? Đời sống tu hành của chúng ta có chuyển biến tích cực hơn không? Đây là ý nghĩa và mục đích thiêng liêng của văn cảnh sách. Do vậy, nếu quý Phật tử khi có duyên được nghe, được đọc những dòng cảnh sách của chư Phật, chư Tổ, của chư vị Tôn đức, chúng tôi rất mong quý Phật tử hãy để tâm lưu ý đến, hãy dọn lòng lắng nghe mà suy nghiệm, mà sửa đổi, để sự tiến hóa tâm linh của quý Phật tử, thật sự hòa hợp với tinh thần thiêng liêng của văn cảnh sách.

Chúng ta ai cũng biết, trong đời sống thế gian, để làm một người có vị trí xã hội, có tiền của tài sản, có sức khỏe tướng hảo, có nhân cách và uy tín... thì không phải dễ, không phải ai cũng làm được, căn cứ theo luật nhân quả thì họ cũng phải tu nhân tích đức nhiều đời nhiều kiếp mới có được kết quả như vậy. Đó là nói về người đời, còn đối với người tu hành giải thoát khỏi sự bức ngặt của khổ đau luân hồi sanh tử, thì sự tu hành không thể đơn giản, không thể qua loa đại khái mà mong kết quả được.

Chư Phật dạy rằng, sanh tử là vấn đề trọng đại nhất của đời người, nếu không tha thiết với việc tu hành giải thoát ra khỏi luân hồi sanh tử, thì không thể nào gieo được chánh nhân trên bước đường học Phật. Hầu hết quý Phật tử đều tin lời Phật dạy “sanh tử” là “việc lớn”, thế nhưng không hiểu vì sao đa phần vẫn chưa thật sự tha thiết với việc tu hành, qua tiếp xúc nhiều Phật tử, chúng tôi hiểu ra rằng, đó là do chúng ta thường ỷ lại. Nhiều người cho rằng, lời Phật dạy là chân thật bất hư, nay mình đã tin rồi, mai một từ từ tu cũng đâu có muộn. Trong giới Phật tử tại gia họ thường suy nghĩ rằng, bây giờ còn sớm, phải lo củng cố kinh tế cái đã, phải lo dạy dỗ con cái thành tài cái đã, mai một đời sống sung túc, con cái nên người, ổn định mọi việc xong xuôi, khi đó chỉ lo chuyên tu thôi thì cũng đâu có gì là muộn. Còn đối với giới xuất gia, thì suy nghĩ của họ có vẻ thuyết phục hơn, bây giờ tập trung học hành cái đã, không học biết gì mà tu; có vị cho rằng, bây giờ tuổi mình còn trẻ, phải tham gia công tác Phật sự cho nhiều, đến khi lớn tuổi, về già thập thất chuyên tu cũng chẳng muộn màng gì...

Những suy nghĩ trên đây, có thể nói rằng, đó là những suy nghĩ tích cực, nhưng chúng tôi

mạo muội cho rằng, đó chỉ là hướng tích cực trong đời sống thế gian... Bởi họ đâu có thật sự cảm nhận mạng sống con người nó mong manh như giọt sương buổi sớm, nó hắt hiu như ánh nắng chiều tàn, nó leo lắt như ngọn đèn dầu trước gió, nó vô thường trong chớp mắt, nó tự hoại từng phút từng giây và tất cả chúng ta vẫn đang lặn hụp chơi vui giữa dòng sanh tử. Nếu không cảm nhận điều này sâu sắc, chắc chắn chúng ta sẽ để luống qua một đời, chắc chắn chúng ta sẽ không thể nào tự cứu nổi lấy mình. Và như vậy, thời gian cứ lặng lẽ trôi, dòng đời cứ âm thầm chảy, còn chúng ta, buông xuôi theo dòng thế sự, thả nổi mình trôi lênh bênh trên đó, ôm theo những ý tưởng hạ liệt, phục vụ cho nhu cầu ngũ dục của riêng mình, trong khi đó, cái đại nhân duyên với Phật pháp ngày nào, nay chỉ còn là hình thức, còn nội dung cốt lõi là bồ đề tâm thì ngày càng mờ nhạt. Vì trung thành với vô minh, thiết tha với ngũ dục, thỏa hiệp với ma vương, nên tự mình khóa trái cửa giải thoát của chính mình. Đến nước này, hậu quả tất nhiên là chẳng sáng sủa gì. Bây giờ, tự ngẫm lại những gì mình đã kinh qua, là người chân thật hướng về ngôi nhà giác ngộ, nếu còn chút đạo tâm và còn một

chút tinh thần vượt thoát, lẽ nào chúng ta không cảm thấy xót xa đau đớn.

Đối với những người tu theo pháp môn niệm Phật, dù niệm Phật ít hay niệm Phật nhiều, dù chuyên nhất hay chưa chuyên nhất, thì mỗi ngày chúng ta đều có niệm Phật, nhân đó mà phiền não từ từ cũng bớt dần, nghiệp chúng từ từ cũng tiêu dần, nếu chúng ta nhận thức đời sống vô thường, tha thiết với việc giải thoát sanh tử thì công phu niệm Phật sẽ tiến triển hơn, tam nghiệp sẽ thuần thực hơn. Nếu được như vậy cũng quý hóa lắm rồi. Chúng ta cũng nên lưu ý, trong quá trình niệm Phật hay tu tập bất cứ pháp môn nào, chúng ta cũng không nên sanh tâm nôn nóng vì những tồn đọng hạn chế của bản thân, cũng không nên gấp gáp đòi hỏi sự hỷ lạc thanh tịnh trong khi núi nghiệp của chúng ta nhất thời chẳng thể nào gội sạch... Ông bà ta thường nói “cháo nóng húp quanh, nợ trả dần” là nhằm chỉ cho chúng ta cách trả những món nợ khổng lồ mà trong một sớm một chiều chúng ta không có khả năng trả nổi. Nghiệp chướng, vô minh, phiền não của chúng ta được ví như bát cháo nóng, đã là bát cháo nóng thì chúng ta không thể nào ăn nhanh cho hết trong một lúc được, mà chúng ta phải ăn từ từ bằng cách húp quanh miệng bát, ăn

theo cách như vậy thì bát cháo dù nhiều thế nào, dù nóng đến đâu, thì bát cháo nóng đó dần dần cũng sẽ hết. Điều quan trọng là chúng ta có kiên nhẫn, có chịu làm theo như cách ông bà ta đã chỉ dạy hay không? Thật tình, chúng ta không thể nào biết được vô minh, phiền não, nghiệp chướng của chúng ta sâu dày cỡ nào, cũng không thể nào biết niệm Phật đến chừng nào thì mới hết tham sân si phiền não, mới được vãng sanh Cực Lạc, duy có một điều chúng ta biết chắc là đời sống rất vô thường, mạng sống chúng ta thì rất ngắn ngủi, nay sống mai chết, nay khỏe mai yếu, tai nạn bất thường họa vô đơn chí thành linh ập đến không thể thốt được. Do vậy cách tốt nhất là chúng ta hãy cố tranh thủ thời gian lúc ta còn minh mẫn, còn khỏe mạnh để gia tâm tinh tấn niệm Phật. Có như vậy thì chúng ta mới có chút ít vốn liếng làm tư lương hậu thuẫn cho lúc về già, bởi khi về già tinh thần chúng ta sẽ trở nên bạc nhược, mệt mỏi, không còn nhuệ khí như khi còn trai trẻ, đã vậy thì làm sao gượng dậy dựng công tu tập. Lúc trẻ không tu, về già mờ mịt, suốt một đời tạo tác trả vay, vay trở, đến cuối đời thì đành chịu xuôi tay, khi đó mắt mờ, tai điếc, đi đứng khó khăn, ý chí không còn, chỉ còn cách buông xuôi phó thác cho nghiệp lực

dẫn dắt đi vào tứ sanh lục đạo. Như vậy chẳng phải luống qua một đời uổng phí lắm sao?

Ở đời người ta hay nói “Việc hôm nay chớ để ngày mai”. Đây là một câu nói trong đời sống thế gian, mới nghe tưởng như tầm thường, nhưng không phải vậy, nhất là đối với người chân thật tu hành, đã nhận thức sâu sắc về lý vô thường thì đây quả là một kinh nghiệm vô cùng quý giá. Quả thật như vậy, trong đời sống hằng ngày, chúng ta thường hay dễ duôi qua ngày tháng, huyên đãi trong công việc điều này tưởng là bình thường nhưng rất sai lầm; nghĩ mình còn trẻ, thân thể còn tráng kiện, đầu óc còn sáng suốt, đời sống còn lâu dài, việc tu hành có gì đâu mà vội, khi nào việc đời xong thì đến việc đạo, có gì đâu phải gấp, về già tập trung niệm Phật rồi cũng về Tây phương Cực Lạc có gì đâu mà phải lo. Và những suy nghĩ sai lầm lệch lạc này chỉ chùng lại khi nào chúng ta thật sự trải nghiệm đời sống vô thường trong biến cố cuộc đời của chính chúng ta.

Khi đề cập đến vấn đề này, chúng tôi chợt nhớ lại, cách đây hơn một năm, dù tuổi đã cao nhưng tôi cảm thấy sức khỏe vẫn còn có thể phụng sự việc công ích cho xã hội và đóng góp Phật sự cho giáo hội, trong quãng thời gian này,

chúng tôi có ý định sẽ tăng thời gian tĩnh tọa và chuyên nhất niệm Phật hơn nữa, ý định là như vậy, nhưng rồi Phật sự đa đoan, việc chùa, việc giáo hội, việc tham gia từ thiện khắp nơi chiếm hết thời gian, cho đến khi bất ngờ ngã bệnh đột biến, được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu... tôi mới giật mình tỉnh ngộ... thiết nghĩ, được ở chùa từ lúc mới lọt lòng như tôi, biết tụng kinh niệm Phật từ lúc tóc xanh còn để chỏm, dù tu hành không nhiều, nhưng ít ra cũng được trên vài chục năm niệm Phật, thể phát xuất gia cho trên 200 vị, dầu rơi rớt gì cũng còn lại 100 vị, đóng góp cho xã hội, phụng sự cho giáo hội cũng được mấy chục năm, công phu công quả ngần ấy tưởng chừng tạm đủ tư lương, nào ngờ đến khi được đưa vào bệnh viện cấp cứu... mới cảm thấy nuối tiếc cho những khoảng thời gian mà bản thân chưa thể dành trọn vẹn cho công phu trì danh niệm Phật. Đây là bài học kinh nghiệm xương máu cho bản thân tôi, cũng là bài học quý giá cho môn đồ pháp quyến trong tông môn chúng tôi, hy vọng rằng, bài học “Việc hôm nay chớ để ngày mai” cũng là bài học ý nghĩa cho quý Phật tử xa gần đang hướng về ngôi nhà Tịnh Độ.

Qua mẫu chuyện ngắn mà chính bản thân tôi đã trải nghiệm vừa kể trên đây, chắc có lẽ cũng sẽ đọng lại trong lòng quý Phật tử ít nhiều về sự chần chừ hứa hẹn với những công việc cấp bách trong đời sống, nhất là trong việc tu hành niệm Phật. Chúng tôi nghĩ rằng, ai đã từng ở cảnh ngộ này, chắc sẽ không khỏi chạnh lòng khi đã để thời gian vùn vụt trôi qua mà bản thân mình thì hầu như chưa làm được điều gì thật sự hữu ích cho bản thân, ngồi việc phung phí quỹ thời gian vô cùng quý báu và tạo tác thêm vô vàn nghiệp chướng. Thiết nghĩ, ở đời dù chúng ta có giàu có, mạnh khỏe đến đâu, vị thế quyền lực cỡ nào, thì cũng chẳng tài nào có thể đảm bảo mạng sống của mình trước đời sống vô thường. Do vậy khi đã nhận thức sâu sắc về lý vô thường, chúng tôi mong rằng quý Phật tử cần biết tận dụng thời gian trong đời sống ngắn ngủi này để khỏi ân hận lúc về già và hoảng loạn khi phải giáp mặt với những phút giây bứt ngất luân hồi sanh tử.

Nhìn vào đời sống thế gian mịt mờ chạy theo vọng duyên điên đảo, đối với người con Phật đã tin sâu Phật pháp, đã thông hiểu phương pháp tu hành thoát ly sanh tử, thì đây là một điểm phúc tuyệt vời nhất trong đời sống con người. Dù là người Phật tử sơ cơ tu theo pháp môn

niệm Phật thì chúng ta vẫn có quyền vui sướng tự hào rằng chúng ta đang sở hữu một kho báu vô giá bất hoại giữa thế giới vô thường và dòng đời vạn biến; khi chúng ta phát tâm bồ đề, khởi ý niệm Phật, tức là chúng ta đã làm nên một cuộc cách mạng vĩ đại nhất cho bản thân mình rồi, chúng ta niệm Phật tức là chúng ta đã lập nên một kỳ tích ngay trong đời sống của chúng ta, thật sự là như vậy, vì xuôi theo dòng chảy thời gian bất tận, đa số người đời đều dành trọn quãng đời ngắn ngủi của mình để lao vào tạo tác trả vay vay trả, nhịp sống cứ xoay vần như thế hết tháng này qua năm khác, ngồi khoảng thời gian đầu tắt mặt tối với đa đoan công việc, thì khoảng thời gian còn lại dành cho ăn uống ngủ nghỉ vui chơi giải trí, nói chung là con người đã dành hết thời gian một đời người để đi tìm đầu vào và đầu ra cho nhu cầu ngũ dục, thật hiếm mấy ai nghĩ đến tọa thiền niệm Phật.

Nếu không có đại sự nhân duyên với Phật pháp, quả thật luống qua một đời vô ích. Đối với những người có công ăn việc làm, vui hưởng quả phước ở kiếp người như đã trình bày cũng gặp không ít nhọc nhằn, huống là đối với người kém may mắn hơn. Khi không có việc làm, đa số người đời rơi vào hèn cảnh này đều phải cam

chịu cuộc sống ăn bám gia đình và xã hội, thậm chí có người còn lao vào những chuyện phi pháp để thỏa mãn nhu cầu ngũ dục của bản thân. Ông bà ta thường nói: “Nhàn cư vi bất thiện” là nhằm ám chỉ những người nhàn rồi thường tìm đến các thú vui vô bổ và không lành mạnh như rượu chè, cờ bạc, ngò lê đôi mách, tạp thoại thị phi. Sự thật là như vậy, khi cuộc sống không có định hướng, lại sống trong nhàn rồi, con người thường hay mắc phạm sai lầm, từ đó dễ tạo nghiệp bất thiện để rồi chuốc lấy quả báo đau khổ về sau. Chúng ta thử hỏi, tại sao chúng ta không tranh thủ cơ hội này mà niệm Phật để làm tư lương cho ngày mai trong khi đời sống của chúng ta vô cùng ngắn ngủi, mạng sống của chúng ta đang ngày một giảm dần.

Đức Phật dạy, người niệm Phật được vô lượng vô biên phước đức. Khi niệm Phật, quý Phật tử sẽ trừ được phiền não, trừ được các nghiệp bất thiện của thân khẩu ý, niệm Phật sẽ giúp cho thân tâm quý Phật tử được an lạc, tăng trưởng thiện căn, phát huy trí tuệ, nhờ đó nghiệp chướng được tiêu trừ, đồng thời tinh thần sẽ trở nên minh mẫn, thể chất dồi dào... Lợi ích của việc niệm Phật là vô vàn không thể nào kể hết, trước mắt, khi chúng ta niệm Phật, dù chưa hết

vọng tưởng, nhưng ít ra chúng ta có được ngay cái lợi ích hiện tiền là chúng ta sẽ không nói ra những lời thị phi sai quấy như khi chúng ta ngồi lê đôi mách; khi chúng ta niệm Phật, dù chưa được nhất tâm, nhưng ít ra chúng ta sẽ không hoang tưởng chuyện viễn vông và không khởi lên những vọng tâm hướng về ngũ dục như khi chúng ta để tâm thức lang thang vật vờ vô định.... Chỉ đơn cử như vậy thôi chúng ta cũng đã vượt lên trên cái tâm niệm phàm phu tục tử thường tình vốn là sở trường của con người rồi đó. Còn khi chúng ta tinh tấn nỗ lực tập trung vào việc trì danh niệm Phật, tức là chúng ta đã đặt một gót chân của mình vào ngôi nhà giải thoát giác ngộ siêu phàm vượt Thánh rồi. Dù chúng ta có còn phiền não, nghiệp chướng nhiều hay ít, dù mạng sống của chúng ta chỉ còn có vài năm hay nhiều hơn năm ba mươi năm nữa, thì ít ra chúng ta cũng đã làm được một việc làm thật sự có ích cho bản thân mình, cho cha mẹ ông bà, cứu huyền thất tổ của mình, nhất là chúng ta đã không phí phạm thời gian và chúng ta có quyền hãnh diện vì chúng ta đã có được những tháng ngày đáng sống.

Trong cuộc sống, chúng ta luôn tất bật công việc, từ việc gia đình cho đến việc cơ quan,

xã hội, trong nhịp sống thời đại, ít khi chúng ta dành thời gian cho riêng mình để vui chơi thư giãn, chứ nói gì đến tọa thiền niệm Phật. Chính nhịp sống thời đại đã cuốn hút con người vào vòng xoáy của nó, biến con người trở thành cỗ máy tạo tác vô cùng khốc liệt, cũng từ đó, nên hư thành bại, đúng sai phải quấy, thiện ác đẹp xấu cứ lớn dần lên ngập cả hư không pháp giới và con người thì nhỏ bé lại, ngày càng chìm chìm dưới cái hố sâu mà tự mình đã đào sẵn, dưới cái hố sâu này, con người rướn mắt nhìn lên thì chỉ thấy tồn thiện ác đúng sai thị phi nhân ngã chông hết cả bầu trời. Sở dĩ xảy ra như vậy là do con người không biết Phật pháp, không tin nhân quả, không biết đời sống là vô thường, không biết trân quý sự sống chân thực của chính mình.

Đối với người học Phật, thời gian luôn là vấn đề quan trọng, biết tranh thủ thời gian, biết nỗ lực niệm Phật, sẽ giúp cho người tu hành bước những bước chân an nhiên tự tại trở về ngôi nhà giải thoát. Nhưng một khi người tu hành giải thoát đánh mất căn bản của mình, thả mình trôi theo dòng chảy thế gian, thì chúng ta thử hỏi lại mình, chúng ta đã tự quy y *Phật-Pháp-Tăng* chưa? Chúng ta đã có quãng thời gian tinh tấn trì

đanh niệm Phật chưa? Sự thật thì chúng ta đã từng quy y, từng tinh tấn niệm Phật, nhưng vì sao hôm nay chúng ta lui sụt? Vì Phật pháp không linh nghiệm hay vì nghiệp chướng của chúng ta? Nếu vì Phật pháp, thì tại sao xung quanh ta mọi người đều chuyên cần tha thiết trì đanh niệm Phật, trong số đó đã có không ít người an nhiên tự tại vãng sanh? Nếu chúng ta cật vấn lương tâm, chúng ta mới thấy rằng, nghiệp chướng chúng sanh thời mạt pháp quả là sâu nặng, mà nơi mỗi bản thân chúng ta là một minh chứng xác thực nhất. Nếu chúng ta quá dễ dàng chạy theo vọng duyên trần cảnh, quá dễ dàng buông xuôi theo ngũ dục, thì cần thiết nhất là chúng ta hãy mau mau thức tỉnh, dụng tâm tha thiết ân cần sám hối, để rồi sau đó, tự hỏi lại mình, chúng ta đã làm được gì cho bản thân chúng ta khi đang sống quãng đời ngắn ngủi trong cái thế giới không chắc thật này, hay chúng ta cứ mãi mê tạo tác, cần cù đi tìm đầu vào và đầu ra cho nhu cầu ngũ dục? Thế giới văn minh ngày nay đã sản xuất ra không biết cơ man nào là sản phẩm tiện ích phục vụ nhu cầu hưởng thụ của con người và để có được hàng trăm ngàn chủng loại sản phẩm phục vụ nhu cầu ngũ dục đó, chắc chắn là nó đã ngốn hết của chúng ta hơn

phần nửa thời gian tồn tại của con người và gần như nó chiếm trọn quãng thời gian sung sức nhất của một đời người. Chúng ta đã dành trọn phần nhuệ khí tinh anh, phần minh mẫn tráng kiện nhất trong đời người ngắn ngủi của mình chỉ để làm ra nó với mục đích duy nhất là hưởng thụ nó. Chúng ta vẫn biết rằng, quy luật tuần hoàn trong một đời người là sanh già bệnh tử, chúng ta sinh ra trong đời sống và làm việc chỉ để giải quyết giai đoạn từ sanh đến giai đoạn cận kề cái tuổi già của chúng ta mà thôi, còn khi chúng ta thật sự già cõi, thật sự đau bệnh và trong giây phút lâm chung cận kề cái chết, thì hầu như chúng ta đành xuôi tay bất lực. Vậy mà khi đề cập đến vấn đề tu hành, hay được ai đó nhắc nhở rằng hãy dành một ít thời gian để sống đích thực cho bản thân mình đi, tức thì chúng ta vờ đi ngay, nếu không tránh né được chúng ta cũng than thở ngay là bận việc quá, thời gian đâu mà niệm Phật.

Như chúng ta đã biết, đã sinh ra trong thời đại, tất nhiên phải chịu chung cộng nghiệp với nhân sinh thời đại. Trong nhịp sống thời đại, ai mà không bận, trên thực tế cuộc sống ngày nay, một phụ nữ vừa tan ca ở xưởng ra là phải vào chợ ngay, sau đó về nhà lo cơm nước, người đàn

ông thì phải tranh thủ mọi thời gian ở xí nghiệp để về sớm đón con cái đi học, thậm chí một em bé đi học vừa về là phải ôm xấp vé số đi bán ngay mới có đủ tiền phụ mẹ cha trang trải nhu cầu sống của gia đình, người nghèo khó có cái bận rộn của người nghèo khó, người giàu sang cũng có cái bận rộn của người giàu sang, người vị trí cao cho đến người bần cùng trong xã hội hết thấy đều bận rộn. Tuy nhiên thật tình mà nói, chẳng qua chúng ta chỉ bận rộn trong thời gian ở cơ quan công xưởng mà thôi, chớ chẳng ai làm việc 24/24 như chiếc kim giây của cái đồng hồ mà tồn tại bao giờ. Ngồi thời gian làm việc, chắc chắn ai cũng được rảnh rang cả, điều đáng tiếc là chúng ta không biết sắp xếp thời gian chứ không phải chúng ta không có thời gian, hơn nữa chúng ta vẫn chưa thật sự nhận thức sâu sắc về cái “ngày mai” điêu linh bứt ngặt nhất mà chúng ta phải giáp mặt, chúng ta vẫn chưa lường hết những điều bất ngờ sẽ đến với mỗi chúng ta trong đời sống vô thường này...

Chúng tôi cho rằng, cái giá trị đích thực của nhịp sống thời đại là sự an bình trong tâm hồn nơi mỗi con người thời đại. Và giá trị đích thực của con người thời đại là làm cho thời đại mà mình đang sống trở nên hòa bình an lạc.

Muốn đạt được những giá trị cao quý này, trước hết con người phải biết quý trọng mạng sống của mình, phải biết quý trọng thời gian, quý trọng từng bước đi an lạc của mình. Chỉ khi nào con người nhận ra chân giá trị của con người là sự giác ngộ và chân giá trị của cuộc sống là bầu trời giải thoát hòa bình an lạc, chúng tôi nghĩ rằng, khi đó chúng ta sẽ không còn tránh né hay than thở “thời gian đâu mà niệm Phật”.

Trong đời sống thế gian hình như người ta thường hay có bệnh tự quan trọng hóa mình với biểu hiện tất bật trong công việc. Trong giờ làm việc, chúng ta có bận bịu thật, nhưng ngoài giờ làm việc, chúng ta vẫn còn nhiều thời gian để ăn uống, tắm giặt, ngủ nghỉ, vui chơi, lái xe đi dạo... Thiết nghĩ, trong khoảng thời gian này và thậm chí ngay trong lúc chúng ta làm việc thì chúng ta vẫn có thể niệm Phật, vẫn có thể suy tư để tìm ra giải pháp hợp lý phục vụ cho tiến trình tu tập của mình. Chúng tôi thiết nghĩ, sở dĩ chúng ta hoang phí quá nhiều thời gian là do chúng ta chưa nhận thức sâu sắc về đời sống vô thường, dù rằng đôi khi chúng ta cũng buột miệng thốt lên “vô thường quá” khi có một người bạn trong cơ quan vừa đụng xe tử nạn, hay một chị hàng xóm vừa lăn đùng ra chết vì trúng

gió... Chúng tôi cho rằng, chỉ khi nào chúng ta nhận thức sâu sắc về lý vô thường thì khi đó chúng ta mới có thể chắt chiu thời gian, mới có thể khởi lên cái tâm từ bi để xót thương cho chính bản thân mình và khi đó chúng ta sẽ biết mình phải làm gì trong đời sống ngắn ngủi này, chứ không phải đợi người khác khuyên lon hay nhắc nhở.

Nói đến giáo lý nhà Phật, tất cả đều cho là thiết thực, là vô cùng lợi ích, điều này ai cũng tin nhận, ai cũng tán thán, kể cả người Phật tử cũng như người theo đạo ông bà, nhưng để mọi người cùng nhau thực hiện thì quả là điều không dễ. Trong cuộc sống chúng ta thường cho rằng, làm việc gì cũng phải tập trung vào công việc, nên tâm trí đâu mà niệm Phật, điều này mới nghe qua tưởng chừng có lý, nhưng thực tế thì lại khác, bởi có người trong khi nấu ăn, tắm giặt, thậm chí đang làm những công việc có yêu cầu tập trung tinh thần cao hơn thì đầu óc họ vẫn vọng tưởng nghĩ ngợi trăm ngàn thứ chuyện trên trời dưới đất không đâu vào đâu cả, vậy mà công việc vẫn trôi chảy, công việc vẫn tốt đẹp không hề hấn gì cả. Như vậy cái thói quen vọng tưởng xem ra chúng ta dễ dàng chạy theo nó hơn là tập làm quen với câu niệm Phật và việc chúng ta khước

từ niệm Phật là do nghiệp chướng nặng nề của chúng ta chứ không phải vì chúng ta bận rộn hay muôn vàn cách tránh né khác...

Như vậy, do nghiệp lực nặng nề đã khiến chúng ta mau chóng lười mỏi trong công phu trì danh niệm Phật, ngược lại chúng ta thoải mái nghĩ tưởng viển vông, sa đà với những thú vui vô bổ tầm thường của thế gian, mẫn mà đắm đuối trong ngũ dục. Một thực tế thật đáng tiếc nữa, khi niệm Phật thì chúng ta cho rằng vọng tưởng trong tâm chúng ta quá nhiều, không thể nào tập trung vào danh hiệu Phật được, thế nhưng khi vui chơi giải trí thì chúng ta tỉnh táo hẳn ra và cứ để mặc tình cho ngũ dục cuốn trôi. Điều này đồng với nghĩa là chúng ta luôn dành mọi ưu tiên cho vô minh phiền não và nâng nó lên một vị trí đặc biệt trong tâm hồn chúng ta. Thất tình lục dục, vô minh phiền não, từng giờ từng phút che lấp bản tâm thanh tịnh của chúng ta thì chúng ta lại ưu ái cung chiều nuôi dưỡng nó, trong khi công phu tu hành trì danh niệm Phật là phương tiện thù thắng để giải thoát khổ đau luân hồi sanh tử thì chúng ta luôn có cảm giác mỗi một hững hờ, thậm chí tìm cách quay lưng lại với một câu né tránh khá quen thuộc *lúc này chưa có thời gian niệm Phật*. Đây quả là một

ngịch lý khó chấp nhận, nhưng đa số Phật tử chúng ta lại bằng lòng trường hợp này, chúng tôi mạo muội cho rằng, chúng ta rất nặng nề và rất dè xèn thời gian để hướng về ngôi nhà giải thoát giác ngộ, nhưng chúng ta đã rất hào phóng, dành rất nhiều thời gian để xây dựng địa ngục nga quý súc sanh trong kiếp vị lai của chúng ta.

Chúng tôi nói như vậy cũng không ngoa lắm, bởi đức Phật đã dạy, đời sống vô thường, thân người khó được, Phật pháp khó gặp, việc tu hành cầu mong thoát khỏi luân hồi sanh tử là việc trọng đại cấp bách của đời người. Chư vị Tổ sư cũng đã dạy: “Ngày giờ trôi mau, mạng sống con người giảm dần như con cá ở trong bể nước đang rò rỉ thì có gì mà vui. Mọi người hãy nỗ lực tinh tấn như cứu lửa cháy đầu. Đời sống vô thường chớ buông lung phóng dật”. Trước những lời khuyên chân thật thông thiết tràn đầy bi tâm lân mẫn thương xót chúng sanh như con đẻ của quý ngài, là người học Phật chân chính, chúng ta cần phải kịp thời thức tỉnh và hãy tranh thủ tối đa khoảng thời gian còn lại của đời mình mà nỗ lực tinh tấn chuyên cần niệm Phật.

Thiết nghĩ, thăng hoa đời sống tâm linh, tha thiết cầu mong giải thoát sanh tử là một việc cấp bách trọng đại chúng ta không nên do dự,

chân chờ hay hứa hẹn. Đối với hàng Phật tử sơ cơ, nhiều người cho rằng, tụng kinh niệm Phật chiếm hết thời gian không ít, ảnh hưởng đến công việc, thậm chí gây xáo trộn đời sống gia đình. Theo chúng tôi, sự thật thì không phải vậy, bởi nếu chúng ta biết sắp xếp thời gian hợp lý và thông hiểu căn bản pháp môn trì danh niệm Phật, thì quá trình tu học của chúng ta sẽ vô cùng lợi lạc mà không hề ảnh hưởng gì đến công việc hay đời sống gia đình, ngược lại việc tu hành trì danh niệm Phật còn hỗ trợ rất nhiều cho công việc và đời sống chúng ta, bởi quả báo thù thắng của công phu niệm Phật rất vi diệu, chúng ta không thể nào dùng tư duy ý thức nghĩ bàn đến được.

Dòng thời gian cứ vùn vụt trôi qua, nếu nhìn một cách tồn diện, chúng ta sẽ thấy lỗi người vẫn mãi loay hoay trong bế tắc và triền miên tạo nghiệp. Nếu không tin Tam Bảo, không hiểu Phật pháp, không lập chí dụng công tu hành, thì ngòi việc tạo tác và hưởng cái quả phước mong manh kém cõi của kiếp làm người, con người gập như không còn khả năng tự quyết định việc sống còn cho đời sống bản thân mình và phần đông chấp nhận con đường đi ngược lại với cội nguồn bản thể của mình. Nhịp sống thời đại ngày nay đã khiến con người trở nên hời hả,

gấp gáp như những cỗ máy đang hối hả vận hành trên các công trường xí nghiệp, họ không biết rằng, chính con người mới là tác nhân đã biến nhịp sống trở nên nặng nề bất ổn.

Thực ra, nhịp sống xung quanh chúng ta có vọng động bất an hay yên bình hạnh phúc, có tăm tối nặng nề hay trong sáng thanh thản thì cũng đều tùy thuộc vào khả năng nhận thức và hành động của con người. Thế giới này còn chiến tranh hay vĩnh viễn hòa bình, đạt được hạnh phúc hay triền miên đau khổ cũng do chính con người quyết định. Do vậy, tất cả những người con Phật chúng ta phải cố gắng dành ra một khoảng thời gian nhất định trong ngày để chiêm nghiệm đời sống vô thường, soi rọi lại bản thân, quay về thế giới tâm linh và hơn bao giờ hết, lúc này là lúc chúng ta hãy cùng nhau vận tâm tha thiết cầu cầu sám hối, tinh tấn trì danh niệm Phật để tự cứu lấy mình và cứu cả cái thế giới mong manh đầy bất an đau khổ đang hoại diệt trong từng phút từng giây này, vì trong tất cả chúng ta, không ai có thể biết trước được mình sẽ sống được bao lâu nữa... Ông bà ta thường nói: “Đời người như bóng câu qua song cửa”, nếu thấu hiểu vòng xoay của bánh xe luân hồi sanh tử và nhận ra cái giới hạn mong manh ngắn

ngủ của kiếp người, thì đây quả là lời khuyên chuẩn xác, do vậy, là người học Phật chân chính, chúng ta không nên phí phạm thời gian.

Bước sang thế kỷ 21 này, với lớp người như lứa tuổi chúng tôi, thì gần nửa đời được sống, được nhìn thấy cái thế giới văn minh vật chất thật là năng động và sáng tạo. Sự thông minh tháo vát của con người thời đại đã phát kiến ra bao điều kỳ thú trong cuộc sống, nhưng thật đáng tiếc thay, sự cần mẫn năng động linh hoạt đó chỉ giúp cho con người miệt mài tạo tác để thỏa mãn bản năng dục vọng của chính con người. Chúng ta thử đơn cử xem lỗi người đã tạo ra những gì, để qua đó chúng ta có thể rút ra một vài nhận xét.

Trong khi tìm tư liệu để minh họa về sự tạo tác của con người trong thế giới ngày nay, chúng tôi tình cờ có được một vài thông tin rất thú vị đã được đăng tải trên một tờ báo cũ. Theo bài báo này, đây là kết quả nghiên cứu của một nhà khoa học người Đức tên là Jurgen Gansere, được công bố trên tạp chí SZ Magazin với các thống kê tương đối chuẩn xác của những cơ quan trực thuộc Liên Hiệp Quốc vào năm 2001. Dựa theo kết quả nghiên cứu này thì chỉ trong một phút, con người đã sản xuất ra 61.000 lít rượu

vang, 220.000 lít bia, 4 tấn ca cao, 11 tấn cà phê bột. Trong một phút người ta đã đánh bắt được 117 tấn cá chưa kể các loại hải sản khác, chế biến được 314 tấn thịt các loại ra thực phẩm, sản xuất được 14 tấn xúc xích thịt heo, 7 triệu quả trứng gia cầm, 680 ngàn ổ bánh mì ăn sáng. Trong một phút con người sản xuất ra 165 chiếc xe đạp, 62 chiếc ô tô, 178 cái ti vi, 181 cái radio, 7.935 đôi giày, 126 máy điện thoại, 15 tấn thuốc lá. Trong một phút trên thế giới có 272 em bé chào đời và 100 người bước sang bên kia thế giới. Trong một phút con người uống hết 3,5 triệu lít bia các loại và thải ra 4 triệu lít nước tiểu. Đây là đơn cử sự tạo tác và diễn biến sinh tử của con người chỉ xảy ra trong một phút. Nếu trong một giờ thì chúng ta nhân lên 60 lần, nếu xảy ra trong một ngày, thì chúng ta cứ việc tiếp tục nhân nó lên 24 lần thì chúng ta sẽ có được những con số khổng lồ và chúng ta sẽ không thể nào hình dung ra nổi. Đọc qua những con số này, có lẽ chúng ta sẽ cảm thấy bàng hoàng trước sự tạo tác khủng khiếp của con người. Tuy nhiên theo chúng tôi, những con số đã được các nhà khoa học thống kê trên đây cũng chỉ là con số tượng trưng dựa theo những cơ sở có thể thống kê được, so với con số thực thì nó vẫn chưa phải

là đầy đủ. Bởi vì trên thực tế, có đến 2/3 dân số trên thế giới hiện nay thuộc về các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển, ở các quốc gia này, việc sản xuất không quy mô và việc trao đổi hàng hóa mang tính nhỏ lẻ nên khó có thể thống kê được, chẳng hạn như ở Việt Nam chúng ta, người uống rượu có đến 80% là dùng rượu đế, mà rượu đế là loại rượu được nấu đại trà tràn lan trong nhân dân thì làm sao có thể kiểm soát thống kê được. Nói đến bia cũng vậy, với những loại bia tươi, bia hơi được sản xuất tràn lan khắp nơi và có khoảng trên 60% giới bình dân sử dụng. Việc đánh bắt hải sản, chăn nuôi gia súc cũng tương tự... Từ đó suy ra, chúng ta cũng khó có thể thống kê chính xác con người đã tạo tác những gì trong một phút.

Thật vậy, những số liệu mà người ta đưa ra vẫn chẳng thấm tháy gì so với con số chuẩn mà con người đã tạo tác trong từng giờ từng phút, bởi tài liệu trên đã được công bố từ năm 2001, tức cách nay đã 8 năm rồi, mà chúng ta đều biết, sau mỗi phút mỗi giờ, mỗi tháng mỗi năm. Tốc độ tăng trưởng luôn được con người đẩy cao hơn trước. Với tốc độ tăng trưởng tồn cầu, thì theo sau mỗi phần trăm tăng trưởng đó, mức sản xuất và tiêu thụ của con người cũng

được nhân lên gấp bội, tất nhiên mức tăng trưởng về sinh và tử cũng nằm trong quỹ đạo này. Do vậy, nếu tính đến năm 2009 này thì những con số tượng trưng cho sự sinh và tử cũng như khả năng tạo tác của con người phải nói là không thể nghĩ bàn... Chúng ta cũng nên biết, trong bối cảnh suy thoái kinh tế tồn cầu hiện nay, dù nền kinh tế có bị chững lại, thì nạn thất nghiệp, đói kém, thiên tai, dịch bệnh trên thế giới này vẫn không ngừng tăng trưởng, thậm chí tăng trưởng cao hơn thời kinh tế thịnh vượng. Theo đó, vấn đề này ảnh hưởng không ít đến sự sinh và tử trong đời sống con người.

Là người xuất gia học Phật, từ lâu chúng tôi đã ít quan tâm đến thế sự và diễn biến xung quanh, thế nhưng khi đọc qua những con số đang nhảy múa reo vui trước sự tạo tác của con người, chúng tôi bỗng rùng mình thảng thốt cho nghiệp chướng nhân sinh thời mạt pháp và chợt nhận ra những con số nóng bỏng, khủng khiếp đó cũng nhằm khuyến cáo cho chúng ta rằng, những thành tựu mà thế giới văn minh vật chất mang đến khiến cho con người luôn tự hào về nó, thật ra đó cũng chỉ là kết quả của sự tạo tác không ngừng nghỉ, không ngời mục đích phục vụ cho

đời sống ngũ dục của con người trong kiếp sống ngắn ngủi này thôi!

Thật ra cái thân xác hư huyễn của chúng ta mỗi ngày lại vay mượn biết bao nhiêu là vật chất của thế giới xung quanh để tồn tại, để điếm tô vun bồi nó. Ngoại trừ người xuất gia và cư sĩ trường trai giữ giới, thì hầu hết con người trên thế giới này đều xâm phạm đến không biết bao nhiêu là sinh mạng các loài cầm thú để nuôi dưỡng xác thân và thỏa mãn dục vọng của mình. Với những con số mà chúng ta được biết đã nêu, nhiều người cho rằng, chừng đó thôi cũng đủ để mình họa cho bức tranh tạo tác của con người, tuy nhiên, theo chúng tôi thì nó vẫn chưa đầy đủ lắm, nếu như chúng ta chưa nhận ra những con số khổng lồ khác đang ẩn tàng trong cuộc sống, đó là con người đã đốt cháy biết bao nhiêu thời gian để tạo dựng nên cái hình sắc thế giới văn minh vật chất ngày nay? Con người đã đổ ra biết bao nhiêu mồ hôi và nước mắt để tạo nên cái thế giới vật chất nhằm phục vụ cho đời sống ngũ dục của con người? Trên thế giới ngày nay, mỗi ngày trôi qua đã có bao nhiêu người chết đói? Bao nhiêu người mắc bệnh nan y đang nằm liệt giường chờ chết? Bao nhiêu người tàn tật, đui mù câm điếc? Bao nhiêu người không nhà cửa,

bao nhiêu cô gái bán thân? Bao nhiêu kẻ nghiện ngập ngày càng lún sâu vào con đường hoại diệt và tội lỗi?... Nếu tự vấn điều này, chúng ta sẽ nhận ra rằng, những con số dù đã được thống kê hay những điều không thể thống kê được, cũng đều là những con số có hồn và sống động, nó là minh chứng xác thực nhất cho sự tạo tác triền miên của thế giới lỗi người, đồng thời đó cũng là bài thuyết pháp sinh động nhất chỉ về sự xa rời bản tâm thanh tịnh của con người đã đến hồi báo động. Theo chúng tôi, đó là nghiệp lực sâu dày của chúng sanh thời mạt pháp và là chướng nạn trong cõi Ta bà. Nghiệp chướng chúng sanh thì sâu dày như vậy, còn con người thì mãi mê tạo tác chưa từng có phút giây ngừng nghỉ để quay đầu lại với chính mình, trong khi đó thời gian thì cứ vùn vụt trôi qua, sức khỏe con người thì rất giới hạn, quãng đời ngắn ngủi còn lại của con người thì chẳng được là bao... Nhận ra điều này, có lẽ chúng ta chỉ còn biết nhiếp tâm mà niệm Phật để tự cứu lấy mình và hồi hướng về pháp giới, cầu cho chúng sanh thức tỉnh quay về nẻo giác để giảm bớt phần nào điều linh khổ ải.

Trên nhịp sống thời đại ngày nay, một thực tế khiến chúng ta phải giật mình thảng thốt nữa, đó là mỗi ngày lỗi người trên thế giới này

phải tiễn biệt khoảng 150 ngàn đồng loại bước sang bên kia thế giới. Cái thế giới mà 150 ngàn con người ở cõi Ta bà này sẽ chuyển khẩu đến thì có bao nhiêu người tiến thẳng vào địa ngục, nga quý, súc sanh? Điều này chúng ta không thể biết rõ được, nhưng có một điều chúng ta biết chắc rằng, trong chuỗi ngày ngắn ngủi còn lại từ nay đến cuối đời sẽ có một ngày không xa lắm, chúng ta sẽ từ giã cuộc đời này. Chắc chắn điều đó sẽ đến với mỗi người trong tất cả chúng ta đây, có thể là sang năm, sang năm nữa; có thể là năm mươi năm hay vài chục năm nữa; nhưng cũng có thể là ngày mai, ngày mốt; cũng có thể là dăm ba phút nữa thôi... bởi trên dòng chảy vô thường, vạn sự vô thường, mạng sống cũng vô thường, mọi việc đều có thể xảy ra chúng ta không thể nào lường trước được.

Mỗi ngày có đến 150 ngàn người vĩnh biệt cuộc sống ra đi không trở lại, ngày nào cũng vậy, diễn biến tử sanh sanh tử đáng sợ này cứ tuần tự trôi qua và may mắn thay cho chúng ta là chúng ta vẫn còn sống sót, có lẽ đây là do nhân lành mà chúng ta đã gieo từ nhiều kiếp sâu dày hơn những đồng loại vẫn số kia. Chúng ta nên ghi nhớ rằng, chúng ta tạm thời tồn tại không phải để tiếp tục lao vào con đường đam mê ngũ

dục mà là để tỉnh thức kịp thời quay đầu hướng về con đường giải thoát.

Ai cũng biết có sanh ắt có tử, nhưng ở đời khi nói đến sanh thì mọi người đều hớn hở vui mừng, còn nhắc đến tử thì ai ai cũng ái ngại, dẫu con người không dám nghĩ đến hay né tránh, thì vấn đề sanh già bệnh chết, sanh ly tử biệt vẫn là một thực tế phũ phàng mà con người phải luôn đối mặt. Nói đến vấn đề sanh tử, nhiều người cho rằng, đã sanh ra trên đời này thì phải sống, đã sống thì phải làm, làm thì phải ăn và cũng phải hưởng thụ nữa chứ, sanh lão bệnh tử là quy luật tự nhiên trong đời sống con người, có nghĩ tới nó cũng đến mà không nghĩ tới thì nó cũng đến, biết vậy rồi suy nghĩ làm gì cho mệt tâm mệt trí, sanh lão bệnh tử mà! Đa phần người sống trên thế gian này đều suy nghĩ như vậy, vì trước mắt họ, trên đôi vai của họ còn có biết bao nhiêu là gồng gánh phải mang. Trong tâm thức họ còn bao nhiêu cõi phiêu bồng để rong chơi cho thỏa chí... Thế nhưng đối với hàng Phật tử như chúng ta, khi đã nhận thức đời sống vô thường, Phật pháp khó gặp, thân người khó được, một lần mất đi khó trở lại làm người, nếu tu hành không khéo, e khó thoát khỏi luân hồi trong tứ sanh lục đạo. Nếu chúng ta luôn tâm

niệm điều này thì chúng ta không thể nào thờ ơ buông lung qua ngày tháng mà không để tâm đến công phu tu niệm.

Chúng ta đang sống trên thế giới với đầy đủ chướng nạn và nguy cơ rình rập. Một trong những bất hạnh lớn nhất của đời người là chúng ta không gặp được Phật pháp để rồi nhắm mắt xuôi tay an phận sống trong vô minh, nghiệp chướng phiền não, nay chúng ta may mắn sanh được làm người, được gặp Phật pháp, lại tin sâu vào pháp môn trì danh niệm Phật, thì chúng ta quyết tâm không bỏ qua cơ hội ngàn năm chỉ đến một lần này mà hạ thủ công phu tu tập. Nếu chúng ta chưa chứng được Thánh quả, nếu chúng ta chưa bước ra khỏi vòng lẩn quẩn khổ đau luân hồi sanh tử thì nhất thiết chúng ta hãy mau mau tìm cách tự cứu lấy mình.

Sanh từ đâu đến? Chết đi về đâu? Thế nào là tự tánh Di Đà vô biệt niệm? Đại loại những điều cốt tủy của Phật pháp như thế này chúng ta vẫn còn mù mịt, trong khi đó, tâm thức chúng ta vọng khởi đảo điên trùng trùng điệp điệp, nghiệp chướng sâu dày ngày một dày thêm, phiền não mênh mông chất chồng thêm phiền não, con đường phía trước thì tối mù như đêm 30, trước sự thật bi đát và quá phũ phàng này, Phật tử

chúng ta phải sống như thế nào để tự cứu lấy mình?

Trao đổi đến đây, chúng tôi mong rằng quý Phật tử không nên do dự, chần chờ, hay hứa mai hẹn một nữa, mà hãy bắt đầu từ ngay bây giờ, phát khởi ý chí dũng mãnh của mình hướng về ngôi nhà Tịnh Độ mà cất bước. Quý Phật tử thử nhìn lại ngay chính đời sống của mình, sẽ thấy quỹ thời gian còn lại của chúng ta thật là ít ỏi, do vậy chúng ta không nên phí phạm thời gian nữa, mà hãy gấp rút vì sự nghiệp giải thoát của chính bản thân mình bằng câu “Nam mô A Di Đà Phật”.

Để bù đắp lại những tháng ngày buông lung hoang phí, chúng ta cần phải tranh thủ thời gian mọi lúc mọi nơi, bất cứ ở đâu có thể niệm Phật được là chúng ta niệm Phật, bất cứ hoàn cảnh nào, tình huống nào xảy ra, chúng ta cũng nhất quyết không xa rời câu niệm Phật, chúng ta cũng đừng ngại khi vào nhà vệ sinh hay những nơi ô uế mà quên mất việc niệm Phật. Chúng ta cần phải niệm Phật mọi nơi, mọi lúc, trong mọi hoàn cảnh, bằng nỗ lực cao nhất, nếu quý Phật tử chân thật niệm Phật như vậy, chúng tôi tin chắc rằng, chúng ta đang xây dựng trong tâm hồn

chúng ta, xây dựng trong đời sống thế gian này một cõi Cực Lạc hiện tiền.

Cuốn sách nhỏ này có tựa đề là “Chân Thật Niệm Phật – Cực Lạc Hiện Tiền”. Nội dung mà chúng tôi mong muốn chia sẻ cùng quý Phật tử là nêu bật lên tính chân thật trong quá trình học Phật. Tự nghĩ, trong đời sống hằng ngày, nếu chúng ta không trung thực với chính mình và chân thật với mọi người, thì sẽ chẳng đem lại kết quả tốt đẹp cho bản thân và xã hội, huống gì nói đến việc tu học theo Phật pháp.

Trong quá trình tu học, có một vài Phật tử đã cho chúng tôi biết, họ đã dụng công tu tập qua nhiều năm tháng, song vẫn trì trệ, gặp trắc trở này đến chướng ngại khác, khiến cho công phu không thông suốt dẫn đến tình trạng chây lười mỗi mết... Theo thiền ý chúng tôi, sở dĩ bết tắc như vậy, đó là do họ chưa phát huy được tính chân thật trong đời sống tu niệm hằng ngày.

Tập sách nhỏ này vì hàng sơ cơ có duyên với pháp môn Tịnh Độ mà khuyến tu niệm Phật. Với lòng nhiệt thành và trong khả năng giới hạn của chúng tôi, qua những trang sách này, tự xét vẫn còn nhiều trùng lặp và luộm thuộm, chúng tôi mong muốn được chia sẻ với quý Phật tử những gì mà chúng tôi đã học được ở Thầy Tổ,

cũng như một vài kinh nghiệm nhỏ trong quá trình tu học của bản thân, chỉ cốt mong sao khơi dậy tính chân thật trong tất cả chúng ta để cùng nhau thức tỉnh trước đời sống vô thường, cùng nhau xa rời ngũ dục, cùng nhau buông xả vọng tưởng tạp duyên, để mãi mãi tinh tấn không thôi chuyển trong công phu trì danh niệm Phật.

Như chúng ta đã biết, nói đến pháp môn trì danh niệm Phật là nói đến lối tu thẳng tắt từ địa vị phàm phu thẳng tiến đến quả vị Thánh hiền. Theo như kinh A Di Đà, nếu chúng ta niệm Phật được nhất tâm bất loạn, dù cho bản thân mỗi chúng ta còn tích nghiệp trong quá khứ, thì chúng ta vẫn có thể đới nghiệp vãng sanh. Tuy nhiên chúng tôi mạo muội cho rằng, dù niệm Phật được xem là pháp tu thẳng tắt đơn giản dễ thực hành, dù 48 đại bi nguyện của đức Phật A Di Đà là chân thật bất hư, luôn hằng vì chúng sanh cõi Ta bà, lúc nào cũng dang tay mở lòng, phóng quang tiếp dẫn. Song nó còn đòi hỏi ở chúng ta có tha thiết tu niệm hay không? Có trung thực nhìn nhận những yếu kém của bản thân hay không? Có thật sự buông xả lãng xả vọng tưởng, xa rời ngũ dục hay không? Nếu như chúng ta không đáp ứng được những yêu cầu quan trọng này, thì chắc chắn công phu của

chúng ta sẽ khó mà đạt đến nhất tâm bất loạn, sự tu hành không chuyên nhất và thiết tha thì làm sao chúng ta có thể vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Thiết nghĩ, đây là những dấu hỏi lớn trong đời mỗi người học Phật, nhất là đối với những người đang tu theo pháp môn trì danh niệm Phật.

Như đã nói, niệm Phật là lối tu thẳng tắt, đưa chúng ta từ địa vị phàm phu thẳng tiến đến quả vị Thánh hiền, nhưng chúng ta cần phải hiểu rằng, để được tiến thẳng đến quả vị Thánh hiền, đòi hỏi chúng ta phải liên tục giữ gìn chánh nhân tu tập, chúng ta không để cho gián đoạn cái nhân Thánh hiền (biểu hiện qua thân khẩu ý) ngay trong đời sống thường nhật của mỗi chúng ta, nói một cách khác, tôn chỉ Tịnh Độ bắt buộc chúng ta phải nhất tâm bất loạn, nếu niệm Phật không được nhất tâm thì thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà có hiển hiện ra ngay trước mắt, thì chúng ta cũng không thể nào thọ dụng được, chúng ta vẫn mãi là kẻ mù quờ quạng trong đêm tối mà thôi.

Đối với người học Phật đã tin sâu lý nhân quả, chúng ta cũng cần lưu ý một điều hết sức quan trọng nữa, đó là *thân người khó được*, một khi mất đi rất khó trở lại làm người, do vậy, nếu

chúng ta lơ là việc tu tập, buông lung qua ngày tháng, khi chết đi chúng ta cũng khó bảo đảm kiếp sau được trở lại làm người. Còn nếu như chúng ta đắm chìm trong thú vui ngũ dục, hoang phí tuổi xuân của mình vào những chuyện chằng lảnh... thì quả báo trong kiếp vị lai, chắc chắn chúng ta sẽ khó thoát ra khỏi ba đường dữ: *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*... Chính vì vậy mà trong tập sách nhỏ này, chúng tôi đặc biệt chú trọng đến tính chân thật trong tu học của người Phật tử. Theo thiên ý chúng tôi, để khơi dậy tính chân thật nơi mỗi con người, không gì hiệu quả hơn việc đánh thức cái chân giá trị vô cùng lớn lao của tất cả chúng ta khi đang được làm người.

Để được làm người khó hay dễ? Đức Phật đã dạy “Nhân thân nan đắc”, nghĩa là *thân người khó được*. Đây là lời khẳng định của bậc Đại Giác, là lời chân thật bất hư nhằm khuyến cáo con người không nên bỏ qua cơ hội làm người (vạn nghìn năm mới có một lần) để tích tạo điều lành, điều thiện; đối với người có duyên với Phật pháp, thì tranh thủ thời giờ, nhiếp tâm tu niệm, cần cầu đạo thoát ly luân hồi sanh tử.

Đức Phật dạy rằng: *thân người khó được*, đối với hàng Phật tử tại gia thì câu này quá quen thuộc, ngoại trừ một số ít tha thiết với tu tập khi

nghe nói *thân người khó được*, *Phật pháp khó gặp* thì họ càng phát tâm tinh tấn dũng mãnh, chạy đua với thời gian để mong sớm có ngày vãng sanh Cực Lạc, còn đại bộ phận Phật tử chúng ta gần như chẳng có ấn tượng gì cho lắm khi nghe quý thầy cô nhắc nhở *Thân người khó được – Phật pháp khó gặp*, thậm chí có không ít người còn vô cảm với lời nhắc nhở thật sự ý nghĩa này.

Trong quá trình học Phật, với người có tâm đạo, khi được nghe ai đó khuyên lon nhắc nhở chúng ta rằng *Thân người khó được – Phật pháp khó gặp*, tức thì tâm hồn chúng ta bỗng nôn nao bồi hồi trộn lẫn nhiều cảm xúc, mà cảm xúc cô đọng sâu sắc nhất vẫn là nỗi thức thao trăn trở cho kiếp sống ngắn ngủi của nhân sinh, mà đường về cố quận thì mù khơi xa lắc, những cảm xúc chân thật từ đáy sâu tâm hồn này đã phát khởi tinh thần tu tập, giúp chúng ta có thêm quyết tâm để vượt qua những cám dỗ và những thú vui thường tình trong đời sống thế gian...

Tuy nhiên đối với người chưa thông hiểu Phật pháp mà nghe nói *thân người khó được*, thì họ cho rằng, trong thời đại ngày nay mà nói như vậy chẳng thực tế chút nào, theo họ, con người xuất hiện trên hành tinh ngày càng nhiều, mỗi

ngày tại các bệnh viện trên khắp thế giới có đến không biết bao nhiêu em bé chào đời, chỉ như ở Việt Nam chúng ta, chừng mười năm trở lại đây, dân số đã tăng vọt lên tám, chín chục triệu người, như vậy thì đâu thể cho rằng *thân người khó được*. Thoạt nghe qua lý lẽ này, nhiều người trở nên hoang mang, không biết là có nên tin họ không. Điều đáng nói là, khi hỏi ngược lại người đưa ra lập luận này: “Khi anh chị gieo lúa, kết quả sẽ được gì” . Đáp : “lúa”. “Khi anh chị trồng khoai kết quả sẽ được gì?”. Đáp : “Khoai”. Thế anh chị có biết đời trước anh chị gieo trồng cái nhân gì mới được cái thân người như bây giờ? Thì người này trở nên lúng túng không thể nào hiểu được...

Người đời thế gian là như vậy đó. Khi đề cập đến chuyện hệ trọng nhất đối với bản thân, thì con người trở nên mù mịt. Thật ra khi đã có mặt trên cuộc đời rồi thì hầu hết đều cho rằng được thân người là không khó. Đây là cái nhìn thiên cận xuất phát từ gốc rễ vô minh của chúng sanh chưa có duyên với Phật pháp. Nếu là Phật tử đã tin sâu nhân quả, nương theo cái thấy giác ngộ của đức Phật chúng ta sẽ nhận ra sự việc khác hơn nhiều.

Chư Phật và chư Tổ dạy rằng, ở cõi trời vì hưởng quả phước sung sướng mà không phải chịu nhiều đau khổ hoạn nạn như ở cõi người nên khó phát bồ đề tâm. Ở địa ngục, ngã quỷ, súc sanh thì u mê ám chướng nặng nề, hồn tồn thọ khổ, chịu nhiều bức ngặt, duy chỉ ở cõi người là dễ phát bồ đề tâm hơn cả. Trong kinh Lương Hồng Sâm (phẩm thứ 10 – Tự vui mừng) có ghi: “Thân người khó được, một phen mất khó trở lại”. Với người hiểu đạo, thâm tín lời Phật dạy thì được làm người quả là đại may mắn. Đã được làm người rồi còn gặp được Phật pháp, được quy y Tam Bảo, vâng lời Phật dạy, phát bồ đề tâm lập chí tu hành, hướng theo con đường đức Phật đã giác ngộ mà tiếp bước, thì quả là đại nhân duyên, may mắn không gì có thể sánh bằng. Nhận thức sâu sắc điều này, chúng ta mới thấy được cái giá trị vô cùng to lớn khi đang được làm người. Đức Phật đã dạy *thân người khó được*, tuy nhiên để được làm người, chúng ta thử nhìn lại sự khó khăn đó ra sao?

Trong kinh đức Phật dạy, như một bông cây nổi trên mặt biển theo sóng gió trôi giạt khắp nơi. Ở dưới đáy biển có một con rùa mù, cứ một trăm năm nó mới trôi đầu lên một lần. Như vậy thử hỏi biết đến bao giờ con rùa mù này mới gặp

được bọng cây? Đức Phật dạy, khi thân người mất rồi, được làm người trở lại cũng khó như con rùa mù gặp bọng cây vậy.

Theo như lời đức Phật dạy trên đây thì vô cùng khó khăn và may mắn lắm chúng ta mới được làm người. Cơ hội để được làm người quả là hy hữu và cực kỳ khó khăn đến như vậy, nay chúng ta đang làm người, nghĩa là chúng ta đang thọ hưởng sự may mắn lớn lao đó, liệu rằng sự may mắn này có tiếp tục lặp lại với chúng ta trong kiếp lai sinh? Ý thức được điều này, thiết nghĩ mỗi người hãy chọn cho mình một cách sống hữu ích, chúng ta phải biết quý trọng thời giờ, sức khỏe, tận dụng tối đa quỹ thời gian còn lại trong những tháng ngày cuối của đời người để tu tập các thiện pháp, phát tâm phát nguyện đồng mãnh tinh tấn tu hành để sớm có ngày giác ngộ, giải thoát ra khỏi kiếp luân hồi sanh tử.

Chư vị cổ đức cũng từng khuyên dạy:

Ngàn năm cây sắt, trở hoa dễ

Thân người mất đi, được lại khó.

Thử hỏi, cây sắt làm sao trở hoa được, vậy mà cây sắt trở hoa còn dễ hơn chúng ta trở lại làm người sau khi mất đi cái thân này. Việc mất đi cái thân này là việc chắc chắn sẽ đến với mỗi chúng ta trong nay mai, còn việc chúng ta có trở

lại làm người nữa hay không thì quả là một ẩn số, không ai có thể giải mã nổi ngôi chính bản thân mỗi chúng ta. Nếu chúng ta tinh tấn trì danh niệm Phật, giữ gìn trai giới, một đời hành thiện, dù không đạt đến nhất tâm bất loạn, chúng ta có thể tin chắc rằng, chúng ta không chỉ trở lại làm người, mà chúng ta sẽ được làm một con người đầy đủ phước đức trí tuệ vượt hẳn những người cùng thời với chúng ta. Nếu chúng ta chìm đắm trong ngũ dục, phá giới hủy trai, làm điều bất nhân bất nghĩa, tích tạo nhiều ác nghiệp, gieo rắc oan trái chất chồng, thì không những chúng ta không còn cơ hội nào để trở lại làm người, mà quả báo chắc chắn là ba đường dữ: *địa ngục, ngạ quỷ súc sanh...*

Đời người quá ngắn ngủi, mạng sống quá mong manh, không biết sống chết lúc nào, nghiệp chướng phiền não nơi mỗi chúng ta chất cao hơn núi, còn lòng ham muốn tham dục nơi mỗi chúng ta lại sâu hơn biển, đời sống hiện tại của chúng ta trong những ngày qua thì muôn vàn vất vả nhọc nhằn lao khổ... nhìn lại chẳng có gì là thật sự hạnh phúc cả... Nhận thức được điều này, chúng ta không nên chần chờ hứa hẹn để tháng ngày trôi qua vô ích, mà phải tận dụng quãng thời gian còn lại nỗ lực hành trì công phu

tu tập. “Thân người khó được”, đã biết như vậy rồi mà chúng ta vẫn còn dãi dãi không biết quý trọng thời gian, không định ra thời khóa trì danh niệm Phật, không khắc kỷ lòng mình trì trai giữ giới, ngược lại cứ mãi sa đà theo thú vui ngũ dục, đắm chìm trong thế sự... thì quả là xót xa đau đớn biết bao!

Thân người khó được, nay chúng ta đã được làm người, đã vượt qua cái khó khăn cực kỳ mà mọi sinh linh trong pháp giới này muốn được làm người như chúng ta đều phải vượt qua. Tuy nhiên, trước mắt chúng ta muôn ngàn cái khó khác lần lượt bày ra. Cái khó khăn đầu tiên và căn bản nhất mà chúng ta phải đối mặt, đó là làm sao chúng ta có thể trở lại làm người sau khi tám thân tứ đại này hoại diệt? Tiếp đến, làm sao chúng ta có thể vượt thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử trong tứ sanh lục đạo? Trong đời sống vô thường và quá ngắn ngủi này làm sao chúng ta có thể vượt qua những điều khó khăn quá sức mình như vậy? Nếu như chúng ta không có duyên với Phật pháp, nếu như chúng ta không nỗ lực công phu trì danh niệm Phật.

Kinh Lương Hồng Sám có ghi: “Hình tự sương mai, mạng như nắng chiều, đời sống mong manh chưa biết chết lúc nào”, “Sanh già

bệnh chết không hẹn mà đến. Tai họa thành linh đưa đến biết đâu mà tránh. Không thể thốt được”, “Đời người vô thường, thân không sống lâu, trẻ rồi phải già yếu”. Hay trong kinh Pháp Cú (128) có đoạn: “Dầu bay lên không trung, lặn dưới đáy bể. Chui vào hang sâu núi thẳm. Không có nơi đâu trên thế giới này. Người ta có thể trốn khỏi tử thân”... Qua những đoạn kinh văn vừa nêu trên thiết nghĩ, nếu chúng ta là người con Phật, chân thật hướng về ngôi nhà giải thoát, chắc hẳn chúng ta đều phải chạnh lòng, lắng lòng suy nghiệm mới thấy xót xa đau đớn cho những tháng ngày đã trôi qua. Chúng ta thử ngẫm lại, từ khi biết Phật pháp đến nay, chúng ta đã làm được điều gì cho sự nghiệp học Phật, tu hành giải thoát của bản thân mình, hay là chúng ta cứ mãi quay cuồng theo bánh đà của vòng xoay thế sự, tạo tác lấy lòng chướng thêm nghiệp chướng, từng giờ từng phút lao vào thú vui ngũ dục để rồi hư hao sức khỏe và rút ngắn mạng sống của chính mình? Trong đời sống ngắn ngủi này, tuổi thọ của con người, dù cao lắm cũng chỉ được bảy tám chục năm, nhưng thực chất sức sống của con người tràn đầy sinh khí và minh mẫn cũng chỉ được vài ba chục năm trở lại, trong khi đó, hầu như tất cả chúng ta đã để trôi qua

quãng thời gian quý báu này, với quãng thời gian ngắn ngủi còn lại từ nay cho đến cuối đời, thử hỏi còn được bao nhiêu ngày tháng? Chúng tôi thiết nghĩ, là người chân thật học Phật, chắc hẳn chúng ta sẽ không khỏi giật mình, bởi trên đời vai yếu ớt của chúng ta lúc này là một núi nghiệp, con đường dẫn đến ngôi nhà giải thoát thì ngày càng mù khơi vụn dậm trong khi đó quỹ thời gian còn lại thì chẳng có là bao!

Đức Phật dạy “Thân người khó được”, ý ngài muốn nói cái quả để được làm người ở kiếp sau của chúng ta không dễ, vì ngài thấy rõ cái nhân hiện tại của chúng ta có quá nhiều bất cập, dù mang hình hài là một con người, nhưng trên thế gian này có không ít người gieo tòn cái nhân *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*; thậm chí người gieo nhân bất thiện còn nhiều hơn cả ngàn lần so với người gieo nhân làm người, làm Thánh. Suy ngẫm điều này, chúng ta sẽ không lấy làm ngạc nhiên cho lắm, vì khi chúng ta mê đắm trong thú vui ngũ dục thì chúng ta rất hăm hở thỏa thích, còn khi chúng ta tọa thiền niệm Phật thì chúng ta vô cùng uể oải, lười biếng, rất mau mỏi mệt; khi chúng ta tán gẫu, làm điều vô bổ, thậm chí làm điều nguy hại cho mình và cho người thì chúng ta rất mạnh dạn và quyết liệt, còn khi đi làm

phước làm thiện thì chúng ta lại do dự, e dè, trước siêng sau nhác... Chỉ liên hệ chừng đó thôi chúng ta mới thấy để kiếp sau mà có được lại cái thân người như bây giờ chúng ta đang có, thì quả thật không dễ dàng chút nào. Do vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để chúng ta sống tốt hơn, có ích hơn khi đang được làm người, đồng thời tận dụng cơ hội khi đang được làm người để tích tạo phước đức trí tuệ nhiều hơn nữa, nếu chưa tròn quả để làm Thánh, làm Phật, thì ít ra cũng được tái sinh làm người ở kiếp lai sinh.

Đức Phật dạy *thân người khó được*, không phải đức Phật muốn nói cái thân mà chúng ta đang có, mà ngài chú trọng đến cái thân sau này của chúng ta. Như chúng ta đã biết, tứ đại hoại diệt, khi chúng ta mất cái thân người này rồi thì tâm thức chúng ta sẽ theo nghiệp lực mà đi đâu thai hoặc tái sinh ở một cảnh giới nào đó tùy theo nghiệp lực của chúng ta chiêu cảm. Trong giây phút sắp chết, nếu lúc đó, nghiệp ác chúng ta nhiều và mạnh, thì chắc chắn chúng ta sẽ phải sa đọa vào ba đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), ngược lại, nếu lúc đó, nghiệp thiện của chúng ta nhiều và mạnh thì chúng ta sẽ được tái sinh vào cõi người, cõi trời. Trong kinh đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đã luân hồi trong vũ trụ

này vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nghĩa là số lần luân hồi của mỗi chúng sanh là không thể nào tính đếm biết được. Và người tu hành từ khi phát tâm bồ đề cho mãi đến khi thành Phật cũng trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp. Như vậy, chư Phật, chư đại Bồ tát đã trải qua vô lượng kiếp công phu công quả liên tục không gián đoạn cho nên mới thành tựu đạo quả, còn chúng sanh như chúng ta thì cũng đã trải qua vô lượng kiếp luân hồi trôi lăn trong tứ sanh lục đạo cho đến mãi tận ngày nay mới được cái thân làm người như chúng ta bây giờ. Theo như lời Phật dạy thì, để có được cái quả làm người như ngày nay, chúng ta đã phải trải qua muôn vàn khó khăn không thể tính đếm được trong vô lượng kiếp. Nhưng lợi dụng các thân đang có để tinh tấn tu hành thẳng tiến trên con đường giải thoát giác ngộ như chư Phật, chư Bồ Tát đã đi qua, thì càng không phải dễ. Nhận thức sâu sắc điều này, đòi hỏi mỗi người con Phật chúng ta sự quyết tâm và nỗ lực nhiều hơn nữa trong đời sống tu hành hằng ngày, chỉ có sự tinh tấn chuyên cần trì danh niệm Phật liên tục không gián đoạn, chúng ta mới có thể cầm trong tay tấm vé vượt bước vào thế giới Cực Lạc của đức từ phụ Di Đà.

Nhìn bằng con mắt trí tuệ, chúng ta sẽ thấy cái thân mà chúng ta đang sở hữu hiện nay vốn là kết quả của tập hợp vô số nghiệp từ quá khứ mà ra. Do nghiệp nơi mỗi người hồn tồn không giống nhau, nên trên hành tinh này, dù có đến hàng tỷ người, nhưng ở trên gương mặt cho đến tâm tư tính tình của hàng tỷ người này chẳng ai hồn tồn giống ai cả, hay nói một cách khác hơn, kết quả có được cái thân người này là do nghiệp quá khứ dẫn dắt sanh ra và kết quả của cái thân sau này như thế nào cũng sẽ do chính cái nghiệp hiện tại mà chúng ta đang gieo tạo.

Đức Phật dạy, nhân nào quả nấy, chúng sanh gieo nhân bất đồng nên quả báo cũng trở nên sai biệt, về điều này, nếu chúng ta nhìn vào gia đình mình thì chúng ta sẽ thấy, tuy cùng cha mẹ sinh ra, nhưng cả thầy mấy anh chị em trong nhà chẳng ai hồn tồn giống ai cả, người thì hiền lành hay nhẫn nhịn, người thì cáu gắt hay nóng giận, người thì thông thống rộng rãi, người thì tẩn tiện, người thì thông minh, người thì khù khờ chậm lụt, sở dĩ có hiện tượng như vậy là do nghiệp quá khứ còn lưu lại nơi mỗi chúng ta có nhiều khác biệt với nhau. Cũng từ nghiệp quá khứ lưu lại, mà có những người trước đây đã giỏi về cầm kỳ thi họa, nay trở lại làm người, nếu gặp

duyên với môi trường này thì họ liền thuần thục; nếu trước đây đã giỏi văn chương, nay trở lại làm người, chắc chắn cũng sẽ trở thành một nhà văn thực thụ. Trên thế giới ngày nay, thỉnh thoảng chúng ta có nghe nói đến một thần đồng toán học hay thần đồng âm nhạc nào đó. Tất cả những thần đồng đều rất trẻ, thường chỉ độ năm, sáu tuổi; có người không qua trường lớp học hành mà tự biết, cũng có người chỉ lướt qua, học một liền biết mười, thử hỏi nếu nào bộ ở con người ai ai cũng giống như nhau làm gì có chuyện thông minh phi thường này. Sở dĩ có điều này là ở những con người đặc biệt này, đời trước của họ đã tích lũy sâu dày số vốn toán học hay âm nhạc nói trên, thì nay, vừa ra đời họ liền trở thành thần đồng giới giang như thế. Đó cũng là một minh chứng xác thực cho việc nay chúng ta được mang thân người này không phải chỉ có một đời mà trải qua vô lượng vô số kiếp trong luân hồi sinh tử này rồi. Trong kinh Bốn Sanh, ghi lại, trong quãng thời gian đức Phật Thích Ca nhập định dưới cội cây bồ đề, vào đêm thứ 49, từ canh một đến canh hai, ngài chứng được Túc Mạng Minh, liền đó, nhớ rõ vô số kiếp quá khứ của mình như việc vừa mới xảy ra, cũng từ cái nhìn thấu suốt ba cõi, không ngăn ngại bởi thời

gian, mà đức Phật đã dạy rằng, chúng sanh như chúng ta đã trải qua luân hồi sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay, chính do vậy mà trong mỗi chúng ta đã tích lũy mầm mống thiện ác vô lượng vô biên từ quá khứ và cho mãi đến nay chủng tử nghiệp chướng đó vẫn không hề mất đi đâu cả. Nay tất cả chúng ta đang có được cái thân người này, dĩ nhiên là trong chúng ta, mỗi người huân tập nghiệp khác nhau, từ đó dẫn đến tâm tính, nguyện vọng, khả năng cũng hòng tồn khác nhau. Cứ theo lý mà suy, thì sau khi cái tấm thân tứ đại này hư hoại, tan rã, thì tâm thức chúng ta phải theo nghiệp lực hiện hành dẫn dắt để tiếp tục đi thọ nhận lại cái thân sau. Cái gọi là “cái thân sau” của chúng ta, có thể là “người”, là “trời” hay cũng có thể là chúng sanh trong ba đường khổ nạn như “địa ngục”, “ngũ quỷ”, “súc sanh”... tất cả đều tùy thuộc vào tập nghiệp hiện tại của chúng ta, cũng do vậy mà vòng luân hồi của chúng ta sẽ không theo thứ tự, hay cố định mà tùy thuộc vào nghiệp duyên chúng ta gieo và nghiệp lực chúng ta tạo ra trong đời sống hằng ngày.

Trong chương này, chúng tôi ngõ ý chia sẻ đôi chút hiểu biết thô thiển với hàng Phật tử sơ cơ trên bước đường học Phật, mà nói đến nền

tầng của bước đầu học Phật thì chúng ta cần phải nhận rõ tầm quan trọng của cái nhân làm người, nhất là trong hồn cảnh hiện nay, chúng ta rất may mắn được làm người, được nghe pháp, biết tư duy và tu hành theo Phật pháp.

Trước khi nói đến việc tu hành theo pháp môn niệm Phật để được vãng sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, tức sẽ trở thành một vị Phật tương lai, thiết nghĩ chúng ta nên bàn kỹ hơn và rõ hơn về cái nhân làm người trong đời sống hằng ngày của chúng ta đã. Bởi theo suy nghĩ của chúng tôi, nếu chúng ta làm người còn chưa xong, thì làm sao có thể trở thành Phật, thành Bồ tát, nếu không muốn nói rằng chúng rất giàu hoang tưởng!

Hôm nay chúng ta đang làm người, nhưng chúng ta có dám chắc rằng kiếp sau chúng ta sẽ tiếp tục trở lại làm người nữa hay không? Muốn bảo đảm kiếp vị lai chúng ta vẫn tiếp tục làm người, để tiếp tục được tu học Phật pháp thì chúng ta phải gieo trồng nhân gì? Hằng ngày chúng ta phải sống ra sao? Như quý Phật tử đã biết, đức Phật đã dạy, nếu muốn đời sau được trở lại làm người thì đời này phải chú trọng giữ gìn năm giới cấm. Năm giới cấm đó là: Không sát hại sanh mạng con người và các loài động vật;

không trộm cắp tài sản; không tà dâm; không nói dối, nói lời thù ghét, nói lời hiểm ác hại người; không uống rượu và sử dụng các chất gây nghiện. Lý giải chi tiết về lợi ích và ý nghĩa vô cùng quan trọng của năm giới cấm này, chúng tôi đã nêu rất rõ trong cuốn “Nhất tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh”, hơn nữa, điều này, quý Phật tử sau khi quy y Tam Bảo cũng đã được quý Thầy giảng giải tận tường, nên trong cuốn sách này chúng tôi xét thấy không cần thiết bàn thêm nữa.

Đức Phật dạy chúng ta giữ gìn đầy đủ năm giới cấm là muốn chúng ta sống tốt hơn, sống có ích hơn trong cuộc đời này, đồng thời bảo đảm chắc chắn cho chúng ta được trở lại làm người trong tương lai. Người nào giữ gìn trọn vẹn năm giới cấm thì tư cách, nhân phẩm sẽ vượt trội trong đời sống nhân loại. Nếu đời này đủ tư cách làm người thì đời sau chắc chắn sẽ được làm người. Đời này nếu tin sâu Phật pháp, tinh tấn niệm Phật chắc chắn đời sau sẽ là công dân ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, đạo quả trong tương lai là điều có thể.

Đó là luật nhân quả công bằng, tuy nhiên, quý Phật tử tự xét lại mình, từ ngày biết Phật pháp và quy y Tam Bảo đến nay, quý vị đã giữ

tròn năm giới chưa? Nếu chưa giữ tròn năm giới, thì quý vị cũng khó có thể tự tin mình là người tốt và tất nhiên khả năng trở lại làm người cũng khó có thể bảo đảm được. Vâng theo lời Phật dạy, chúng ta luôn tự khắc kỷ lòng mình giữ gìn năm giới cấm, tức là chúng ta đã gieo cái nhân hướng thượng ngay trong đời sống này rồi và đó là cái nhân chắc thật để được làm người trong kiếp tương lai. Năm giới cấm tuy là đơn giản, nhưng thật ra rất khó giữ, nếu không có quyết tâm cao sửa tâm chính ý từng giờ từng khắc thì chúng ta rất dễ mắc phạm... Năm giới cấm là nền tảng của bước đầu học Phật, là thước đo phẩm hạnh và nhân cách của một Phật tử, là nấc thang đầu tiên để chúng ta tiếp bước đến những chân trời cao xa hơn trong ngôi nhà Phật pháp. Do vậy, là người Phật tử, chúng ta không có lý do gì mà hủy phạm giới cấm mà chư Phật đã khuyên dạy.

Chúng ta đã biết, năm giới cấm là cái nhân để được làm người, nếu nghiêm túc kiểm điểm lại mình, xem bản thân mình đã giữ tròn năm giới hay chưa? Nếu chúng ta chưa giữ tròn thì làm sao trong kiếp lai sinh có thể trở lại làm người được? Trên thế giới chúng ta đang sống, thử hỏi có mấy người giữ tròn năm giới? Đã

không giữ tròn được năm giới, một khi đánh mất cái thân người này rồi, tất nhiên phải rơi vào chỗ tối tăm sa đọa nhiều hơn là được trở lại làm người. Chính vì vậy mà đức Phật đã từ bi nhắc nhở chúng ta “nhân thân nan đắc”.

Đời sống vô thường, kiếp người ngắn ngủi, mạng sống mong manh, khi đã ý thức điều này, chúng ta không nên bất cẩn, buông lung qua ngày tháng, mà phải biết quý trọng thời gian, tranh thủ lúc còn minh mẫn khỏe mạnh, thúc liễm thân tâm, tinh tấn chuyên cần trì danh niệm Phật để mai hậu cùng sum họp với chư vị thượng nhơn trong ngôi nhà Tây Phương Cực Lạc. Thân người khó được, Phật pháp khó gặp, con đường phía trước vẫn còn lắm chông chênh, gai góc, nhận thức sâu sắc điều này, chúng ta nên kịp thời hạn chế thú vui ngũ dục để giữ gìn sức khỏe dài lâu, tận dụng tối đa những cơ hội và may mắn khi đang được làm người, để gieo trồng tăng trưởng thiện căn, phát tâm bồ đề, nỗ lực công phu, tư lợi lợi tha, dựng xây ngôi nhà Tịnh Độ thêm lung linh ánh đạo vàng giải thoát.

Bên mê bờ giác chỉ tại lòng ta, tiếng lòng thì vô hạn mà ngôn ngữ tới lui cũng chừng nầy chuyện, điều quan trọng là nhận thức ở nơi mỗi người con Phật chúng ta. Rất mong quý Phật tử

suy ngẫm thật kỹ những điều mà chúng tôi đã chia sẻ, để qua đó có thể rút ra điều gì thật sự bổ ích cho quá trình tu học của mình...

CHƯƠNG 2



PHẬT PHÁP KHÓ GẶP

Trong đời sống tu học hằng ngày, chúng ta thường nghe chư tôn đức dạy rằng: “Thân người khó được – Phật pháp khó gặp”, nhằm nhắc nhở chúng ta phải biết quý trọng cái thân, vì đó là phương tiện để chúng ta tu các thiện nghiệp, tích tạo phước đức cho mai sau, khi chúng ta có được thân người thì phải sống sao cho xứng đáng là một con người hữu ích, quan trọng hơn, chư vị tôn đức nhắc nhở chúng ta không nên sống hời hợt hay buông lung qua ngày tháng mà phải tinh tấn niệm Phật để sớm thoát khỏi luân hồi sanh tử, vì không phải ai cũng có nhân duyên may mắn như chúng ta và Phật pháp không phải ai cũng có thể dễ dàng lãnh hội.

Đức Phật dạy: “Nhân thân nan đắc – Phật pháp nan văn” ý nghĩa là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nói rằng Phật pháp khó nghe, chúng ta nên hiểu theo nghĩa sâu của nó là khó lãnh hội. Điều này có nghĩa, dù cho chúng ta có nghe thuyết pháp, có xem băng đĩa giảng

pháp mà không lãnh hội được diệu nghĩa của kinh văn thì cũng xem như chúng ta không gặp được chánh pháp. Đây là chúng ta nói đến những trường hợp Phật tử đã có nhân duyên với Tam Bảo nhưng chưa lãnh hội yếu chỉ của Phật Pháp, vì không lãnh hội được yếu chỉ Phật pháp nên không sáng tỏ đường đi lối về, việc tu học theo Phật pháp sẽ trở nên khó khăn nan giải.

Còn đối với những người chưa có duyên với Tam Bảo, thì Phật pháp đối với họ càng trở nên xa lạ, dù cho họ có gần chùa, có thấy Phật, thì cũng không dễ dàng gì mà có nhân duyên với Phật pháp, chứ nói gì đến việc lãnh hội yếu chỉ của Phật pháp. Thời Phật còn tại thế, có một bà lão, nhà ở gần tịnh xá Kỳ Hồn, bà lão cũng thường đi ngang qua tịnh xá Kỳ Hồn và thỉnh thoảng cũng trông thấy đức Phật trên đường lúc ngài khát thực, nhưng bà lão này lại không hề hay biết rằng mình cực kỳ may mắn là đã được sinh ra cùng thời với đức Phật, đã được trông thấy Phật, nhưng bất hạnh thay cho bà lão là bà không có nhân duyên với Phật pháp. Trường hợp của bà lão này thật là đáng tiếc, chúng ta có thể gọi trường hợp này là Phật pháp khó gặp... Một câu chuyện nữa, thời Phật tại thế, cư sĩ Cấp Cô Độc cúng dường đất để xây dựng tịnh xá để đức

Phật và chư Tăng có chỗ an cư trong những tháng khí hậu ẩm ướt không tiện cho việc đi khất thực. Trong khi xây dựng tịnh xá, cư sĩ Cấp Cô Độc trông thấy một tổ kiến quá đông bèn hỏi ngài Xá Lợi Phất, vì sao kiến xuất hiện ở nơi đây nhiều quá vậy? Ngài Xá Lợi Phất dạy rằng, những con kiến này gieo ác nghiệp rất nặng, vô minh nghiệp chướng sâu dày, từ thời chư Phật quá khứ đến thời Phật Ca Diếp và cho mãi đến nay, trải qua vô lượng vô số kiếp luân hồi đàn kiến này vẫn còn chịu quả báo làm loài kiến... Qua mẩu chuyện này, chúng ta thấy rằng, đàn kiến này qua nhiều thời đức Phật xuất hiện trên thế gian, đàn kiến đã sinh ra và cùng thời với các đấng đại giác, lại sinh sống ngay trên mảnh đất được gọi là Thánh địa, nơi đức Phật và chư vị Thánh Tăng cư ngụ, vậy mà nó vẫn mãi làm loài kiến, mãi mang cái thân xác của loài kiến. Đây quả là *Thân người khó được – Phật pháp khó gặp*.

Trên đời sống thế gian, trong thời đại chúng ta đang sống, dù Phật đã nhập diệt cách đây trên 2500 năm, dù chúng ta đang sống trong thời mạt pháp, nhưng chúng ta vẫn còn có duyên may là gặp được chư Tăng, được nghe Phật pháp, trong số chúng ta cũng có không ít người

lãnh hội yếu chỉ của Phật Pháp, ngày đêm chuyên cần trì danh niệm Phật. Tuy nhiên bên cạnh chúng ta cũng không ít người bất hạnh như bà lão thuở còn Phật tại thế, bởi họ cũng trông thấy chùa, cũng từng gặp chư Tăng, thậm chí có người vào nhà sách, trông thấy rất nhiều tựa sách Phật giáo rất giá trị khai mở đời sống tâm linh cho nhân loại, nhưng họ rất thờ ơ, vì không phải nhu cầu tìm đọc của họ. Chúng tôi cho rằng, đây là bất hạnh lớn nhất của đời người mà họ phải gánh chịu, dù rằng họ sống trong giàu sang, ăn ngon mặc đẹp, quyền cao chức trọng. Vì sao vậy? Vì những quả phước mỏng manh kia thọ hưởng riết rồi cũng có ngày vơi cạn, nếu chỉ biết thọ hưởng quả phước suông mà không lo gieo trồng nhân giải thoát, giác ngộ thì làm sao ra khỏi luân hồi sanh tử và họa phước đôi đường, mà đã như vậy thì vẫn cứ phải loanh quanh lẩn quẩn trong tứ sanh lục đạo, làm người đã là khó, sanh ra đời gặp Phật pháp lại khó hơn, thế nhưng đã được làm người rồi mà lại mãi vô minh ám chướng như vậy thật không đáng tiếc sao? Trên thế gian này con người đa phần xoay vần trong thiện ác, gieo ác thì thọ khổ, khổ sở bức ngặt quá thì phải chịu đọa lạc. Đối với người có mầm thiện phát khởi, ở trong cảnh khổ nạn hồi tâm

làm lành tích phước, gieo phước thì hưởng phước, hưởng phước mà không tiếp tục gieo trồng căn lành, khi hết phước rồi cũng đọa lạc như xưa. Cứ thế, xuống lên luân hồi trong các cõi chẳng có ngày ra. Cũng chính vì thiếu thiện căn trí tuệ mà Phật pháp đối với những người này trở nên xa lạ. Kinh Pháp Cú ghi rõ: “Được sanh làm người là khó. Được sống càng khó hơn. Được nghe chánh pháp là khó. Được gặp Phật ra đời càng khó hơn”. Theo như lời đức Phật dạy thì chúng ta là những người rất may mắn trong cõi đời này, vì cùng một lúc sở hữu rất nhiều điều mà ngay cả đức Bổn Sư cũng cho là khó rất có thể đạt được. Nếu so với đàn kiến trong mẩu chuyện nêu trên và so với bà lão sinh cùng thời với đức Phật thì chúng ta mới thấy được sự may mắn lớn lao đó, bởi dù không gặp Phật ra đời, nhưng ít nhiều chúng ta cũng đã tin sâu Tam Bảo, cũng đã lãnh hội phần nào yếu chỉ Phật pháp, tin nhận và vâng làm theo lời dạy của đức Phật, mà cụ thể là hằng giờ hằng ngày lúc nào chúng ta cũng chuyên cần niệm Phật. Từ ngày biết Phật pháp đến nay, chúng ta thường đến chùa lễ Phật, cúng dường, sám hối, niềm tin tăng trưởng, dần dần chúng ta phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, mãi đến nay,

dầu thời gian chưa phải là nhiều, nhưng chúng ta cũng đã là một Phật tử thuần thành, niềm tin vào Phật pháp không gì có thể lay chuyển nổi, có được sự may mắn lớn lao này rồi, đôi khi chúng ta suy nghĩ vẫn vơ, Phật pháp đâu có gì là khó lãnh hội như nhiều người thường nói, nhưng chúng ta nào biết được, có được đại may mắn này là do chúng ta đã gieo trồng nhân duyên với Phật pháp từ nhiều đời nhiều kiếp, nên chúng ta mới có được thiện căn như ngày hôm nay, vì duyên lành phát khởi, thiện căn thuần thực, nên chúng ta cho rằng lãnh hội yếu chỉ Phật pháp là không khó. Thế nhưng, ngoảnh nhìn lại những người kém may mắn hơn ở xung quanh chúng ta, đa số họ cũng đã từng đến chùa, cũng thường gặp chư Tăng, trong thời đại bùng nổ thông tin như ngày nay thì việc thuyết giảng Phật pháp thông qua các phương tiện kinh sách, băng đĩa, internet rất phổ biến và cùng khắp trên thế giới, thế nhưng không phải ai cũng có duyên phúc dễ dàng thọ nhận những lời giáo dục thiết thực bổ ích của chư Phật chư Tổ như chúng ta, bởi vì những người này, nhiều đời nhiều kiếp họ chưa từng gieo trồng căn lành với Phật pháp, đã không có duyên với Phật pháp thì làm sao có thể khai ngộ mở trí, nhận ra con đường giải thoát giác ngộ

mà nhân loại bắt buộc phải đi đến, nếu mong muốn tương lai thoát khỏi khổ đau luân hồi sanh tử. Đối với những người này, đức Phật dạy “Phật pháp khó gặp” quả là xác đáng. Vì không có duyên với Phật pháp nên không thể nào hiểu nổi chân giá trị của đạo giải thoát, vì trong tâm thức, chúng tử Phật pháp chưa được gieo trồng, nên không thể nào đồng thuận với tư tưởng Phật giáo và như vậy trong tư tưởng, tâm thức của người đời khó có thể tương giao với tinh thần thiêng liêng siêu mầu của đạo giải thoát.

Nhìn ra thế giới chúng ta sẽ thấy, sinh ra đời được gặp Phật pháp quả là rất khó, vì trên thực tế đời sống xung quanh chúng ta, rất nhiều người cả đời cũng không hề biết đến hai chữ Phật pháp, thậm chí có người còn xem thường phỉ báng khi nghe chư Tăng giảng kinh thuyết pháp, hoặc có người cũng chịu khó, tìm tòi tham cứu kinh sách Phật giáo nhưng lại không lãnh hội được điều gì... Chúng tôi nhận thấy rất có nhiều dạng người kém may mắn trong cuộc sống như vậy đang hiện hữu xung quanh chúng ta, chung quy cũng chỉ vì vô minh phiền não nghiệp chướng sâu dày, đã vậy lại còn cố chấp bảo thủ, nên đành phải chịu làm nô lệ cho bản năng tham dục cố hữu của con người.

Phật pháp rất thực tế, vì Phật pháp chỉ thẳng ra căn bệnh vô minh phiền não của chúng sanh, chỉ ra con đường đi đến sự bình an của tâm hồn, chỉ ra chân trời hòa bình thịnh vượng, hạnh phúc dài lâu cho nhân loại... nhưng vì sao người đời đa phần vẫn không lãnh hội được? Chúng tôi thiết nghĩ, bởi vì Phật pháp luôn chỉ ra lẽ thật trong đời sống con người, ngặt rằng trong tâm thức chúng ta thì tràn đầy ảo tưởng, hơn nữa, lại luôn xu hướng theo thất tình lục dục và bảo thủ cố chấp nên không thể nào tiếp nhận chân lý sự thật của đạo Phật.

Một sự thật rất gần gũi trong đời sống con người mà đức Phật đã chỉ ra, đó là ngài nói “thân bất tịnh”, nói trắng ra thì cái thân người của tất cả chúng ta đây đều là bất tịnh, đều rất nhơ nhớp hôi thúi. Sự thật này quả là phũ phàng cho những ai luôn nâng niu trau chuốt, làm đẹp làm dáng cho bản thân từng giờ từng phút. Sự thật vẫn là sự thật, không ai có thể thay đổi sự thật được, bởi cái thân của chúng ta, thật ra cũng chỉ là cái đây da, bên trong chứa tồn đờm dãi máu mủ tanh hôi, não óc tủy xương hồn tồn hôi thúi bất tịnh. Thế nhưng trong số chúng ta khi nghe ai đó chê bai sao anh chị hôi hám dơ bẩn quá vậy, tức thì chúng ta phùng mang trợn mắt nổi trận lôi đình

lên ngay. Thật ra khi đã suy nghĩ nhìn nhận kỹ càng, chúng ta đều thâm nhận ra cái thân xác con người của chúng ta quả là bất tịnh đúng như Phật nói. Bởi vì khi chúng ta đang sống, chúng ta còn tắm rửa trau chuốt bằng các loại mỹ phẩm, thoạt trông thì cũng dễ nhìn, nhưng nếu như chúng ta không tắm rửa chùng vài ba ngày, chắc chắn sẽ không ai dám đến gần chúng ta cả, còn như khi hòn lia khỏi xác, thân thức phiêu bồng, thì cái xác không hồn từng phút từng giây đang bị hoại rửa sinh thối bốc mùi lên thì đó ai mà dám lại gần, cũng chẳng có ai dám nâng niu ve vãn nữa...

Đức Phật dạy thân người là cái dẫy da hôi thúi bất tịnh, nếu chúng ta chịu khó ngẫm nghĩ lời Phật dạy thì điều này quả là xác thực, dù chúng ta tin lời Phật dạy là chân lý, thế nhưng tâm ý của chúng ta lại thấy diện mạo hình sắc cái con người của chúng ta nó đáng yêu đáng quý làm sao, nó đẹp nó hấp dẫn làm sao, đây quả là mâu thuẫn trong ý nghĩ và nhìn nhận của chúng ta. Vì sao sinh ra nghịch lý này? Chúng tôi thiết nghĩ đó là do tâm chấp ngã trong mỗi chúng ta quá sâu nặng, để rồi chúng ta phải sống trong ảo tưởng. Vì sống trong ảo tưởng nên chúng ta thường tưởng mình thơm tho sạch sẽ, tưởng

mình trắng trẻo xinh đẹp đáng yêu, từ ảo tưởng này chúng ta luôn bảo thủ trau chuốt cái thân hôi thối bất tịnh của chúng ta, để thỏa chí và nô lệ cho thú vui ngũ dục, thay vì chúng ta biết quý trọng giữ gìn nó để tu tập các pháp lành, lấy nó làm phương tiện để tiến tu trên con đường giải thoát giác ngộ.

Lịch sử Phật giáo ghi chép lại rằng, khi đức Phật sắp thành đạo, ma vương liền biến hóa ra những thiếu nữ đẹp tuyệt trần, vô cùng hấp dẫn, đến quyến rũ ngài quay trở lại đời sống thế gian. Khi đó đức Phật liền quở những ma nữ này: “Những đay da hôi thúi kia hãy đi đi”. Ma vương biết rằng đức Phật đã nhận ra chân tướng của chúng, thấy không lôi kéo được ngài, ma vương bèn xấu hổ bỏ đi. Đức Phật thành đạo quả Bồ đề trước muôn vàn khó khăn thử thách, đối với người không đủ trí tuệ, ý chí và định lực khi gặp những thử thách này khó có thể vượt qua, bởi đức Phật đã nhìn rõ tận cùng chân tướng mọi hiện tượng trong đời sống con người. Đức Phật là bậc Đại Giác đã tường tận thấu đáo muôn duyên, ngài nhìn thấy rõ lẽ thật trong đời sống và nói ra những lẽ thật đó, nhưng ngại nỗi sự thật ấy luôn trái với tâm ham muốn và mơ ước hạn hẹp của con người, nên những sự thật mà đức Phật

nói ra rất khó nghe, nếu không có nhân duyên sâu dày với Phật pháp thì có lẽ không ai muốn nghe cả. Ở đời ai cũng muốn mình được khen, được tôn vinh, được tán thán, tuy nhiên những cái mà con người muốn mình được khen tặng tôn vinh tán thán đó, đức Phật đều cho rằng, hết thảy đều giả huyễn, đều bất tịnh, đều là nguồn gốc của khổ đau và tội lỗi.

Trên thực tế, vì con người sống trong ảo tưởng quá nhiều, lấy nguy làm chơn, lấy hư làm thật, nên đức Phật mới miến cưỡng nói ra lẽ thật, chỉ thẳng ra cái lẽ thật đó để chúng ta đừng lầm lẫn nữa. Trong đời sống tu hành, nếu Phật tử nào nghe theo lời Phật dạy, thấy mọi sự mọi việc đúng với lẽ thật, thì chắc chắn sẽ giảm bớt cái tâm cống cao ngã mạn, nếu không nhận ra lẽ thật và sống ngược lại với lẽ thật mà đức Phật đã dạy thì cái tâm tự cao tự đại cố hữu nơi mỗi con người chắc chắn sẽ khó có loại thần dược nào hóa giải nổi.

Do sống trong ảo tưởng cộng với cái tâm cống cao ngã mạn, đây chính là nguyên nhân con người không thể tiếp cận được với Phật pháp, đây cũng là động cơ khiến con người ngày càng xa rời ánh sáng giác ngộ, dẫu rằng trên thế gian này, ánh sáng giác ngộ vẫn hằng chiếu soi đến

tận ngõ ngách những nơi khổ đau cùng cực nhất

...

Chúng ta thường biết đời sống vô thường, kiếp người ngắn ngủi, mạng sống mong manh. Đây chính là lẽ thật, lẽ thật này ai cũng nhận thấy, nhưng không ai muốn nghe nhắc đến điều này, cũng chẳng muốn để tâm đến, vì sao vậy, vì con người thường mơ ước được sống lâu trăm tuổi, mong muốn đời sống càng dài lâu càng tốt để đem lại nhiều thọ hưởng và cảm giác khoái lạc. Tuy nhiên những mơ ước của con người luôn bất toại trước lẽ thật ngàn đời. Trong đời sống thường ngày, nhất là vào dịp lễ Tết, chúng ta thường được nghe những người lớn tuổi chúc nhau *bách niên giai lão*, nhưng mấy ai sống được trăm tuổi, mơ ước của con người là như vậy nhưng lẽ thật trên dòng chảy cuộc đời thì không như vậy. Đối với người con Phật như chúng ta, khi đã hiểu Phật pháp rồi, chúng ta không nên chúc nhau sống đời, đầu bạc răng long, hay bách niên giai lão, mà phải chúc nhau *trong đời sống vô thường, kiếp người ngắn ngủi, mạng sống mong manh, hãy tinh tấn niệm Phật để ngày mai thanh thân lên đường*. Chúc như vậy thì mới đúng là người hiểu đạo.

Chúc Tết mà chúc như vậy quả là khó nghe, tuy nhiên chúng tôi cho rằng, người nhận được lời chúc này vẫn còn phước hơn những người khác nhiều là phải nhận những lời đối đãi tồn là sáo ngữ, vừa không thực tế, vừa làm người nghe dễ sa đà trong ảo tưởng, lại thêm chủ quan lơ là cảnh giác trước quỷ vô thường.

Ở Nhật Bản, có một Thiền sư chúc Tết các Phật tử đến thăm chùa nhân ngày đầu năm như sau: *Tôi chúc cho gia đình các anh chị, ông nội chết, bà nội chết, cha chết, mẹ chết, con chết, cháu chết...* Những người được Thiền sư chúc mừng năm mới như vậy thấy đều bị sốc. Đầu năm mới đến chùa hái lộc, dâng hương lễ Phật, cúng dường Tam Bảo, không hiểu sao lại bị ông Hòa thượng già này lôi họ hàng gia quyến ra trừ ẻo. Nhiều người bất mãn quày quả ra về, còn những người có hiểu biết Phật pháp chút ít nán lại hỏi vị Thiền sư này cho ra lẽ, vì có gì đầu năm mới mà sư phụ chúc mừng cái kiểu gì lạ đời như vậy. Thiền sư ôn tồn giải thích: - *Nếu gia đình anh chị mà được như tôi chúc thì hạnh phúc còn gì bằng. Anh chị thử nghĩ, nếu ở nhà, ông nội bà nội vẫn còn sống mà các cháu nhỏ lặn ra chết thì còn bất hạnh nào sánh nổi. Tôi chúc theo thứ tự, ông nội chết trước, đến bà nội, đến*

cha, đến mẹ, rồi lần lượt mới đến con, cháu, cháu... Nếu gia đình anh chị mà chết đúng như tôi chúc thì quá tốt rồi còn đòi hỏi gì nữa. Hạnh phúc như vậy tại sao không chịu nhận.

Qua câu chuyện dí dỏm này, chúng ta thấy rằng, con người vốn mang căn bệnh trầm kha là trốn tránh sự thật. Nghe nói đến sanh thì hoan hỷ, nhưng nghe đến chết thì âu lo phiền muộn sợ hãi, nhất là ngay trong ngày đầu năm mới, người đời rất kiêng cử nói đến chuyện chết chóc, lỡ nghe nói đến thì chướng tai khó chịu vô cùng, hầu hết đều không chấp nhận, cho là xui xẻo, nhưng có ai ngờ rằng, sanh tử không hẹn ngày giờ, nó không chọn ngày thường hay tránh ngày lễ Tết. Đây là sự thật trong đời sống vô thường, vì cứ mỗi ngày trôi qua, không kể là ngày nào, nhân loại phải xót xa tiễn biệt trên 150 ngàn đồng loại ra đi, biết đâu trong những ngày lễ Tết, do uống rượu bia nhiều, chạy xe bất cẩn, hoặc ăn uống quá độ sanh nhiều tật bệnh, hoặc buồng lung phóng dật không lo tu tập, nên số người lên đường sang bên kia thế giới còn nhiều hơn những ngày thường nữa là khác. Điều này quả là đáng suy ngẫm đối với hàng Phật tử tại gia khi mỗi độ xuân về.

Thật ra chúng ta đã sống trong ảo tưởng quá nhiều, mơ ước ngời sự thật quá nhiều, nên khi nghe lời nói thẳng, nói thật, lời đúng với sự thật thì đa phần chúng ta không chịu được, nếu vì lý do nào đó mà phải bị nghe thì dễ sanh tâm sầu lo phiền não. Đức Phật chẳng những ngài dạy đời sống là vô thường, kiếp người ngắn ngủi, mà ngài còn chỉ rõ mạng sống của tất cả chúng ta chỉ trong hơi thở. Nếu thở ra mà không hít được dưỡng khí vào buồng phổi thì coi như mạng con người của chúng ta đi đứt. Lời dạy của đức Phật là lẽ thật nhưng lẽ thật này rất khó nghe, cho nên nói rằng *Phật pháp nan văn* nghĩa là như vậy.

Chúng tôi thiết nghĩ khi chúng ta nghe qua một bài giảng, được cầm trên tay một cuốn sách giáo lý của đạo Phật, dù chúng ta không hiểu gì nhiều, thì như vậy là chúng ta cũng đã có duyên gặp được Phật pháp rồi, gặp được Phật pháp trong đời sống nhiều bất an biến động và quá vô thường này, chúng ta nên ráng nghe, nghe mà ngẫm nghĩ những lời *trung ngôn nghịch nhĩ* đó, khi đã thâm nhập Phật pháp, chúng ta sẽ cảm nhận cuộc đời vẫn còn ý nghĩa và ở đáy sâu tâm hồn ta cũng sẽ lâng lâng một cảm giác thâm trầm thích thú, khi đó chúng ta sẽ dùng cái lẽ

thật của Phật pháp để phá tan cái tâm ảo tưởng hão huyền nơi mỗi chúng ta, để từ đây chúng ta sẽ không còn lầm lẫn chấp nhân chấp ngã nữa. Thiết nghĩ, khi đã biết đúng như thật về bản thân mình, biết đúng như thật về mạng sống con người, chúng ta sẽ không còn bị ảo giác hoang tưởng làm mờ tối tâm trí. Chúng tôi cho rằng, khi sáng suốt nhận biết lẽ thật của bản thân và tất cả hiện tượng trên thế gian này, thì việc học Phật tu nhân cũng như con đường tiến hóa tâm linh của chúng ta sẽ trở nên dễ dàng thuận lợi hơn.

Đức Phật dạy thân người khó được, nay chúng ta đã được làm người rồi, vậy thì chúng ta sẽ phải làm gì để ứng hợp với lẽ thật trên tinh thần Phật pháp? Tất nhiên chúng ta phải biết trân quý nó, trân quý cái thân này không có nghĩa là chúng ta phải nâng niu trau chuốt, dùng thuốc trường sanh hay thuốc quý tẩm bổ, mà chúng ta cần phải giữ gìn nó một cách trang nghiêm thanh tịnh, để làm được điều này, trước tiên, chúng ta không nên lao vào các cuộc vui trác táng vô bổ hay nghiện ngập hư hao rất tổn hại cho bản thân. Như lời đức Phật dạy, có được thân người là điều rất khó, nay chúng ta đã làm người, may mắn hơn chúng ta còn là Phật tử, do vậy chúng ta cần phải sử dụng cái thân người này sao cho

thật hữu ích đối với bản thân và đối với mọi người xung quanh ta. Chư tôn đức dạy rằng “Được làm người đã khó, trở lại làm người càng khó hơn”, chúng tôi nghĩ rằng, những lời dạy từ bi thông thiết này sẽ thật sự bổ ích cho những ai để tâm đến tương lai của bản thân mình. Khi được thân người rồi chẳng lẽ chúng ta cứ thả nổi để mặc trôi qua một kiếp người, chẳng lẽ chúng ta chỉ lo ăn lo nghỉ, lo mặc ấm nệm êm, hết một đời lăn đùng ra chết, đến lúc này phía trước mặt mờ chẳng biết về đâu, nếu sống như vậy quả là uổng phí và thật là đáng tiếc cho một kiếp người... Nhận ra lẽ thật này, rất mong quý Phật tử phải sống làm sao cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp có ý nghĩa hơn, có lợi ích hơn để làm tấm gương sáng cho quần chúng chưa phải là Phật tử, thông qua đó họ sẽ phát tâm hướng về Phật pháp.

Khi đã hiểu Phật pháp rồi chúng ta có cả trăm ngàn phương cách để làm lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Nếu có điều kiện vật chất chúng ta sẽ có nhiều cơ hội để sẻ chia với đời sống xung quanh, nhưng nếu không đủ điều kiện kinh tế vật chất thì chúng ta vẫn có thể đem ánh sáng Phật pháp đến từng hang cùng ngõ hẻm chỉ bằng cái tâm vị tha trong sáng chân thành

của mỗi chúng ta. Do vậy, việc làm lợi ích cho bản thân và xã hội không nhất thiết là chúng ta phải làm giàu hay phải có thật nhiều tiền của. Sự giàu sang và nghèo khó nơi mỗi con người đều không ra ngoài nhân quả ba đời (quá khứ – hiện tại – vị lai). Thật ra để làm lợi ích cho mình và cho người, chúng ta chỉ cần đến cái tâm từ hòa, vị tha nhân ái là đủ để cảm thông chia sẻ tinh thần Phật pháp đến mỗi phận người trong cuộc sống xung quanh chúng ta. Nếu chúng ta có cái tâm lúc nào cũng mong muốn mang lại sự bình yên tốt đẹp cho mình cho người thì ở trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng có thể làm được. Chẳng hạn khi lên xe buýt, chúng ta sẵn sàng nhường chỗ cho những người lớn tuổi hay giúp đỡ những người khuyết tật, phụ nữ có thai; khi thấy ai đó vứt rác bừa bãi trên vỉa hè đường phố, chúng ta lượm rác bỏ vào thùng rác công cộng, những việc làm tốt đẹp như vậy đâu cần phải có tiền thì chúng ta vẫn có thể thực hiện được, vẫn có khả năng tích tạo phước đức trong đời sống hằng ngày hoặc khi gặp một bà lão qua đường, chúng ta sẵn sàng giúp người giữa chôn xe cộ dập dìu, tất cả việc làm này đều là việc thiện lành, phước đức... Chúng ta hãy làm tất cả những điều tốt lành bằng cái tâm vị tha trong sáng không cần

mọi người biết đến, không cần sự tôn vinh khen tặng chúng ta vẫn cứ làm, mỗi ngày trôi qua với những việc làm ý nghĩa này tức là chúng ta đã làm đẹp cho bản thân, làm đẹp cho xã hội. Thực hiện được như vậy, tức là chúng ta đã khéo sử dụng cái thân khó được này rồi, điều này cũng có nghĩa chúng ta đã khéo tu Phật pháp ngay trong những việc nhỏ nhất ở thế gian. Sử dụng tấm thân giả huyễn để hành sự lợi tha, đem lại điều tốt đẹp cho nhân sinh xã hội là việc nên làm của người con Phật.

Đã là Phật tử, chúng ta phải luôn cẩn trọng với thân khẩu ý của bản thân, nhất nhất phải vì lợi ích của mọi người mà tư duy, phát ngôn và hành động. Miệng chúng ta nên nói những lời chân thật, trung thực, từ hòa khiến mọi người khi nghe chúng ta nói liền sanh tâm hoan hỷ an vui lợi lạc. Ý nên nghĩ những điều đạo đức, lợi lạc quần sinh, là Phật tử, trong ý nghĩ phải luôn thương tưởng đến những bất hạnh khổ đau của nhân loại, tâm ý phải từ bi hỷ xả, không những không gây ôn trái mà khi nghe những lời chửi rửa nhục mạ, tâm ý chúng ta phải khởi lên tình thương với kẻ ôn đối, mọi việc đều hỷ xả không chấp chứa trong lòng, không sanh tâm hờn giận. Thân có khả năng giúp được ai việc gì

thì nên sẵn lòng phụ giúp, không câu nệ khó khăn, chúng ta nên hạn chế tối đa các chất gây nghiện như rượu bia thuốc lá để tự trang nghiêm cái thân này khiến nó ngày càng trở nên quang minh thanh tịnh. Nếu chúng ta khéo léo dụng thân khẩu ý như vậy tức không uổng phí một đời người vì chúng ta đã sống có ích. Ở trong đời sống rất cần đến sự giúp đỡ của chúng ta, mà chúng ta quay mặt đi, chỉ sống cho riêng mình, chỉ biết đến mình thì dù chúng ta có ăn ngon mặc đẹp, đi xe hơi, ở nhà lầu, thì cũng chẳng có giá trị gì cả; đến khi nhắm mắt nằm xụi lơ tay chân lạnh ngắt trở thành một cái thây ma bốc mùi hôi thối thì làm người như vậy phỏng có ích gì! Nhận thức sâu sắc điều này, chúng ta cố gắng sống có ích hơn cho bản thân mình và cho mọi người. Điều quan trọng đối với người con Phật tử là chúng ta không nên mê đắm trong thú vui ngũ dục, quyết không tạo ra tội lỗi gây khổ lụy trong hiện đời và quả báo xấu ở đời sau. Thực hành một cách sống có ích, chúng ta sẽ mang lại những điều tốt đẹp cho bản thân, làm gương cho con cái trong gia đình, làm điển hình cho xã hội noi theo, qua đó khiến mọi người tin tưởng Phật pháp, phát tâm hướng về Phật pháp. Thực hiện được cách sống hữu ích, chắc chắn đời sau

không những chúng ta được trở lại làm người mà còn được làm người có thân tướng đẹp đẽ, oai đức, phước báu nhiều hơn bây giờ.

Đề tu cái thân này, đức Phật đã dạy: “Tránh các điều ác, siêng làm việc lành, giữ ý nghĩ trong sạch”. Cụ thể lời dạy thiết thực này, đức Phật khuyên chúng ta phải hết sức cẩn trọng giữ gìn thân miệng ý. Thân miệng ý trong sạch, tốt đẹp, thanh tịnh, chúng ta mới có thể tránh xa các điều ác, nhờ ý nghĩ trong sạch mà chúng ta sẽ siêng năng làm các việc lành. Đối với hàng Phật tử tại gia trước hết chúng ta sử dụng tấm thân này để tu nhân tích đức. Tu nhân đó là khéo tu để làm một công dân hữu ích, kiếp vị lai trở lại làm một con người tốt đẹp hơn nữa. Nền tảng của việc tu nhân đó là giữ gìn năm giới cấm. Nếu chúng ta giữ tròn năm giới cấm không thiếu sót một giới nào thì được gọi là chấp trì tôn phần giới, nếu chúng ta giữ được bốn giới trong năm giới cấm thì gọi là đa phần giới, nếu giữ được ba giới thì gọi là bán phần giới, chỉ giữ được có hai giới thì gọi là thiếu phần giới. Việc giữ gìn năm giới cấm nói thì dễ nhưng thực hành rất khó, nếu chúng ta chưa đủ sức giữ trọn năm giới cùng một lúc thì chọn lấy một hai hoặc ba giới nào đó mà mình cảm thấy có thể giữ được sau đó phát

nguyện thọ trì. Khi giữ tinh nghiêm các giới đã nguyện giữ, từ từ sẽ phát nguyện thọ trì thêm những giới còn lại. Là một Phật tử, chẳng lẽ chúng ta vẫn còn cất giữ nhiều tâm tính độc ác xấu xa hay sao? Nếu không phải là hạng người này, chúng tôi khẳng định quý Phật tử chắc chắn sẽ thọ trì viên mãn năm giới cấm mà Phật đã dạy. Nếu chúng ta giữ được năm giới chắc chắn đời sau chúng ta sẽ gặp nhiều thắng duyên, nhân đó việc tu hành giải thoát cũng sẽ thuận lợi nhiều hơn. Người quyết tâm giữ gìn năm giới cấm là người biết lo xa cho bản thân mình, là người thật sự sống ích lợi trên thế gian này. Thực hành tam quy ngũ giới, ngời việc khẳng định mình là người hữu ích cho bản thân, gia đình, đạo pháp và xã hội, nó còn mang một ý nghĩa thiêng liêng nữa, chúng ta chính là những ngọn đèn quang minh của Phật pháp đang tỏa ra ánh sáng giác ngộ trên khắp thế gian này, bởi vì không có bậc Thánh nhân nào mà không bắt đầu từ một con người tỉnh thức và hữu dụng cả. Do vậy đồng thời với việc giữ gìn ngũ giới, chay lạt đạm bạc tương chao đưa muối qua ngày, chúng tôi rất mong quý Phật tử nên lợi dụng khi thân thể còn khỏe mạnh, tinh thần còn minh mẫn mà gắng sức trì danh niệm Phật, phát nguyện vãng sanh về

Tây Phương Cực Lạc. Đây mới chính là sự thức tỉnh sâu xa của con người, cũng là sự giác ngộ rất đáng trân trọng và rất đáng ngưỡng mộ trong đời sống con người.

Cũng cái thân này, nếu chúng ta mê muội ngu si, một đời chuyên tạo nghiệp bất thiện, thì quả khổ đang chờ sẵn chúng ta, tương lai chắc chắn chúng ta sẽ phải thọ khổ trong ba đường ác, còn nếu chúng ta thức tỉnh giác ngộ, giữ gìn *ngũ giới*, tu hành *thập thiện*, sống theo *bát chánh đạo*, tinh tấn trì danh niệm Phật, hiện tiền tâm hồn chúng ta sẽ được thư thái an vui, tương lai chúng ta sẽ được vãng sanh Cực Lạc. Như vậy, thiện hay ác, hạnh phúc hay bất hạnh cũng chỉ từ cái tâm thức giác ngộ nơi mỗi chúng ta mà thôi. Phật pháp chỉ cho chúng ta xa rời bến mê quay về bờ giác. Chân giá trị của Phật pháp là ở nơi đây.

Ngày nay chúng ta tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, chúng ta rất cần đến một thân thể khỏe mạnh, một tinh thần minh mẫn, một ý chí kiên cường, một khả năng kiềm chế đam mê dục vọng, một đức hạnh nhẫn nại để vượt qua những khó khăn chướng nạn mà ra sức công phu tu niệm. Có được những điều kiện cần thiết này, chúng ta mới có thể chiến đấu lâu dài với giặc vô

minh phiền não trong nội tâm chúng ta, mới có thể tập trung ý chí tinh thần vào câu Nam mô A Di Đà Phật. Trước mắt chúng ta cần phải trân quý cái thân này, chúng ta hãy xem cái thân này như một ngôi chùa di động của bản thân mình. Trong ngôi chùa này có một vị Phật lung linh sống động vô cùng, vị Phật này cũng biết vui biết buồn, cũng còn tham sân si phiền não nhưng đặc biệt là đã chán ngán tham sân si phiền não. Vị Phật đó chính là ta. Ngôi chùa mà vị Phật đó đang trú ngụ chính là cái thân tứ đại giả hợp này. Chính vì vậy mà chúng ta không những không tổn hại đến nó, mà phải biết giữ gìn, làm trang nghiêm nó bằng giới đức, làm cho nó quang minh thanh tịnh bằng ánh sáng Phật pháp mà chúng ta đã từng thọ nhận.

Đức Phật dạy rằng thân người khó được là để khuyên răn chúng ta nên biết quý trọng tấm thân này, sử dụng sao cho hữu ích để phương tiện tiến tu trên con đường giải thoát. Đồng thời ngài cũng chỉ ra rằng tấm thân này là tứ đại hợp thành, vốn giả huyễn không chắc thật nhằm phá cái chấp thủ, chấp nhân, chấp ngã của mỗi chúng ta. Đối với người tu theo pháp môn Tịnh Độ, nhất là đối với người lớn tuổi, thì đây là vấn đề rất quan trọng. Như chúng ta đã biết, bản năng

của con người cũng như muôn loài vật là tham sống sợ chết. Ý thức sợ chết ăn sâu trong tiềm thức nơi mỗi con người là do chúng ta chấp cái thân này là có thật. Chính vì chấp cái thân này là có thật nên chúng ta sợ mất nó, chúng ta kinh hồng hoảng loạn lúc hấp hối lâm chung chỉ vì chúng ta sợ mất cái thân tứ đại giả hợp này. Để chấm dứt sự mê lầm nhiều đời nhiều kiếp này, chúng ta rất cần đến định lực và sự tỉnh giác cao độ, để nhận biết một cách tường tận rõ ràng các hiện tượng biến dịch sinh tử xảy ra trong tâm thức chúng ta. Muốn đạt được định lực, trước mắt chúng ta phải buông xả vạn duyên, lắng lòng tập trung tinh thần vào danh hiệu Phật một cách thành kính, tha thiết và chuyên nhất. Khi công phu thuần thực, do chính trải nghiệm của bản thân mình, chúng ta sẽ nhận thấy rất rõ tâm thân tứ đại mà chúng ta đang sở hữu chẳng qua cũng chỉ là cái áo cũ mục nát mà đến lúc chúng ta cần phải thay nó bằng một cái áo mới tốt đẹp hơn. Đối với người niệm Phật chưa có định lực, công phu còn nhiều tạp niệm, thì hãy cố gắng tập trung tinh thần, nhất tâm nhất ý nương bám vào danh hiệu Phật, như người chết vớ được cái phao quyết không chịu buông bỏ, nhờ lòng khẩn thiết của người niệm Phật và bốn nguyện của đức

Phật A Di Đà, chúng ta sẽ vượt qua sự hoảng loạn của tâm thức, tâm trí dần dần được thanh tịnh sáng suốt, cuối cùng chúng ta vẫn có thể tự tại cởi áo ra đi một cách nhẹ nhàng an lạc.

Sự cần thiết của tâm thân tứ đại mà mỗi chúng ta đang sở hữu nó cũng giống như khúc cây mục trôi vờ trên biển cả, còn chúng ta thì đang lặn hụp giữa trời nước mênh mông, nhờ ôm được cái cây mục này mà nhất thời chúng ta thốt được nạn chết đuối... Nhưng khi ôm được cái cây mục này, tạm thời được thốt chết thì chúng ta phải nhanh chóng bơi lội vào bờ. Khi đã lên bờ, nghĩa là đã thốt chết rồi, chúng ta không cần thiết phải ôm cứng cái thân cây mục đó nữa. Nếu như đang ngoi ngóp lặn hụp giữa trười nước bao la, khi vớ được khúc cây, chúng ta ôm ghì nó, mặc tình để cho trôi lênh bênh trên biển cả, đến khi thân cây mục hư hoại rã rời ra, khi đó chúng ta sẽ không còn cơ hội nào sống sót.

Cái cây mục đó cũng như tấm thân tứ đại giả hợp nơi mỗi chúng ta, chính nhờ nó mà chúng ta thực hành các pháp ăn chay, sám hối, trì kinh, niệm Phật, chính nhờ cái thân này mà chúng ta có cơ hội để làm Thánh, làm Phật, hoặc ít ra cũng được làm công dân nước Phật sau này. Khi còn làm người chúng ta còn tu nhân tích

đức, khi cái duyên giữa chúng ta với tâm thân tứ đại này đã mãn thì chúng ta cũng không nên luyến tiếc, vì khi đó, nó cũng không khác gì cái cây mục đã đến thời hoại rã. Trong đời sống tu học hằng ngày, đối với hàng Phật tử tại gia, chúng tôi mong rằng, quý Phật tử nên tận dụng khúc cây mục này khi nó còn dùng được, để thực hiện ngày càng nhiều các việc thiện lành lợi ích, mỗi ngày trôi qua, ra sức trì danh niệm Phật nhiều hơn, nếu trước đây chúng ta chưa ăn chay, hằng ngày biến cái dẫy da vốn đã hôi thúi làm cho nó càng bất tịnh hơn bởi chất chứa trong đó vô số máu thịt tanh hôi của các loài động vật, trước đây chúng ta tự biến mình thành cái nghĩa địa chôn xác gia súc gia cầm cùng vô số loài hải sản, thì nay khi đã hiểu đạo rồi, quý Phật tử hãy cải thiện nó lại, biến nó thành một cái am cốc trang nghiêm thanh tịnh với tâm hương giải thoát và tương chao đưa muối qua ngày.

Như lời Phật dạy, được làm người là rất khó, dù vẫn biết cái thân chúng ta là tứ đại giả hợp, nhưng chúng ta cũng nhờ nó mà sống, mà tu hành, chúng ta nương nó để làm tất cả điều lành, chứ không nên ôm giữ nó, trau chuốt nâng niu nó, cố chấp như kẻ khư khư ôm khúc cây mục mê làm đáng tiếc kia mà trôi lăn trong luân

hồi sanh tử. Nếu mê lầm và cố chấp, sống buông thả theo thú vui ngũ dục thường tình, một ngày nào đó, thành linh cái cây mục nó rã ra thì quả là uổng phí một kiếp làm người. Nhận thức điều này một cách sâu sắc, chúng ta cần phải kịp thời uốn nắn thói hư tật xấu, cải thiện đời sống tâm linh, khắc kỷ lòng mình nghiêm trì ngũ giới, tinh tấn công phu niệm Phật, thực hành tốt những điều này mới có thể gọi là đạt đến chỗ thiết yếu trong việc ứng dụng tu hành.

Đức Phật ra đời là để cứu độ chúng sanh thoát khỏi mê lầm, nhân đó ra khỏi luân hồi sanh tử. Phật pháp hiện hữu trên thế gian này đến nay đã trên 2500 năm, thế nhưng nhân loại vẫn lầm than, thế giới vẫn bất an đau khổ, ngay cả bản thân chúng ta là những người con Phật, dù đã thâm tín chư Phật, tâm trí thuần hướng về con đường tu hành giải thoát, song trong quá trình tu học vẫn còn rất nhiều điều phải xem xét lại, nào là sự lười biếng mỗi một dải dải, nào là buông lúng phóng dật, đó là chưa nói đến thân bệnh đang hoành hành trong cơ thể khiến chướng ngại công phu tu tập. Chung quy lại là nghiệp chướng của chúng ta rất sâu dày. Đối với những người đã có nhân duyên với Phật pháp, có tâm tha thiết tu hành như quý Phật tử mà vẫn còn gặp khó

khăn trở ngại không ít, thì nói gì đến người chưa có duyên với Phật pháp, họ khổ đau bất hạnh đến cỡ nào, tương lai của họ sẽ ra sao? Chúng ta làm thế nào để giúp đỡ họ đến với con đường Phật pháp? Tất nhiên trước hết chúng ta phải thật sự giác ngộ và thực sự tu hành, tuy nhiên, chúng ta cũng nên mổ xẻ đôi điều để xem cái hàng rào chắn nào đã ngăn trở con người thế gian đến với ánh sáng giác ngộ của Phật pháp.

Như chúng ta đã biết, bản năng lớn nhất, kiên cố nhất của con người là chấp ngã, trong khi đó, người tu theo Phật pháp thì hướng đến bản thể vô ngã, có nghĩa là phải thật sự buông bỏ ngã chấp mới được gọi là tu theo hạnh Phật. Còn nữa, tâm tính của người thế gian đa phần là vị kỷ, trong khi đó, người ta theo Phật pháp thì sống theo hạnh vị tha, luôn đặt lợi ích tha nhân lên trên trong các mối quan hệ. Do sống theo bản năng chấp ngã và tâm vị kỷ hẹp hòi quá lớn nên người đời không có cơ hội quay lại đời sống nội tâm, đã vậy còn không ngừng phát triển *tham sân si* lên tột đỉnh, khiến cho vô minh, nghiệp chướng phiền não ngày càng sâu nặng, điều này khiến cho tâm hồn họ luôn nặng nề u ám, tâm trí luôn toan tính đối phó thành thử bất an đau khổ nhiều hơn là thanh thoi an lạc.

Còn đối với người tu theo Phật pháp, nhờ hướng đến bản thể vô ngã, sống hạnh vị tha, thường biết lỗi tự tâm, thường tu *giới định huệ*, nên nghiệp chướng mỗi ngày nhẹ vơi dần, nhờ đó tâm trí được sáng suốt, tâm hồn được an lạc thanh tịnh. Qua trình bày trên đây, chúng ta nhận thấy Phật pháp và thế gian pháp là hai vế tương phản nhau trong ý nghĩa cũng như mục đích sống. Người đời vì xuôi theo dòng thế tục, mặc nhiên chấp nhận *tham sân si* làm vũ khí bảo vệ sự sống còn của tâm đấu tranh nhân ngã, mãi mãi tham dục ích kỷ hẹp hòi như vậy thì dù vô chùa gặp Phật cũng vẫn khoảng cách rất xa với ánh sáng giác ngộ của Phật đà. Chúng tôi thiết nghĩ, nếu mọi người muốn cảm nhận ánh sáng giác ngộ và muốn gieo duyên với Phật pháp, chỉ cần chúng ta lắng lòng chiêm nghiệm lại những gì mình đã sống, đã kinh qua trong cuộc đời này, rồi tự hỏi lại chính mình, chúng ta đang bất an đau khổ hay đang an lạc hạnh phúc. Nếu chịu khó suy ngẫm, nhẹ nhàng cất vắn lương tâm, ngồi vô minh nghiệp chướng, phiền não ra, chúng ta sẽ mang theo được thứ gì mà suốt một đời chúng ta đã lao vào không ngừng tạo tác. Nếu chúng ta chịu khó suy ngẫm, lắng lòng nghe tiếng nói nội tâm, tức là chúng ta đang đến gần

với lẽ thật của bản thân mình, chúng ta cũng từng bước đang phát hiện ra lẽ thật trong đời sống con người, và khi đó, nhân duyên Phật pháp cũng đã đến gần với mỗi chúng ta rồi vậy.

Phật pháp rất khó gặp, khó nghe, đó là khi chúng ta đóng cửa lòng, bảo thủ, cố chấp, trung thành với *tham - sân - si - nghi - mạn*. Nhưng Phật pháp cũng rất dễ gặp, dễ nghe, nếu chúng ta chịu mở cửa lòng và chịu nghe ra lẽ thật...

Đạo Phật có mặt trên cuộc đời này đã trên hai mươi lăm thế kỷ, cho đến nay, không những không lỗi thời mà càng ngày càng thiết thực lợi ích, sở dĩ đạt được hữu dụng như vậy bởi Phật giáo là chân lý không lý thuyết nào có thể bẻ gãy nổi, người tu hành theo Phật pháp hầu hết đều đạt được kết quả lợi ích mỹ mãn tùy theo khả năng công phu tu trì của mỗi cá nhân, nên niềm tin vào Phật pháp của mọi người vì thế ngày càng vững chắc.

Như chúng ta đã biết, cốt lõi của Phật pháp là tâm, nền tảng của Phật pháp là giới. Lợi ích trước tiên mà Phật pháp đem đến cho xã hội lỗi người đó chính là ngũ giới. Người đời nếu biết giữ gìn ngũ giới của nhà Phật chắc chắn sẽ tạo thành căn bản đạo đức và an lành cho bản thân. Giữ ngũ giới là nguồn sống hạnh phúc cho

mỗi gia đình và cũng chính là nếp sống văn minh cho xã hội. Chỉ với năm giới cấm này thôi, gia đình nào cũng có người giữ trọn vẹn thì gia đình ấy đang sống trong nguồn hạnh phúc vô biên của Phật pháp. Trong xã hội, nếu tất cả ứng dụng triệt để năm giới cấm vào đời sống, thì đó là một xã hội văn minh bền vững, ở xã hội đó sẽ tràn đầy sự cảm thông và yêu thương tin cậy lẫn nhau, như vậy thì làm gì có chiến tranh hay khủng bố, làm gì có bất an với đau khổ. Giữ gìn năm giới cấm là tôn trọng nhân bản, là thực hiện nếp sống văn minh, là xây dựng nền đạo đức trường tồn cho nhân loại. Chính những lợi ích lớn lao như vậy mà đức Phật đã chế ra năm giới cấm, ngõ hầu đem lại cho nhân loại một đời sống an lành, đem lại cho mỗi gia đình nguồn hạnh phúc. Ích lợi thực tế của Phật pháp là như vậy.

Phật pháp khó nghe là nói đến tinh thần *trực chỉ nhân tâm - kiến tánh thành Phật*, đó là cốt tủy của Phật pháp, tinh thần này chỉ dành cho bậc thượng căn thượng trí, đối với hàng hạ căn độn trí như chúng ta thì chớ Phật, Bồ tát phải dùng phương tiện mà nhiếp dẫn. Chúng tôi mạo muội cho rằng, đã là phương tiện thì Phật pháp không còn khó nghe nữa, ngược lại rất dễ nghe, rất dễ tin nhận, vấn đề đặt ra lúc này là chúng ta

đã có duyên với Phật pháp hay chưa? Chúng tôi thiết nghĩ, khi quý vị cầm tập sách nhỏ này trên tay, tức là quý vị đã có duyên với Phật pháp rồi. Quý vị đã có duyên với Phật pháp, đã nghe ra những lợi ích lớn lao của năm giới cấm, thì việc còn lại chỉ là việc phát tâm thực hành. Nếu quý vị suy ngẫm ý nghĩa năm giới cấm mà Phật đã chế, thấy có lý, thấy có lợi ích thật sự, thì quý vị hãy bắt tay thực hành, nếu kết quả thật sự có ích cho bản thân và gia đình quý vị, thì khi đó quý vị hãy tin vào Phật pháp.

Cùng với việc giữ *ngũ giới*, thì hành *thập thiện*, sống theo *bát chánh đạo*, *tứ vô lượng tâm* (từ, bi, hỷ, xả) đều là những bài pháp sống động và thiết thực trong đời sống con người. Nếu đã có duyên với Phật pháp, chúng tôi mong rằng quý Phật tử hãy chịu khó tìm hiểu về *bát chánh đạo* để áp dụng vào đời sống hằng ngày, đây cũng là nền tảng để quý Phật tử đi sâu vào ngôi nhà chánh pháp, cũng là trợ duyên rất hiệu quả để công phu trì danh niệm Phật của quý Phật tử nhanh chóng nhất tâm.

Trong giáo lý nhà Phật có *tam tuệ học*; tức Văn, Tư, Tu. Văn có nghĩa là nghe; Tư có nghĩa là suy nghĩ nghiền ngẫm; Tu là ứng dụng những điều đã nghe, đã suy ngẫm vào đời sống tu học

của mình. Như chúng ta đã biết, đức Phật chưa bao giờ ngài bắt buộc chúng ta tin theo ngài một cách mơ hồ hay bông bột hồ đồ, mà khuyên chúng ta phải suy ngẫm những lời ngài dạy, nếu thấy đúng thì mới tin, mới thực hành. Một điều cần lưu ý nữa chúng ta đến với Phật pháp là đến với cái tâm của chính chúng ta, không có Phật pháp nào ngoài cái tâm của chúng ta cả, chúng ta tìm cầu Phật pháp là tìm cầu sự lợi ích thiết thực cho bản thân mỗi chúng ta, chứ không phải vì lợi ích cho ông Phật, ông Bồ tát nào cả. Do vậy, rất cần chúng ta vận dụng cái tâm trong sáng thanh tịnh và thành kính của bản thân để suy ngẫm và thực hành lời Phật dạy, có như vậy thì chúng ta mới có thể phát khởi cái tâm ham tu ham học, cái tâm muốn chuyển hóa những điều xấu xa tội lỗi của chúng ta, trở thành tốt đẹp đạo đức và an lạc. Khi có tâm ham tu ham học, chúng ta rất nhanh chóng xa rời ác nghiệp, dễ dàng tăng trưởng thiện căn, khi đó Phật pháp không còn khó nghe khó chịu như những ngày tháng chúng ta còn e ngại lấp ló trước cửa chùa hay thờ ơ với lời kinh tiếng kệ. Đối với hàng Phật tử sơ cơ thì việc nghe giảng kinh hay nghe quý thầy thuyết pháp ở buổi ban đầu không dễ dàng gì lãnh hội, cũng khó có ngay cái cảm giác hoan hỷ vui

mừng như khi được ngồi đánh bài tiến lên hay nghe ca nhạc. Tuy nhiên nếu chúng ta biết trân quý cái thân người này, nhận thấy đời sống vô thường quá bất an đau khổ, kiếp người ngắn ngủi mong manh, chúng ta thao thức tìm cầu phương thuốc giải thoát khổ đau luân hồi sanh tử... thì dần dần chúng ta sẽ cảm nhận được niềm vui an lạc, dù niềm vui sẽ không đến ồ ạt nhưng nó sẽ đọng lại trong tâm thức chúng ta một cách thâm trầm ý nghĩa. Nếu quý Phật tử chịu khó xem kinh sách, nghe giảng pháp lâu ngày, để tâm suy ngẫm cho thấu đáo thì chúng ta mới hiểu, mới thấy cái hay, cái lợi ích thiết thực của Phật pháp. Khi áp dụng thực hành, thì chúng ta mới thấy hết cái giá trị thiết thực và thiêng liêng của Phật pháp. Khi tu học theo Phật pháp, quý Phật tử thực hành đủ *tam tuệ học* (nghe pháp, suy ngẫm, thực hành) thì quý Phật tử sẽ không bao giờ lui sụt trên con đường tu học. Thực hiện đúng như lời Phật dạy chắc chắn quý vị sẽ là những Phật tử chân chính, đang đi đúng hướng đến ngôi nhà giác ngộ, quý vị sẽ được an lạc hạnh phúc trong hiện tại và cả mai sau.

Thân người khó được - Phật pháp khó gặp, khi đã có duyên với Phật pháp, đã cảm nhận những điều lợi ích thiết thực của Phật pháp,

chúng ta nên chia sẻ những lợi ích lớn lao này cùng gia đình thân quyến và bạn bè, để mọi người cùng được nghe pháp, cùng hiểu và cùng thực hành Phật pháp. Làm được như vậy, chúng ta mới sống đúng theo tinh thần *tự lợi lợi tha* của đạo Phật.

Chúng ta chỉ sống trên đời này, nếu sông sẻ và cao lắm cũng chỉ được vài chục năm, đời người như bóng câu qua song cửa, cái chết đuổi theo sau lưng, cái khổ đè nặng lên tâm trí, cái nhọc nhằn không buông thả đôi vai, trong khi thời gian cứ vùn vụt trôi qua. Nếu chịu khó soi gương, nhìn vào hai khóm mắt mới thấy đầy dẫy dấu chân chim hằn in một đời lao khổ và tóc trên đầu nay đã điểm sương. Đã vậy mà chúng ta vẫn cứ chần chờ hứa hẹn không lo dọn đường chuẩn bị cho một ngày mai, cứ mãi mê tạo nghiệp thành linh quý vô thường ập đến làm sao trở tay cho kịp. Thiền sư Quy Sơn đã từng nói: “Một mai nằm bệnh ở giường, các khổ trối trăn, bức bách, sớm chiều lo nghĩ, tâm ý bàng hồng, đường trước mịt mờ không biết về đâu. Lúc đó mới biết ăn năn, như khát mới mong đào giếng, chỉ hận sớm chẳng lo tu, đến già nhiều điều làm lỗi, lâm chung rối loạn, lưu luyện bàng hồng”.

Người hiểu Phật pháp là người biết lo xa, biết mình phải làm gì trong hiện tại. Chúng tôi rất mong quý Phật tử chịu khó dành thì giờ đọc kinh sách, nghe thuyết giảng. Suy ngẫm mà ứng dụng tu hành, đừng để thì giờ trôi qua vô ích với những việc làm vô bổ theo thói quen bấy lâu nay. Quý vị mỗi ngày làm một vài điều thiện, tranh thủ thời gian niệm Phật vài ba giờ, mỗi ngày một ít thì tích thiếu cũng thành đa, lỡ khi vô thường bất trắc xảy ra thì cũng tích lũy cho mình một số vốn cần thiết, nghiệp lành ấy sẽ dẫn quý vị đi vào con đường an ổn.

Chúng tôi tha thiết mong mỗi quý Phật tử luôn ghi nhớ trong lòng là *thân người khó được*, nay chúng ta đã được làm người rồi thì phải ráng giữ gìn cho trang nghiêm thanh tịnh, phải tạo duyên lành nhân lành cho thật nhiều để mai sau kết quả tốt hơn nữa, không nên vì những thú vui thường tình ở thế gian mà quên mất Bồ Đề tâm, thả trôi mình qua ngày tháng, uổng phí trôi qua một đời thật đáng tiếc vô cùng. Quý Phật tử cũng nên ghi nhớ trong lòng là may mắn lắm chúng ta mới gặp được Phật pháp, diễm phúc lắm chúng ta mới nghe được Phật pháp, nay chúng ta đã có duyên với Phật pháp, được đọc kinh sách, nghe bằng quý Thầy giảng, thì phải suy ngẫm cho

chín chắn rồi thành tâm mà thực hành. Chỉ có thực tu thì mới có lợi ích, nếu chỉ đọc sách cho qua loa đại khái mà không thực sự tu hành thì hòn tòn không có ích lợi gì cả, như vậy cũng sẽ uổng phí đi một đại sự nhân duyên.

Ý nghĩa sâu xa của lời Phật dạy “*thân người khó được – Phật pháp khó nghe*” đã được chúng tôi sơ lược trình bày. Đời người qua mau, mạng sống giảm dần, chúng tôi ngưỡng mong quý Phật tử tỉnh thức nhiều hơn nữa mà nỗ lực tinh tấn tu hành, trước làm lợi ích cho bản thân, sau đền báo ơn ba cõi. Có như vậy mới không cô phụ tánh linh của mình, không hối phí một đời may mắn được làm người.

CHƯƠNG 3

—♦♦♦♦♦—

LỜI PHẬT DẠY

Tập sách *Chân thật niệm Phật – Cực Lạc hiện tiền* này hướng đến hàng Phật tử sơ cơ khuyến tu niệm Phật, nên chúng tôi nghĩ rằng, càng sách tấn để người học Phật phấn tỉnh nhiều chừng nào thì tốt chừng nấy. Trong hai chương đầu, chúng tôi chọn đề mục là *Thân người khó được – Phật pháp khó gặp* nhằm nói lên những suy nghĩ riêng tư của chúng tôi về cái may mắn lớn lao là đang được làm người, cái điểm phúc tuyệt vời là được sống trong ngôi nhà Phật pháp. Qua đó chia sẻ đến quý Phật tử những trần trở thao thức của chúng tôi trước những vấn đề cấp bách mà người học Phật như chúng ta cần phải thực hiện ngay khi đang sở hữu những cái may mắn lớn lao này. Vì suy nghĩ như thế nào viết ra thế ấy, như chúng tôi đã nói, chỉ bằng tấm lòng thôi, do vậy từ cách trình bày, lập luận và ý tưởng của chúng tôi có thể còn luộm thuộm và nhiều chỗ còn trùng lặp. Song tự nghĩ, nếu quý Phật tử cảm nhận ở chúng tôi một tấm lòng thì có lẽ quý vị sẽ không phiền hà gì ở chỗ luộm

thuộm và trùng lặp đó. Hơn nữa cơm rau dưa muối là vật thực tạm sống qua ngày mà chúng ta dùng từ năm này qua năm khác vẫn không thấy ngán, thì hề hấn gì một vài ý nghĩ Phật pháp bỏ ích và cần thiết được nói tới nói lui. Do vậy chúng tôi rất mong quý Phật tử hoan hỷ bỏ qua những khiếm khuyết mà chất lọc những gì cảm thấy cần thiết cho quá trình tu học của mình.

Trong chương ba này, chúng tôi trình bày tóm tắt những lời Phật dạy một cách cô đọng: *Tránh các điều ác – Siêng làm việc lành – Giữ ý nghĩ trong sạch*. Đây là ba điều căn bản giáo dục đạo đức, nhân cách, nhân quả mà đức Phật đã dạy cho nhân loại. Riêng đối với hàng Phật tử chúng ta, dù tại gia hay xuất gia, dù sơ cơ hay các bậc trưởng lão, thì những lời dạy vắn tắt này mãi là khuôn vàng thước ngọc, là kim chỉ nam giúp người tu học vững tin vững tiến bước đến ngôi nhà giải thoát. Đặc biệt đối với quý Phật tử tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, thì những lời dạy vô cùng thiết thực này sẽ giúp cho quý Phật tử xả bỏ gánh nặng nghiệp chướng phiền não trên bước đường tu tập, đồng thời giúp quý Phật tử tạo thêm nhiều phước lành, thuận duyên trong công phu niệm Phật.

Bàn đến lời Phật dạy, có lẽ sẽ có không ít Phật tử không khỏi thắc mắc rằng, từ khi thành đạo trải qua 49 năm hoằng pháp độ sanh, đức Bổn Sư của chúng ta đã thuyết giảng rất nhiều thời pháp, những thời pháp này, sau này được kết tập lại thành rất nhiều kinh điển, thời pháp nào cũng đem lại lợi ích, lời dạy nào của Phật cũng giúp chúng sanh nương đó tu hành đều được giải thoát, chứ đâu chỉ có vồn vện ba điều đơn giản như trên. Vâng, nếu quý vị có thắc mắc như vậy cũng rất chí phải. Nhưng quý vị cũng nên lưu ý rằng, thiên kinh vạn quyển mà đức Phật thuyết giảng rất mênh mông, nghĩa lý rất sâu xa siêu việt, cả một đời người chúng ta cũng không thể nào đọc hết nổi và cho dù thông minh bác học cỡ nào chúng ta cũng không thể nào lãnh hội được. Chính vì vậy mà đức Phật mới tóm gọn lại chỉ trong ba điều cô đọng này thôi.

Phật dạy: *Tránh các điều ác – Siêng làm việc lành – Giữ ý trong sạch*, ba điều này nghe đơn giản quá, một Phật tử sơ cơ cũng có thể tiếp thu, nhưng sự thật thì một cụ già sống đến bảy tám mươi tuổi chưa chắc gì đã làm xong. Ở đời mọi việc nói thì dễ nhưng thực hành thì không dễ chút nào. Sau khi quý Phật tử có niềm tin thì Phật pháp chỉ chú trọng ở thực hành. Đức Phật

dạy vẫn tất như vậy chỉ vì muốn chúng ta dễ tiếp thu, dễ áp dụng vào đời sống, có được lợi ích ngay trong đời hiện tại, gặt được quả báo tốt đẹp ở kiếp vị lai, và nhất là đối với những hành giả đang công phu tu tập thì đây là chiếc chìa khóa vàng, nếu thực hiện được ba điều này, quý Phật tử sẽ có năng lực mở toang cánh cửa ngôi nhà giải thoát. Tuy nhiên trước khi đi sâu vào những lời dạy vàng ngọc của đức Phật, chúng ta cũng sơ lược qua lịch sử quá trình hoằng pháp của đức Phật đã để lại những bộ kinh nào và trong biển pháp mênh mông đó, lời dạy nào của Phật gần gũi với chúng ta nhất, phương pháp nào giúp chúng ta dễ tu nhất, có lẽ đó là những điều mà quý Phật tử quan tâm đến.

Tóm lược lịch sử hoằng truyền chánh pháp của đức Phật, chúng ta có thể chia ra làm năm giai đoạn. Theo kinh điển ghi lại thì ban đầu đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, đây là bộ kinh mà đức Phật thuyết giảng cho hàng Bồ Tát trong khi ngài đang nhập định. Trong lần thuyết pháp đặc biệt này, đức Phật nói về những cảnh giới mà ngài thực chứng, đó là tôn bộ chân tướng vũ trụ nhân sinh, do đó nội dung rất uyên áo, ý nghĩa siêu mầu, hạng phàm phu như chúng ta không thể nào lãnh hội. Hiện nay trong các thời

khóa công phu ở các chùa theo hệ phái Bắc Tông, thỉnh thoảng chúng ta thường nghe quý thầy quý cô đọc tụng các bài kệ được rút ra từ kinh Hoa Nghiêm, như bài kệ “Nhược nhơn dục liễu tri, tam thể nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo” hay bài sám Thập Nguyên Phổ Hiền: “Nhất giả lễ kính chư Phật. Nhị giả xưng tán Như Lai. Tam giả Quảng tu cúng dường. Tứ giả sám hối nghiệp chướng. Ngũ giả tùy hỷ công đức. Lục giả thỉnh chuyển pháp luân. Thất giả thỉnh Phật trụ thế. Bát giả thường tùy Phật học. Cửu giả hàm thuận chúng sanh. Thập giả phổ giai hồi hướng”. Nội dung ý nghĩa của những bài kệ này, khi được quý Thầy giảng giải, xét về lý chúng ta có thể hiểu biết đôi chút, nhưng xét về sự thì hàng Phật tử sơ cơ như chúng ta khó có thể ứng dụng tu hành. Sau thời Hoa Nghiêm riêng thuyết vì hàng Bồ tát, đức Phật mới hướng đến chúng sanh căn cơ thấp kém như chúng ta, ngài giảng tiếp thời A Hàm, sau thời A Hàm ngài nói thời Phương Đẳng, sau thời gian Phương Đẳng là thời Bát Nhã. Trong suốt 49 năm thuyết pháp của đức Phật, ngài đã dành hết 20 năm để giảng về Bát Nhã, tổng cộng 600 quyển, được xem là bộ kinh trung tâm, cột trụ của Phật pháp. Thời sau cùng đức Phật thuyết

kinh Pháp Hoa và kinh Niết Bàn mất hết 8 năm. Như vậy nếu xét về trình độ căn cơ học Phật theo thứ lớp, người học Phật thường phải bắt đầu từ thời A Hàm, sau đó học lên thời Phương Đẳng, rồi mới đến học thời Bát Nhã và đích cuối cùng là cảnh giới Hoa Nghiêm. Có thể cho rằng, đây là trình tự tu học phổ biến của giới học Phật từ xưa tới nay. Tuy nhiên, chúng tôi mạo muội cho rằng, Phật pháp là tùy duyên, do vậy chúng ta chỉ cần tìm hiểu, chất lọc, suy ngẫm một bài kệ trong hàng trăm ngàn bài kệ, một pháp tu trong vô lượng pháp môn tu mà đức Phật đã dạy, miễn sao chúng ta thấy dễ hiểu, dễ tu, phù hợp với căn cơ và khả năng tu học của mình, rồi chúng ta thành tâm nỗ lực công phu. Nếu chúng ta buông xả hết vạn duyên, đạt đến nhất tâm trong tu niệm thì kết quả cuối cùng sẽ viên mãn, cũng đạt được sự tự tại giải thoát giác ngộ, kết quả cũng sẽ không sai khác so với những bậc thượng căn tu học các pháp môn cao hơn...

Trên đây là sơ lược về những thời nói pháp cũng như những bộ kinh mà đức Phật đã thuyết giảng trong suốt 49 năm hoàng hóa độ sanh... Nay chúng ta quay lại với ba điều mà đức Phật đã dạy: *Tránh các việc ác. Siêng làm việc lành. Giữ ý trong sạch.* Đây chính là ý nghĩa của

một bài kệ trong Giới Kinh, nguyên âm chữ Hán: “Chư ác mạc tác. Chúng thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý. Thị chư Phật giáo”. Như chúng ta đã biết, để trở thành một Phật tử chân chính, trước hết chúng ta phải quy y Tam Bảo, tức là chúng ta quay về nương tựa với đấng giác ngộ, vâng theo lời dạy của đấng giác ngộ mà thực hành, đồng thời nương tựa vào những vị Tăng sống có phạm hạnh thanh tịnh để được hướng dẫn tu học. Để có thể quy y Tam Bảo, trước tiên chúng ta cần phải hiểu rõ mục đích ra đời của đức Phật là nhằm chỉ ra sự mê lầm của chúng sanh, giúp chúng sanh giác ngộ, giải thoát khỏi khổ đau luân hồi sanh tử; và lời Phật dạy chính là con đường chân chính giúp chúng sanh đạt đến mục đích giác ngộ giải thoát. Nhận thức điều này một cách sâu sắc chúng ta mới có thể thực hành những lời dạy của đức Phật; có hiểu, có thực hành thì sự quy y Phật, Pháp, Tăng của chúng ta mới thật sự có ích. Chính vì những điểm này, mà đạo Phật được gọi là đạo giác ngộ. Cũng cần nói thêm rằng, nếu chúng ta không hiểu gì về mục đích ra đời của đạo Phật cả, cũng không hiểu gì về giáo lý nhà Phật cả, mà chúng ta cứ tin, thì sự tin này không ích lợi. Về điều này, đức Phật dạy rằng: *“Tin ta mà không hiểu ta là báng bỏ ta”*.

Phương pháp chủ đạo của đạo giác ngộ là gạt lọc ý nghĩ cho trong sạch, vì ý nghĩ của chúng ta nó quyết định cho mọi hành động thiện ác nơi mỗi chúng ta.

Đề nói lên sự liên quan mật thiết, có thể nói là không thể tách rời nhau giữa ý nghĩ và hành động, đức Phật đã dạy luật nhân quả, đây cũng chính là con đường mà ba đời chư Phật đã trải qua, mãi đến nay hàng trăm triệu người con Phật trên thế giới này vẫn đang tin tưởng thực hành theo, đang dần dần cải thiện nhân quả trong đời sống tu học của bản thân mình, bằng cách thực hành lời Phật dạy “*Tránh các điều ác. Siêng làm việc lành. Giữ ý trong sạch*” hầu mong kết quả được khởi sắc tốt đẹp hơn. Thực hiện lời Phật dạy, chúng ta cần sự cố gắng thường xuyên, mà muốn thực hiện được điều này, đối với Phật pháp chúng ta phải có lòng tin chơn chánh, hiểu biết chơn chánh cùng với hành trang tối thiểu mang theo trên bước đường học Phật là năm giới cấm như chúng tôi đã trình bày rất nhiều trong tập sách nhỏ này.

Suốt 49 năm hoằng hóa độ sanh, lời Phật dạy đã được ghi chép thành thiên kinh vạn quyển, trong biên pháp môn mê mông đó thật khó cho chúng ta đi giáp hết vòng kinh luận, nhưng

nếu để giúp cho hàng sơ cơ học Phật nương đó tiến tu thì không gì hữu hiệu và thiết thực bằng cách chỉ cho họ tu tập theo ba điều căn bản này. Vì khi “*Tránh các điều ác. Siêng làm việc lành. Giữ ý trong sạch*”, thì ở trong đó nó đã bao gồm tu ngũ giới, tu thập thiện, tu bát chánh đạo, tu từ bi hỷ xả; nó cũng bao gồm tu nhân quả, tu giải thoát... Chính vì tâm quan trọng và thiết thực như vậy, chúng tôi rất mong quý Phật tử lưu ý nhiều hơn ba điều căn bản mà đức Phật đã dạy, chắc có lẽ trước đây quý Phật tử cũng thường nghe nhắc đến nhưng mà ít khi để tâm đến.

“*Tránh các điều ác. Siêng làm việc lành*”, có thể nói chỉ hai điều này thôi, nếu thực hiện cho thật tốt, nó đã giúp chúng ta đi được nửa đường trên con đường giải thoát rồi. Vì sao chúng ta có thể tin chắc như vậy? Vì trên đường đi đến tương lai, hai vai ta sẽ nhẹ nhàng, sẽ không còn mang vác nhiều thứ phiền não, vì chúng ta thường làm việc thiện. Tâm thức chúng ta cũng sẽ không còn gánh nặng quá nhiều nghiệp chướng như trước nữa, vì chúng ta đã tránh xa điều ác. Tâm hồn ta sẽ trở nên nhẹ nhàng thanh tịnh an lạc hơn, vì chúng ta luôn *giữ ý trong sạch*. Nếu chúng ta thực hành đúng đắn nghiêm túc ba điều căn bản mà đức Phật đã dạy, tức là

chúng ta đang tu hành nhân quả một cách rất ráo. Vì không có cái nhân nào mang ý nghĩa và thiết thực lợi ích bằng cái nhân siêng làm thiện tránh điều ác, giữ ý trong sạch cả.

Điều đầu tiên đức Phật dạy chúng ta là không làm điều ác, chúng ta nên hiểu rằng, những việc làm, lời nói và ý nghĩa không hợp lý, trái với đạo đức khiến hại mình hại người cả trong hiện tại lẫn tương lai thì điều gọi là ác. Làm các điều lành là bao hàm những việc làm, lời nói và ý nghĩ hợp lý, có nền tảng đạo đức khiến cho mình và mọi người đều lợi ích. Ý nghĩ trong sạch là ý nghĩ hợp với điều hay lẽ phải, luôn nghĩ điều đạo đức, nghĩ đến các pháp tu, không tham giận kiêu căng, không ganh ghét đố kỵ, không gây ra hậu quả khổ đau cho mình và cho người. Ý nghĩ của chúng ta trong sạch, khi chúng ta làm việc gì thì việc đó chân chánh, khi nói ra điều gì thì điều đó trung thực từ hòa, điều tốt đẹp làm lợi ích cho bản thân và mọi người. Chính nhờ ý nghĩ trong sạch mà mục đích cứu cánh giải thoát giác ngộ của đạo Phật giữ được trọn vẹn, đồng thời có một lịch sử truyền giáo lâu dài trên 2500 năm, không những không lỗi thời mai một, mà ngày càng quang minh ích lợi thiết thực giữa dòng đời đau khổ.

Như chúng ta đã biết, ý nghĩ soi đường cho hành động, dẫn dắt mọi việc làm của chúng ta, một khi ý nghĩ của chúng ta trong sạch tức thì lời nói, hành động của chúng ta đều thuần thiện và lợi ích. Chính đặc điểm nổi bật này mà Phật giáo luôn chú trọng đến vai trò đặc biệt của ý. Thật ra, thiên kinh vạn quyển hay tám vạn bốn ngàn pháp môn tu cũng quy về một điều là dạy cho chúng ta gạn lọc ý nghĩa cho trong sạch, tiếp theo đó mới đi sâu vào công phu tham thiền nhập định. Để thực hiện được ba điều căn bản đó, trước hết đòi hỏi chúng ta phải có chánh tín, nghĩa là chúng ta chỉ tin vào những điều chơn chánh, hợp lý, có lợi ích, chứ không nên tin vào những điều tà vạy, vô lý, gây tổn người hại vật. Chánh tín cũng tức là tin sâu nhân quả, như chúng ta tin rằng gieo nhân gì sẽ gặt quả đó, nhân quả theo nhau như bóng với hình.

Trên thế gian, người đời thường rất sợ nghèo khó, khổ đau, tật bệnh, nhưng làm thế nào để có được một đời sống giàu sang, hạnh phúc, khỏe mạnh... thì gần như không mấy ai quan tâm đến cái nguyên nhân sâu xa dẫn đến kết quả tốt đẹp này. Còn trong đời sống tu hành, những vị chân tu thường rất cẩn trọng khi gieo nhân, thậm chí một con kiến, một con muỗi họ cũng không

dám giết hại, thường nhật họ kham nhẫn với tương chao dưa muối sống qua ngày không dám làm điều gì bất thiện hay trái đạo. Có thể nói, hiện tượng *Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả* như thế này thường xảy ra trong đời sống con người, là người con Phật, chúng ta nên quan tâm nhiều hơn đến cái nhân mà ta gieo trong đời sống, bởi nhân quả báo ứng theo nhau như bóng với hình, còn chúng ta thì không thể trốn chạy đi đâu một khi khổ quả tràn về sẽ cuốn ta vào ba đường khổ nạn.

Theo lời chư tôn đức giáo huấn, thế gian hay xuất thế gian, thì tất cả cũng không lìa nhân quả. Phật pháp cũng được xây dựng từ nền tảng cơ sở đạo lý nhân quả. Gieo nhân thì ắt có quả. Nhân thiện quả lành. Nhân ác thì quả khổ. Nhân quả luôn vĩnh viễn, liên tục và tuần hoàn, đạo lý này người học Phật chúng ta cần phải biết đến, không chỉ biết đến mà chúng ta còn phải thật cẩn trọng để mỗi mỗi gieo tòn nhân lành, tránh xa điều ác, mới mong cải thiện được tương lai của chúng ta. Trong kinh Lương Hồng Sâm, chương “Nói rõ quả báo” ghi rõ: *“Vi ác nghiệp nên phải đọa trong ba đường dữ trái khắp ác thú và sinh ra ở nhân gian để chịu trả quả báo đau khổ. Quả báo đau khổ như thế đều do nhân duyên tức đối*

đời trước đem lại. Bây giờ xả thân này chịu thân khác để chịu trả quả báo mãi mãi không thôi”. Trong kinh Địa Tạng, phẩm “Các vua Diêm La khen ngợi” có ghi: “Trong cõi Diêm Phù Đề, những người làm lành đến lúc mạng chung cũng còn có trăm ngàn quý thân ác đạo hoặc biến ra hình cha mẹ, nhân đến hóa làm người thân quyến dẫn dắt thân hồn người chết làm cho đọa lạc và chón ác đạo, huống chi là những kẻ lúc sanh tiền đã sẵn tạo ác nghiệp”. Trở lại kinh Lương Hồng Sâm, cũng trong chương “Nói rõ quả báo”, ở một đoạn khác có ghi: “Chư Phật và Bồ Tát lại thấy chúng sinh ở trong nhơn đạo, nhờ sức tu tập thiện được sinh làm người. Ngay trong thân người cũng có lắm khổ, khi mạng chung phần nhiều lại đọa vào các đường ác”.

Theo như lời Phật dạy, khi chúng ta làm điều ác thì quả báo thật đáng kinh sợ, quá khừ chúng ta lỡ gieo ra rồi thì không thể trốn chạy né tránh đi đâu được cả. Theo kinh Địa Tạng thì dù hiện đời chúng ta có làm lành nhưng nếu không tha thiết tu tập, chúng ta vẫn có thể bị đọa vào ba đường dữ, huống gì là đối với những người đầy dẫy tâm tham giận kiêu căng một đời làm ác. Điều này đáng để cho chúng ta suy ngẫm, soi rọi lại bản thân mình, ngay trong đời này chúng ta

làm thiện được bao nhiêu, có vớt vát nổi núi nghiệp bất thiện mà quá khứ chúng ta đã gieo tạo? Chúng ta thử hỏi, vì sao làm lành mà vẫn có thể bị đọa vào ác đạo? Thật ra, có thể dẫn đến như vậy là do việc lành mà chúng ta làm trong hiện đời chẳng đáng là bao, trong khi nhân ác trong quá khứ của chúng ta thì quá nhiều. Trong đời sống thực tế, có không ít người ỷ lại vào một vài việc lành nhỏ của mình, nào là tôi có đi chùa lễ Phật, tôi có đi làm từ thiện bão lụt ở miền Trung - Tây Nguyên, nào là tôi ăn chay tháng được mười ngày, tôi hay giúp đỡ những người nghèo trong xóm... từ đó sanh tâm chê bai người khác không biết tu phước làm thiện, họ nào hay biết ác nghiệp quá khứ mà họ gieo vẫn chưa đến thời kết quả. Nếu đến thời kết quả thì một vài việc làm thiện chẳng thấm tháp gì đó làm sao có thể cân bằng và cũng chẳng thể nào cứu vãn được tình hình rối rắm mơ hồ hoảng loạn lúc lâm chung hấp hối. Suy ngẫm điều này, tất cả chúng ta đều phát tâm siêng năng làm việc thiện lành nhiều hơn nữa, quan trọng hơn, chúng ta phải giữ ý trong sạch để không rơi phạm vào điều ác, phải khởi tâm ăn năn hối hận, thành kính nhất tâm niệm Phật, có như vậy mới mong vượt qua

những hậu quả khôn lường khi sinh báo, hậu báo đâm hoa kết quả.

Khi chúng ta biết được nhân quả nối tiếp nhau liên tục và tuần hoàn không bao giờ chấm dứt, khi đã tin sâu vào luật nhân quả, biết kính sợ ác báo, thì trong mọi lúc mọi nơi mọi hoàn cảnh, tâm tư tình cảm ý nghĩ của chúng ta tự nhiên sẽ hướng đến đoạn trừ các điều ác, siêng làm các việc thiện, ham tu ham học điều ích lợi. Bởi lúc này, chúng ta biết quá rõ là chính mình gieo nhân thì chính mình gặt lấy quả và tất nhiên là chẳng ai mong muốn chuốc lấy quả báo đau khổ bao giờ. Luật nhân quả chỉ cho chúng ta thấy rằng, chúng ta gieo nhân thiện nhất định sẽ được quả thiện, gieo nhân ác nhất định sẽ được quả ác. Quả thiện thì có thể gọi là được, nhưng quả báo ác đến thì không ai gọi là được cả, mà gọi là bị. Người này bị tàn phế hai tay mà không có người thân giúp đỡ, người kia bị co tay giựt chân la hét hoảng loạn khi hấp hối trông rất kinh sợ. Sức chịu đựng của con người là giới hạn, nhưng quả báo ác thì vô chừng vô hạn, tùy theo mức độ gieo ác của mỗi con người. Khi làm ác thì vui thích, nhưng quả báo đến thì kêu la thảm thiết đau đớn vật vã. Đây là một nghịch lý nơi đời sống con người và là sự thật trong đời sống thế

gian. Nhân nào quả nấy, không thể gieo nhân thiện mà lại gặt quả ác hay gieo ác mà gặt thiện, điều này hèn tồn không thể có, không thể xảy ra. Nhân quả là một định luật tất yếu muôn đời bất biến. Nếu đời này chúng ta gieo nhân thiện, đời này không hưởng (tức quả chưa chín) thì đời sau hưởng hoặc đời sau nữa hưởng. Đối với nhân ác cũng vậy, không trốn chạy đi đâu mà thốt khỏi nhân quả.

Khi tin sâu luật nhân quả chúng ta sẽ không còn hồ nghi hay lầm lẫn về nhân quả trước mọi hiện tượng trong cuộc sống. Trong đời sống con người, chúng ta cũng thường hay thấy có người đời này hay làm thiện mà quả báo lại không tốt, có người đời này làm việc xấu ác mà kết quả lại may mắn hạnh phúc. Vì sao có hiện tượng này? Đối với người đã tin sâu luật nhân quả thì họ liên tưởng đến nhân quả ba đời không chút hồ nghi, còn đối với người chỉ hiểu nôm na “nhân nào quả nấy” như cách thường nói của ông bà, thì trước hiện tượng này sẽ không khỏi thắc mắc nghi ngờ.

Như chúng ta đã biết nhân nào quả nấy, nhân quả nối tiếp tuần hoàn và liên tục, do vậy, đối với những hiện tượng khác thường nêu trên, chúng ta nên xét đến thời gian nhân quả, nó

không ra ngoài ba khoảng thời gian: Hiện báo, sinh báo và hậu báo. Nhân quả hiện báo, nghĩa là chúng ta tạo nhân thiện hay nhân ác trong đời này, do nhân duyên hội đủ khiến chúng ta thọ lãnh quả báo ngay trong hiện đời. Chẳng hạn chúng ta chăm học hành, luôn trau dồi đạo đức, kết quả chúng ta sẽ được đỗ đạt, có vị trí xã hội, trở thành một người công dân hữu ích. Ngược lại nếu chúng ta chơi bời lêu lổng, hút chích hoang phế một đời, thì kết quả chúng ta sẽ thọ khổ ngay trong đời này. Nhân quả sinh báo, nghĩa là chúng ta gieo nhân đời này nhưng đời sau mới chịu quả báo. Để chỉ rõ về sinh báo, trong kinh đức Phật đã dạy: *“Muốn biết nhân đời trước hãy xem quả đời này. Muốn biết quả đời sau, hãy xem nhân đời này”*. Nhân quả hậu báo, nghĩa là đời này chúng ta tạo nhân, nhưng mãi đến nhiều đời sau hay vô lượng kiếp về sau chúng ta mới thọ lãnh quả báo. Để chỉ rõ về hậu báo, trong kinh đức Phật đã dạy: *“Giả sử trong ngàn kiếp trôi qua, những nghiệp mà chúng ta đã gieo tạo sẽ không mất. Khi nhân duyên hội đủ, tự mình phải gánh chịu quả báo”*. Như vậy rõ ràng quả báo đến tự ai làm thì người đó chịu, chẳng ai thay thế mà chịu sướng khổ thay chúng ta cả, khi đã hiểu về nhân quả ba đời, nối tiếp, tuần hoàn

liên tục như vậy, chúng ta cần phải nỗ lực siêng năng làm các việc thiện, đoạn tuyệt với điều ác, luôn chú tâm giữ y nghi thật trong sạch để tạo cho chúng ta một cuộc sống mới tốt đẹp ngay trong hiện đời và một tương lai xán lạn về sau.

Nhìn quả hôm nay thấy nhân quá khứ, trong kiếp này, mỗi người chúng ta tuy có hiểu Phật pháp, có làm lành và có chút ít công phu niệm Phật, nhưng tâm thức vẫn còn đầy dẫy *tham sân si, ái - ó - hỷ - nộ*, nhỏ nhen tỵ hiềm, đấu tranh ganh ghét, điều này chứng tỏ đời trước của chúng ta cũng đã gieo không ít điều ác xấu và ngay cả đời này chắc gì chúng ta đã đoạn tuyệt hẳn với ác nhân ác nghiệp, chính vì vậy mà chúng ta cần nỗ lực chuyên nghiệp, sửa đổi những hành động bất thiện xấu ác. Trước đây do chưa tin tưởng vào luật nhân quả, chưa gặp Phật pháp, chưa có trí tuệ nên chúng ta sống theo bản năng tạo nghiệp chẳng lành, không sửa đổi những thói hư tật xấu, hoặc dù có muốn cải thiện đời sống, muốn sửa đổi những thói quen không lành mạnh, thì chúng ta vẫn không đủ đạo lực để hồn chuyển, cải thiện được.

Trong chương này chúng tôi chú trọng đến ba điều căn bản mà đức Phật đã dạy trong Giới Kinh, đó là: *“Tránh các điều ác. Siêng làm*

việc lành. Giữ ý trong sạch”, đây là nguyên lý đưa con người từ chỗ tối tăm đau khổ đến nơi an lạc, đây cũng chính là nguyên tắc sống của người có ý thức vươn lên. Chúng tôi thiết nghĩ, từ nền tảng ngũ giới và tâm chánh tín, chúng ta ứng dụng ba điều Phật dạy vào đời sống một cách triệt để, dần dần tâm chúng ta sẽ trở nên thanh tịnh, trí huệ sẽ phát sinh. Khi đó chúng ta sẽ có đủ năng lực chuyển đổi tất cả. Dù ác nghiệp có nặng đến đâu chúng ta cũng có thể hóa giải được, điều này tùy thuộc vào quyết tâm và ý chí vượt thoát khổ đau nơi mỗi con người.

Chúng ta cũng cần biết thêm tính chất của luật nhân quả, đó là một định luật đương nhiên giống như các định luật khoa học, luật nhân quả không do ai đặt ra cả, mà do ánh sáng giác ngộ nơi đức Phật phát minh ra, từ đó soi đường dẫn lối cho chúng ta từng bước tiến đến sự giác ngộ giống như đức Phật. Nhân quả đã là một định luật thì tạo nhân thiện hưởng quả thiện, tạo ác nhân gặt ác báo, nhân quả do mỗi người gieo ra tự gặt lấy hồn tồn không do trời thần quỷ vật nào cưỡng lại, xen vào hay thưởng phạt chúng ta được.

Khi đã hiểu Phật pháp, chắc chắn hàng Phật tử chúng ta đều nhận ra rằng, mỗi lời dạy

của đức Phật đều đem lại an lạc lợi ích cho chúng sanh, mục đích ý nghĩa mỗi lời mỗi câu Phật dạy đều trong sáng thuần thiện và thiết thực, thế nhưng chúng ta cứ gieo nhân tác nghiệp để rồi thọ khổ từ đời này sang đời khác. Vì nguyên do nào chúng ta hiểu biết một đàng mà làm một nẻo? Đã là Phật tử, tất nhiên chúng ta phải luôn tâm niệm và làm theo lời Phật dạy ngõ hầu đem lại lợi ích cho bản thân và mọi người, tuy nhiên không phải lúc nào chúng ta cũng dễ dàng thực hiện một đời sống tu hành nghiêm túc, phạm hạnh, bởi nó còn tùy thuộc nghiệp chướng nặng nhẹ và ý chí kiên định đồng mãnh nơi mỗi con người. Đối với người đã hiểu đạo, tam nghiệp tương đối thuần hòa, thật tâm tha thiết tu hành, vẫn còn gặp trở ngại không ít bởi tâm hôn trầm, mỏi mệt, lười biếng, huông gì đối với người sơ cơ học Phật còn nặng nợ với thất tình lục dục thì làm sao có thể vượt qua vô vàn thử thách trên bước đường về... Chính vì vậy mà đức Phật đã từ bi chế ra ngũ giới để giúp chúng ta bảo tồn cái nhân làm người trước đã, sau đó ngài dạy chúng ta làm lành lánh dữ, giữ ý nghĩ trong sạch để dọn đường tiến lên phía trước, cuối cùng ngài dạy chúng ta nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phải thừa

nhận rằng đức Phật quá từ bi, thương xót chúng sanh còn hơn mẹ thương con, nếu như chúng ta không chịu khó thức liêm thân tâm và nỗ lực tu hành theo lời Phật dạy thì chẳng thể lấy gì báo đáp thâm ân trời biển này trong muôn một.

Thế giới ngày nay hình như đã thấy được lợi ích thiết thực và sự nhiệm mầu của Phật pháp. Nhân loại đã phân nào thức tỉnh hướng về đạo Phật với sự thành kính ngưỡng mộ thật lòng, trong số đó đã có rất nhiều người phát tâm quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới cấm. Hàng Phật tử khắp năm châu đã quay về ổn định nội tâm, cần cầu sám hối, tha thiết tu hành theo Phật pháp. Có lẽ đây là những dấu hiệu đáng mừng trong thời mạt pháp này. Lỗi người đã có phần tỉnh trong bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động bởi hiện tượng biến đổi khí hậu, bên cạnh đó là nạn khủng bố tràn lan, tật bệnh đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, lương thực, năng lượng vẫn là những vấn đề nan giải mà con người luôn có nguy cơ phải đối mặt. Hơn bao giờ hết, đây là thời điểm mà nhân loại rất cần đến ánh sáng giác ngộ của Phật pháp soi rọi đến, nếu lỗi người không nhanh chóng hòa hợp chung tay cùng thực hành rốt ráo năm giới cấm và ba điều căn bản mà Phật đã dạy, thì e rằng nghiệp chướng và thù hận

của chúng sanh sẽ không còn cơ hội nào để cứu vãn...

Nhân loại vẫn bất an đau khổ, thế giới đang thoi thóp đợi chờ cơn hủy diệt mà hiện tượng biến đổi khí hậu đang là lời cảnh báo thực tế nhất, đã vậy lời người vẫn cứ khùng bố nhau, vẫn cứ tiến hành chiến tranh ra mặt. Quá khứ, lỗi người đã gieo tạo ác nghiệp quá nhiều và hiện tại vẫn không chịu dừng nghỉ. Sở dĩ xảy ra như vậy là vì nhân loại không có chánh tín. Như chúng tôi đã đề cập ở phần đầu chương này, chánh tín nghĩ là tin vào điều chơn chánh, hợp lý, có lợi ích, chánh tín cũng có nghĩa là tin vào nhân quả, gieo gì gặt nấy, ai gieo nấy gặt. Niềm tin đặt ngược lại những điều này, tùy trường hợp mà ta gọi là mê tín hay cuồng tín.

Trong cuộc sống, niềm tin là một thứ tình cảm đặc biệt mà chúng ta chỉ dành riêng cho những ai ta tôn trọng và thật sự tin cậy ở họ. Trong tôn giáo cũng vậy, đức tin cũng là một thứ tình cảm thiêng liêng được phát khởi khi chúng ta hướng về đấng thiêng liêng tối cao nào đó và ta đặt hết niềm tin vào đó. Đức tin chính là nền tảng cho mọi hoạt động của tôn giáo.

Con người khi đến với bất kỳ đạo nào thì khởi đầu cũng phải dựa vào đức tin. Nếu đạo đó

là đạo giác ngộ, giáo lý của đạo đó thật sự đem lại lợi ích giải thoát đau khổ cho quần sanh, chúng ta nên đặt niềm tin vào đó. Khi đặt niềm tin vào đó tức là chúng ta đã đặt niềm tin đúng hướng, nghĩa là chúng ta tin trong sự sáng suốt, có lý trí, có suy ngẫm, thì niềm tin này là cội nguồn của mọi hành động *chân thiện mỹ*, là cội nguồn của hạnh phúc an lạc cho bản thân và mọi người xung quanh. Ngược lại, khi chúng ta đặt niềm tin vào những mối đạo tà kiến, cực đoan, thì không những không đem lại lợi ích mà còn gây đau khổ cho bản thân, gây bất an cho nhân loại. Tin một cách mơ hồ mù quáng như vậy thì niềm tin này là cội nguồn của bạo hành khủng bố, gây đổ vỡ loạn ly, bất an đau khổ, trầm luân sanh tử.

Mê tín là biểu hiện của tâm mê mờ không sáng suốt. Cuồng tín là biểu hiện của mất lý trí, vì vậy nó phát triển tâm nhỏ nhen ích kỷ lên đến tột đỉnh. Cuồng tín cũng là biểu hiện của trạng thái mất quân bình, đánh mất khả năng cảm nhận sự tương giao, tương sinh trong cuộc sống nhân loại.

Cuồng tín và mê tín đều cùng phát khởi từ gốc rễ vô minh, đều là những tâm hồn bệnh hoạn chưa được khai mở. Tuy nhiên mê tín thì mang tính thụ động, chạy ra thế giới bên ngoài (ngồi

tâm) để cầu thần cây Thánh, thiếu khả năng tự giác nên trầm luân trong mê mờ tăm tối. Cuồng tín thì mang tính bạo động, lửa tham sân si hấy hùng, hồn tồn mất hẳn khả năng tự giác tự độ nên dễ dàng bị các thế lực lợi dụng nhiếp phục sai khiến. Đối với kẻ cuồng tín, dù họ mang thân người ở bên ngoài nhưng gần như không còn chất người ở bên trong, tất nhiên tình cảm ở họ cũng cạn kiệt tùy theo mức độ cuồng tín trong tâm họ. Trong quan hệ nếu ai nghịch ý thì người đó là kẻ thù, họ tiêu diệt ngay không cần suy xét. Chính vì vậy mà họ phải chịu quả báo khổ đau trong chốn sâu địa ngục. Điều này quả thật đáng xót thương!

Ngay trong cái thời đại được xem là văn minh tiên bộ này, nhìn ra thế giới, những cuộc *thánh chiến* kéo dài từ ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác, ngày nào cũng có người ngã xuống vì bom đạn, thù hận giữa các phần tử cực đoan kéo dài triền miên bất tận, tất cả cũng chỉ vì vọng tâm cuồng tín. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, hằng ngày đăng tải nhan nhản các vụ đánh bom liều chết đẫm máu. Chính tâm cuồng tín đã khiến những người này dám ôm những quả bom lao vào chỗ đông người để kích nổ, gây ra cảnh thối nát xương tan cho hàng

trăm ngàn đồng loại. Điều này quả là dã man ghê rợn không gì có thể sánh bằng.

Trên thế giới ngày nay, bên cạnh sự khùng bố tràn lan, lời người vẫn hăm he chiến tranh, đối phó lẫn nhau, và sẵn sàng tiêu diệt nhau khi cần thiết. Trong những ngày gần đây, báo chí đã đăng tin làn sóng mua sắm vũ khí ồ ạt của nhiều quốc gia Nam Mỹ đã làm nảy sinh những lo ngại mới về an ninh tại khu vực này. Được biết khu vực Nam Mỹ hiện có rất nhiều tranh chấp đường biên giới giữa các nước láng giềng, như giữa Peru với Ecuador, Bolivia với Chile, Venezuela với Guyana, Venezuela với Columbia... Trong khi đó Venezuela đã chi ra 4,4 tỷ đô la để mua của Nga 51 trực thăng tấn công và vận tải, 24 chiến đấu cơ Su – 30 MK, 100 ngàn khẩu súng AK103 cùng các loại tên lửa, bom gắn trên máy bay, súng bắn tỉa. Chi Lê thì gia tăng số lượng máy bay chiến đấu F-16 cùng với việc mua 140 xe tăng Leopard 2A4 của Đức. Colombia trong năm 2008 đã chi 12,3 tỷ đô la cho chi tiêu quốc phòng. Sau những cuộc chiến điều tàn trong quá khứ, dù các bên nói rằng cố gắng giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. Thế nhưng sự tồn tại của những tranh chấp cùng với xu hướng mua sắm vũ khí ồ

ạt như gần đây, thì nguy cơ về những xung đột vũ trang cục bộ là điều vẫn có thể xảy ra. Ở Afghanistan, Irắc cuộc chiến vẫn kéo dài chưa đến hồi kết thúc. Vấn đề hạt nhân ở CHDCND Triều Tiên và Iran vẫn là mối lo ngại cho những con người yêu chuộng hòa bình trên thế giới...

Cùng với nguy cơ chiến tranh mà con người đang tạo ra thì những quả báo khắc nghiệt cũng do chính con người đã miệt mài tạo tác hàng trăm năm qua nay cũng đã đến hồi nhân loại phải gánh chịu hậu quả. Bụi khói khí thải từ các nhà máy công nghiệp nặng nhẹ cùng với các chất phóng xạ từ các lò phản ứng hạt nhân lan tràn bầu khí quyển. Nạn săn bắt thú rừng quý hiếm cùng với những cánh rừng bạt ngàn bị con người tàn phá vô tội vạ. Chất thải độc hại từ các nhà máy khắp nơi vô tư tuôn ra các dòng sông và đó đây là nạn khai thác không sản vô lê lỏi... Tất cả diễn ra với cường độ ngày càng mạnh, càng dữ dội hơn, bởi lòng tham của con người thì vô bờ bến.

Kết quả ban đầu là những cơn sóng thần cứ vài năm tái diễn một lần, mỗi lần như vậy cướp đi hàng trăm hàng ngàn, có khi lên đến hàng trăm ngàn sinh mạng, cuốn trôi không biết bao nhiêu là làng mạc, nhà cửa, tài sản. Những

trận động đất liên tiếp xảy ra trong vài năm trở lại đây, Tứ Xuyên (Trung Quốc) chưa kịp hồn hồn, đến lượt Indonesia, rồi động đất lại rung chuyển cả một vùng Nam Á rộng lớn, khiến cho hàng trăm triệu người dân ở Afghanistan, Pakistan, Ấn Độ phải một phen khiếp vía. Rồi lũ bùn, bão tuyết, sập đồi, lở đất, triều cường xâm thực diễn ra khắp mọi nơi. Điều đáng sợ hơn đó chính là hiện tượng băng tan ở Bắc cực, trái đất nóng dần lên, hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, thảm họa thiên tai, còn nữa, đó là dịch bệnh hoành hành, nào là ung thư, sida, nào là H₅N₁ rồi AH₁N₁... Hậu quả thê lương này chỉ vì vô minh và lòng tham dục quá sâu nặng ở con người.

Kiếp người quá ngắn ngủi, mạng sống mong manh chỉ trong hơi thở, con người không những không tỉnh ngộ điều này, ngược lại còn ra sức tàn phá bầu khí quyển, tự bóp ngạt lá phổi của chính mình, điều này càng làm chúng ta liên tưởng đến những lò sát sinh của Hít Le trong chiến tranh thế giới thứ hai, khi chúng hút hết dưỡng khí và xả chất độc hại vào lò để sát hại những tù binh.

Cái thế giới quá mong manh này hình như không còn chịu nổi sự tàn phá của con người, thiên nhiên đã nhiều lần lên tiếng, các nhà khoa

học hướng thiện cũng đã truyền đi những thông điệp khẩn cấp hãy cứu lấy hành tinh... Tuy nhiên trong đại họa, đời sống nhân loại cũng còn chút phước, đó chính là sự lặng lẽ tinh tấn tu hành của hàng trăm triệu người con Phật trên khắp hành tinh, từ bao nhiêu năm qua đã âm thầm làm công việc cải thiện phần nào sự bất an bất ổn do đồng loại gây ra, bằng cái tâm thanh tịnh của người con Phật. Xét cho cùng, sở dĩ con người vô minh như vậy, tham lam như vậy, tạo ra nghiệp chướng như vậy và nhận lấy hậu quả khôn lường như vậy, cũng là do con người không gặp được Phật pháp, không hiểu luật Nhơn quả mà thôi. 2500 năm qua, nếu không có Phật pháp hiện hữu trên thế gian này, không có những bậc giác ngộ ra đời và những Phật tử chánh tín thuần thành, lúc nào cũng hướng về điều lành, đoạn tuyệt điều ác, giữ ý nghĩ trong sạch, thì có lẽ cái thế giới này còn tồi tệ hơn nhiều.

Như chúng ta đã biết, nhân nào quả nấy, những gì con người đã gieo ra thì chính con người phải gánh chịu hậu quả. Là một sinh linh trong số hàng chục tỷ sinh linh hiện hữu trên thế giới này, dù hiện đời chúng ta không gieo ra thảm họa chiến tranh hay tàn phá thiên nhiên, nhưng biết chừng đâu, trong nhiều đời nhiều

kiếp trước, việc làm tổn hại này chúng ta cũng đã có lần sai phạm, hơn nữa, đã là công nghiệp thì không thể nói là không ảnh hưởng. Do vậy, đã hiện diện trên cuộc đời bất an đau khổ này, hàng Phật tử chúng ta nên đi tiên phong trong việc xây dựng lại thế giới bất an đau khổ này trở thành một thế giới hòa bình an lạc.

Trong chương *Lời Phật dạy* này, sở dĩ chúng tôi nêu ra nhiều thảm họa trong đời sống thế gian, là để hàng Phật tử chúng ta nhận ra trọng trách của mỗi người con Phật trong bối cảnh thời nay, để quý Phật tử ý thức được sự cần thiết và cấp bách của đời sống tu hành. Chúng tôi mong rằng, quý Phật tử hãy nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc giữ gìn năm giới cấm, thực hiện ba điều căn bản mà đức Phật đã dạy: “*Tránh các điều ác. Siêng làm việc lành. Giữ ý trong sạch*”. Quan trọng hơn là tha thiết chuyên cần niệm danh hiệu đức Từ Phụ A Di Đà, khẩn cầu vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Tự giác và nỗ lực thực hiện trọn vẹn những điều này trước hết là để tự cứu lấy mình, đồng thời những ảnh hưởng tích cực từ bốn tâm thanh tịnh do năng lực tu hành phát sinh ra cũng sẽ phần nào hóa giải bớt đi sự nguy vong của nhân loại.

CHƯƠNG 4



TAI HẠI CỦA NGŨ DỤC

Trong đời sống con người, có thể nói không thứ gì lôi cuốn bằng sắc đẹp, tiền tài, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ. Năm món dục lạc này trong nhà Phật gọi chung là ngũ dục. Trên đời này, dù là người thế gian hay người tu theo pháp xuất thế gian, thì ngũ dục vẫn mãi là một chướng ngại lớn trong đời sống cũng như trên bước đường hành đạo. Đối với người đời, nếu quá mê đắm trong ngũ dục mà không lượng sức mình cũng sẽ rước họa vào thân, bởi sắc đẹp ai mà không thích, tiền bạc ai mà không ham, danh vọng địa vị ai mà từ chối, ăn ngon mặc đẹp, chăn êm nệm ấm, tất cả đều rất hấp dẫn, khi chưa có thì người ta gắng hết sức tạo tác để làm cho có, khi có rồi thì người ta tha hồ thụ hưởng đắm chìm trong đó. Đối với ngũ dục, suốt cuộc đời này, con người hòn tồn không có lối ra, con người lẩn quẩn một đời đi tìm đầu vào và đầu ra cho nhu cầu ngũ dục, để rồi khổ đau bất hạnh vẫn hòn khổ đau bất hạnh.

Thật ra, ngũ dục là quả phước riêng của mỗi con người, không phải ai muốn có tiền tài danh vọng vợ đẹp con ngoan cũng dễ có được; nếu không đủ phước đức, không có một đời sống chuẩn mực, mà rắp tâm ham muốn cho bằng được năm món dục này, không khéo sẽ rơi vào con đường phạm pháp; còn nếu đó là quả phước do ta gieo tạo từ quá khứ, nhưng hiện tại không lo tu hành, chỉ đắm mình thụ hưởng, thì ngũ dục chính là con đường đưa ta đến chỗ diệt vọng. Chiến tranh bạo loạn xảy ra triền miên trên thế giới này cũng đều phát sinh từ lòng ham muốn, dục vọng vô biên của con người. Người tu hành bị đọa lạc phần nhiều cũng là do không thắng nổi ngũ dục.

Chương trước đây chúng tôi đã nêu lên tính thiết thực của ba điều căn bản mà đức Phật đã dạy; nếu giữ gìn ngũ giới một cách nghiêm túc, đồng thời siêng làm lành lánh dữ, giữ ý trong sạch, nhất tâm niệm Phật, thì tương lai chắc chắn chúng ta sẽ được sinh ra từ những đóa sen trong ao thất bảo ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nơi đó là thế giới thanh tịnh, hồn tồn thuần khiết, không có ngũ dục như nhớp bất tịnh như ở cõi Ta bà...

Nói là như vậy, nhưng liệu chúng ta có thực hiện được hay không? Nếu chúng ta thực hiện trọn vẹn những điều mà đức Phật đã dạy thì quả là thật tuyệt vời, nhưng nếu chúng ta chỉ thực hiện được nửa phần, nửa phần còn lại cứ trầy trật, trôi lên thụt xuống, thì chúng ta cũng cần suy nghĩ kỹ lưỡng lại xem, nguyên nhân do đâu mà con đường tu tập của chúng ta cứ ì ạch chậm tiến như vậy. Theo kinh nghiệm của bản thân, đó chính là do chúng ta đang bị sức cám dỗ của ngũ dục thôi miên chúng ta vào vòng xoay của cuộc đời.

Tham dục là một trong những bản năng lớn mạnh nhất của con người, theo như lời Phật dạy thì chúng ta đang sống trong cõi dục, bản thân mỗi chúng ta lại là một hạt giống dục vọng. Chúng ta thử nghĩ xem, hạt giống dục mà sinh sôi nảy nở trong cõi dục thì chắc chắn nó sẽ đâm chồi dục, mọc cây dục và kết quả dục. Đây là một thực tế cũng là điều tất yếu. Thế nhưng khi đã là người con Phật, quyết tâm làm theo lời Phật dạy, thì đòi hỏi mỗi chúng ta phải tự chuyển hóa, khi đó hạt giống mà chúng ta gieo trên đời sống thế gian này không còn là hạt giống dục vọng nữa, mà là hạt giống Bồ Đề, đã là hạt giống Bồ Đề thì chúng ta cần phải thay đổi tồn bộ nhận

thức, thay đổi tồn bộ cách sống sao cho hợp với đạo lý giải thoát. Một sự thay đổi trên tinh thần tự giác và nỗ lực liên tục, nếu chúng ta muốn ngược dòng sanh tử, trở về với bản tâm thanh tịnh của chúng ta.

Trong năm món dục thì sắc dục đứng hàng đầu. Nói đến hấp lực của nữ sắc trong đời sống thế gian, có lẽ chúng ta đều không quên câu “Anh hùng không qua được ả mỹ nhân”. Thời xưa những vị anh hùng mặc áo giáp sắt ngồi trên lưng ngựa chiến, vùng vẫy ngang dọc khắp các chiến trường, chinh Nam phạt Bắc bất chiến bại trước muôn ngàn đối thủ, nhưng khi đối diện trước mỹ nhân thì đành phải xuống ngựa đầu hàng thúc thủ. Cũng chính sự lợi hại khôn lường của sắc đẹp mà trong các thủ thuật chính trị ở phương Đông, người ta thường hay dùng mỹ nhân kế để thôn tính lẫn nhau. Sự lợi hại của nữ sắc trong đời sống thế gian nói không cùng.

Đã là con người thì ai cũng có tâm tham sắc, tham tài, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Cái tâm tham dục này quả là không có đáy nên chúng sanh không bao giờ biết dừng lại. Thoạt nhìn thấy nhan sắc xinh đẹp, vóc dáng thướt tha mỹ miều, nghe âm thanh du dương trầm bổng, nếm hương vị ngon ngọt đậm đà thì tự nhiên

sanh tâm mê đắm, rồi tìm cách chiếm hữu cho bằng được mới thỏa mãn dục tâm. Chỉ vì muốn hưởng thụ trong nhất thời mà con người đã không từ mọi thủ đoạn để tranh đoạt lẫn nhau, dẫu biết bất chính thì sẽ ôm quả khổ sau này nhưng vẫn cố phạm, điều này quả thật đáng thương xót biết chừng nào. Người xưa nói “Tri túc thường lạc, năng nhẫn tự an”. Nghĩa là biết đủ thì sung sướng hạnh phúc, biết nhẫn thì an thân. Lời nói này quả thật xác đáng biết bao. Chư tôn đức dạy rằng, nếu còn lòng tham thì con người vĩnh viễn không thể sung sướng được. Không tham lam thì tâm hồn thanh thản tự tại an vui hạnh phúc. Do vậy điều căn bản của người tu theo Phật pháp là cần phải tức thời đình chỉ ngay cái tâm tham dục. Như đã nói, lòng tham giống như cái hố sâu không đáy nên chẳng mấy ai thỏa mãn. Khi không thỏa mãn thì sinh ra sân hận, trong khi đó năm dục hỷ hưng đốt cháy tâm can, chúng sanh lao vào ngũ dục như con thiêu thân lao vào ánh đèn, bếp lửa, si mê chẳng tự biết, không những tự hủy hoại thân mạng đời này mà hủy hoại luôn con đường giác ngộ muôn kiếp về sau. Trong đời sống, do khởi lòng tham nên nhiều người đã thân bại danh liệt, làm quan mà tham dục nhiều thì rất dễ rơi vào vòng lao lý,

cũng là tiềm ẩn nguy cơ khiến cho nước mất nhà tan. Tâm tham dục chính là thứ hại người, là người tu theo hạnh Phật chúng ta không thể không cẩn trọng.

Tương trạng cái thế giới mà chúng ta đang sống luôn biến đổi theo chu kỳ *thành - trụ - hoại - không* và cái thân xác nơi mỗi chúng ta cũng luôn biến đổi theo chu kỳ *sinh - lão - bệnh - tử*. Vũ trụ quan thì thành rồi trụ, trụ rồi hoại, hoại rồi sẽ không. Nhân sinh quan thì có sanh ắt có già, già rồi sẽ bệnh, bệnh rồi chết. Nếu không sanh thì không già, không bệnh, không chết. Cái gì không sanh? Đây là nguyên lý phản bốn hòn nguyên, là tâm kinh vô tự, nhưng ngặt rằng chúng ta cứ mãi dùng vọng tâm phân biệt nên suốt đời lẩn quẩn trong vòng luân hồi không thoát ra được. Chư Phật chư Tổ dạy, nếu muốn thoát khỏi luân hồi sanh tử thì trước hết phải phá ngay cái tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì việc tu hành mới mong có ngày chứng ngộ được bản lai diện mục xưa nay vốn chẳng dơ chẳng sạch, chẳng đến chẳng đi, không sanh không diệt. Thế nhưng con người hầu như không những không dẹp bỏ được vọng tâm chấp trước mà còn kiên cố bảo thủ cái tâm phân biệt vọng tưởng tham dục của mình. Vì lẽ đó mà suốt đời lấy giả

làm chân, lấy hư làm thật. Hòa thượng Tuyên Hóa dạy rằng, nếu không kiềm chế tánh hư vọng cuồng dại thì trí huệ chân chính không bao giờ xuất hiện được. Tư tánh bị che đậy bởi vô minh. Vô minh có hại kẻ giúp đỡ. Thứ nhất là thức ăn, thứ hai là sắc đẹp. Một cái là *thực dục*, một cái là *sắc dục*. Hai thứ này giúp đỡ cho vô minh làm đủ thứ chuyện xấu xa. Sách Nho có nói “Thực sắc tánh dã”, nghĩa là háo ăn háo sắc là bản tính của con người. Lờn thế gian và xuất thế gian đều chỉ ra sự nguy hại của ngũ dục, con người cũng nhận ra lẽ thật này, nhưng hầu như khó ai vượt qua cái tâm tham dục của mình. Tuy nhiên chúng ta cũng cần phải hiểu vì sao chúng ta không vượt qua được nó, vì sao chúng ta không phá nổi vô minh, vì sao chúng ta vẫn không đoạn dứt được phiền não. Suy cho cùng, đó là chúng ta vẫn còn ham ăn háo sắc.

Trong tuyển tập khai thị của Hòa thượng Tuyên Hóa, trong mục “Bí quyết tu đạo”, ngài dạy rất rành mạch: *“Ăn uống thì trợ giúp cho dục vọng, dục vọng lại làm tăng trưởng vô minh. Con người sinh ra thì biết ăn, con nít sinh ra là biết uống sữa. Không có sữa thì nó khóc, uống rồi lại muốn thêm nữa. Đúng vậy! lòng tham này mới sinh ra là đã có, sau khi có lòng tham ăn rồi*

thì sinh ra có lòng tham sắc. Con trai thì ham nữ sắc, con gái thì ham nam sắc, quyến luyến nhau, ham muốn không chịu buông bỏ... Ăn uống bao nhiêu thứ tinh hoa đều biến thành tinh. Hễ tinh mà sung mãn thì sinh ra lòng sắc dục, cho nên người xưa nói rằng “Bão nổi tư dâm dục Cơ hàn khởi đạo tâm”, nghĩa là no ám thì chuyên nghĩ chuyện dâm dục, đói lạnh mới khởi lòng trộm cắp. Khi ăn no rồi, con trai nghĩ đến con gái, con gái thì nghĩ đến con trai, chỉ có khởi dục niệm này. Khi nghèo thì nghĩ cách trộm cắp, cũng vì để có đồ mà ăn, ăn rồi tình dục lại khởi lên. Thế nên hễ ăn cho đủ chất dinh dưỡng, mập mạp phì nộn ra rồi thì lại chỉ khởi lòng dâm. Con người trước tiên là khởi lòng tham ăn, muốn ăn thật ngon miệng, muốn ăn để cơ thể cường tráng. Song ăn ít thì không đủ, mà ăn nhiều làm sao thỏa mãn được lòng tham? Cho nên người ta chết vì sắc vì thực. Nếu vô minh không có sắc và thực toa rập thì chẳng có thể tác hại được ai. Người xuất gia ăn đồ càng dở càng tốt, không có dinh dưỡng thì lại càng tốt hơn nữa. Thế nên đối với vấn đề ăn uống đừng có quá coi trọng. Ăn là để duy trì mạng sống mà hành đạo. Không cần phải có quá nhiều chất dinh dưỡng nhưng cũng không ăn những đồ hư

hoại khiến cho cơ thể sinh bệnh, đó là thực hành Trung đạo”. (Trích Khai thị tập 2 – HT. Tuyên Hóa – NXB Tôn giáo 2005).

Trong cuốn Kinh Thủ Lăng Nghiêm giảng thuật, Hòa thượng Tuyên Hóa giảng giải rất rõ về cái tâm ham muốn vật chất tài sản và ham muốn tình dục của con người. Có lẽ đây là những đoạn văn rất có lợi cho quý Phật tử đang quyết tâm đoạn trừ cái tâm ham muốn dục vọng tai quái của mình. Chúng tôi xin trích đăng nguyên văn đoạn giảng giải này để giúp quý Phật tử có thể hình dung ra sự liên hệ mật thiết, nối kết liên tục và bất tận giữa vô minh và tâm tham dục của con người, vì vô minh mà con người không ngừng tham dục, vì tham dục hãy hừng mà vô minh ngày càng tăng trưởng lớn mạnh che mất bồ đề tâm và trí huệ của tất cả chúng ta: *“Chúng ta đang sống trong cõi Dục, mặc dù chúng ta đang sống trên trái đất, nhưng thật ra chúng ta là một phần của cõi trời Dục giới. Gọi là cõi Dục là vì con người ở đó luôn luôn có tâm niệm ham muốn mà không lúc nào biết dừng lại. Họ tham muốn hai thứ: Vật chất của cải và tình dục. Tham muốn của cải vật chất là thích sử dụng và có được mọi thứ. Chẳng hạn như khi quý vị chưa có nhà, thì thích mua một*

cái nhà. Còn khi quý vị đã có một cái nhà rồi, thì thích mua một cái khác đẹp hơn. Đó là tham muốn nhà cửa. Trong quá khứ người ta thường thích mua nhiều ngựa quý để cỡi, ngày nay họ thích mua xe hơi sang trọng. Đầu tiên họ tìm mua một chiếc xe cũ nát, nhưng khi họ lái chiếc xe ấy đi khắp nơi, mọi người đều nhìn với vẻ khinh khi, nên họ quyết định mua một chiếc đẹp hơn, nhưng họ vẫn chưa mua được một chiếc xe đời mới nhất. Một khi họ so sánh xe của họ với những chiếc xe đời mới nhất, họ lại thấy xe của mình chưa được tốt cho lắm, thế nên họ mua ngay một chiếc xe mới. Đó là ham muốn xe hơi. Cuối cùng tham vọng của họ lên đến mức khi đã có xe hơi rồi, họ lại quyết định mua máy bay. Khi đã có máy bay rồi, họ lại muốn mua tàu thủy. Họ ham muốn vật chất không bao giờ chán. Họ không bao giờ nói: “Ta đã thỏa mãn rồi, ta đã có đầy đủ rồi, ta không muốn thêm thứ gì nữa cả. Ta không ham muốn điều gì nữa cả”. Những ham muốn ấy do đâu mà có? Nó đến từ vô minh. Tham muốn sắc dục là điều mà có lẽ quý vị đều hiểu rõ, khỏi cần tôi phải nói. Có nghĩa là tham muốn sắc đẹp. Điều ấy cũng vậy, không thể nào thỏa mãn được. Một vợ chưa đủ, muốn có hai, rồi hai vợ chưa đủ, muốn có ba, có

kẻ cần đến mười hoặc hai mươi người vợ. Các vị vua chúa thường có vài trăm vài ngàn phụ nữ sống trong cung. Quý vị có cho rằng như thế là không công bằng chăng? Nay trong chế độ dân chủ, người dân chỉ được phép có một vợ. Tục lệ đa thê bị cấm đoán, nhưng vẫn có nhiều người lén lút quan hệ bất chính. Bị sai sử bởi ham muốn sắc dục, nhiều nam nữ lén lút quan hệ với nhau một cách phóng dãng, chẳng theo luật pháp, theo đạo đức gì cả”.

Trong kinh đức Phật dạy, dâm dục là nguồn gốc của sanh tử luân hồi. Nếu không đoạn trừ được dâm dục thì muốn sanh lên cõi trời cũng không được hưởng hồ là muốn chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề? Do vậy, nếu muốn tu pháp thiền định Tam Ma Đề, muốn giải thoát khổ đau luân hồi sanh tử hoặc muốn vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thì trước hết phải vượt qua cửa ải quan trọng này. Đối với quý Phật tử tu theo pháp môn Tịnh Độ, sau mỗi thời tụng kinh A Di Đà, chúng ta thường niệm Phật và Thánh chúng Bồ Tát, trước khi niệm Phật hồi hướng, chúng ta thường hay tụng bài kệ “*Ái hà thiên xích lãng – Khổ hải vạn trùng ba. Dục thốt luân hồi khổ. Cấp cấp niệm Di Đà*”, bài kệ này nói lên nguồn gốc của luân hồi sinh tử là biển khổ si mê ái dục,

muôn thoát khỏi khổ nạn luân hồi thì phải mau mau niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà.

Như chúng ta đã biết, tâm con người là nơi giao nhau giữa hai cực âm dương, cũng là đấu trường giữa lý trí và tình cảm. Người xưa thường nói “Tình sanh thì trí cách”. Tình ở đây là tình cảm, tình ái, tình dục. Trí là lý trí, là trí tuệ, trí giác. Tuy nhiên đa phần thì lý trí của chúng ta luôn thúc thủ đầu hàng trước tình cảm, năng lực của lý trí ít khi thắng được bản năng dục vọng. Chính vì vậy mà con người cứ mãi khổ đau trong luân hồi sanh tử. Hòa thượng Tuyên Hóa dạy rằng: *“Cái tật xấu lớn nhất của chúng sanh là si ái. Ngày đêm ở trong vòng si ái mà chẳng giây phút nào buông bỏ choặng. Nếu mình có thể đem long hào sắc biến thành lòng ham tu học Phật pháp, giờ phút nào cũng chẳng quên học Phật, thì rất mau có thể thành Phật”*. Từ lời này, suy ra chúng ta sẽ thấy, nếu lúc nào chúng ta cũng nghĩ tưởng đến tình cảm ái ân, si mê dục vọng thì chúng ta cũng rất mau đầu thai vào thế giới súc sanh cho thỏa chí sự vô minh si ái của mình.

Tình ái và dục vọng chính là tảng đá lớn buộc chặt vào thân tâm người tu đạo giải thoát, nó nhấn chìm người tu đạo trong bể khổ luân hồi

không có ngày ra. Điều này người tu nào cũng biết, vậy mà vẫn có không ít người thích thú và tình nguyện làm nô lệ cho ái dục. Đây là mạt pháp, chứ mạt pháp không phải ở thời nào, cũng chẳng ở đâu xa cả! Trong nghiệp sinh tử thì tình ái và dục vọng là gốc rễ chướng đạo. Có thể nói rõ hơn, ái dục là sinh tử, sinh tử là ái dục. Nếu không đoạn trừ được tình ái dục vọng thì chắc chắn chúng ta sẽ không ra khỏi luân hồi sinh tử. Dứt trừ dục vọng, diệt sạch ái tình một cách triệt để thì họa may chúng ta mới có thể tiến tu trên con đường Phật pháp.

Đã là một Phật tử, quý Phật tử nên hạn chế tối đa vấn đề tình ái, tránh được chùng nào thì tốt chùng nấy. Nếu chúng ta đã chọn cho mình con đường tu hành giải thoát làm lý tưởng thì càng không nên có tư tưởng và hành vi yêu đương, vì hễ có lòng yêu đương thì gốc khổ không thể tránh được, đã có lòng yêu đương thì sanh tử không thể thoát ra được. Để giúp chúng ta tránh xa tình ái và dâm dục, trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, đức Phật đã dạy: *“Minh xem những người già như mẹ mình, những người lớn tuổi như chị mình, những người trẻ là em mình và những đứa nhỏ là con mình. Hãy sinh lòng từ bi độ thoát chúng và diệt trừ những niệm ác”*.

Niệm ác mà đức Phật muốn nói ở đây chính là niệm dục, là ái ân tình dục. Là một Phật tử chân chính, chúng ta phải thường xuyên quán tưởng như vậy. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên lưu ý rằng, không vì việc quyết tâm đoạn trừ ái dục mà mình luôn có khoảng cách lạnh lùng xa lạ hay câu gắt với người nữ, nếu xảy ra như vậy thì đó cũng là căn bệnh do tình và ái biến tướng ra, mà gốc rễ ái tình chúng ta chưa đoạn được. Là người tu học theo Phật pháp, chúng ta không nên vướng vào tình ái, không nên đem lòng yêu thương chạy theo tình ái, nhưng cũng không nên xua đuổi gắt gỏng với người khác phái, vì như vậy cũng là những sai lầm đáng tiếc. Diệt dục là diệt ở tâm, trừ dâm là trừ ở ý, chúng ta nên nhớ như vậy. Chúng ta không yêu thương ai bởi tình ái dục vọng thấp hèn, nhưng cũng không ghét bỏ ai vì sự đố kỵ đối phó không hợp lý. Chúng ta không thương cũng không ghét, ấy mới là không vướng vào tình cảm, không chấp vào thương ghét, ấy mới gọi là Trung đạo. Thực hành Trung đạo đòi hỏi chúng ta phải luôn bình đẳng từ bi với mọi người xung quanh, nhưng chúng ta cũng phải luôn cảnh giác đề phòng với dục tâm vọng tưởng chưa hồn tồn chấm dứt, nếu không khéo

chúng ta cũng rất dễ rơi vào cạm bẫy ái tình. Sự thật thì đây quả là điều không đơn giản chút nào.

Để khử ái đoạn dục, chúng ta phải luôn luôn kiểm soát bản thân, nhất là đứng trước những hôn cảnh mà tâm ái dục dễ có cơ hội phát triển. Chẳng hạn như khi chúng ta nhận được một lá thư tình, khi đã chọn con đường tu đạo giải thoát rồi, đã nhận ra chân tướng của tình ái là sinh tử rồi, quý Phật tử cần phải xử lý như thế nào trong trường hợp này? Quý Phật tử có động tâm không? Có bị con ma tình ái mê hoặc không? Trước những hôn cảnh và tình huống có thể xảy ra trong đời sống, người Phật tử chúng ta phải xử lý ra sao? Thiết nghĩ đây là vấn đề trọng đại, Phật pháp không thể nói suông. Nếu chỉ nói suông mà không hành trì tu niệm, thì sự cố xảy ra, chúng ta sẽ rớt ngay dù là mọi việc thử thách chỉ là mới bắt đầu. Sự thật thì người gởi lá thư tình tán tỉnh kia chẳng qua là muốn cùng quý Phật tử tham quan địa ngục hay kết bạn với quý Phật tử trong thế giới súc sanh mà thôi, ngòi ra chẳng có gì khác. Từ vô lượng kiếp đến nay, sở dĩ chúng ta không ra khỏi luân hồi sanh tử cũng là do tình ái và dục vọng, mê hoặc buộc chặt chúng ta với vô minh. Trên thực tế đời sống, khi thích ai đó, hay thích điều gì đó thì mình yêu

thương nồng nàn, còn khi không thích thì mình ghét bỏ. Thật ra yêu thương hay ghét bỏ cũng đều do tình cảm mà ra, mà tình cảm chính là khởi đầu của tình ái và dục vọng. Là người học Phật, chúng ta nên quán xét kỹ lưỡng trong các mối quan hệ trong đời sống, nhất là khi giao tiếp quan hệ với người khác phái, chúng ta luôn sáng suốt và tinh thức để nhằm giúp nhau tiến tu trên con đường Phật đạo. Về điều này, Hòa thượng Tuyên Hóa đã dạy rằng: *“Đối với người khác mình phải có lòng từ bi, tìm phương tiện giúp đỡ họ. Lúc nào cũng nên nghĩ đến người khác và khiến họ sanh lòng hoan hỷ. Cho đến hơi thở cuối cùng cũng nên đối xử tốt với mọi người, nhưng đừng để tình ái xen vào. Các vị nhớ lấy! Đó là pháp môn vô cùng trọng yếu”*.

Nói đến sức mạnh của ái dục phải nói là kinh khủng, người đời luôn bị nó lôi cuốn vào ma trận, đó là chuyện bình thường, nhưng đối với người tu hành thiếu lý trí, không đủ định lực cũng dễ dàng tự hủy hoại mình như trở lòng bàn tay. Trong kinh Lăng Nghiêm, câu chuyện ngài A Nan bị con gái của Ma Đăng Già quyến rũ, đến nỗi sắp sửa bị hủy hoại giới thể, nếu ngay đó mà không nhờ đức Phật dùng chú Lăng Nghiêm sai ngài Văn Thù Sư Lợi đến giải cứu kịp thời,

thì con đường tiên tu của ngài A Nan cũng khó có thể thành tựu trọn vẹn. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Thật của Hòa thượng Tuyên Hóa đã thuật lại rằng: “Một hôm A Nan đang đi trên đường khát thực, mang bình bát đến từng nhà theo thứ tự. Trong khi một mình trên đường đi thì gặp con gái của Ma Đăng Già... Khi con gái của Ma Đăng Già thấy A Nan, cô ta liền mê đắm, nhưng không biết làm sao cám dỗ A Nan được. Cô ta về nhà nói với mẹ rằng “Mẹ phải giúp con lấy A Nan làm chồng. Nếu không con chết mất”. Bấy giờ Ma Đăng Già là một tín đồ ngoại đạo, thuộc phái Ta Tỳ Ca La, còn gọi là Kim Đầu. Bà ta có một loại chú thuật gọi là Tiên Phạm Thiên. Bà ta tu luyện chú thuật ngoại đạo này và sử dụng nó rất linh nghiệm. Do bà Ma Đăng Già rất thương con gái mình, nên bà ta dùng chú Tiên Phạm Thiên để mê hoặc A Nan. Do thiếu định lực nên A Nan không thể tự chủ được, bị chú thuật dẫn dắt đến nhà cô con gái của Ma Đăng Già, nơi A Nan suýt bị phạm giới dâm” và “Khi đức Phật trì chú Thủ Lăng Nghiêm thì năng lực của mình chú liền phát khởi trong A Nan và quét sạch mọi mê muội trong tâm, khiến A Nan liền thức tỉnh. A Nan mới nhận ra được tại sao mình bị vướng vào tình huống

như thế này. A Nan trở về tịnh xá, quỳ trước chân Phật khóc lóc thảm thiết: “Con từ trước đến nay, con chỉ y lại vào học rộng hiểu nhiều, mà không chịu tu tập để hồn chính đạo lực. Kính mong Thế Tôn chỉ bày cho con phương pháp tu tập định lực của chư Phật trong mười phương để thành tựu đạo lực”.

Qua trường hợp ngài A Nan gặp nạn Ma Đăng Già, chúng ta rút ra được một bài học hết sức bổ ích, đó là nếu chúng ta chỉ lo học mà lơ là không lo tu tập *giới - định - huệ* thì khi gặp môi trường ngũ dục, nhất là sắc dục, chúng ta rất dễ bị sa ngã, giới thể cũng dễ dàng bị hủy phạm. Quả thật, sắc đẹp rất dễ làm mê đắm lòng người, khi chạy theo sắc dục tức là chúng ta đã hủy hoại con đường giải thoát giác ngộ của mình. Nhất là đối với những Phật tử còn trai tráng, nếu không nỗ lực tu tập và rèn luyện ý chí, đồng mãnh tha thiết tu hành thì rất khó có thể chế ngự trước sự cám dỗ của dục vọng. Chư tôn đức dạy rằng, bất kỳ ai muốn đạt được năng lực chánh định, trước hết phải từ bỏ tâm luyến ái. Đối với người tu tập theo Phật pháp mà còn tâm luyến ái, tâm dâm dục thì không thể nào đạt được chánh định, cũng như nấu cát không thể biến thành cơm. Để vượt qua ái dục, đòi hỏi mỗi người học Phật chúng ta

phải nỗ lực tu tập với một ý chí vững chắc, khi nào thành tựu được định lực thì khi đó chúng ta mới có thể chế ngự tâm ái dục. Chúng tôi thiết nghĩ, quý Phật tử cũng cần tìm hiểu về *định*, một yếu tố căn bản để người học Phật chúng ta có thể nhờ đó mà vượt qua ngũ dục.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Thuật, Hòa thượng Tuyên Hóa đã giảng giải rất rõ về điều này như sau: *“Bên cạnh việc tu tập giới luật, các vị Sa Môn còn tu tập thiền định, có nhiều loại định, nhưng tổng quát, nếu quý vị không bị xoay chuyển bởi bất kỳ ngoại cảnh, thì đó gọi là định”*. Và *“Để có định lực, quý vị phải chịu khổ nhọc, khi quý vị chịu khó tu tập, quý vị sẽ đạt được một số kinh nghiệm khác nhau. Nhưng ngay khi có được chút ít kinh nghiệm này, quý vị phải thận trọng đừng để cho nó xoay chuyển mình. Đó được gọi là định lực. Nếu chỉ bị một tình huống xoay chuyển tâm thức, thì quý vị chưa có định lực, chẳng hạn như khi quý vị nhận được một bức thư báo tin xấu khiến cho quý vị bần lòng, như vậy là chưa đủ định lực, là chưa qua được cuộc khảo nghiệm. Hoặc nếu quý vị gặp chuyện vui và quý vị truy đuổi theo việc ấy, như thế cũng là chưa có đủ định lực. Nếu quý vị đối đầu với một tình trạng bất như ý và quý vị*

nôi sân, cũng là do chưa có định lực. Quý vị nên không vui cũng chẳng buồn, không phấn khích cũng chẳng buồn rầu. Có định lực là ứng xử mọi việc mà tâm không dao động. Đó là quý vị ứng xử theo tâm đạo. Khi tu tập định lực, quý vị khai mở được trí huệ, nếu không có định lực thì không thể nào có được trí huệ lực. Không có năng lực của trí tuệ, làm sao quý vị tu học Phật pháp được? Định lực và trí tuệ do đâu mà có? Do giữ giới mà có. Hằng ngày quý vị phải thường hộ trì giới luật, rốt cuộc quý vị sẽ có được sự hành xử tương ứng với Phật pháp, một khi được tưới tắm dòng nước pháp, Sa Môn phải tinh tấn tu tập giới - định - huệ, đừng hấn tham - sân - si. Ba môn độc này là lý do khiến cho quý vị không chứng được Phật quả. Nếu quý vị đình chỉ hẳn ba món độc này thì sẽ rất mau thành Phật. Bất luận thứ gì, hễ quý vị muốn được càng nhiều càng tốt, thì đó gọi là tham. Quý vị gặp một vài tình huống không thích rồi nổi giận, thì đó gọi là sân. Si là những vọng tưởng phát sinh từ tâm niệm vô minh và lang thang trong những tâm niệm này với tinh thần bối rối. Nếu quý vị chuyển hóa sạch ba món độc này sẽ tương hợp với đạo, là rất dễ dàng thành tựu đạo nghiệp”.

Đối với người học Phật thì sanh tử là vấn đề trọng đại, trong khi đó ái dục là nguồn gốc của sanh tử. Trong ngũ dục thì ái dục đứng đầu, chính vì vậy mà trong chương *Tai hại của ngũ dục* này, chúng tôi muốn đề cập thật nhiều đến tác hại của ái dục, với tâm niệm mong sao quý Phật tử khi đã tự giác đi theo con đường giải thoát mà ba đời chư Phật đã đi qua, cần phải lưu ý đến điều này chớ khinh suất mà tổn hại cho bản thân cũng như ảnh hưởng không tốt cho Phật pháp. Trong Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Ngữ Lục, Đại Sư Ấn Quang đã dạy rất kỹ về tai hại của nghiệp dâm dục và chỉ ra những phương pháp đối trị khi tâm chúng sanh vọng khởi về nó: *“Một sự sắc dục là bệnh chung của tôn bộ người đời. Chẳng những kẻ Trung, Hạ bị mê hoặc, ngay cả người Thượng căn, nếu chẳng tự giữ gìn, run sợ, luôn nghĩ kiêng dè thì cũng khó tránh khỏi bị nó mê hoặc. Hãy thử nhìn xem, từ xưa đến nay, không ít bậc hào kiệt phi thường đáng coi là bậc Thánh, bậc Hiền, chỉ do chẳng vượt qua được cái ái này, lại thành ra kẻ hạ ngu, bất hiếu, còn vĩnh viễn đọa lạc trong ác đạo. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu lục đạo chúng sanh trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng sinh tử nối tiếp”. Các ông tu Tam Muội vốn là*

để thoát trần lao, nhưng chưa trừ dâm tâm, chưa thoát khỏi trần. Người học đạo vốn là để xuất ly sinh tử, nếu chẳng thể đau đầu trừ khỏi bệnh này, nhất định sẽ khó thoát là sinh tử... Như vậy, pháp môn niệm Phật tuy đời nghiệp vãng sanh, nhưng nếu thói quen dâm dục cố kết sẽ xa cách Phật, khó có thể cảm ứng đạo giao. Đối với họa sắc dục này thì không gì bằng đối với hết thầy nữ nhân luôn khởi lên Thân tướng, Oán tướng, Bất tịnh tướng. Thân tướng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn coi như chị, coi người nhỏ hơn như em, với trẻ nhỏ coi như con gái của mình. Dù dục tâm mạnh mẽ, quyết chẳng khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Thấy hết thầy nữ nhân đều là mẹ, chị, em gái, con gái thì đương nhiên chế ngự được dục, do đó dục sẽ không do đâu phát khởi được. Oán tướng là phàm thấy mỹ nữ bèn khởi tâm yêu mến. Do tâm yêu mến đó thì mình sẽ bị đọa lạc ác đạo, bao kiếp dài lâu thọ khổ, chẳng thể xuất ly. Như thế cái gọi là mỹ lệ còn kịch hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, rét dữ, tỳ sương, trầm độc gấp trăm ngàn lần. Với kẻ ôn gia cực lớn ấy, vẫn còn quuyến luyến mơ tưởng, chẳng phải là kẻ mê muội quá sức hay sao? Bất tịnh tướng là vẻ xinh đẹp rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng

bên ngòì. Nếu bóc lớp da ấy đi, sẽ chẳng can đảm nhìn nữa. Xương, thịt, máu, mỡ, phân, tiểu đầì đầì, lông, tóc loạn xạ, trợn chẳng có vật nào đáng để người khác yêu thích được cả. Chỉ vì một lớp da mỏng che phủ bên ngòì bèn làm sinh luyến ái. Bình đẹp đưng phân, không ai ưa mến. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân khác gì bình đẹp, những thứ được gói trong da khác gì phần uế, sao lại yêu mến lớp da, quên đi các thứ vật dơ chứa trong da đó, khởi lên vọng tưởng miên man. Nếu chẳng run rẩy kinh sợ, quyết liệt trừ khử thói quen này, sẽ chỉ thấy người nữ kia tư chất mỹ lệ, đến nổi mũi tên ái dục đâm thấu xương mà chẳng chịu nhổ ra. Nếu cứ luôn như vậy mà lại muốn sau khi mất thân này. Chẳng vào bụng người nữ quyết chẳng thể được. Vào bụng người nữ còn khá, vào bụng súc sanh cái thì chẳng biết làm sao! Thứ nghĩ đến đây, tâm thần kinh hãi! Nhưng muốn đối với những cảnh trông thấy chẳng khởi nhiễm tâm thì lúc chưa thấy cảnh phải thường tập ba thứ tưởng nói trên, khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dù chẳng thấy cảnh nhưng tâm ý vẫn cứ triền miên dục vọng, rốt cuộc vẫn bị tập khí dâm dục trói buộc. Bởi thế phải nhận chân, gạt trừ ác nghiệp tập khí thì tự do mới được có

*phần” (trích Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục. Như Hòa dịch – NXB Phương Đông – 2006). Khi đọc qua những lời dạy của Tổ Ấn Quang, với một người có lương tâm đạo đức ở đời sống thế gian, có lẽ cũng phải rùng mình kinh hãi bởi tác hại và hậu quả đáng sợ của tội dâm dục, huống gì nói đến người học Phật... Nếu quý Phật tử có duyên đọc qua chương *Tai hại của ngũ dục* này, mà vẫn chưa thức tỉnh, hoặc đọc chưa kỹ, thì xin theo dõi tiếp tội trạng và quả báo của tâm dâm dục được nói rõ trong Từ Bi Thủy Sám Pháp: “Trong kinh nói “Chỉ vì tham dục nên bị giam hãm trong ngục si mê, chìm đắm trong vòng sinh tử, không biết ngõ ra”. Chúng sinh vì say đắm ngũ dục, nên từ xưa tới nay bị lưu chuyển mãi trong đường sinh tử. Giá cứ lấy xương tất cả chúng sanh trong muôn ngàn kiếp chất đóng lại thì bằng núi Tỳ Phú La ở thành Vương Xá, sữa mẹ cho con bú nhiều như nước bốn biển, máu huyết trong mình chảy ra còn hơn thế nữa, nước mắt cha mẹ anh em bà con quyến thuộc thương khóc khi lâm chung, cũng nhiều như nước bốn biển. Vì thế nên nói còn tham ái thì còn sinh tử, hết tham ái thì sinh tử diệt. Thế mới biết tham ái là gốc sinh tử. Trong kinh nói: “Tội dâm dục hay khiến chúng sanh bị đọa vào*

địa ngục, nga quý, chịu khổ vô cùng”. Nếu ở trong lời súc sinh phải làm chim bồ câu, chim sẻ, chim uyên ương. Nếu sinh trong lời người, thì gặp phải vợ hay chồng phụ bạc, bà con tôn với những người trái ý. Sự dâm dục có quả báo xấu xa như thế, nên ngày nay chúng con chỉ thành cầu ai sám hối. Lại từ vô thủy đến nay, chúng con hoặc quyến rũ thế thiếp hoặc chiếm đoạt vợ con của người, hoặc làm ô nhục Ni cô, phá phạm hạnh người khác, hiếp bức một cách vô đạo, đem tâm bất chính xem ngó lăng lơ, nói cười bỡn cợt, hoặc điếm nhục thanh danh gia tộc của người, hoặc làm nhơ tiếng tốt của người, hoặc làm hạnh bất tịnh với người bán nam bán nữ. Những tội như thế thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chỉ thành sám hối”. Khi đọc qua đoạn kinh văn này, chúng tôi rất mong quý Phật tử luôn khắc kỷ lòng mình, tâm tâm niệm niệm thấy đều nghĩ đến điều chân chánh, trong sạch, không nên phạm giới dâm mà đọa vào ác đạo khổ sở bứt ngặt vô cùng.

Chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng đều có trí huệ quang minh vô lượng, có được trí huệ quang minh là từ vô lậu. Chư Phật, Bồ Tát là các bậc vô lậu vì các ngài không còn vô minh nữa, còn đối với tất cả chúng ta đều là

hữu lậu, vì chúng ta còn vô minh dày đặc, cùng đầy đầy nghiệp chướng phiền não trong tâm. Vô minh tức là không hiểu biết, không phân biệt được đúng sai, không biết đâu là tà là chánh, đâu là chân là nguy. Cái lậu lớn nhất của con người chúng ta đó chính là dục lậu, tức là tâm dâm dục, nếu chúng ta còn lòng dâm thì tài sản chúng ta bị bọn cướp (tức là tâm dâm dục) cướp đoạt hết. Người tu hành giải thoát mà còn lòng dâm dục thì tồn bộ công đức đều bị dâm tâm phá hủy thiêu rụi. Điều này cũng giống như một thân cây tuy cao lớn nhưng không thể dùng vào việc gì được, vì nó bị sâu trùng đục khoét trong cốt lõi của cây rồi.

Trong đời sống thế gian, người ta thường hay biện bạch rằng dâm dục ai mà không có, nhưng họ không biết dâm dục chính là cội nguồn của sinh tử, là gốc rễ của vô minh, là phụ mẫu của giặc cướp công đức, vì không biết điều này nên họ an phận sống trong sanh tử, lấy dâm dục làm lạc thú vui sống ở đời, bằng lòng với những gì nhất thời đang có, không nghĩ đến ngày mai tốt xấu ra sao. Thế nhưng đối với người tu theo Phật pháp, thì nhất nhất phải đoạn dâm tâm, nhổ sạch gốc rễ dục vọng thì trí huệ quang minh từ bản lai mới hiển bày. Do vậy vô lậu là mục đích

mà người tu theo Phật pháp phải hướng đến, đây là báu vật vô giá, người con Phật chúng ta nhất định phải đạt được. Trong sáu loại thần thông: *Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Thần túc thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông* và *Lậu tận thông*, thì *Lậu tận thông* chính là không còn dục lậu, hôn tồn không còn tâm dâm dục nữa. Vì không còn dâm dục nên chấm dứt được sinh tử, cũng không còn vô minh phiền não, mỗi mỗi đều được tự do tự tại. Đây là chỗ thiết yếu mà người học Phật cần phải tha thiết dụng công, chúng tôi rất mong quý Phật tử phải thường xuyên cảnh tỉnh bản thân, đặc biệt là hãy phát Bồ Đề Tâm tha thiết vì Phật pháp, tha thiết và giải quyết khổ đau luân hồi sanh tử thì mới có cơ hội phá tan cánh cửa tử sinh... Chúng ta cần phải thường xuyên cật vấn lòng mình vì sao chúng ta cứ mãi bị ngũ dục lôi cuốn cám dỗ? Vì sao ta không đủ định lực, ý chí để chế ngự nó? Vì sao tâm ta vọng động lăng xăng nhiều hơn là tĩnh tâm niệm Phật? Vì sao ta vẫn còn nhiều phiền não? Vì sao ta niệm Phật mà vẫn không được nhất tâm? Vì sao cho đến bây giờ ta vẫn còn đam mê ngũ dục, lười biếng, hôn trầm, dãi dãi?... Đối với người chân thật tu hành thì đây là những vấn đề cấp thiết mà chúng ta cần phải giải quyết cho thông

suốt, kịp thời, có như vậy thì mới có thể liễu sanh thoát tử, đạt đến nhất tâm bất loạn, thoát khỏi nhà lửa Tam Giới, thẳng tiến đến Tây Phương Cực Lạc.

Hòa thượng Quảng Khâm thường dạy chúng đệ tử rằng: *“Mình đã hồ đồ mê muội lúc đầu thai, giờ mình phải sáng suốt tìm đường đi lúc chết. Con đường ấy chính là niệm “A Di Đà Phật”*. Đúng như lời ngài dạy, niệm Phật là để cho nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm thanh tịnh, có thanh tịnh thì mới có cơ hội đạt đến nhất tâm, mức có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, nếu chúng ta niệm Phật mà cứ nghĩ ngợi điều này điều nọ, tham lam vọng tưởng, ham muốn lung tung thì làm sao đạt được nhất tâm. Đối với người học Phật, muốn tâm của mình thanh tịnh thì phải kiên quyết đoạn tuyệt với ngũ dục, nếu không buông nổi nó thì không những không về được Tây Phương Cực Lạc, mà nguy cơ đọa vào ba đường dữ vẫn là điều có thể.

Trên đây chúng ta bàn nhiều đến sắc dục, vì đó là các gốc của vô minh sinh tử. Tuy nhiên, năm món dục này có liên quan mật thiết với nhau, đó là liên minh ma quỷ luôn cám dỗ hãm hại con người vào vòng vô minh đen tối, do vậy

chúng ta cũng cần đề cập đôi dòng đến các món dục còn lại.

Nói về tiền tài danh vọng thì không chỉ có người đời mê đắm, mà ngay cả trong giới tu hành cũng không ít người buông chằng đặng. Vì sao vậy? Đó là do cái tâm tham đắm tiền bạc tài sản nó lớn hơn cái tâm tha thiết tu hành, đây là hậu quả mà người tu hành đã để cho cái tâm tham dục nó lỏng hành chi phối và điều khiển ngược lại mình. Đối với người tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, một lòng cầu vãng sanh về Tây Phương Tịnh Độ thì việc buông xả ngũ dục là việc cực kỳ quan trọng. Khi đã *Tin sâu – Nguyện thiết*, thì chúng ta phải buông xả cho sạch hết trần lao phiền não, có như vậy thì hạnh mới chuyên, hạnh có chuyên và nguyện có khẩn thì mới được nhất tâm. Muốn vậy thì mỗi chúng ta tự phải biết đủ, biết kham nhẫn, chịu khổ, dẫu thiếu thốn một chút sẽ không sao, nhưng chỉ cần dư một chút thì hãy coi chừng. Vì dư một chút lâu ngày chúng ta sẽ muốn dư thêm chút nữa, nếu chúng ta không tập trung vào tu niệm, không cảnh giác đề phòng thì lòng tham ần nấp sẵn bên trong tâm sẽ được dịp xui khiến chúng ta phòng cơ tích trữ với đủ lý do rất thuyết phục, nhưng ần tàng đằng sau đó chính là cái

tâm tham dục. Do vậy nếu tiền bạc của cái dư một chút thì hãy coi chừng đó là cái họa. Đã là họa thì chẳng ai muốn cất chứa nó trong nhà. Nhận ra điều này, người học Phật cần phải thực hiện một đời sống tri túc, không nên tích trữ tiền bạc, không mong cầu chùa to Phật lớn cùng nhiều tiện ích khác thì tự nhiên chúng ta được an ổn, tâm ta được thanh thản, đương nhiên công phu trì danh niệm Phật của chúng ta sẽ dễ dàng đạt đến chỗ chuyên nhất.

Như chúng ta đã biết, tiền của tài sản trên thế gian này thuộc về phước báu hữu lậu. Phật dạy, tiền tài có được là do cái nhân bố thí tài vật ở kiếp trước, không phải do cái nhân thông minh lanh lợi, bon chen lương lẽ mà có được. Trên thực tế, con người khi đã có chút ít tiền của vừa đủ sống thì hầu như không ai biết đủ cả, trong khi quả phước chỉ có bấy nhiêu mà thôi thì làm sao muốn có thêm nhiều tiền được. Thế là con người cố tâm làm mọi cách để cho có được nhiều tiền. Dù cho việc làm chánh đáng, kết quả nhẹ thì cũng bị lao tâm lao trí, tổn hại tinh thần, hư hao sức lực (mà sức khỏe thì lại quý hơn vàng) nếu việc làm không chánh đáng thì tất nhiên phải bị tù bị tội khổ sở trăm điều.

Hòa thượng Tuyên Hóa cho biết, ở Đài Loan có Hòa thượng Thủy Quả là một mẫu người có thể nói là thoát khỏi sự cám dỗ của ngũ dục rất đáng được chúng ta trân trọng kính ngưỡng. Theo như Hòa thượng Tuyên Hóa, thì Hòa thượng Thủy Quả không ham tiền cũng không ham sắc, đối với phẩm vật mà Phật tử gần xa dâng lên cúng dường, ngài chẳng bao giờ nhìn đến. Đây là một việc ít người làm nổi, bởi vì tâm tham dục nơi mỗi con người rất sâu dày, trong đời sống có người xem đồng tiền còn quý hơn tánh mạng của mình, khi bị mất một số tiền lớn, có người chỉ vì quá tiếc đồng tiền sinh ra đau khổ vật vờ, thậm chí nhảy sông nhảy lầu hay uống thuốc rầy tử kết liễu đời mình, có chứng kiến những trường hợp này, chúng ta mới thấy được ma lực kinh hồng của đồng tiền, mới thấy bản năng tham dục nơi mỗi con người nó dữ dội biết chừng nào. Thế nhưng ngài Thủy Quả lại rất xem nhẹ tiền bạc vật chất, rất vô tư thanh thản trước những núi tiền núi bạc bao vây tứ phía mà ngài không hề vướng mắc gì cả, lễ vật tiền tài bá tánh cúng dường chắt thành đồng, ai muốn dùng cứ đến mà lấy, ngài cũng không bao giờ để ý đến. Không những ngài không quản lý tiền bạc mà ngay cả nhìn ngài cũng không thèm nhìn đến

nó, điều này cho thấy định lực của ngài rất lớn, công phu tu hành của ngài rất thâm hậu. Nhìn tấm gương buông xả ngũ dục của ngài, rồi soi rọi lại hành trang mà chúng ta mang theo bấy lâu nay trên bước đường học Phật mới cảm thấy vô cùng hổ thẹn.

Trong đời sống xã hội ngày nay, giới trẻ đã sớm bộc lộ bản năng tham đắm trong ngũ dục. Ngày nay lớp trẻ cố gắng học là để kiếm nhiều tiền chứ không phải vì hiểu biết hay phục vụ nhân sinh. Động cơ học để sau này ra trường kiếm thật nhiều tiền luôn được các em đặt lên trên, cũng là động cơ chính mà các em nỗ lực học tập chớ hiếm có trường hợp đặt lợi ích phục vụ đời sống con người lên trên. Nên ngay từ những ngày chập chững bước vào đời, các em đã sớm có thái độ ích kỷ, hẹp hòi như vậy, các em đã bỏ gốc chạy theo ngọn, cũng từ quan điểm sống này mà các em dễ dàng đánh mất những điểm căn bản làm người. Trên thực tế đời sống, có rất nhiều em giỏi tiếng Anh, vi tính cùng các môn khoa học tự nhiên và xã hội khác, tuy nhiên, sự hiếu kính cha mẹ, tinh thần tôn trọng đạo hay sống sao cho có đạo đức, sống sao cho có trách nhiệm với gia đình và xã hội, trở thành một công dân hữu ích, thật sự đầy đủ nhân

cách và tài năng, thì hình như các em ít quan tâm đến. Đây là điều thật đáng tiếc và điều này đã xảy ra trong đời sống. Ngài Tuyên Hóa có nói một câu rất hay: *“Bà mẹ đẻ ra bom nguyên tử, bom khinh khí cầu, tia laser là ai? Chính là tham sân si. Do vậy nếu mình diệt trừ tham sân si thì bom nguyên tử sẽ không nổ, bom khinh khí cầu cũng chẳng bạo phát, mà tia laser cũng chẳng còn dùng được”*. Thiết nghĩ, chế ra bom nguyên tử hay bom khinh khí cầu không phải ai cũng làm được, muốn làm được điều này trước hết chúng ta phải học cho thật giỏi, phải là bác học mới làm được. Nhưng học cho giỏi, học để trở thành nhà bác học mà không có đạo đức, không có thiện tâm thì cuối cùng cũng chỉ làm nô lệ cho ngũ dục, cho vô minh sai khiến mà thôi, vì thế nên mới ngồi nghĩ ra cách chế bom nguyên tử hay vô số phương tiện chiến tranh hủy diệt khác. Chúng tôi cho rằng, nguyên nhân chiến tranh và những nguy cơ chết chóc đau thương trên thế giới này đều là do lòng tham không đáy của con người. Lòng tham vô đáy đó cũng bắt đầu từ cái tâm ham tiền, ham gái, ham danh, ham ăn, ham ngủ. Nếu mọi người trên thế giới này không tham, không tranh, không cầu, không ích kỷ, không tư lợi, không đánh mất mình vì ngũ

dục, thì thế giới này chẳng còn chiến tranh đau thương nữa, thậm chí thiên tai dịch bệnh từ từ sẽ lui đi, bầu trời sẽ trở lại thanh khí như thuở ban sơ, nếu tâm tham dục trong tâm mỗi con người không còn nữa. Vì tâm tham lam tiền của mà con người đã phạm phải không biết bao nhiêu là tội lỗi, như trong kinh Thủy Sâm đã ghi: *“Lại từ vô thi đến nay, chúng con hoặc trộm tiền tài, bảo vật kẻ khác, hoặc cầm dao cưỡng đoạt, hoặc tự mình xông đến bức người lấy của, hoặc ý quyền nương vào thế lực, dùng kim to kẹp lớn ép chế oan người lương thiện, hoặc thâu tiền đứt lót của bọn gian, đánh khảm người ngay buộc cho là tù vạ, vì những nguyên nhân ấy khiến họ sa vào lưới pháp luật, hoặc ăn tiền của kẻ dưới để dung túng họ làm bậy, hoặc lấy của công làm lợi riêng, lấy của riêng vào việc công, làm tổn hại người kia để đem lợi cho người này, làm tổn hại người này để đem lợi cho người kia, lấy bớt của kẻ khác để làm lợi cho mình, miệng hay nói bố thí mà tâm thì bòn sẻn, ăn cắp thuế ruộng thuế chợ, trốn thuế đồ ải, bớt của công để dùng vào việc riêng, dấu sưu dịch để sai làm việc mình. Những tội như thế ngày nay đều xin xám hỏi”*. Và *“Lại từ vô thi đến nay, buôn bán hàng hóa, lập quán đổi chác đồ vật, dùng cân non đấu nhỏ,*

giảm bớt thước tắc, xén lẩn phân thù, lờng gạt từng ly, đem của xấu đổi của tốt, đem thứ ngắn đổi thứ dài, giả dối trăm chiều để mong cầu chút lợi. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin sám hối”. Theo như kinh Thủy Sâm, vì ham mê tiền của tài sản mà chúng sanh nghĩ ra trăm phương ngàn kế hòng trục lợi về mình cho bằng được. Tất nhiên quả báo dành cho những tội mê đắm tiền tài như đã kể trên cũng sẽ vô cùng khốc liệt.

Sở dĩ nhân loại còn đau khổ là vì còn lòng tham, có những người quá đau khổ vì họ quá tham lam độc ác. Nếu muốn được an lành, bình yên thì hãy buông bỏ lòng tham, vì ngay trong cái tâm tham nó đã đầy đủ *tham - sân - si* trong đó. Tham mà không thỏa mãn thì rất dễ sân, đã nổi sân lên thì không phân biệt được đúng sai phải quấy. Đó gọi là *tham dục ba trong một*. Khi sân si nổi lên thì đốt cháy tâm can, thiêu rụi toàn bộ công đức mà bấy lâu nay mình chắt chiu dành dụm. Do vậy người học Phật cần phải thực hành nhẫn nhịn, nếu buông không trọn, xả không xong, thì chúng ta phải học cách nhẫn nhịn, nhẫn nhịn trước sức lôi cuốn của sắc đẹp, tiền tài, danh vọng. Chúng ta phải nhẫn nhịn chịu đựng trước những lời khinh khi phi báng nhục mạ đã

dành, mà ta còn phải nhẫn nhịn trước những lời tung hô, tôn vinh, khen tặng của những người xung quanh. Nhẫn được những điều *ngịch nhĩ*, nếu có chút ít tự chủ và công phu thì ta vẫn có thể thực hiện tốt được, thế nhưng phải nhẫn nhịn trước những điều thuận tai vừa ý thì quả là điều không dễ dàng thực hiện chút nào. Tuy nhiên đã là người học Phật chân chính quyết tâm buông xả vạn duyên, chí tâm thành kính niệm Phật để mai hậu vãng sanh Cực Lạc, thì bắt buộc chúng ta phải lưu ý những điều quan trọng này. Nếu nhẫn nhịn được trọn vẹn, chúng ta dần dần sẽ thâm nhập pháp môn *nhẫn nhục ba la mật*, khi công phu trì danh niệm Phật của chúng ta chín mùi, thì lửa sân hận và nước ái dục trong chúng ta, tự nhiên sẽ chuyển hóa thành tâm từ bi và năng lượng độ thoát chúng sanh.

Ngũ dục (*sắc, tài, danh, thực, thùy*) và tam độc (*tham, sân, si*) là giặc dữ trú ngụ kiên cố trong tâm thức chúng ta, là mũi tên độc cắm sâu vào tâm can chúng ta. Do vậy chúng ta cần phải gấp rút nhổ nó ra thì chúng ta mới mong an ổn thanh tịnh được, khi đó chúng ta mới có phần tự chủ, lúc đó chúng ta sẽ được nhẹ nhàng thanh thoát, tiêu dao tự tại. Chiến thắng ngũ dục, tức là chiến thắng bản thân, chiến thắng được bản thân

là bước đầu trở về với bản thể vô ngã, là người học Phật, chúng ta nên lưu ý điều này để dụng tâm cho sáng suốt, để trợ duyên cho công phu trì danh niệm Phật của mình.

Năm món dục cuốn hút người đời trôi lăn trong vòng sanh tử không có ngày ra, là chướng ngại lớn cho người học Phật trên bước đường tu tập, không chỉ người cơ sơ học Phật như chúng ta bao phen bị vấp ngã mà ngay cả những bậc chân tu nhiều đời cũng khó vượt qua. Trong phần Duyên khởi trong kinh Thủy Sâm, thuật lại rằng, ngài Ngô Đạt là một vị Quốc Sư đạo cao đức trọng dưới triều vua Đường Ý Tôn. Vào thời Tây Hán, tiền kiếp của ngài là một vị quan có tên là Viên Áng, vì xử nhậm một vụ án gây oan uổng đối với Tiều Thố, khiến cho Tiều Thố phải bị chết oan ở phía Đông cửa chợ, Tiều Thố một lòng ôm hận tìm cách báo thù. Song trải qua mười kiếp, ngài Ngô Đạt luôn là một bậc cao Tăng đạo hạnh, giới luật tinh nghiêm, nên Tiều Thố vẫn không thể nào trút ố. Khi ngài Ngô Đạt đến chùa An Quốc thì đạo đức của ngài nức tiếng gần xa, khiến cho vua Ý Tôn phải thân hành đến lễ bái nghe ngài giảng pháp. Nhân đó, vua mới đặc ân ban tặng cho ngài cái pháp tòa bằng gỗ trầm hương rất quý hiếm. Cũng từ đó,

trên đầu gối của ngài bỗng xuất hiện một mụn ghẻ tựa như mặt người, đau nhức không thể nào chịu nổi. Dù đã được không biết bao nhiêu danh y cứu chữa nhưng không ai chữa khỏi, duy chỉ có Tôn giả Ca Lặc Na biết trước điều này nên đã ra tay hóa giải nghiệp chướng oan khiên.

Sở dĩ, Tiều Thố có thể hóa thành mụn ghẻ to lớn có hình mặt người trên đầu gối chân của ngài Ngô Đạt là do ngài Ngô Đạt khởi tâm danh lợi khi ngồi trên tòa trầm hương do vua Đường Ý Tôn dâng tặng trước đó, vì lý do này mà ngài Ngô Đạt đã tự làm tổn giảm giới đức của mình và nhân cơ hội này Tiều Thố mới ra tay báo oán. Ngài Ngô Đạt làm Quốc Sư, suốt mười đời làm cao Tăng tinh nghiêm giới luật, oai đức vang xa, thần dân đều nức lòng ngưỡng mộ, vậy mà chỉ một chút danh lợi vì được ngồi lên pháp tọa trầm hương do đích thân vua dâng tặng, thì ngay đó liền bị tổn giảm giới đức. Qua câu chuyện này, ngẫm nghĩ chúng ta mới thấy sức mạnh của ngũ dục thật đáng kinh sợ và cái tâm tham dục nơi mỗi con người cũng đáng để cho chúng ta suy ngẫm.

Trên đây chúng ta đã cùng nhau bàn về những tai hại của ngũ dục đến đây thiết nghĩ cũng là quá đủ để cho chúng ta kinh sợ nó. Tuy

nhiên trước khi chuyển qua chương năm, chúng tôi chợt nhớ đến món dục cuối cùng, đó là *ngủ dục*, tức là cái tâm mê ngủ của chúng ta. Trong đời sống con người, ngủ nghỉ là một hoạt động sinh lý bình thường, nhưng ham ngủ là một căn bệnh, nhất là đối với người tu học theo Phật pháp thì sự lười biếng, dãi dãi thảy đều do hôn trầm buồn ngủ gây ra, đây là một chướng nạn lớn trên bước đường tu tập. Đối với người đời, khi người ta đương ăn cơm, nếu vì một việc gì đó mà phải bỏ bữa ăn nửa chừng thì cũng không sao, thế nhưng khi đang ngủ mà bị phá giấc ngủ thì quả là rất khó chịu, khi đó phiền não tức giận sẽ lộ hẳn ra ngay, nhất là đối với người có bệnh mất ngủ hay quan trọng hóa giấc ngủ của mình, thì gặp những trường hợp này chúng ta mới thấy sức mạnh của sự ham ngủ nó lớn đến cỡ nào. Sự thật thì sức mạnh của sự ham ngủ nó lớn rất nhiều lần so với ham ăn, ham danh, ham lợi, chỉ có điều chúng ta không để ý đến mà thôi.

Như chúng ta biết, niệm Phật là từ vô minh bước ra ánh sáng, còn hôn trầm mê ngủ là từ vô minh đi sâu vào hầm tối vô minh, càng ngày càng mờ mịt không có lối ra. Đối với người tu theo pháp môn Tịnh Độ, lấy việc trì danh niệm Phật làm công phu tu tập thì sự buồn ngủ

và hôn trầm là chướng ngại rất lớn. Căn bệnh tương chừng không nguy hiểm này lại có sức tàn phá công đức lớn rất nhiều lần so với các môn dục khác, bởi khi mê ngủ, chúng ta không chỉ ôm cái thân thối này chìm trong vô minh không thôi, mà kèm theo đó là những vọng tưởng về dâm dục. Dâm dục phát triển mạnh mẽ là do ăn và ngủ quá độ giúp sức. Ăn vừa đủ, ngủ có chừng, điều độ hai thứ này sẽ làm giảm bớt lực lượng của con ma dâm dục. Riêng đối với người tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, để đối trị với căn bệnh hôn trầm mê ngủ, Hòa thượng Tịnh Không đã dạy: *“Niệm Phật phải lấy kinh hành niệm Phật làm chính, khi nào quý vị mỏi thì ngồi xuống nghỉ ngơi, giờ giấc ngủ nghỉ cố gắng giảm thiểu tới mức tối đa. Bởi vì ngủ là hôn trầm, người nào ngủ nhiều chứng tỏ người đó còn nhiều hôn trầm. Hôn trầm là lạc vào vô minh, không riêng gì trong lúc niệm Phật, nếu làm việc mà hôn trầm cũng sẽ bị chướng ngại... Nếu trong lúc ngồi niệm Phật bị hôn trầm, tốt hơn hết hãy đứng lên lạy Phật và kinh hành niệm Phật đối trị hôn trầm rất có hiệu quả. Lạy Phật làm cho tinh thần tỉnh thức, trong lúc lạy Phật, điểm đặc biệt cần lưu ý là lạy Phật để sám hối. Bởi vì nghiệp chướng tập khí của chúng ta rất*

nặng nề, cho nên trong niệm Phật đường, nhất là người sơ cơ học Phật, nếu mỗi ngày đạt tiêu chuẩn trên 300 lay là rất tốt, rất có lợi”...

Hòa thượng Tuyên Hóa dạy rằng: “*Vì sao con người ai cũng ở trong trạng thái mê mờ? Đó là do họ không hiểu được mình từ đâu tới, chết đi về đâu, mỗi ngày bóng dáng bạn thấy khi tự soi gương nào phải là bạn. Nếu bạn muốn biết đích thị bạn (chân tâm) thì phải quay mặt soi lòng, tìm nơi tự tâm. Người đời thì bị ngũ dục làm mê mờ, ngày ngày bị tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ kiềm tỏa đến ngọt ngào khó thở, song họ vẫn cứ muốn can tâm tình nguyện làm nô lệ cho những thứ ấy”*. Theo như lời dạy này, là người chân thật học Phật, nếu chúng ta không chịu buông bỏ năm món dục hư vọng đó, thì chắc chắn vĩnh viễn không thể đạt đến chỗ chân thật trong tu tập. Vì sao? Đó là vì chúng ta cứ mãi chạy theo sau đuôi ngũ dục hư vọng thì làm sao nhận thức được mặt mũi của cái chân thật. Chân thật của người tu theo pháp môn niệm Phật là buông bỏ tất cả, một lòng thành kính thiết tha niệm A Di Đà Phật, không có thời gian, không có không gian, chỉ có duy nhất danh hiệu Phật A Di Đà mà thôi!

Tóm tắt về tai hại của ngũ dục, trong chương này, chúng tôi đã nêu ra hai trường hợp rất đặc biệt: Một là ngài A Nan vốn đa văn, ham học rộng hiểu nhiều, vì không lo tu tập nên không có định lực, bị Ma Đăng Già mê hoặc suýt dẫn đến hủy hoại giới thể, nếu không nhờ đức Phật dùng chú Lăng Nghiêm giải cứu kịp thời, thì sự tu hành về sau cũng khó mà tiến triển thuận lợi. Hai là ngài Ngô Đạt quốc sư, vốn là một cao Tăng giới luật tinh nghiêm, đạo cao đức trọng, dù cho tu hành nghiêm mật đến mười đời liên tục, nhưng vì một giây phút lơ là mất cảnh giác với ngũ dục (danh lợi) mà phải bị đau đớn khổ sở, nếu không nhờ Tôn giả Ca Lặc Ca từ bi dùng nước Tam Muội rửa sạch oan khiên nhiều đời nhiều kiếp thì cũng khó thoát khỏi đau đớn do báo ôn kéo về.

Như vậy một người lo học không lo tu và một người chí tâm tu hành quyết liệt liên tục suốt mười đời nhưng chỉ một phút lơ là cảnh giác, cả hai trường hợp này suýt nữa là nạn nhân của ngũ dục. Chúng ta là kẻ hậu học, nói về sự học thì không thể nào sánh với ngài A Nan nổi, còn nói về sự tu hành càng không thể nào sánh với ngài Ngô Đạt được. Do vậy chúng ta cần phải nỗ lực tinh tấn trì danh niệm Phật nhiều hơn nữa, thành

kính và tha thiết niệm Phật nhiều hơn nữa, mới có thể vượt qua sự cám dỗ lôi cuốn của ngũ dục. Sự thành tâm trì danh niệm Phật của chúng ta cảm đến mười phương chư Phật, chư đại Bồ tát, thì khi gặp nạn, may ra chúng ta mới có cơ hội được giải cứu kịp thời, nếu không thành tâm và chân thật trong tu niệm, thì biết bao chương nạn đang chờ phía trước làm sao chúng ta có thể vượt qua.

PHẦN HAI

**CHÁNH KIẾN
TỊNH ĐỘ**

CHƯƠNG 1



TỊNH ĐỘ PHÁP MÔN THÙ THẮNG

Trước đây trong cuốn *Nhất tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh* chúng tôi đã sơ lược về pháp môn Tịnh Độ, trong đó có nói về *Kinh A Di Đà và Luận Tịnh Độ Vãng Sanh* của ngài Thế Thân, 48 đại nguyện của Phật A Di Đà và phương pháp tu trì danh niệm Phật, ngõ hầu giúp hàng Phật tử sơ cơ có được những kiến thức cơ bản của pháp môn Tịnh Độ. Trong cuốn *Chân thật niệm Phật - Cực Lạc hiện tiền* này, chúng tôi biên soạn thêm phần *Chánh Kiến Tịnh Độ* gồm các chương *Tịnh Độ thù thắng, Ý nghĩa Tịnh Độ, Những điều cần biết về thế giới Tây Phương Cực Lạc...* mục đích nhằm tăng trưởng *Tín - Hạnh - Nguyện* cho quý Phật tử, qua đó đồng thời nhằm củng cố niềm tin trước sự thiếu hiểu biết và ngộ nhận của quần chúng Phật tử sơ cơ về ý nghĩa thiết thực của việc niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Pháp môn Tịnh Độ xét về lý thì cực kỳ cao siêu, còn xét về sự thì vô cùng giản dị. Về điều này Đại Sư Ấn Quang đã dạy: “*Pháp môn*

Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên, chí đốn trong giáo pháp của cả một đời đức Phật (một pháp có đủ hết thầy pháp gọi là viên, ngay trong đời này tu sẽ chứng đắc gọi là đốn). Hạ phàm phu lè tè sát đất cũng vào được pháp này, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng không ra khỏi pháp này. Thật là một con đường tắt để thượng Thánh hạ phàm chóng thành Phật đạo, là một chiếc thuyền từ phổ độ chúng sanh của chư Phật, chư Tổ”.

Điều thù thắng đầu tiên của pháp môn Tịnh Độ mà đức Phật đã chỉ dạy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ là “*Tâm này làm Phật – Tâm này là Phật*”. Ở đây đức Phật chỉ thẳng tâm chúng ta là Phật, nếu người học Phật không lãnh hội được yếu chỉ Tịnh Độ quá thẳng tắt này, thì vẫn có thể nhận ra ngay trong nơi mỗi niệm (niệm Phật) đó, chính là Phật chứ không đâu khác. Nếu người học Phật vẫn chưa nhận ra, thì phát khởi *Tin - Hạnh - Nguyện, Tin sâu – Nguyện thiết- Hạnh chuyên*, trì danh đạt đến nhất tâm bất loạn thì vẫn có thể ngộ ra tự tánh Di-Đà, sẽ được an nhiên tự tại vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Chính vì vậy mà trong một pháp môn Tịnh Độ thống nhiếp cả Thiên, Luật, Giáo; độ khắp ba căn Thượng, Trung, Hạ. Trong Ấn

Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, ngài Ân Quang đã dạy: “Hết thầy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm không pháp nào chẳng phát xuất từ pháp giới này (tức Tịnh Độ). Hết thầy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật không hạnh nào chẳng quy về pháp giới này. Chẳng đoạn hoặc nghiệp, liền được dự vào hàng Bồ Xứ, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời. Chúng sanh trong cửu giới lìa pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật mà bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Bởi đó, trọn Hoa Nghiêm hải chúng cùng tuân theo mười đại nguyện vương, Pháp Hoa vừa xưng một tiếng liền chứng thật tướng các pháp... Tịnh Độ là hạnh phương tiện tối thắng, nên trong Luận Khởi Tín, ngài Mã Minh bảo là dễ hành mau đến, ngài Long Thọ cũng đã xiển dương pháp này trong Luận Tỳ Bà Sa. Hậu thân của đức Phật Thích Ca là ngài Trí Giả nói ra Thập Nghi Luận chuyên chỉ Tây Phương Cực Lạc, Sư Vĩnh Minh là Phật Di Lặc thị hiện soạn Tỳ Liên Giản, chung thân niệm Phật, dẫn Tam thừa Ngũ tánh cùng chứng chân thường, đưa thượng Thánh hạ phàm cùng lên bờ kia. Vì thế pháp môn này cả cửu giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều

tuyên thuyết. Thật có thể nói là pháp cực đàm của một đời giáo hóa của đức Phật, là đại giáo nhất thừa vô thượng, chẳng trông cội đức thì trái bao kiếp khó gặp được, nay đã được thấy nghe phải siêng tu tập. Giáo – Lý – Hạnh – Quả là cương tông của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật là đường tắt để đắc đạo. Thời xưa nếu tu một pháp thì cả bốn (Giáo – Lý – Hạnh – Quả) đều đủ. Còn đời này, nếu bỏ Tịnh Độ thì hồn tồn chẳng chứng được đạo quả. Thế nên, Thánh hiền đời trước, ai nấy đều hướng về, ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Từ sau hội Hoa Nghiêm dẫn khởi quy hướng, các Đại Bồ Tát tận khắp mười phương thế giới không vị nào chẳng cầu sanh Tịnh Độ; kể từ khi đức Phật Thích Ca diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, hết thấy các trước thuật của Tây Thiên, Đông Độ đều quy kết Tây Phương Cực Lạc”.

Cổ nhân nói Thân người khó được – Phật pháp khó nghe. Chúng ta may mắn được thân người, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu dày, không sức đoạn hoặc dễ mau thốt khỏi tam giới, liễu sinh thốt tử, nhưng lại may mắn được nghe đức Phật bi tâm triệt để nói ra pháp môn Tịnh Độ là pháp đại quyền xảo, phương tiện lạ lùng, khiến hàng

phàm phu ngu muội cũng được đời nghiệp vãng sanh, thật không còn gì may mắn hơn nữa! Nếu chẳng phải từ vô lượng kiếp đến nay, đã trồng thiện căn sâu dày, làm sao nghe được pháp chẳng thể nghĩ bàn này? Giả sử khắp cả đại địa chúng sanh đều thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài dùng sức thần thông, sức trí huệ, nói không gián đoạn vẫn không thể nói tột nổi. Bởi lẽ, Tịnh Độ vốn là chẳng thể nghĩ bàn.

Nên biết rằng, chúng ta từ vô thi đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Giả sử ác nghiệp có thể tương thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi”*. Lẽ đâu tu lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi được nghiệp ư? Bởi vậy, Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, giáo chủ hai cõi đau đáu nghĩ đến chúng sanh không đủ sức đoạn hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đời nghiệp vãng sanh. Lòng hoằng từ đại bi ấy dù trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể bằng được một phần hăng hà sa, chỉ nên phát lòng hổ thẹn, phát tâm sám hối mới tự có thể được Phật gia bị, tiêu nghiệp, thân an thôi! Hòa thượng Thiện Đạo nói: *“Nếu muốn học về Giải thì hết thầy các pháp từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, không pháp nào chẳng nên học... Nếu muốn học về Hạnh, thì*

chỉ nên chọn lấy một pháp kế cơ kế lý, tinh chuyên tận sức mới mau chứng được lợi ích chân thật. Nếu không thì từ kiếp này qua kiếp nọ vẫn khó xuất ly sanh tử luân hồi”. Pháp kế lý, kế cơ mà ngài Thiện Đạo nói đó, không gì khác hơn là *Tín – Nguyên* trì danh niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Như chúng ta đã biết, trong các kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà (gọi là Tịnh Độ tam kinh) chuyên luận về sự lý duyên khởi của Tịnh Độ; Các kinh đại thừa khác thấy đều nói kèm về Tịnh Độ. Thế nhưng kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh mà khi đức Phật mới thành Chánh Giác, vì bốn mươi một vị Đại sĩ mà xưng tánh giảng thẳng diệu pháp nhất thừa. Cuối kinh, Thiện Tài đi tham học khắp các thiện tri thức. Sau khi chứng ngộ như chư Phật, Thiện Tài đồng tử được Phổ Hiền Bồ Tát giảng cho nghe *Mười đại nguyện vương*. Ngài dạy Thiện Tài và khắp Hoa Nghiêm hải chúng hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu được viên mãn Phật quả.

Tính thù thắng của Tịnh Độ nổi bật lên trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, phần nói về *Hạ phẩm Hạ sanh*, đối với kẻ ngu nghịch, thập ác gồm đủ các điều bất thiện, lúc lâm chung tướng

địa ngục hiện ra, ngay khi đó có thiện tri thức dạy cho niệm Phật, kẻ ấy liền vãng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đầy mười tiếng liền thấy hóa thân Phật đưa tay tiếp dẫn vãng sanh. Kinh Đại Tập dạy: *“Đời mạt pháp ỨC ỨC người tu hành, hiếm có một người đắc đạo. Chỉ có nương vào niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử”*. Do đó chúng ta biết rằng, pháp niệm Phật là đạo để phàm Thánh cùng tu, dù trí hay ngu cũng đều hành được. Niệm Phật là pháp hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng được hiệu quả nhanh. Do chuyên cậy vào Phật lực nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp thông thường. Người xưa nói: *“Các môn khác học đạo như kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh như căng buồm thuận gió, nước xuôi”*. Đây là sức thù thắng của pháp môn Tịnh Độ vậy!

Đấng Đại Giác Thế Tôn vì thương chúng sinh mê trái tự tâm, trầm luân trong biển khổ luân hồi sanh tử, nên ngài thị hiện sinh ra trong thế gian thành bậc Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi nói pháp. Đại cương gồm có năm tông: Đó là *Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh*. Luật là thân Phật, giáo là lời Phật, Thiền là tâm Phật. Sở dĩ Phật độ chúng sinh cũng là do ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự nương theo Luật, Giáo, Thiền

thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ đề, sinh tử chính là Niết Bàn. Tuy nhiên, ngài lại sợ rằng chúng sanh tác nghiệp sâu nặng chẳng thể dễ chuyển nên dùng sức *Đà Ra Ni Tam Mật* gia trì để un đúc. Song, ngài lại sợ căn khí chúng sanh kém cỏi, chưa được giải thoát, phải thọ sanh lần nữa sẽ khó tránh khỏi sự mê lầm, vì thế ngài đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ, nương *Tín – Nguyện* trì danh niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc ngay trong đời này. Bậc Thánh thì mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, kẻ phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi sinh tử. Do dựa vào tha lực của Phật nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Nhân đây, chúng ta cũng nên biết rằng, Luật là nền tảng của Giáo, Thiền, Tịnh, Mật, nếu người học Phật chẳng nghiêm trì giới cấm thì sẽ chẳng đạt được lợi ích chân thật nơi Giáo, Thiền, Tịnh, Mật. Như xây lâu cao mà nền móng chẳng vững thì chưa cất xong nó đã sụp đổ. Riêng Tịnh là chỗ quy túc của Giáo, Thiền, Mật, như trăm sông vạn dòng đều chảy vào biển cả.

Từ kinh Hoa Nghiêm, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, các bậc Đại

Sĩ, Bồ Tát cũng đều tu tập pháp môn Tịnh Độ để mau thành Phật quả. Đến kinh Quán Vô Lượng Thọ, kẻ phạm phu phạm tội ngũ nghịch thập ác, sắp đọa địa ngục, niệm Phật mười tiếng hoặc chỉ được mấy tiếng là mạng chung, thì cũng được chư Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc. Như vậy, công đức lợi ích của pháp môn Tịnh Độ thù thắng vượt trội hơn các giáo pháp khác trong cả một đời giáo hóa của đức Phật. Chính vì vậy mà trong các kinh đại thừa như Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, các đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, các đại Tổ Sư như Mã Minh, Long Thọ đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, phổ khuyến vãng sanh. Từ sự thù thắng nhiệm mầu của pháp môn Tịnh Độ, chúng ta nhận ra, đức Phật Di Đà và Phật Thích Ca trong những kiếp lâu xa, đã phát đại thệ nguyện rộng lớn độ thoát chúng sanh. Đức Phật Thích Ca thì thị hiện sinh ra trong uế độ, dùng nhơ, dùng khổ chiết phục, hòng đưa chúng sanh mau mau thoát nạn. Còn đức Phật Di Đà thì thị hiện an cư Tịnh Độ, dùng tịnh, dùng vui nhiếp thọ để lôi kéo về Tây Phương uẩn nẩn. Quả thật, lòng đại từ đại bi của chư Phật là vô biên vô hạn, nếu không ăn năn hối cải, *Tin – Nguyện* trì danh niệm Phật thì chẳng lấy gì mà đền đáp thâm ân cao dày này được.

Chư tôn đức dạy rằng, hết thầy pháp môn tuy *đốn - tiệm* khác nhau, *quyền - thật* khác nhau, nhưng cũng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới có thể đoạn hoặc chứng chơn, xuất ly sanh tử. Đó gọi là tự lực, hèn tòn không dựa vào điều gì cả. Tuy nhiên, nếu như còn chút hoặc chưa tận thì vẫn bị luân hồi như cũ. Người học Phật thời nay cần phải thấu đạt lý này. Nếu chẳng phải hạng người sẵn có linh căn từ đời trước, thì chỉ trong đời này thật khó lòng chứng nhập. Duy chỉ có pháp môn Tịnh Độ, chẳng luận là kẻ phú quý hay bần tiện, già trẻ, gái trai, trí ngu, tăng, tục, sĩ, nông, công, thương, hết thầy hạng người trên thế gian này đều tu tập được, đều là do đại bi, đại nguyện lực của Phật A Di Đà nhiếp thủ chúng sanh khổ não ở cõi Ta bà. Vì thế, so với các pháp môn khác, tu Tịnh Độ dễ dàng đắc quả hơn.

Phàm trong tam giới, người nhiếp được tâm, chế ngự được các phiền não hoặc nghiệp, nhưng đa phần vẫn còn chấp thân, tình chùng vẫn còn, một khi phước báo hết, sinh xuống cõi dưới, gặp cảnh, đặng duyên, lại khởi hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ, nên luân hồi lục đạo cứ thế xoay chuyển không lúc nào ngưng. Vì vậy, trong kinh Pháp Hoa dạy: “*Ba cõi không an*

giống như nhà cháy. Các khổ đầy dẫy, thật đáng sợ hãi”. Nếu chẳng phải là kẻ nghiệp tận tình không, đoạn hoặc chứng chơn thì chẳng có hy vọng gì mà thoát khỏi tam giới. Nay đã có pháp môn Tịnh Độ, cốt sao người học Phật lòng tin chân chánh, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, liền có thể nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh liền nhập Phật cảnh giới, thọ dụng như Phật, phàm tình thánh kiến thứ gì cũng chẳng sanh. Thật là ngàn phần an ổn. Nay đang thời mạt pháp, nếu người học Phật mà bỏ pháp môn này thì không còn cách nào có thể cứu khổ luân hồi sanh tử cả.

Tóm lại, sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ là *tự lực và Phật lực* cả hai cùng đủ. Bởi thế, người đã đoạn hoặc nghiệp sẽ mau chứng pháp thân. Còn người đầy dẫy hoặc nghiệp thì cũng được đời nghiệp vãng sanh. Pháp trì danh niệm Phật, cực kỳ bình thường, dù là kẻ ít học độn căn cũng được hưởng lợi ích, nhưng cũng là pháp môn cực kỳ huyền diệu, dầu là Đăng Giác Bồ Tát cũng chẳng thoát khỏi phạm vi của pháp này. Vì thế, không một ai mà chẳng tu được. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh, đó là tính ưu việt của pháp môn niệm Phật, đây là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa

của Như Lai... Chính vì vậy mà chúng ta chẳng thể dùng sức giáo lý thông thường để bình luận phán đôn đượ. Thời mạt pháp, chúng sanh phước mỏng huệ cạn, nghiệp chướng sâu dày, nếu chẳng tu pháp này, chỉ toan cậy tự lực để đoạn hoặc chúng chơn hòng liễu sinh thoát tử, e rằng quá khó, quá khó! (Nội dung của chương này, chúng tôi lược trích và biên soạn lại từ cuốn Ấn Quang Đại sư Gia Ngôn Lục của Đại Sư Ấn Quang, Như Hòa dịch, NXB Phương Đông-2006).

CHƯƠNG 2



Ý NGHĨA TỊNH ĐỘ

Giáo pháp mà đức Phật đã thuyết giảng đến nay đã được lưu truyền khắp nơi trên thế giới. Pháp môn mà hàng trăm triệu người con Phật trên hành tinh này đang y giáo phụng hành, đó là pháp môn Tịnh Độ. Riêng ở Việt Nam chúng ta, pháp môn mà được hầu hết quần chúng Phật tử hướng đến, tu tập nhiều nhất vẫn là pháp môn trì danh niệm Phật của Tông Tịnh Độ. Thật vậy, từ chư tôn Đại đức Tăng, Ni đến hàng cư sĩ Phật tử tại gia không ai là không thực hành pháp môn này.

Đối với quần chúng Phật tử, nhất là hàng Phật tử sơ cơ mới quy hướng về Tịnh Độ, thì vẫn chưa hiểu biết gì nhiều về pháp môn Tịnh Độ, do đó họ đều đang rất muốn biết về thế giới Tịnh Độ đó ra sao? Trong mười phương có bao nhiêu cõi Tịnh Độ? Thế giới Tây Phương Cực Lạc đó như thế nào? Sau khi vãng sanh về đó rồi, con người của chúng ta sẽ trở nên như thế nào? Đại khái những thắc mắc như vậy vẫn còn đọng lại rất nhiều trong tâm thức của Phật tử. Chúng tôi

thiết nghĩ, những thắc mắc này cũng nên được một lần giải đáp để quý Phật tử yên tâm niệm Phật. Hơn nữa, sau khi biết được ý nghĩa tốt đẹp, thù thắng và vô cùng hấp dẫn về cõi Tịnh Độ rồi, thì tín tâm của quý Phật tử sẽ tăng trưởng nhiều hơn, nguyện lực của quý Phật tử sẽ sâu dày hơn... Có lẽ biết trước điều này nên đức Phật đã từ bi chỉ dạy rất rõ ràng rành mạch về *y báo*, *chánh báo* cõi Tịnh Độ trong các bộ kinh Thập Lục Quán, Quán Vô Lượng Thọ, A Di Đà Kinh. Chúng tôi tóm tắt những phần trọng yếu liên quan đến ý nghĩa thù thắng tốt đẹp của Tịnh Độ trong các bộ kinh nói trên với mục đích giúp quý Phật tử sơ cơ có thêm kiến thức về Tịnh Độ, đồng thời qua đó, tăng trưởng *Tín – Nguyện*, thiết tha trì danh niệm Phật, mai hậu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Trong chương này, chúng tôi chỉ nói về ý nghĩa chung của Tịnh Độ, những thù thắng tốt đẹp chung của các cõi Tịnh Độ trong mười phương, trong chương kế tiếp chúng tôi mới nói đến đặc thù của cõi Tây Phương Cực Lạc. Chính vì vậy mà chúng tôi lưu ý cùng quý Phật tử, nếu so sánh cõi Tịnh Độ trong mười phương với cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà ở Tây Phương Cực

Lạc, thì phạm vi cõi Cực Lạc có ưu điểm và thắng ích hơn nhiều.

Nói là Tịnh Độ, vì đó là quốc độ trang nghiêm, thanh khiết, an tịnh. Hay nói dễ hiểu hơn, đó là một thế giới trang nghiêm thanh tịnh, hồn tồn không có ố trượt, bất an hay đau khổ. Để được gọi là Tịnh Độ thì nhân dân và đất đai, khí hậu, cảnh vật của thế giới đó phải hội đủ những điều kiện tối thiểu như sau:

A- Nhân dân trong cõi Tịnh Độ luôn được (tức chánh báo):

1. An Lạc vô bệnh.
2. Thọ mạng lâu dài.
3. Thân tướng đẹp đẽ.
4. Không có nghèo giàu, sang hèn.
5. Tâm tánh nhu hòa, đạo đức cao thượng.
6. Đạo tâm kiên cố.
7. Mọi người đều do hóa sanh, không do thai sanh là kết quả của dâm dục ố trượt.
8. Không có sự sai khác về nhỏ lớn, già trẻ, mạnh yếu.
9. Không như bản, ô ố trượt.
10. Tâm trí phóng khoáng, thông đạt.
11. Chấm dứt luân hồi trong lục đạo.

12. Đủ sáu món thân thông.

13. Đầy đủ huệ nhãn, chánh kiến.

Quý Phật tử nên nhớ mười ba món trang nghiêm thanh tịnh được nêu trên đây là thuộc phần “Chúng sanh thế gian” (tức là chánh báo).

B. Đất đai – khí hậu – cảnh vật (tức y báo):

1- Đất đai bằng phẳng, đầy những châu ngọc trong suốt, không có khe hở núi gò lởm chởm và ao rãnh sông ngòi trời trũng.

2- Không có các nạn thiên tai như bão lụt, sấm sét, đại hạn, địa chấn, mất mùa, đói rét.

3- Bầu trời luôn quang đãng, không cần ánh sáng mặt trời, mặt trăng hay đèn nến.

4- Vật dụng luôn mới mẻ, không vỡ, không hư, không cũ nát, không dơ nhớp.

5- Phong cảnh luôn xinh tươi, cây hóa đẹp đẽ, lầu gác mỹ lệ, tất cả tự nhiên hiện thành, không phải do kiến trúc xây dựng.

6- Khí trời luôn luôn mát mẻ.

7- Âm nhạc nhiệm màu hòa tấu tự nhiên hay ngừng dứt tùy theo sở thích người nghe.

8- Ngồi lồi người, không có động vật nào khác, trừ sự biến hóa của Phật để thuyết pháp.

9- Hồ nước trong thơm ngọt ngào, cạn sâu, ấm mát tùy theo sở thích từng người.

10- Cảnh vật tiếp xúc gây khối cảm nhẹ nhàng mà không làm chao động đạo niệm.

11- Bảy báu và vật dụng tự nhiên thành tựu để cung ứng đầy đủ mà không cần đến sức người.

12- Không có các sự trần lao phiền não.

13. Không có nạn nhân mãn, dù dân số vãng sanh ngày càng tăng.

14- Nhân dân sống trong thái bình an lạc, không có tà ma ngoại đạo bức hiếp. Mười bốn món trang nghiêm thanh tịnh này thuộc về phần “Khí thể gian” (tức là y báo). Hễ có đầy đủ cả hai phần *Chúng sanh thể gian* và *Khí thể gian* trang nghiêm thanh tịnh như đã nêu trên đây thì mới được gọi là Tịnh Độ.

Theo như trong kinh đức Phật dạy thì trong mười phương hư không có vô lượng vô số quốc độ. Dù rất nhiều quốc độ, nhưng khái quát chúng ta có thể chia thành hai loại:

1- Quốc độ do cộng nghiệp của chúng sanh duyên khởi mà thành. Chính cộng nghiệp của chúng sanh trong quốc độ này đã tạo thành y báo chung, rồi tùy từng biệt nghiệp thiện hay ác mà thọ lãnh quả báo vui sướng hay đau khổ. Đây

chính là uế độ, trong uế độ này, trong quá khứ chúng sanh đã gây ra nhiều ác nghiệp trong khi đó phước đức lại quá ít, do vậy mà cảm thành phần quốc độ vui ít khổ nhiều.

2- Quốc độ do Phật và Bồ Tát hóa hiện ra để làm đạo tràng hóa độ chúng sanh. Đây chính là Tịnh Độ. Nguyên nhân tạo nên Tịnh Độ là do sức phước huệ của chư Phật, Bồ Tát, sức gia trì của tứ vô lượng tâm *từ bi hỷ xả*, bên cạnh đó là công đức tu tập của chúng sanh hồi hướng nguyện sanh về Tịnh Độ. Có sự cảm ứng đạo giao giữa nội nhơn và ngoại duyên liên hệ khăng khít nhau nên mới duyên khởi thành quốc độ trang nghiêm thanh tịnh, thuần an vui cực lạc, hòng tồn không có tội nhơn khổ báo xen vào. Trong mười phương hư không có vô lượng vô số uế độ và Tịnh độ. Trong vô lượng vô số uế độ đó thì thế giới Ta bà mà chúng ta đang sống đây mới chỉ là một và thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà cũng chỉ là một trong những vô lượng vô biên thế giới Tịnh Độ trong mười phương hư không pháp giới. Chúng ta cũng nên biết, trong mười phương hư không thế giới có hằng hà sa số chư Phật thì cũng có hằng hà sa số cõi Tịnh Độ. Những chúng sanh nào được vãng sanh về các cõi Tịnh Độ ấy cũng đều do nhân duyên riêng, vì

mỗi cõi đều có phương pháp tu hành khác nhau, phù hợp với từng nhân duyên. Nếu chúng sanh tu hành y theo phương pháp nào, đến khi thuận thực thì sẽ được vãng sanh về cõi Tịnh Độ ấy. Phương pháp tu hành cầu vãng sanh về Tịnh Độ thì gọi là phép tu Tịnh Độ.

Như chúng ta đã biết, trong mười phương có vô lượng vô số cõi Tịnh Độ thì phương pháp tu vãng sanh Tịnh Độ cũng nhiều vô lượng vô số. Riêng đối với cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà mà chúng ta thường gọi là thế giới Tây phương Cực Lạc thì đức Phật Thích Ca đặc biệt tán thán và giới thiệu rất rành rẽ tường tận, là vì chúng sanh trong cõi Ta bà lòng tham dục quá sâu nặng, tâm trí thường loạn động, trong khi đó đức tin lại quá cạn cợt. Trong tình trạng này mà giới thiệu một lúc nhiều cõi Tịnh Độ quá, e chúng sanh khó tu tập thành tựu. Do vậy đức Phật chỉ đặc biệt nói nhiều và tập trung về một cõi Tây Phương Cực Lạc khiến người nghe dễ chuyên nhất, dễ dàng ghi nhớ thì tu hành sẽ đạt hiệu quả hơn.

Tịnh Độ là do diệu dụng của chư Phật biến hiện ra, vì tác dụng ở mỗi cõi Tịnh Độ có sai khác nên danh nghĩa Tịnh Độ cũng tùy đó mà có sai khác. Trong cuốn Pháp môn Tịnh Độ, Hòa

thượng Thích Trí Thủ đã chia ra mười loại Tịnh Độ không đồng nhau như:

- 1- Tỳ Lô Giá Na Tịnh Độ.
- 2- Duy Tâm Tịnh Độ.
- 3- Hằng Chơn Tịnh Độ.
- 4- Biến Hiện Tịnh Độ.
- 5- Ký Báo Tịnh Độ.
- 6- Phân Thân Tịnh Độ.
- 7- Y Tha Tịnh Độ.
- 8- Thập Phương Tịnh Độ.
- 9- Nhất Tâm Tịnh Độ.
- 10- Bất Khả Tư Nghì Tịnh Độ.

Trong mười loại Tịnh Độ này, đáng lưu ý nhất là *Duy Tâm Tịnh Độ*, *Nhất Tâm Tịnh Độ* và *Bất Khả Tư Nghì Tịnh Độ*. Trong giới hạn của tập sách nhỏ này, chúng ta chỉ nên tìm hiểu qua ba loại Tịnh Độ này thôi.

- Duy Tâm Tịnh Độ tức là loại Tịnh Độ này tùy tâm mà biến hiện, chẳng hạn như tâm uế thì quốc độ uế, tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Như trong kinh Duy Ma Cật dạy: “*Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát*”, khi Bồ Tát thành Phật thì những chúng sanh trung trực đều vãng sanh về cõi ấy.

- Duy Tâm Tịnh Độ là nếu Bồ Tát muốn được quả Tịnh Độ là phải tịnh lòng mình, tùy tâm tịnh thì cõi Phật tịnh.

- Nhất Tâm Tịnh Độ là nương nơi tâm mà biến hiện và tùy theo công năng tu chứng cao thấp nên được phân ra bốn bậc không đồng, đó là *Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ*, *Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ*, *Thật Báo Vô Chướng Ngại Tịnh Độ*, *Thường Tịch Quang Tịnh Độ*. Ở đây chúng ta chỉ nên hiểu qua *Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ*, vì loại Tịnh Độ này có liên quan đến chúng ta. Đây là quốc độ của hàng Nhị thừa và nhân thiên. Nhị thừa là Thánh, nhân thiên là phàm. Phàm thánh cùng ở chung nên gọi là *Phàm Thánh Đồng Cư*. Lại vì tính chất *tịnh* và *uế* không đồng nên được chia thành hai thứ. Như cõi Ta bà là *đồng cư uế độ* và cõi Cực Lạc là *đồng cư Tịnh Độ*.

Cuối cùng là *Bát Khả Tư Nghi Tịnh Độ*, đây là cảnh giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà để thâm nhiếp tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương. Sức thâm nhiếp ấy không thể nghĩ bàn vì nó ngời sức tướng tượng và luận bàn của chúng sanh. Đối với người học Phật ngày nay, chúng ta chỉ nên tìm hiểu và chú trọng về thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà vì cõi ấy

rất có quan hệ mật thiết với đời sống tu tập của
tất cả chúng ta.

CHƯƠNG 3



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC

Nói đến thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà, quý Phật tử chắc hẳn sẽ hình dung ngay đến quang cảnh thù thắng trang nghiêm thanh tịnh của cảnh giới Tịnh Độ đã được mô tả khái lược trong kinh A Di Đà, tuy nhiên vẫn còn nhiều người do chưa có duyên đọc qua các bộ kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ, nên chưa thể hình dung cõi Cực Lạc đó như thế nào, nhất là đối với hàng Phật tử sơ cơ mới phát tâm hướng về Tịnh Độ.

Trước tiên chúng ta cùng nhau điếm qua một số tên gọi chung của cõi Cực Lạc mà đức giáo chủ cõi đó là Phật A Di Đà. Theo các bộ kinh Tịnh Độ thì cõi Cực Lạc còn có tên là An Dưỡng Quốc hay An Lạc Quốc, hàng Phật tử chúng ta thường gọi là Thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Trước khi nói về thế giới Cực Lạc mà trong tương lai nếu niệm Phật được nhất tâm bất loạn, chúng ta sẽ được vãng sanh về đó, thiết

ngã, chúng ta cũng cần tìm hiểu vài nét về nhân duyên tựu thành của thế giới Tịnh Độ đặc biệt này. Kinh Vô Lượng Thọ ghi rằng, đức Phật A Di Đà khi còn làm Pháp Tạng Tỳ Kheo, vì nhắm đến mục đích trang nghiêm cõi Tịnh Độ để giáo hóa chúng sanh, nên đã tác bạch với đức Phật Thế Tụ Tại, xin dạy cho biết về tướng trạng và nội dung hai trăm mười ức quốc độ của chư Phật để y cứ vào đó mà tu hành. Sau khi nghe thấy tường tận bao nhiêu cảnh giới quốc độ của chư Phật, Tỳ Kheo Pháp Tạng mới bắt đầu vận hết tinh thần tu nhân “tạo quốc độ”, trải qua năm đại kiếp tư duy nhiếp thủ ngài mới tựu thành thế giới Cực Lạc. Như chúng ta đã biết, lý do khiến Tỳ Kheo Pháp Tạng phát tâm tu tập tư duy nhiếp thủ để tạo thành cảnh giới Tịnh Độ là nhằm xây dựng một đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm để tiếp độ chúng sanh. Đối với hàng Phật tử thì thế giới Tây Phương Cực Lạc là chỗ quay về vô cùng an ổn. Nếu chúng ta trì danh niệm Phật thành khẩn, được nhất tâm bất loạn, được vãng sanh về đó thì thật là vinh hạnh diễm phúc vô cùng, vì đó là nấc thang khởi đầu cho sự thoát ly luân hồi sanh tử, để từ đó chúng ta tiếp tục tiến tu bất thối chuyển đến cứu cánh giải thoát. Qua đó chúng ta có thể cảm nhận sâu sắc lòng từ bi vô

hạn của đức Phật A Di Đà đối với chúng sanh, nhất là đối với chúng sanh cõi Ta bà nghiệp chướng sâu dày như chúng ta, nếu không chịu khổ nhọc, tu trì niệm Phật thì thâm ân trời biển đó làm sao chúng ta có thể đáp đền. Nói đến thế giới Cực Lạc, chúng ta cũng cần tìm hiểu qua về công dân cũng như đất đai, khí hậu, cảnh vật trong cõi đó ra sao, điều này cũng có nghĩa là chúng ta thử tìm hiểu quả báo mà công dân ở cõi Cực Lạc sẽ thọ lãnh những gì. Nói về quả báo nơi mỗi con người, trong Phật học chia quả báo làm hai loại:

- Quả báo hiện trong tự thân gọi là Chánh báo.

- Quả báo hiện ở ngoài thân gọi là Y báo (như hòn cảnh sống, quốc độ, tất cả sự việc xung quanh, đều gọi là y báo).

Sự tôn nghiêm thanh tịnh của chánh báo và y báo ở cõi Cực Lạc, đức Phật đều đã thuyết giảng trong các bộ Kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Thập Lục Quán. Tuy nhiên trong ba bộ kinh này, đức Phật cũng chỉ mới giải bày một cách đại khái. Theo như đức Phật dạy, nếu nói về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà một cách đầy đủ rõ ràng, e rằng cùng đời mẫn kiếp cũng không thể nào nói cho hết được. Dù rằng không

thể diễn tả được đầy đủ và rõ ràng nhưng thông qua kinh điển mà đức Phật đã chỉ dạy, chúng ta cũng được biết một cách khái lược về trạng thái trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc đó như sau:

- Tự thân trang nghiêm: Đây là nói về con người, nói về công dân ở cõi Cực Lạc, cũng được gọi là *chánh báo trang nghiêm*, gồm các chi tiết đặc điểm sau:

1- *Thân tướng trang nghiêm*: Nhân dân trong cõi Tịnh độ, thân tôn sắc vàng, có đủ 32 tướng tốt, hình mạo giống nhau, không kẻ đẹp người xấu, dung sắc vi diệu, cao lớn khôi ngô, vô cùng xinh đẹp.

2- *Thọ mạng vô hạn*: Sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp (vô số), tự chủ hôn tồn, tùy theo bản nguyện.

3- *Có phép thân thông*: Từ *Thiên nhãn thông* (thấy suốt tất cả) đến *Thiên nhĩ thông* (nghe suốt tất cả), *Tha tâm thông* (biết suốt tâm niệm kẻ khác), *Túc mạng thông* (biết rõ kiếp trước), *Thần túc thông* (đi lại tự tại), nếu chúng được quả vị A La Hán thì còn được thêm *Lậu tận thông* (dứt sạch nghiệp luân hồi).

4- *Thường an trú chánh định*: Tâm trí luôn an định, không bị hôn cảnh chi phối tán động.

5- *Không còn đọa ác đạo*: Đã sanh Tịnh độ thì không bao giờ còn bị sa đọa lại vào ba đường dữ: *Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh*.

6- *Hoa sen hóa sanh*: Nhân dân ở Tịnh Độ đều hóa sanh từ hoa sen mọc trong ao bầy bấu, tuyệt nhiên không do ái dục giữa nam nữ mà thành.

7- *An vui thanh tịnh*: Thân tâm được an lạc như các vị Tỳ kheo đã chứng quả A La Hán (*Lậu tận thông*).

8- *Không còn có tên bất thiện*: Ở cõi Tịnh Độ không còn có gì được gọi là bất thiện, danh từ bất thiện cũng không có, huống nữa là sự thật bất thiện.

9- *Đạo tâm bất thoái*: Được sanh về cõi Tịnh Độ, tâm niệm luôn luôn đồng mãnh tinh tấn một mạch thẳng tiến đến đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, không còn thoái chuyển.

10- *Trí huệ biện tài*: Đọc tụng kinh văn thọ trì giáo pháp một cách tinh tế và có đủ tài biện luận vô ngại.

11- *Được vô sanh nhẫn*: Chứng quả *Vô Sanh Pháp Nhẫn* tức là phá trừ hết ngã chấp và

pháp chấp, đạt được chơn trí, và chơn trí ấy xứng hợp với chơn lý, lý và trí không hai.

12- Oai lực tự tại: Có đủ năng lực lớn lao và thần thông tự tại như các bậc Thanh Văn và Bồ Tát, đủ năng lực nắm tất cả thế giới vào trong lòng bàn tay.

13- Thân sáng chói lợi: Hàng Thanh Văn thân thì chiếu sáng được một tâm, hàng Bồ Tát thì thân chiếu sáng được từ một trăm do tuần cho đến tam thiên đại thiên thế giới.

14- Vô số Thanh Văn: Trong hội đầu tiên của đức Phật A Di Đà đã giáo hóa, số chúng sanh chứng quả Thanh Văn không thể kể xiết, số Bồ Tát cũng vậy. Về số lượng Thanh Văn và Bồ Tát chúng quả này. Đức Thích Ca đã bảo cho ngài A Nan hay rằng: “Có sức thần như Mục Kiền Liên và dùng sức thần thông ấy trải qua trăm ngàn muôn ức vô số kiếp cũng không thể biết được số lượng Thanh Văn, Bồ Tát chúng quả trong đại hội đầu tiên của đức Phật A Di Đà giáo hóa, dù cho có biết được một phần nào mà nếu đem so với số chưa biết được thì cũng không khác nào một giọt nước so với biển cả”.

15- Vô số Bồ Tát: Ở quốc độ Cực Lạc, chúng sanh đều bất thối chuyển, trong số bất thối chuyển đó, số người sẽ *Bồ Tát* (sắp thành

Phật) không thể đếm hết được. Số người *Bồ xú* thật là vô lượng, vô số, vô biên vậy.

B. Tịnh độ Trang nghiêm: Đây là nói về thổ địa, hòn cảnh, môi trường sống, cũng được gọi là *Y báo trang nghiêm*, gồm các chi tiết được liệt kê như sau:

1- *Quốc độ bằng phẳng thanh tịnh*: Tôn quốc không có bụi nhơ, không có núi Tu Di và các núi non gò nong khác, cũng không có biển lớn biển nhỏ mênh mông hoặc khe ngòi hang hố chập chùng.

2- *Mặt đất do bảy báu tạo thành*: Ở quốc độ Cực Lạc, ngọc lưu ly rải khắp mặt đất, xen lộn với bảy báu, trong suốt từ trong ra ngoài. Dưới đáy đất có đế bằng vàng, kim cương và thất bảo chống đỡ đất lưu ly. Xung quanh đế, trong tám phương có tám góc, mỗi góc khảm bằng thất bảo, mỗi thứ trong thất bảo chiếu ra trăm ngàn ánh sáng có tám vạn bốn ngàn màu sắc chói sáng rực rỡ lên mặt đất lưu ly có dây chuyền vàng bủa giăng, xen lộn với thất bảo, tạo thành những ranh giới ngay thẳng phân minh, rộng rãi bao la, mênh mông bát ngát, tráng lệ thanh kỳ, trang nghiêm tuyệt diệu.

3- *Khí hậu ôn hòa*: Khí hậu không lạnh không nóng, mát mẻ quanh năm, không phân chia bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

4- *Lưới báu bùa giảng*: Vô lượng lưới báu giảng khắp cõi Phật. Dây giảng tòn bằng vàng, kết tua bằng ngọc trân châu, xen lẫn với trăm ngàn thứ ngọc báu khác xinh đẹp lạ lùng. Chung quanh bốn phía lưới có treo các linh báu sáng ngời chói lọi, vô cùng tráng lệ. Mỗi khi gió dịu thổi qua, linh báu phát ra vô lượng pháp âm khiến chúng sanh ở đây, hãy nghe tiếng linh thì tự nhiên sanh tâm *niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*.

5- *Sáu thời mưa hoa*: Ngày đêm chia sáu thời có gió dịu phưởng phất, đồng thời từ trên trời, hoa *Mạn đà la* rơi xuống cùng khắp bờ cõi thơm tho mát dịu. Mỗi lần mưa hoa, chân đi xuống lún bốn tấc, như đi trên nệm gấm nhưng theo bước chân đỡ lên, lớp hoa lại hợp liền lại như cũ. Tuần tự trước sau, hoa ấy héo dần rồi biến mất, mặt đất trở lại sạch sẽ. Ngày đêm có sáu lần cảnh tượng ấy diễn đi diễn lại như thế.

6- *Sen báu đầy đầy*: Các thứ hoa sen báu mọc lên cùng khắp cả cõi Phật. Mỗi một hoa sen báu mọc lại có trăm ngàn ức cạnh. Từ các cạnh, sức chói sáng của hoa ánh ra vô lượng màu sắc.

Sắc xanh phóng ra hào quang xanh, sắc trắng phóng ra hào quang trắng, các sắc huyền, vàng, đỏ, tím, mỗi mỗi đều phóng một loại hào quang riêng vô cùng rực rỡ chói lọi, lấn áp cả ánh sáng mặt trăng mặt trời.

7- *Hóa Phật thuyết pháp*: Từ mỗi hoa sen báu tuôn ra ba mươi sáu trăm ngàn ức hào quang, trong mỗi hào quang hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức đức Phật, với thân vàng sáng chói, tướng tốt trang nghiêm, mỗi một đức Phật, lại phóng ra vô số hào quang chiếu sáng khắp mười phương và nói pháp nhiệm màu cho mười phương nghe.

8- *Cây đạo tràng của Phật*: Cây đạo tràng của đức Phật A Di Đà là do các báu hợp thành. Ngài lại dùng trân châu mã não trang sức thêm. Chung quanh cây, trên các nhánh lớn, cành con, các thứ chuỗi ngọc treo lòng giông, tỏa ra trăm ngàn vạn sắc trân kỳ. Trên cây đạo tràng, lưới báu xinh đẹp bủa giăng, hết thấy đều trang nghiêm và tùy ý ứng hiện.

9- *Cây báu phát âm thanh*: Vô số cây báu mọc cùng khắp cõi Tịnh Độ. Có cây chỉ do một ngọc báu tạo thành, có cây do hai, ba cho đến bảy loại ngọc báu xen lẫn nhau mà đức nên. Các loại cây báu ấy mọc từng hàng ngang nhau, trở

từng cành đối nhau, đâm từng nhánh so nhau, lá lá hướng với nhau, hoa hoa giao với nhau, trái trái tương đương nhau, xanh tươi xinh đẹp không thể tả xiết. Khi một làn gió nhẹ thoảng qua, từ cành, từ lá, từ hoa, từ quả, mỗi mỗi đều phát ra năm thứ thanh âm hòa nhã như trăm ngàn điệu nhạc hòa tấu một cách tự nhiên. Nhạc điệu du dương tuyệt diệu hơn gấp trăm ngàn muôn ức lần tràng nhạc của cung trời Lục Dục và phát ra vô lượng thanh âm mâu nhiệm. Nghe tiếng nhạc ấy rồi chúng sanh liền lần lượt chúng nhập giáo pháp sâu xa, tiến lên bậc bất thối, tiến mãi cho đến khi thành tựu quả Phật. Nghe tiếng nhạc ấy rồi thì tai trở nên thanh tịnh, không còn các khổ hoạn, mắt trông thấy được sắc cây, mũi ngửi được hương cây, miệng nếm được vị cây, thân tiếp xúc được ánh sáng của cây tỏa ra, ý suy nghĩ hình dáng của cây. Sáu căn đã lãnh hội được hồn tồn cây báu rồi thì liền tỏ ngộ được thậm thâm pháp nhẫn mà lên bậc bất thối. Từ đó mãi cho đến khi thành đạo quả, không còn có sự não hại và lục căn luôn luôn được thanh tịnh.

10- Muôn vật nghiêm lệ: Hết thấy muôn vật đều trang nghiêm thanh tịnh, sáng suốt xinh đẹp. Hình sắc đặc biệt và lộng lẫy một cách vi diệu, không thể tả xiết.

11- *Không có ba đường dừ*: Không có các khổ nạn của ba cảnh giới Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh.

12- *Cung điện trang nghiêm*: Hết thảy nhà cửa như giảng đường tịnh xá, cung điện, lầu gác đều tự nhiên thành tựu và đều trang hồng bằng bảy thứ báu. Trên nhà cửa cung điện còn có giảng phủ một lớp mặt võng làm bằng các thứ báu trân châu, ma ni, minh nguyệt. Lại nữa, nhà cửa cao thấp, rộng hẹp, lớn nhỏ và được xây cất bằng một, hoặc hai, hoặc vô lượng thứ báu, hết thảy đều tùy sở nguyện mà liền có ứng hiện.

13- *Quốc độ thanh tịnh*: Quốc độ thanh tịnh trong suốt như một thể giới pha lê, chiếu tỏa khắp mười phương, khiến từ đó có thể trông thấy được vô lượng vô biên vô số thể giới của chư Phật bất khả tư nghị.

14- *Hồ tắm trong thơm*: Nước trong các hồ tắm yên lặng trong suốt, bản chất thanh tịnh, mùi vị thơm tho như nước cam lồ và có đầy đủ tám tính chất gọi là “bát công đức thủy”. Nếu là hồ hồng kim thì dưới đáy là cát bạch ngân, nếu là hồ bạch ngân thì dưới đáy là cát vàng, nếu là hồ thủy tinh thì dưới đáy là cát lưu ly, nếu là hồ lưu ly thì dưới đáy là cát thủy tinh, nếu là hồ san hô thì dưới đáy là cát hổ phách, nếu là hồ hổ

phách thì dưới đáy là cát san hô, nếu là hồ xà cừ thì dưới đáy là cát lưu ly, nếu là hồ lưu ly thì dưới đáy là cát xà cừ, nếu là hồ bạch ngọc thì dưới đáy là cát vàng tía, nếu là hồ vàng tía thì dưới đáy là cát bạch ngọc. Các nhóm báu ấy còn thay đổi tùy theo ý người muốn: Hoặc do hai thứ báu, hoặc do ba, bốn cho đến bảy thứ báu mà hợp thành hồ.

15- Nước hồ lên xuống tùy nguyện: Nhân dân ở quốc độ Cực Lạc, một khi bước chân xuống hồ, mực nước lên xuống cao thấp đều tùy theo ý nguyện. Cũng tùy theo ý nguyện mà nước hồ có ấm lạnh một cách tự nhiên. Tắm xong, tinh thần thấy sáng khoái và tẩy trừ hết tâm cấu nhiễm. Mỗi khi bước xuống tắm bốn phía bờ hồ có tiếng sóng vỗ lao xao như một điệu nhạc, phát ra tiếng *niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tiếng Tịch tịnh xa vắng, tiếng Vô ngã, tiếng Đại từ đại bi, tiếng Ba La Mật*. Những tiếng phát ra như vậy rất xứng hợp với người nghe và khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ vô lượng.

16- Hương xông ngào ngạt: Từ mặt đất lên đến hư không, hết thấy cung điện, lầu gác hồ sen, cây hoa, cho đến tất cả vạn vật đều xông ướp trong trăm ngàn thứ hương thơm, kết hợp do vô lượng tạp bảo đặc biệt. Hương ấy tỏa khắp

mười phương thế giới, Bồ Tát người thấy mùi hương liền đồng mãnh tu theo hạnh Phật.

17- *Thức ăn tinh khiết*: Thức ăn gồm các thứ hương hoa vô cùng tinh khiết và thù thắng hơn ở các cảnh trời. Mỗi khi muốn ăn, chén bát thất bảo tự nhiên hiện ra với trăm thức ăn uống đầy đủ. Cách ăn không như ở cảnh giới chúng ta, mà chỉ bằng tác ý và bằng mắt thấy tai nghe, tức thời tự nhiên bảo mãn. Ăn xong, thức ăn tiêu hóa, đến giờ ăn sau, những thức ăn mới lại tự nhiên hiện ra như trước.

18- *Y phục tùy niệm*: Y phục của nhân dân tùy niệm tùy hiện, không cần may cắt, giặt nhuộm.

19- *Chim biết thuyết pháp*: Các thứ chim ở cõi này đều là hóa thân của đức A Di Đà. Ngài biến hóa ra các thứ chim tạp sắc kỳ diệu như *Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vĩ, Xá Lợi, Ca Lãng Tàn Già, Cọng Mạng, chim Phù, chim Nhạn, chim Oan Ương* v.v... ngày đêm sáu thời, kêu tiếng hòa nhã. Tiếng ấy giảng giải *pháp Ngũ căn, Ngũ lực, Bảy phẩm Bồ đề, Tám pháp chánh đạo* v.v... Khiến người nghe đều phát tâm *niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*.

Sự trang nghiêm, thanh khiết, an tịnh nơi tự thân của mỗi công dân ở cõi Cực Lạc và sự

thù thắng vi diệu của cảnh giới Cực Lạc như được nêu khái lược trên đây, chắc chắn đó sẽ là niềm mơ ước của mỗi người con Phật, nhất là đối với những người con Phật đang phải sống trong cảnh Ta Bà uế trước, bất an, phiền não, đau thương nghiệp chướng này. Nếu được vãng sanh về đó thì quả là một đại may mắn, đại diễm phúc, mà tất cả vật chất vàng bạc châu báu dù có chất đầy cả mười phương hư không cũng không thể nào sánh nổi. Chính vì lẽ đó, chúng tôi mong mỗi quý Phật tử hay nỗ lực tinh tấn niệm Phật, chân thật thành kính niệm Phật để mai hậu bảo đảm vãng sanh về Thế giới Tây phương Cực Lạc.

Thế giới Tây phương Cực Lạc, dầu không thể diễn đạt hết bằng văn tự hay lời nói, nhưng thế giới Tây Phương Cực Lạc đó chúng ta vẫn có thể *mục kích sở thị* nếu như chúng ta tha thiết tu hành, thành kính hướng về đức Từ Phụ Di Đà khẩn nguyện vãng sanh, chân thật niệm Phật, tinh tấn ngày đêm không rời câu Phật hiệu, thì ngay trong hiện kiếp. Khi được vãng sanh Cực Lạc, tất nhiên khi đó, tự chúng ta sẽ trông thấy thế giới Cực Lạc một cách tường tận rõ ràng mà không cần phải hiểu biết qua kinh sách hay nghe ai thuyết giảng cả. Tận mặt diện kiến Phật A Di

Đà và thế giới Cực Lạc bằng chính sự nỗ lực công phu trì danh niệm Phật của mình, thiết nghĩ đó là mong ước của cả một đời học Phật. Cảm nhận điều này một cách sâu sắc, rất mong quý Phật tử hãy tinh tấn tu hành.

Phần *chánh báo trang nghiêm và y báo trang nghiêm* trong chương này, chúng tôi lược trích từ chương “Phạm vi cõi Cực Lạc” trong cuốn Pháp môn Tịnh Độ của Hòa thượng Thích Trí Thủ - NXB Tôn Giáo – 2002.

CHƯƠNG 4

—*#..*#..*#..*#—

PHÁ NGHI CỦA QUẦN CHÚNG VỀ VIỆC NIỆM PHẬT CẦU VÃNG SANH CỰC LẠC

Đối với người học Phật tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, nói đến thế giới Cực Lạc, không nhiều thì ít có lẽ cũng đã biết qua kinh sách, điển hình là trong tập sách nhỏ này, chúng tôi cũng đã sơ lược trình bày về những điều này.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, có những Phật tử đã thành thật thú nhận là họ rất hoang mang khi nghe một số băng giảng cho rằng cõi Cực Lạc là không có thật, do con người tưởng tượng ra và kinh A Di Đà cũng không phải do Phật thuyết. Chúng tôi nhận thấy đây là vấn đề hệ trọng trong Phật pháp, những nhận định sai lầm nêu trên là do tà kiến của một vài cá nhân, gây ảnh hưởng đến tín tâm và sự tu học của Phật tử. Chúng tôi rất lấy làm tiếc cho trường hợp này, đồng thời lưu tâm đến vấn đề hệ trọng của Phật pháp, nên trong tập sách nhỏ này, chúng tôi đã biên soạn thêm phần *Chánh Kiến Tịnh Độ* để phá nghi ngờ, ngộ nhận của quần chúng về việc niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Nhân đây chúng tôi khẳng định với quý Phật tử là kinh A Di Đà cũng như các kinh Địa Tạng, kinh Pháp Hoa... là từ kim khẩu của Phật xuất ra. Những vị nào đưa ra nhận định trái với lẽ thật, trái với Phật pháp thì sẽ chịu quả báo tương xứng với ác nhân mình đã tạo.

Trong phần *Chánh kiến Tịnh Độ*, chúng tôi đã cố gắng trình bày những điểm cần thiết về pháp môn Tịnh Độ, với mong mỏi giúp cho quý Phật tử có thêm những kiến thức cơ bản về pháp môn Tịnh Độ, chúng tôi cũng rất mong, qua đó

được chia sẻ với quý Phật tử những băn khoăn thắc mắc trong tâm thức bay lâu này về pháp môn Tịnh Độ, cũng trong chương này, chúng tôi đồng thời nêu lên một số điểm then chốt khi thực hành pháp môn Tịnh Độ, thiết nghĩ, người học Phật cần lưu ý điều này trong quá trình tu tập.

Để tránh đi sự ngộ nhận sai lầm của quần chúng về việc niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, chúng tôi xin nhường lời cho Hòa thượng Tịnh Không, một Pháp sư chân tu rất có uy tín, đã nói về vấn đề đó như sau: *“Người niệm Phật đối với lời Phật dạy, nhất định không được hoài nghi. Phật giáo dạy người không nói dối. Nói dối là giới trọng của nhà Phật. Vậy Phật sao có thể nói dối chúng ta! Điều này tuyệt không thể có. Phật nói thế giới Cực Lạc ở phương Tây nhất định là chân thật. Nhất là trong thời đại khoa học phát triển ngày nay, con người đã phát hiện trong hư không có vô số tinh cầu, hiện tại chúng ta cũng thường nghe nói về người ngoài hành tinh xuất hiện, điều đó chứng tỏ lời Phật dạy là siêu việt. Chúng ta là người sống ở địa cầu, làm sao có thể biết được các tinh cầu khác có người sống hay không?*

Thế giới Cực Lạc cũng không nằm ngoài những tinh cầu đó, đó là chúng ta dùng khoa học

hiện đại để suy cứu. Nếu suy nghiệm một bước cao hơn cho dễ hiểu thì ngày nay khoa học đã công nhận trong không gian có nhiều tầng lớp, nhiều chiều. Chúng ta cũng công nhận rằng, trong không gian, không những có ba chiều mà còn có không gian bốn chiều. Hiện tại, chúng ta đang sống trong không gian ba chiều, còn những người sống trong không gian bốn chiều giống như thần tiên. Khoa học đã chứng minh có ít nhất là một tầng không gian rất lý thú, rất phù hợp với lời Phật dạy. Trong kinh Phật nói có mười pháp giới, do đó có thể biết, nhà Phật nói mười pháp giới so với danh từ không gian chỉ có khác nhau về tên gọi. Tầng không gian càng cao thì đời sống sinh hoạt lại càng thù thắng. Phật dạy không gian có tận hư không và biến khắp pháp giới. Khoa học tuy đã phát hiện ra điều này, song không thể biết nguồn gốc hình thành và bước đột phá cao hơn nữa. Kinh Phật dạy rất thấu triệt, mười pháp giới được hình từ đâu? Đều từ nơi vọng tưởng, phân biệt và chấp trước mà thành. Làm sao có thể đột phá được? Phải dùng công phu thiền định, chỉ có phương pháp này mới nhập thẳng vào được không gian vô hạn để đột phá, sau đó mới có thể thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, còn gọi là nhất chân

pháp giới. Điều này, tương ứng với những khám phá của khoa học.

Khi nói đến việc vãng sanh của người tu theo pháp môn Tịnh Độ, có người hỏi tôi: “Cổ đức có nói “sinh thì quyết định sinh, đi thì không thật có”, như vậy cứu cánh là có vãng sanh hay không?”. Sinh thì quyết định sinh, mà đi thì thật không có. Vì sao không thật có? Vì chúng ta chẳng lìa pháp giới. Vì sao nói sinh thì quyết định sinh? Vì chỉ có không gian chuyển đổi. Chúng ta có thể dùng ví dụ về ti vi để cho dễ hiểu. Màn hình ti vi có thể hiện lên cảnh ở Đài Loan, ở Mỹ... Nhìn trên ti vi, chúng ta thấy có một người bước lên máy bay và bay sang Mỹ. Máy bay cất cánh bay đi, cảnh vật ở Mỹ hiện ra, như vậy người đó có đến Mỹ hay không? Nhất định là có đến, và người đó có ly khai hay không ly khai màn hình? Nói cách khác, việc ấy chỉ có thay đổi về tần số. Chúng ta hiện tại đang ở tần số của thế giới Ta Bà, tức thuộc phạm vi của địa cầu. Một khi tần số chuyển đổi thì tuy chúng ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc song vẫn ở tại pháp giới. Cho nên, từ góc độ nhất chân pháp giới mà nói thì không có đi, nhưng từ ở góc độ vãng sanh mà nói thì chỉ là thay đổi tần số, đây là một sự thật. Trong mười pháp giới có mười

tần số không giống nhau. Tuy không giống nhau về tần số, nhưng vẫn cùng trong một pháp giới, cũng như chỉ ở trên một màn hình nhưng vẫn không ly khai nó. Vậy, đối với sự thật chân tướng, chúng ta đã thể hội được bao nhiêu? Từ đây mới có thể biết, chúng ta có nên cầu sanh Tịnh Độ hay không? Nhất định chúng ta phải cầu sanh Tịnh Độ! Chỉ có sanh đến thế giới đó, chúng ta mới có thể đột phá tầng lớp vô hạn của không gian, điều này, khoa học ngày nay tuy hiện đại bao nhiêu, nhưng cũng không có phương pháp để đột phá. Nếu con người có thể đi vào không gian ba chiều, bốn chiều hay năm chiều đi nữa, hoặc có thể trở về quá khứ, vị lai đi nữa, song thực tế, các cõi trời Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới cùng với cõi Ta Bà của chúng ta lại không giống nhau. Tại cảnh giới của họ, họ có thể biết được quá khứ, biết được vị lai và do vậy, họ có thể tùy ý tiến lui một cách thông dong tự tại. Cũng như, nếu muốn, họ có thể hóa thân ở đời quá khứ và ứng thân vào đời vị lai. Cho nên, kinh Phật nói là có vô lượng vô biên thế giới là vậy. Chính điều này, ngày nay khoa học đang công nhận đó là sự thật sau một quá trình dài chứng minh, khảo cứu. Tuy vậy, họ lại không biết dùng phương pháp gì để đột phá, để tiến

nhập vào những thế giới đó. Phật pháp ngược lại, cao minh hơn khoa học rất nhiều, Phật pháp có thể tìm ra và biết được phương pháp để đột phá. Cho nên, chúng ta phải khẳng định thế giới Cực Lạc là một thế giới hiện thực, và việc cầu vãng sanh là tích cực chứ không phải tiêu cực như nhận định của người thế gian. Nếu chúng ta cho việc cầu vãng sanh là tiêu cực, là lánh xa với hiện thực thì thật ra chúng ta đã sai lầm, đã nhìn vấn đề một cách cạn cợt. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật đặc biệt nói kinh chẳng phải là tiểu thừa, mà là kinh đại thừa. Chẳng những kinh đại thừa mà còn là đại thừa trong các kinh đại thừa, nhất thừa trong các kinh nhất thừa nữa, là bốn kinh liễu nghĩa cứu cánh. Vì vậy, mười phương chư Phật đều tán thán, tất cả chư Phật đều hoằng dương, đó là sự thật không phải tránh xa hiện thực. Đến thế giới Cực Lạc chứ không phải đi thọ lạc, nếu chúng ta vẫn còn tâm niệm thọ lạc thì đó chỉ là vọng tưởng xa xôi. Điều kiện cần yếu để đến đó được là tâm chúng ta phải có thanh tịnh. Muốn tâm thanh tịnh, chúng ta có thể dùng phương pháp niệm Phật. Tâm có thanh tịnh rồi, chúng ta mới đủ tư cách để vãng sanh Tịnh Độ. Nếu tâm chưa thanh tịnh, vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tồn

tại thì dù một ngày chúng ta có niệm đến mười vạn câu Phật hiệu đi chăng nữa, cũng chẳng có lợi ích thiết thực gì. Cho nên, cổ nhân mới nói:

“Xem ra niệm Phật dễ mà không
Khẩu ý buông lung giữ chẳng đồng
Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn
Dù cho khan cổ vẫn hỏi công”.

Giống như học bài, chúng ta cần phải học đi học lại nhiều lần, học cho đến khi nào thành thục, nhuần nhuyễn thì kỳ thi mới có kết quả tốt. Cũng vậy, khi niệm Phật, chúng ta phải niệm đến nhất tâm bất loạn, đó là tiêu chuẩn căn bản mà kinh A Di Đà đã nêu, Muốn đạt được nhất tâm bất loạn, chúng ta phải dùng phương pháp trì danh niệm Phật. Phương pháp này, trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đều có đề xướng. Tây Phương Cực Lạc là trường học, tất cả chúng ta là học sinh, trì danh là môn học, được vãng sanh, thành Phật là sự nghiệp sau cùng. Thành Phật là gì? Là thành tựu trí tuệ viên mãn cứu cánh, là trí tuệ vô sở bất tri, vô sở bất năng. Thành tựu được rồi, sau đó chúng ta mới có đủ khả năng ở trong tận hư không pháp giới để trợ giúp tất cả chúng sinh, giúp họ phá trừ mê hoặc, đạt được giác ngộ, hiểu về chân tướng của

vũ trụ và nhân sinh. Đó là một việc vô cùng ý nghĩa, lẽ nào lại tiêu cực sao?

Vì vậy, chúng ta nhất định phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc. Lời của Phật nói không hề dối gạt chúng sinh. Chẳng những Phật Thích Ca không nói dối mà mười phương tất cả chư Phật đều tán thán, hoằng dương. Vậy, chân thành khẩn thiết khuyến bảo và mong mỏi tất cả chúng ta phải nên tu tập, hành trì pháp môn Tịnh Độ. Đối với chúng ta, Phật có đòi hỏi điều kiện gì không? Phật tuyệt đối không cần chúng ta phải cung kính hay cúng dường Ngài. Lời Phật dạy không thể dối gạt người, nếu cho rằng Phật dối, tất nhiên chúng ta bị tâm bất thiện phát sinh”.

CHƯƠNG 5



NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG CẦN LƯU Ý TRONG 48 ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Nói đến pháp môn Tịnh Độ thì không thể không nhắc đến 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà, bởi đây là cơ sở quan trọng để người học Phật phát khởi niềm tin, vững chắc niềm tin, nguyện được vãng sanh về Phật quốc. Vì trong cuốn *Nhất tâm niệm Phật- Quyết định vãng sanh* trước đây, chúng tôi đã trích đăng đầy đủ 48 đại nguyện của đức Từ Phụ, cũng như đã nêu lên ý nghĩa mục đích thiêng liêng tràn đầy bi tâm bi nguyện của ngài. Do vậy, ở đây chúng tôi không nhắc lại. Trong tập sách nhỏ này, chúng tôi chỉ lược nói về những điều quan trọng trong 48 đại nguyện của đức Phật Di Đà đối với chúng ta, rất mong quý Phật tử lưu ý để nương đó mà tiến tu trì danh niệm Phật.

Trong 48 đại nguyện của đức Từ Phụ thì có 21 lời nguyện liên quan mật thiết đến chúng sanh cõi Ta Bà, 27 lời nguyện còn lại, đức Từ Phụ riêng vì hàng Đại Bồ Tát mà phát nguyện,

do vậy đối với chúng ta, 27 lời nguyện này chưa thật sự là nhu cầu cần thiết. Quý Phật tử muốn biết tường tận 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà thì xin hãy xem qua trong kinh Quán Vô Lượng Thọ hoặc xem trong cuốn *Nhất tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh* mà chúng tôi biên soạn trước đây. Nói đến 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà, điều đáng chú ý nhất là trong mỗi lời thệ nguyện, đều có câu: “*Thệ quyết không thủ ngôi Chánh Giác*”. Như chúng ta đã biết, không thủ ngôi Chánh Giác có nghĩa là ngài từ chối quả vị Phật, ngài không chịu làm Phật để thụ hưởng *Thường – Lạc – Ngã - Tịnh* cho riêng mình, bởi vì chúng sanh trong quốc độ vẫn còn đau khổ, ngài nghĩ làm Phật như vậy liệu sướng ích gì. Đây là điều vô cùng quan trọng, nó nói lên đại từ bi tâm thăm thẳm, thậm thâm không thể nghĩ bàn của đức Phật.

Đọc lại kinh A Di Đà, chúng ta thấy đức Phật Thích Ca dạy: “*Đức Phật A Di Đà thành Phật đã mười kiếp rồi, 48 đại nguyện của ngài cũng đều đã được thực hiện một cách viên mãn. Nếu không được như thế, thì ngài đã quyết không chịu thành Phật*”. Đối với người sơ cơ học Phật, khi đọc lên 48 đại nguyện của đức Phật, chắc có lẽ trong số đông quý Phật tử chúng

ta, cũng không ít người sanh tâm nghi ngờ trước tâm lòng đại từ đại bi, bao dung độ lượng, thương xót chúng sanh còn hơn mẹ thương con của ngài như vậy, về điều này, đức Phật Thích Ca cũng đã tiên liệu trước, nên trong kinh A Di Đà, ngài đã nói rằng đây là “*Nan tín chi pháp*” khó thể nghĩ bàn. Tuy nhiên nếu lắng lòng chiêm nghiệm xét kỹ nhân duyên, thì không thể nào đức Phật lại dối gạt chúng ta, mà ngài dối gạt chúng ta để được cái gì, trong khi quả Phật (Thường - Lạc - Ngã – Tịnh) thiêng liêng nhiệm mầu thù thắng cao tột ngài còn không thềm nhận, hơn nữa bậc quân tử ở đời còn không dối người, còn chẳng nói lời vọng ngữ, huống gì là đức Phật, bậc thầy của trời người, đầy đủ phước đức trí huệ, vạn hạnh viên dung, chẳng lẽ ngài lại không thủ tín với chúng ta? Xét đến tận cùng, chúng ta mới thấy, tâm từ bi của đức Phật quả là thâm sâu diệu vợi, biển trời khó sánh. Chính vì vậy mà chúng ta đều phải hết lòng chí thành thâm tín. Có tin sâu thì mới có thể giải quyết mối nghi ngờ và chỉ khi nào trong lòng chúng ta tồn không còn nghi ngờ gì cả về 48 đại nguyện của đức Từ Phụ, thì khi đó chúng ta mới có thể nương vào Phật lực mà trì danh niệm Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc. Chư vị cố đức dạy

rằng, thâm tín chư Phật thì muôn ngàn hạnh đức phát sinh. Trong kinh Phật dạy: “*Nghi tắc hoa bất khai*”, nghĩa là còn nghi ngờ thì tâm hoa không bùng nở. Dù chúng ta có làm nhiều điều thiện lành tốt đẹp bao nhiêu đi nữa, nhưng lòng tin của chúng ta đối với Phật pháp chưa kiên cố, chưa thiết tha thì kết quả cũng rất giới hạn. Đối với người tu theo pháp môn niệm Phật, thì lòng tin là điều cốt lõi, là then chốt cho cả tiến trình tu tập từ nay cho đến ngày từ giả cõi tạm này. Chính vì vậy mà chúng tôi rất mong quý Phật tử phát khởi lòng tin chơn chánh đối với Tịnh Độ, cụ thể là đối với 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà, để lấy đó làm chỗ dựa vững chắc trên bước đường trì danh niệm Phật.

Một điều hết sức quan trọng nữa, trong 21 lời nguyện mà đức Phật A Di Đà đã nhắc đến chúng sanh trong cõi Ta Bà, đa số đều thuộc về trách nhiệm riêng của đức Phật, duy chỉ có ba điều 18, 19, 20 thì thuộc về cả đôi bên, đức Phật và người tu pháp trì danh niệm Phật cùng liên đới chịu trách nhiệm. Nay chúng tôi xin lược trích ba điều nguyện 18, 19, 20 để quý Phật tử tiện theo dõi và suy ngẫm:

Nguyện thứ 18: Chúng sanh trong mười phương chỉ tu phép thập niệm cũng đủ được vãng sanh.

Nguyện rằng: “Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, có chúng sanh trong mười phương một lòng tin tưởng tôi hằng ngày niệm được mười lần tên hiệu tôi để cầu vãng sanh Cực Lạc mà đến khi lâm chung chẳng đặng như nguyện”.

Nguyện thứ 19: Chúng sanh trong mười phương phát nguyện vãng sanh Cực Lạc đều được tiếp đón.

Nguyện rằng: “Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, có chúng sanh trong mười phương phát tâm Bồ Đề, tu hành các món công đức, cầu được vãng sanh Cực Lạc mà đến khi họ lâm chung, tôi và đại chúng Bồ Tát không phóng quang hiển hiện ra trước mắt để tiếp dẫn họ về nước Cực Lạc”.

Nguyện thứ 20: Chúng sanh trong mười phương hồi hướng công đức đều được vãng sanh Tịnh Độ.

Nguyện rằng: “Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương, nghe đến danh hiệu tôi, tưởng nghĩ đến quốc độ tôi, làm các việc công

đức để hồi hướng nguyện vãng sanh về nước Cực Lạc mà không được như nguyện”.

Như vậy, trong điều thứ 18, đức Phật A Di Đà đã phát nguyện rằng, người tu Tịnh Độ, dù chỉ đều đều xưng danh hiệu ngài, mỗi ngày 10 lần (tu pháp thập niệm) thì cũng được vãng sanh. Nếu chúng ta không vãng sanh thì đó là trách nhiệm của ngài. Chúng ta nên nhớ rằng, không bắt cứ một trách nhiệm nào mà chư Phật không hôn mẫn cả, nhất là trách nhiệm cứu độ chúng sanh xuất phát từ đại bi tâm chứ không từ một động cơ nào khác. Tuy nhiên nếu chúng ta không chí tâm tin tưởng và không giữ được phép thập niệm đều đặn thường xuyên mỗi ngày thì đó là lỗi tại ta. Ở đây chúng ta nên suy nghiệm thêm một điều nữa, nếu thường ngày chúng ta không huân tập phép tu thập niệm cho thuần thực, không tạo được định lực nhất định, thì khi lâm chung háp hối làm sao chúng ta có thể niệm Phật liên tiếp được mười tiếng hay giữ được một vài tiếng niệm Phật trước lúc ra đi. Đây là điều mà người học Phật cần phải suy nghĩ chín chắn.

Hai đại nguyện 19 và 20 cũng bao hàm cái ý đức Phật và người tu Tịnh Độ đều liên đới cùng chịu trách nhiệm chung như thế thì sự tu hành của chúng ta mới đạt kết quả vãng sanh và

bồn hồi của đức Phật mới trọn vẹn trách nhiệm. Nếu đức Phật đại từ đại bi dang tay cứu độ tiếp dẫn mà tu thì vọng khởi điên đảo đủ điều, thì dù vô lượng, chư Phật cùng một lúc sẵn sàng đón tiếp cũng đành phải bó tay. Nếu chúng ta nhiếp tâm chánh niệm, mà đức Phật A Di Đà không phát khởi đại bi tâm kiến tạo ra thế giới Tây Phương Cực Lạc, không phát đại bi nguyện cứu độ chúng sanh, thì chúng ta cũng sẽ không có cõi Tây Phương Cực Lạc để về và cũng không dễ dàng gì tiến tu đến quả vị Vô Thượng Bồ Đề được. Trách nhiệm liên đới là ở chỗ này, chúng ta nên lưu ý mà nỗ lực trì danh niệm Phật để mai hậu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Thật ra nếu chúng ta một lòng tin tưởng, thành kính niệm danh hiệu Phật một cách liên tục bền bỉ, phát nguyện vãng sanh và hồi hướng tất cả công đức để cầu sanh Tịnh Độ, tức là nhiệm vụ của chúng ta coi như đã làm xong. Việc nên làm, cần làm, đáng làm, chúng ta đều đã làm. Tất cả bao nhiêu điều còn lại thuộc về trách nhiệm của đức Phật A Di Đà, như trong 48 đại nguyện mà ngài đã phát khởi thế nguyện. Là người con Phật, thâm tín chư Phật, chúng ta khẳng định điều này và hãy tự hùn thành nhiệm vụ của mình, thì chắc chắn trong tương lai chúng

ta sẽ được vãng sanh Cực Lạc, vì lời Phật dạy là chân thật bất hư.

Pháp môn trì danh niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, chung quy lại là đặt căn cứ trên hai yếu tố căn bản, đó là: Lòng tha thiết mong cầu vãng sanh của chúng sanh và tâm đức đại từ đại bi hằng luôn cứu độ tiếp dẫn chúng sanh của chư Phật. Hai yếu tố cơ bản này cùng phát khởi, trên dưới giao cảm nhau, nương tựa nhau mà đâm hoa kết quả. Khi tương duyên giao cảm đến tận cùng thì tự nhiên *nhân - tướng - quả - thể* hiển bày, không còn ngăn ngại gì nữa. Đến lúc này, nhân tức là quả, quả tức là nhân, nếu đạt đến như vậy thì kết quả hiện tiền, đã có thể chứng nghiệm thì lo gì đến lâm chung không được vãng sanh Cực Lạc. Điều quan trọng ở pháp môn trì danh niệm Phật là đức tin của chúng ta có kiên định vững chắc hay không? Chúng ta có thường xuyên thành kính trì danh niệm Phật hay không? Vấn đề có được vãng sanh hay vẫn mãi còn luân hồi lăn quẩn trong lục đạo đều do *Tín - Hạnh - Nguyện* nơi mỗi chúng ta, nhất là ở niềm tin.

Cùng với những gì có thể lý giải được bằng ngôn ngữ thì pháp môn niệm Phật còn hàm súc đạo lý sâu mầu, thậm thâm vi diệu với vô

lượng tác dụng bất khả tư nghì, các bậc Đại Bồ Tát còn phải học Tịnh Độ, còn phải tu Tịnh Độ, còn phải hồi hướng công đức cầu sanh về Tịnh Độ thì nói gì đến hạng phàm phu chúng ta.

CHƯƠNG 6



TIN SÂU - NGUYỆN THIẾT – HẠNH CHUYÊN

Hễ nói đến pháp môn Tịnh Độ, người học Phật liền tưởng ngay đến ba món tư lương *Tín – Nguyện – Hạnh*, bởi ai cũng biết đó là tông yếu của Tịnh Độ. Như chúng ta đã biết, rốt ráo của pháp môn niệm Phật là “*Một đời vãng sanh Cực Lạc, thoát khỏi luân hồi sanh tử*”, chur cỗ đức lấy đây làm đích đến. Thế nhưng người học Phật chúng ta làm thế nào để một đời được vãng sanh? Về điều này, Đại Sư Triệt Ngộ dạy rằng: “*Vì sự sanh tử, phát tâm bồ đề, lấy tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật*”, lời này quả là đã trình bày một cách vắn tắt nhưng rõ ràng mạch lạc ba điều kiện thiết yếu cho việc vãng sanh Cực Lạc, đó chính là *Tín – Nguyện – Hạnh*.

Trong cuốn *Nhất tâm niệm Phật - Quyết định vãng sanh*, chúng tôi đã có nói về *Tín – Nguyện – Hạnh*, trong tập sách nhỏ này, chúng tôi chỉ nói thêm những điều mà trước đây chưa trình bày hết, đồng thời nhấn mạnh đến sự cấp

thiết của người học Phật: *Tin sâu – Nguyện thiết – Hạnh chuyên*.

Đại Sư Ân Quang dạy rằng: “Nếu luận về pháp môn niệm Phật, thì chỉ có ba pháp Tin Nguyện Hạnh là tông yếu. Đây đủ ba pháp, quyết định vãng sanh. Nếu không có tin thật - nguyện thiết, thì dù có chân hạnh thì cũng chẳng thể vãng sanh, huống là kẻ tu hành hời hợt, qua loa ư? Bởi lẽ pháp này cả ba đời chẳng dễ thường bàn, là đạo mâu độ khắp ba căn. Hãy nên dốc trọn toàn thân nương về tu tập, mới hòng chứng được lợi ích thật sự. Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, thì hãy nên tu chánh hạnh niệm Phật. Lấy tin nguyện để dẫn đường, lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Ngài Ngẫu Ích đã nói rất rõ: “Được vãng sanh hay không là do tin nguyện. Phẩm vị cao thấp là do công trì danh sâu hay cạn”. Pháp môn niệm Phật thật rất giản dị, nhưng phải thật khẩn thiết chí thành đến cùng cực mới hòng cảm ứng đạo giao, mới được lợi ích thật sự ngay trong hiện đời. Hết thầy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, riêng pháp môn Tịnh Độ là chuyên cậy vào Phật lực. Hết thầy pháp môn phải sạch hết hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh thoát tử, thì pháp môn niệm Phật đởi nghiệp vãng sanh liền dựa vào dòng Thánh. Đây quả là

pháp môn vi diệu, hy hữu đệ nhất, là sự thù thắng bất khả tư nghì.

Như đã nói, rốt ráo của pháp môn niệm Phật là một đời vãng sanh, thoát khỏi luân hồi sanh tử, mà đã nói đến vãng sanh tức phải nói đến giây phút lâm chung của một đời người. Đối với người học Phật ngày nay, phần đông ai cũng sợ hãi, kinh hồng, mất bình tĩnh lúc lâm chung. Ý niệm lúc lâm chung quyết định tái sinh cho kiếp sau. Nếu trong giây phút lâm chung, chúng ta chỉ hồ đồ nổi lên một ý niệm sân giận thì liền rơi vào địa ngục nhanh hơn tên bắn, nếu nổi lên một ý niệm tham lam liền rơi vào nga quý, nếu nổi lên một ý niệm si mê ái dục tức thì rơi vào súc sanh ngay tức khắc, đồng thời những nghiệp nặng nhẹ, thiện ác khác cũng sẽ mãi mãi còn đó, chờ cơ duyên hội đủ ắt phải thọ lãnh quả báo không sai chạy đường nào. Chính vì những ý niệm *tham – sân – si* cùng với trùng trùng điệp điệp vọng tâm loạn ý, thương ghét, thị phi, thiện ác lúc lâm chung đẩy khởi lên, cho nên chúng ta cần phải gấp rút kiến tạo cho mình một hướng đi tích cực, an tồn, đúng hướng khi mọi việc vẫn còn cơ hội.

Để giải trừ những bất hạnh đáng tiếc có thể xảy ra lúc lâm chung và để chúng ta có thể tự

tin khẳng định mình sẽ được vãng sanh chắc chắn, thì ngay bây giờ, chúng ta nhất nhất phải thực hiện cho bằng được ba điều kiện quyết định: *Tin sâu – Nguyện thiết – Hạnh chuyên*.

Chúng ta nên hiểu, tin sâu là tin một cách tuyệt đối lời Phật dạy và tin chắc chắn mình sẽ được vãng sanh. Nguyện thiết là tha thiết khẩn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc. Hạnh chuyên là thời thời khắc khắc, tâm tâm niệm niệm chân thật thành kính không rời câu Phật hiệu.

Ấn Quang Đại Sư đã giảng giải về lòng tin chân thành, tâm nguyện tha thiết rất súc tích và gần gũi với người học Phật như sau: *“Ta Bà khổ, khổ chẳng thể nói. Cực Lạc vui, vui chẳng gì sánh bằng. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chơn tín. Đừng nên dùng trí kiến ngoại đạo phàm phu để so lường lầm lạc, cho rằng mọi thứ trang nghiêm thắng diệu chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ đều là chuyện ngụ ngôn, là thí dụ, là tâm pháp, chẳng phải cảnh thật. Nếu có các thứ tà kiến, hiểu biết sai lạc như vậy thì sẽ đánh mất điều lợi ích thật sự là được vãng sanh Tịnh Độ. Cái hại rất lớn chẳng thể biết hết. Đã biết Ta Bà là khổ, Cực Lạc là vui thì hãy nên phát thệ nguyện thiết thực, nguyện lìa khổ Ta Bà, nguyện hưởng vui Cực Lạc. Nguyện ấy phải tha*

thiết như bị rớt xuống hầm xí, cầu gấp gấp được thốt ra. Lại như bị giam cầm trong ngục, đau đáu nghĩ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự thốt, ắt phải khẩn cầu Phật lực cứu cho thốt khỏi”. Trong Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, ngài giảng: “Hết thấy chúng sanh trong thế giới Ta Bà đối với cảnh thuận nghịch, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, ô uế diêu giác minh tâm sẵn có. Đáy chính là hầm xí không có đáy. Đã tạo nghiệp ác, ắt phải chịu ác báo, qua nhiều kiếp dài lâu luân hồi sáu nẻo. Đáy chính là chốn lao ngục chẳng hề phóng thích tội nhân. Phật A Di Đà trong nhiều kiếp quá khứ, đã phát 48 thệ nguyện độ thốt chúng sanh. Trong đó có một nguyện: “Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu Ta, cầu sinh về nước Ta, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng sinh, thì ta chẳng lấy Chánh Giác”. Phật A Di Đà thệ nguyện độ sanh, nhưng nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng biết làm cách nào! Nếu như chỉ tâm xưng danh, thề cầu xuất ly Ta Bà thì không một ai chẳng được Phật rủ lòng nhiếp thọ. Phật A Di Đà có đại thế lực, cứu được người đang ở trong hầm phân không đáy, trong lao ngục chẳng hề phóng thích, khiến họ thốt ngay những chốn này, đưa họ đến nơi quê nhà sẵn có là cõi Cực Lạc, khiến họ

nhập cảnh giới Phật, được thọ dụng giống như Phật”. Khai thị về chánh hạnh niệm Phật, ngài dạy rất rõ ràng hàm súc: “Trong sự niệm Phật, điều trọng yếu nhất là để liễu sanh thoát tử. Đã vì liễu sanh thoát tử thì đối với sự khổ sanh tử, tự sanh tâm nhàm chán; với sự vui Tây Phương Cực Lạc tự sanh tâm ưa thích, như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được đầy đủ, trọn vẹn ngay trong khoảnh khắc ấy. Rồi lại thêm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ mà niệm thì Phật lực, tự lực, tự tâm tín nguyện công đức lực, cả ba pháp cùng hiển hiện trọn vẹn, khác nào mặt trời rực rỡ trên không. Dù có mây mù, băng đóng lớp lớp tầng tầng, không bao lâu cũng sẽ tan hết”.

Tin sâu: Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy: “Lòng tin là bước đầu vào đạo, là mẹ của tất cả công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành, là nền tảng để thành đạo quả Vô Thượng Bồ Đề”. Lòng tin là nền tảng, là then chốt của người học Phật. Riêng đối với pháp môn niệm Phật, lòng tin là yếu tố đầu tiên quyết định cho việc tu hành. Nếu tu theo pháp trì danh niệm Phật mà thiếu niềm tin thì sẽ không thể đạt được vãng sanh. Nếu lược giải rõ ràng thì niềm tin

luôn được đặt trong sáu yếu tố: *Tự, Tha, Nhân, Quả, Lý, Sự*.

Tin vào tự thân: Trước hết người học Phật phải đặt niềm tin nơi bản thân mình. Tin rằng bản tâm của chúng ta vốn thanh tịnh đồng một thể linh quang nhiệm màu như chư Phật chẳng hề sai khác. Do bị vô minh phiền não che lấp sự sáng suốt nhiệm màu nên chúng ta mới trôi lăn trong tứ sanh lục đạo. Nay chúng ta quay về tự tâm, thành kính niệm danh hiệu Phật A Di Đà, bản tánh giác ngộ của chúng ta từ từ sẽ được khơi dậy, nếu tinh tấn trì danh đạt đến nhất tâm bất loạn thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Chúng ta tin như vậy gọi là tin vào tự thân, còn gọi là tự tin, tự lực.

Tin vào tha lực: Tha lực ở đây là Phật lực, người tu theo pháp môn niệm Phật phải tuyệt đối tin vào lời Phật dạy, lời Phật chân thật không luống dối, bản nguyện độ sinh của đức Phật A Di Đà là có thật, thế giới Tây Phương Cực Lạc là có thật.

Tin vào nhân quả: Về tin nhân quả, chúng tôi đã trình bày tương đối nhiều ở các chương đầu tập sách này. Riêng đối với người tu niệm Phật phải tin triệt để rằng, khi chúng ta phát khởi niệm Phật, mỗi niệm Phật của chúng ta đều là

nhân thốt ly luân hồi sanh tử, là hạt giống Phật để thành quả Phật sau này. Dù chúng ta còn tạp tâm vọng tưởng, hay công phu trì danh niệm Phật của chúng ta thuần nhất không tạp, thì rốt ráo cũng đều nở hoa kết quả ở Hội Liên Trì. Tin như vậy gọi là tin sâu nhân quả.

Tin vào sự: Tức là tin vào những gì đức Phật Thích Ca đã dạy là có thật. Đối với người tu theo Tịnh Độ, khi nói về sự, chúng ta tin chắc là cách thế giới Ta Bà của chúng ta đang sống khoảng mười muôn ức Phật độ đang hiện hữu một thế giới Tịnh Độ có tên là Cực Lạc do đức Từ Phụ A Di Đà làm giáo chủ, cùng các hàng Bồ Tát ở *bạc bát thối chuyển*, đầy đủ phước huệ trang nghiêm. Chánh báo và y báo ở cõi Cực Lạc thì thù thắng trang nghiêm thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn như chúng tôi đã trình bày ở chương *Những điều cần biết về Thế giới Tây Phương Cực Lạc*.

Tin vào lý: Tức là tin vạn pháp cũng từ tâm này mà ra, ngoài tâm thì không có pháp, tất cả pháp đều *Duy Tâm Tạo*. Từ đó suy ra, thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng là một pháp, nên cũng không ngoài tâm. Phật A Di Đà tức Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, tức bản tánh sáng suốt. Tịnh Độ tức quốc độ thanh tịnh, cũng là

bản tâm thanh tịnh. Cảnh giới Tây Phương Cực Lạc là do đức Phật đã tịnh hóa được tám thức, dùng tám thức thanh tịnh ấy mà biến hiện, tạo dựng ra thế giới Cực Lạc. Nay chúng ta niệm danh hiệu Phật A Di Đà tức là chúng ta đang hướng về tự tánh thanh tịnh của chính mình. Còn vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc tức là được sinh về cõi Phật tự tâm, bởi khi đó *Tây Phương Cực Lạc* và *Phật Tâm Tịnh Độ* không hai không khác.

Đối với hàng sơ cơ niệm Phật, trước hết chúng ta phải xây dựng cho bản thân mình một niềm tin vững chắc, vì đây chính là nền tảng căn bản trong suốt quá trình tu tập của một đời người. Chúng tôi thiết nghĩ, nếu đức tin hội đủ sáu yếu tố trên đây thì sẽ trọn vẹn và vững chắc. Là người học Phật chúng ta nên lưu ý, việc tạo đức tin đối với pháp môn tu học là một vấn đề rất lớn và rất khó đối với mỗi người học Phật, cũng có thể nói, nó còn khó hơn cả việc thành tựu đạo quả Vô Thượng Bồ Đề của đức Phật Thích Ca tại cõi Ta Bà, ứế trước này, như trong kinh A Di Đà, Phật đã từng nói: *“Ta thành Phật tại cõi trước này là việc khó, mà thuyết về pháp môn Tịnh Độ để cho chúng sanh tin tưởng tu hành lại càng khó hơn”*. Niệm Phật thành Phật

là việc khó tin, nhưng nay quý Phật tử, không những đã tin mà lại tin sâu nữa, chính vì vậy, mà chúng tôi rất mong quý Phật tử càng phải nỗ lực tinh tấn nhiều hơn nữa, mới mong tương lai thành tựu được việc vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Nguyện thiết: Chúng ta đã biết pháp môn niệm Phật là cậy vào Phật lực để vãng sanh Tịnh Độ, xuất ly tam giới. Nay chẳng phát nguyện hay phát nguyện hời hợt thì làm sao được vãng sanh. *Tín - Nguyện* đều không, chỉ niệm Phật danh thì thuộc về tự lực. Vì không *Tín - Nguyện* nên chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng hồng thệ của đức Từ Phụ A Di Đà. Ngài Ấn Quang dạy: *“Bình sinh tuyệt chẳng có tín nguyện thì khi lâm chung nhất định khó cậy vào Phật lực. Do chẳng nguyện vãng sanh, do chẳng cầu Phật lực, nên chẳng được Phật tiếp dẫn”* Và *“Phàm phu nếu không có Tín - Nguyện để cảm Phật, dù tu hết thấy các hạnh thù thắng lẫn hạnh trì danh thù thắng cũng chẳng thể vãng sanh. Vì thế, Tín - Nguyện là tối khẩn yếu. Hễ tin cho tới, dám chắc Tây Phương sẽ có phần”*.

Trong kinh đức Phật dạy: *“Phật ái chúng sanh như mẫu ái tử”*, lòng người mẹ lúc nào cũng hướng đến con thơ, nhưng nếu đưa con đi

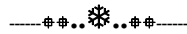
hoang không hề có ý quay về thì cũng trở thành vô ích. Phật A Di Đà luôn hướng đến chúng sanh, sẵn sàng tiếp độ, nhưng nếu chúng sanh không có ý niệm quay về thì bị nguyện lẩn từ tâm của đức Phật dù trùm khắp mười phương cũng chẳng thể cảm ứng được. Chính vì vậy, *nguyện* là vấn đề vô cùng quan trọng đối với pháp môn trì danh niệm Phật. Ngài Ấn Quang dạy: *“Thành khẩn là yếu tố để đi đến nhất tâm bất loạn. Có một phần thành khẩn thì tiêu một phần tội nghiệp, sinh một phần phước huệ. Có mười phần thành khẩn thì sẽ tiêu mười phần tội nghiệp và sanh mười phần phước huệ”*.

Nguyện thì phải thiết tha, thành khẩn, mới nắm chắc rằng vãng sanh, nếu chẳng khẩn thiết, trở ngại trong quá trình vãng sanh là điều có thể xảy ra, người niệm Phật mà tín chưa sâu, nguyện chưa khẩn, cùng lắm chỉ hưởng được quả báo nhơn thiên. Ngài Ngẫu Ích dạy rằng: *“Được vãng sinh hay không hồn tồn do Tín, và Nguyện. Đạt phẩm vị cao hay thấp là do công trì danh sâu hay cạn. Nếu Nguyện và Tín chẳng có thì dù niệm Phật đến gió thổi không vào, mưa sa chẳng lọt, vững chắc như tường đồng vách sắt, vẫn không được vãng sanh. Nếu Nguyện và Tín bền chắc, khi lâm chung chỉ xưng danh hiệu A Di Đà*

Phật trong mười niệm cũng được vãng sanh. Tin - Nguyện không có, dù cho Hành vững chắc, kết quả cũng chỉ hưởng phước báo nhân thiên mà thôi”. Chính vì Nguyện đóng một vai trò rất quan trọng trong việc vãng sanh, nên trong kinh Tiểu Bản Di Đà, đức Phật Thích Ca đã năm lần bảy lượt khuyên răn nhắc nhở: “Ta thấy sự lợi ích đó nên mới nói lời này. Nếu có chúng sinh nào nghe lời nói đây phải nên phát nguyện cầu sanh về quốc độ ấy”. Khi có niềm tin sâu chắc thì nguyện phải khẩn thiết. Tin sâu - Nguyện thiết thì mới mong thể nhập cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Trong kinh Tiểu Bản Di Đà, đức Phật còn chỉ ra những bước tiến thù thắng bền vững lâu dài của hành giả sau khi được vãng sanh Cực Lạc, tức là khi đạt đến quả vị bất thối này rồi thì trong tương lai chắc chắn sẽ bước lên đạo quả Vô Thượng Bồ Đề: “Nếu có người nào đã phát nguyện, đang phát nguyện, và sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi Phật A Di Đà, những người đó, hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, đều được không thối chuyển nơi quả vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ở cõi nước kia. Cho nên, này Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy, nếu có lòng tin phải nên phát nguyện cầu sanh về quốc độ ấy”.

Hạnh chuyên: Hạnh ở đây là chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà, tức là niệm Nam mô A Di Đà Phật. Hạnh chuyên là thời thời khắc khắc không rời danh hiệu Phật, dầu ở hôn cảnh nào, ở trạng thái nào cũng không lơ là niệm Phật. Việc trì danh niệm Phật có rất nhiều phương pháp, về điều này chúng tôi đã nêu ra rất rõ trong cuốn *Nhất tâm niệm Phật- Quyết định vãng sanh*, trong tập sách này, chúng tôi cố gắng trình bày những mấu chốt để giúp quý Phật tử dễ dàng được chuyên nhất trong quá trình niệm Phật. Cùng với việc thường xuyên tinh tấn niệm Phật, nếu quý vị có thêm *bí quyết* chúng tôi tin tưởng quý Phật tử sẽ có nhiều cơ hội hơn nữa để được vãng sanh Cực Lạc. Bí quyết đó sẽ được chúng tôi chia sẻ cùng quý Phật tử trong chương cuối của tập sách nhỏ này.

CHƯƠNG 7



CHÂN THẬT NIỆM PHẬT CỰC LẠC HIỆN TIỀN

Như quý Phật tử đã biết, khi nói đến niệm Phật tức là tâm chúng ta nhớ nghĩ đến Phật chớ không phải chỉ có niệm Phật nơi miệng, vì vậy phương pháp niệm Phật bao gồm ba cách. Đó là *trì danh niệm Phật*, *thật tướng niệm Phật* và *quán tưởng niệm Phật*. Trong phạm vi cuốn sách này chúng tôi chỉ bàn đến *trì danh niệm Phật*. Đây là phương pháp chuyên trì niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà.

Phương pháp *trì danh niệm Phật* rất dễ hành trì, bất luận là Thượng, Trung hay Hạ trí đều thực hành được cả. Khi phát tâm chuyên niệm danh hiệu Phật, công phu lâu ngày thuần thục, cho đến khi đạt đến nhất tâm bất loạn thì chúng được *Niệm Phật Tam Muội*. Hiện nay, phương pháp *trì danh niệm Phật* được phổ biến khắp nơi trên thế giới, hàng Phật tử không ai là không biết niệm sáu tiếng “Nam mô A Di Đà Phật”. Phương pháp niệm Phật hễ có tu thì có thành, rất thích hợp với mọi căn cơ. Nếu so tính thì số người được lợi ích nhờ phương pháp trì danh niệm Phật chiếm trên 80% so với người tu Thiền hay tu Mật. Theo kinh điển, thì đạo lý của pháp trì danh niệm Phật hàm chứa tinh ba của hết thảy các pháp môn khác, nếu bàn đến hiệu quả thì không một tông phái nào có thể sánh kịp.

Trì danh hay niệm Phật tức là tâm niệm, miệng đọc sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật”, hoặc có nơi chỉ đọc bốn chữ “A Di Đà Phật”. Về nghĩa lý của sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật”, quý Phật tử chắc đã nắm rõ, nên chúng tôi không bàn ở đây nữa. Người tu pháp môn trì danh niệm Phật thường căn cứ vào 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà và nhất là các điều nguyện thứ 18, 19, 20 mà xưng niệm danh hiệu ngài, vì trong mỗi lời nguyện này, đức Phật A Di Đà từng phát nguyện, hễ ai niệm danh hiệu ngài, lúc lâm chung sẽ được ngài tiếp dẫn về nước Cực Lạc.

Do vì dễ thích hợp với mọi hồn cảnh, mọi căn cơ, mọi tâm niệm, nên cùng một việc niệm Phật, nhưng được chia ra nhiều phương pháp khác nhau. Mỗi phương pháp niệm Phật có tác dụng đặc biệt riêng của nó, người học Phật nên chọn cho mình một cách niệm Phật thích hợp với căn cơ, hồn cảnh của bản thân để hành trì.

Vì đây là chương nói về phương pháp trì danh niệm Phật tương đối đặc biệt. Do vậy trước khi bàn đến nội dung *Chân thật niệm Phật- Cực lạc hiện tiền*, chúng tôi xin nêu ra một vài phương pháp niệm Phật thông dụng để quý Phật tử tham khảo và thực hành. Xin nói thêm, nếu

quý vị muốn tìm hiểu kỹ hơn về các phương pháp trì danh niệm Phật, thì có thể tìm đọc cuốn *Nhất tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh*, chúng tôi đã biên soạn rất kỹ nội dung này.

1- Lễ bái niệm Phật: Nghĩa là đồng thời trong khi miệng niệm Phật thì thân lạy Phật, hoặc niệm xong một câu thì lạy một lạy, hoặc bất kể miệng niệm nhiều hay ít, hễ cứ miệng niệm Phật thì thân lạy Phật, thân lạy Phật thì miệng niệm Phật.

Có niệm có lạy liên tục nên khiến cho thân khẩu hợp nhất, đồng thời trong lúc ấy, ý chỉ nghĩ đến Phật nên cả tam nghiệp *thân – khẩu - ý* cùng tập trung, sáu căn đều thâm nhiếp. Như vậy, tồn bộ thân tâm cùng hết thảy các giác quan đều quy về một mối, không còn có chỗ hở nào cho trần sự chen vào, cũng không có một tâm niệm nào khác làm chao động tâm niệm tưởng Phật, nhớ Phật.

Muốn áp dụng phương pháp này, phải đặc biệt tinh tấn. Hiệu lực của nó cũng đặc biệt lớn lao. Duy chỉ có điều, nếu lễ bái quá nhiều thì sinh nhọc sức, phí hơi thở, người yếu không làm nổi. Vậy chỉ nên kiên dụng với các phương pháp khác, chứ không nên chuyên trì duy một phương pháp này, sợ e mất sức và sanh bệnh.

2- Niệm từng loạt mười niệm (sổ thập): Khi niệm dùng chuỗi hạt để ghi số loạt, cứ mỗi loạt mười câu. Sự ghi số có nhiều cách: Hoặc mỗi lần niệm được mười câu thì lần một hạt, hoặc niệm ba câu một hơi, làm như vậy ba lần, đến câu tiếp thì lần một hạt chấm câu, hoặc ba câu một hơi, rồi hai câu một hơi nữa, như vậy hai lần rồi lần một hạt. Như vậy, là cứ mỗi khi lần một hạt chuỗi tức là đã niệm xong mười niệm.

Phương pháp này bắt buộc tâm hành giả vừa niệm Phật, lại vừa phải nhớ số câu niệm, cho nên dù tâm không chuyên, buộc cũng phải chuyên. Nhờ có sự cưỡng bức ấy mà đời trị được các tạp niệm lăng xăng, tâm trở nên chuyên nhất. Thật là một phương pháp hay và rất thích nghi với những người nào mà tâm niệm quá chao động.

3- Niệm đếm theo hơi thở (sổ tức): Niệm mà không kể số danh hiệu Phật niệm được nhiều hay ít, chỉ dùng hơi thở làm chừng. Bắt đầu thở ra thì niệm cho đến khi hết hơi thở, nghỉ niệm mà hít hơi vào. Khi thở ra lại, tiếp tục niệm như trước. Cứ mười lần như vậy, thì gọi là mười hơi niệm.

Phương pháp này sở dĩ thiết lập ra đặc biệt dành riêng cho những người quá bận rộn,

tiện cho sự thực hành hằng ngày. Chẳng hạn như, mỗi ngày sáng sớm ngủ dậy, sau khi rửa mặt súc miệng xong, day mặt về hướng Tây hoặc hướng trước Phật đài, bỏ ra năm phút là niệm xong mười hơi. Công việc không khó, như người tập thể thao làm những cử động hô hấp. Nếu ngày nào cũng chuyên cần như vậy, thì cũng nhất định được vãng sanh.

Đây là căn cứ theo đại nguyện thứ 18 của đức Phật A Di Đà (xem trước) mà thiết lập phương pháp này. Các vị cô đức nghiên cứu và tu tập phương pháp thập niệm, chính là phương pháp niệm theo mười hơi thở này.

4- Niệm theo thời khóa nhất định: Điều tối kỵ nhất trong pháp niệm Phật là lúc bắt đầu thì hăng hái còn về sau lại dãi dãi. Sở dĩ có sự trước siêng sau nhác như vậy là vì không có tâm hằng thường. Cho nên, để giữ cho được *thi chung như nhất*, ngay từ khi sơ phát tâm niệm Phật, hành giả cần phải tự vạch cho mình một thời khóa biểu nhất định. Một khi thời khóa biểu đã vạch sẵn ra rồi thì ngày ngày cứ y theo đó mà thực hành, tự gây cho mình một thói quen và có như thế mới giữ được đạo tâm bất thoái. Trong buổi đầu, niệm nhiều hay ít chưa phải là điều quan trọng vì nhiều hay ít còn tùy thuộc năng lực

và hôn cảnh riêng biệt từng cá nhân, quan trọng là tại chỗ thường thời thực hành, đều đều và chuyên nhất.

Người xưa, có vị mỗi ngày niệm đến mười vạn hiệu. Vị nào ít lắm cũng năm vạn. Công hạnh tu hành của họ thật là tinh tấn đồng mãnh. Ngày nay, hôn cảnh thay đổi khác xưa rất xa mà lực lượng của tự thân ta cũng không bằng, vậy ta nên châm chước hoặc định một công khóa thật sát với hôn cảnh và vừa sức của ta, để thực hành cho đúng mức. Sau khi đã hoạch định rồi thì dù gặp phải công việc bận rộn đến đâu, cũng phải cố gắng hôn thành công khóa. Vạn nhất, vì một lẽ nào đó mà ngày ấy không hôn tất được thì qua hôm sau phải bổ khuyết kịp thời, chớ nên khất mai hẹn một, tạo cho ta thành một thói xấu có hại về sau.

Trong khi vạch khóa trình, nên tránh hai cực đoan. Cực đoan thứ nhất là vì sự hăng hái trong buổi đầu, tự định cho mình một khóa trình quá nhiều, về sau đuối sức theo không kịp, rồi vì vậy bỏ luôn. Cực đoan thứ hai là vì sự e ngại về sau theo không kịp, nên dè dặt tự định cho mình một khóa trình quá ít, không thấm vào đâu, rồi cũng dễ sinh ra dài dãi. Cả hai cực đoan đều đưa đến kết quả như nhau. Cho nên trong khi quyết

định khóa trình, cần phải tế nhị châm chước dung hòa giữa hồn cảnh và năng lực sao cho thích hợp mới được lâu dài và hữu hiệu.

5- Niệm bất cứ lúc nào: Với những hành giả đã huân tập được tinh chủng khá thuần thực thì tự nhiên phát ra những tiếng niệm Phật bất cứ lúc nào, cơ hồ như có một sức lực đồng mãnh nào bên trong thúc đẩy, khiến cho hành giả hằng tiến không lùi. Vì vậy, dù là công khóa đã hoàn tất, các vị này vẫn chưa cho là đủ, nên trừ ngồi giấc ngủ, bất luận ngày đêm, trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi không lúc nào, không chôn nào, là không niệm Phật. Như vậy, câu “Nam mô A Di Đà Phật” không lúc nào rời khỏi miệng, lâu ngày thành tập quán.

Truyện vãng sanh của người xưa còn ghi chép lại rất nhiều trường hợp vãng sanh do pháp môn niệm Phật này đem lại. Như có ông thợ rèn, tay đập búa miệng niệm Phật, bà làm nghề đậu hũ, tay xay đậu miệng niệm Phật, về sau, khi vừa dứt tiếng niệm Phật, cả hai đều được đức Phật phóng quang tiếp dẫn và đều được tọa hóa vãng sanh Cực Lạc. Chúng ta nên lấy đó làm gương, nếu niệm được đến trình độ ấy thì dù có định khóa trình, hay không có định khóa trình, không còn là vấn đề nữa.

Đối với người học Phật thì vọng tưởng chính là căn bệnh lớn nhất, niệm Phật là phương pháp hữu hiệu để loại trừ căn bệnh này. Điều quan trọng là chúng ta sử dụng phương thuốc đó ra sao. Ngồi năm phương pháp niệm Phật thông dụng mà chúng tôi đã nêu, nhân đây cũng xin nói thêm phương pháp niệm Phật để đối trị với căn bệnh vọng tưởng . Trong Phật học, bệnh vọng tưởng còn gọi là trạo cử, tức là tâm không an định, tâm bị nhiều vọng động chi phối. Bình thường chúng ta không thấy vọng niệm, nhưng khi ngồi yên thì vọng niệm nổi lên rất nhiều, về điều này có người cho là do niệm Phật, nhưng thật sự thì không phải vậy, vì trên thực tế, bình thường chúng ta đã có rất nhiều vọng niệm, tuy nhiên chỉ đến khi ngồi yên xuống niệm Phật, tập trung nhiếp tâm, thì khi đó chúng ta thấy vọng niệm khởi lên rõ ràng hơn. Về phương pháp đối trị vọng tưởng, nếu tâm chúng ta quá vọng động, thì ta nên dùng *phương pháp chỉ tịnh*, nghĩa là trụ tâm vào một chỗ, trụ vào danh hiệu Phật, hoặc dùng cách *niệm Phật quán theo hơi thở*, hoặc dùng cách *niệm Phật số thập* như đã nêu ở trên. Với căn bệnh này, chúng ta phải thật sự lắng lòng dụng tâm chuyên nhất thì vọng niệm tự nhiên tan biến.

Điều cần lưu ý là chúng ta không nên tạo tác thêm vọng niệm, nghĩa là đừng nên có những ý nghĩ miên cưỡng lại nó, hoặc khởi ý dẹp tất vọng tưởng, vì như vậy vọng tưởng sẽ chồng lên vọng tưởng. Biết được điều này chúng ta có mặc kệ vọng tưởng bao nhiêu cũng được, đừng thêm để ý đến nó làm gì mà hãy dồn hết tinh thần ý chí tập trung vào danh hiệu Phật. Chung quy lại, để đối trị vọng tưởng chúng ta chỉ cần tập trung vào danh hiệu Phật thì mới có thể tiêu trừ được vọng tưởng. Tất cả phương pháp tu tập dụng công trong Phật pháp cũng không ngoài mục đích tiêu trừ vọng tưởng tạp niệm để hồi phục lại bản tánh sáng suốt giác ngộ của chúng ta. Về phương pháp niệm Phật đối trị với hôn trầm thì chúng ta nên áp dụng *phương pháp lễ bái niệm Phật* điều này chúng tôi đã có trình bày sơ qua trong chương *Tai hại của ngũ dục*, nếu quý Phật tử lưu tâm đến chương này sẽ thấy rõ.

Đọc qua giáo lý chúng ta thường nghe nói đến những bậc tu hành chứng quả A La Hán, đó là những bậc Thánh đã đạt đến chánh định, thân tâm an ổn không còn thôi chuyển. Do công phu thiền định mà tâm của họ không còn bị ô nhiễm vui buồn sướng khổ ở thế gian. Vì họ đã chứng nhập cảnh giới *Tam Ma Địa*, tức cảnh giới

không còn sanh diệt nữa. Hàng phàm phu chúng ta nếu còn một phần vô minh chưa đoạn dứt thì khó có thể dự vào hàng Thánh, khó có thể đạt đến cảnh giới *Tam Ma Địa*. Tuy nhiên nếu chúng ta nương dựa vào pháp môn niệm Phật, chỉ cần chúng ta trì danh chuyên nhất đến nhất tâm bất loạn, khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chúng ta cũng sẽ chứng được cảnh giới *Tam Ma Địa*, tức cảnh giới bất sanh bất diệt.

Như chúng ta đã biết, sự chứng đắc này không phải hồn tồn do công phu của chúng ta mà do một phần tha lực cực kỳ quan trọng của đức Phật A Di Đà hỗ trợ. Chính vì vậy mà pháp môn trì danh niệm Phật còn được gọi là *pháp môn nhị lực*. Nói rõ hơn, trong pháp môn trì danh niệm Phật gồm có hai phần lực, tự lực là năng lực của người niệm Phật, khi người niệm Phật y theo lời Phật dạy, tha thiết niệm Phật, lâu ngày hàng phục được tập khí vọng tưởng niệm Phật thuần thực thành khối, khi đạt đến nhất tâm bất loạn thì khi đó nhờ vào tha lực, tức là sức gia trì của đức Phật A Di Đà, chúng ta mới có thể vãng sanh về Cực Lạc. Pháp môn nhị lực này là pháp môn duy nhất được chư Phật đề cập đến trong Tịnh Độ, mà cụ thể hơn là trong các điều nguyện thứ 18,

19, 20 ở trong 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà.

Trên đây chúng tôi đã nói về phương pháp trì danh niệm Phật, quý Phật tử tùy thuận chọn ra một pháp phù hợp để hành trì. Trong quá trình tu học, quý Phật tử nên lưu ý hai điều rất quan trọng. Đáng lý vấn đề này chúng tôi phải nêu ra trong chương *Chánh Kiến Tịnh Độ*, nhưng xét thấy ghi chép vào chương này thì quý Phật tử sẽ tiện theo dõi hơn.

Hai điểm đặc biệt quan trọng cần lưu ý đó là:

1. Trong khi niệm Phật, chúng ta không nên khởi tâm dẹp bỏ vọng tưởng tạp niệm, mà hãy chuyên chú tập trung tinh thần ý chí vào danh hiệu Phật, vì đương khi niệm Phật mà khởi ý dẹp vọng tức là vọng chồng thêm vọng.

2. Trong khi niệm Phật, chúng ta không nên sinh tâm khởi ý vọng cầu vãng sanh Cực Lạc, mà chỉ tập trung chuyên nhất vào danh hiệu Phật, bởi vì đây là pháp môn nhị lực, tự lực là phần *Tin sâu – Nguyện thiết – Hạnh chuyên*, nếu chúng ta đã phát nguyện vãng sanh, hồi hướng tất cả công đức để cầu sanh Tịnh Độ, thì việc duy nhất là nỗ lực, tinh tấn nhất tâm niệm Phật, chúng ta thực hành tốt điều này tức là chúng ta

đã hồn thành xong nhiệm vụ của mình. Việc vãng sanh của chúng ta thuộc về trách nhiệm của đức Phật A Di Đà. Vì trong các điều nguyện thứ 18, 19, 20, đức Phật A Di Đà đã tuyên thệ điều này trước mười phương chư Phật, là hễ có chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài mười niệm, khi lâm chung, ngài đều tiếp dẫn về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nói tóm lại, nhất tâm niệm Phật là việc của chúng ta, còn việc vãng sanh là việc của đức Phật, chúng ta không nên vọng khởi cầu vãng sanh khi đương dụng công trì danh niệm Phật, vì vọng tâm khởi lên sẽ chướng ngại cho sự nhất tâm của chúng ta, công phu do đó khó đạt đến nhất tâm bất loạn. Chư cổ đức thường dạy, pháp môn niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để lìa bỏ trần lao quay về tánh giác, phản bản quy nguyên. Đối với người tại gia, pháp niệm Phật lại càng thân thiết. Vì người tại gia, thân trong lưới trần, công việc đa đoan, đối với những việc như nhiếp tâm tham thiền, tụng kinh, trì chú... do hồng cảnh sẽ chẳng làm được nổi hoặc chẳng đủ sức để làm. Chỉ có mỗi pháp môn niệm Phật là thuận lợi, thiết thực nhất.

Nói đến trì danh niệm Phật có lẽ quý Phật tử đều đã biết, đều đã từng trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thế nhưng chư cổ đức lại thường

nhấn mạnh đến chỗ chân thật và chỗ chưa chân thật trong quá trình trì danh niệm Phật. Chúng tôi cho rằng, đây chính là mấu chốt của vấn đề tu hành, là chiếc chìa khóa để hành giả niệm Phật đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn, để mai hậu vãng sanh Cực Lạc. Trong tác phẩm “48 pháp niệm Phật” của cư sĩ Giang Đô – Trịnh Văn Am (Hòa thượng Thích Tịnh Lạc dịch) ghi rất tỷ mỉ: *“Thực tế hiện đời có rất nhiều người không biết niệm Phật. Có người cho niệm Phật là mê tín dị đoan nên không chịu niệm. Người xuất gia thì cho rằng niệm Phật tất nhiên là việc mình phải lo, thế nhưng đã chân thật niệm Phật hay chưa thì chúng ta không lấy gì làm chắc chắn! Còn kẻ cuồng huệ biết có Phật, nhưng lại không tin niệm. Kẻ ngu si không biết Phật nên không niệm. Hoặc có người nghe nói đạo lý nhân quả nên đã phát tâm niệm Phật, nhưng lại mong cầu được phước báu đời sau. Do vậy đa phần vẫn không thoát khỏi luân hồi sanh tử. Thật ra trong thời mạt pháp tìm ra được người chân thật niệm Phật vì thoát ly sanh tử mà niệm Phật, thì trong trăm ngàn người, họa chăng chỉ được một hai người! Nên biết rằng, người đã niệm Phật tức xứng hợp với lòng đại từ đại bi của chư Phật, phát thế nguyện rộng lớn tế độ chúng sanh tất cả tội cấu*

oan khiên thấy đều sám hối. Tất cả công đức dù nhỏ dù lớn cũng đều đem hồi hướng về thế giới Tây Phương Cực Lạc, hành được như thế mới có thể gọi là chánh nhân chân thật niệm Phật”. Trên đây là nói về thực trạng của người thế gian và cả người đang tu học Phật pháp đối với pháp môn niệm Phật thời xưa lẫn hiện nay. Đặc biệt nhấn mạnh đến việc người niệm Phật chưa đạt đến chỗ chân thật trong công phu trì niệm, thời xưa mà còn đã vậy, e rằng thời nay chỗ chân thật niệm Phật hãy còn xa lắm, mà đã vậy thì khó có thể đạt đến nhất tâm. Niệm Phật mà không chân thật, e rằng đến cuối đời cũng không dễ gì vãng sanh Cực Lạc.

Chúng tôi xin trích đăng một số pháp ngữ của Đại Sư Ấn Quang, Tổ Sư thứ 13 Tịnh Độ Tông, ngài đã khai thị pháp môn trì danh niệm Phật như sau: *“Niệm Phật muốn được nhất tâm thì trước hết phải phát tâm chân thật, thực sự vì liễu sanh thoát tử, chẳng phải vì mong người đời gọi mình là người tu hành chân thật, lúc niệm từng câu từng chữ phải từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai. Mỗi câu đều như thế, trăm ngàn vạn câu cũng đều như thế. Làm được như thế thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp nhau”.* Trong Ấn

Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, ngài dạy: “*Khởi tâm niệm Phật cực kỳ quan trọng ở chỗ phải tha thiết mong cầu liễu sinh thoát tử, vãng sanh Cực Lạc. Đã tha thiết giải quyết sinh tử thì đối với sự khổ sanh tử tự sanh tâm nhàm chán, đối với sự vui ở Cực Lạc tự sanh tâm ưa thích. Như thế thì trong hai điều Tín và Nguyện ngay nơi một niệm đầy đủ; lại thêm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ mà chuyên cần niệm Phật, thì sức Phật, sức Pháp, sức công đức Tín - Nguyện, ba pháp đều đầy đủ rõ ràng, giống như mặt trời giữa hư không, dù có tuyết sương từng lớp dày đặc chẳng bao lâu cũng tự tan rã... Niệm Phật điều cần yếu là phải thường xuyên đặt mình vào trường hợp sắp chết, sắp đọa địa ngục thời không khẩn thiết cũng tự khẩn thiết. Dùng tâm sợ khổ để niệm Phật, ấy là “Xuất khổ diệu pháp đệ nhất” cũng là “Tùy duyên tiêu nghiệp diệu pháp đệ nhất”. Tâm niệm Phật chẳng quy nhất là do lỗi của tâm chúng ta đối với sự sanh tử chẳng tha thiết”.*

Đọc qua những dòng pháp ngữ đầy bi tâm của Đại Sư Ấn Quang, chắc có lẽ trong số chúng ta cũng đã có không ít người nhận ra cái chỗ chưa chân thật trong công phu niệm Phật của mình, nếu đã nhận ra điều này thì đây cũng là cơ

sở để chúng ta suy ngẫm, đặt lại nền móng tu tập cũng như căn bản đời sống của chúng ta, để nó trở nên chân thật, gắn liền với đạo giải thoát hơn. Như chúng ta thấy, muôn ngàn bài văn cảnh sách khuyên tu, pháp ngữ khai thị, dù là của bất kỳ pháp môn nào trong Phật pháp, Giáo hay Luật, Thiền hay Mật, Tịnh, thì cũng đều nêu ra vấn đề cấp bách là “Việc lớn sanh tử”. Giải quyết khổ đau luân hồi sanh tử là việc hàng đầu đối với người tu học theo Phật pháp. Nếu chúng ta không có tâm mong cầu giải thoát luân hồi sanh tử, vãng sanh Cực Lạc, thì chúng ta sẽ không thể nào gieo được chánh nhân trên bước đường tu học, dù tu học theo bất cứ pháp môn nào đi nữa. Ngài Ấn Quang dạy: *“Hãy đem một chữ “Tử” dán lên trán. Hễ những cảnh chẳng nên tham luyến hiện ra liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, quyết sẽ chẳng đến nỗi như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, cam chịu đốt mình. Với những sự (niệm Phật) mình phải nên làm sẽ biết đấy là thuyền từ để thoát khổ, quyết sẽ chẳng đến nỗi gặp việc cực may, cực thiện bèn thối thác! Như thế trần cảnh sẽ là duyên để nhập đạo, há cần phải dứt sạch trần duyên mới kham tu đạo chăng? Bởi đã làm chủ được tâm, chẳng bị cảnh chuyển thì trần lao chính là giải thoát”*.

Đối với người tu Tịnh Độ, thì việc giải quyết sinh tử đã được đức Phật A Di Đà trợ duyên rất đặc lực, rất hữu hiệu, ngài riêng dành cho người niệm Phật đầy đủ *Tín - Nguyên - Hạnh* một đặc ân rất quan trọng và vô cùng quý giá, đó là đời nghiệp vãng sanh vẫn có thể thốt ly luân hồi sanh tử, có nghĩa là người niệm Phật được nhất tâm bất loạn, lâm chung được vãng sanh, dù vẫn còn nghiệp quả, nhưng khi đã vãng sanh rồi thì vẫn có thể thốt ly luân hồi sanh tử.

Chư vị tôn túc giảng dạy về Tịnh Độ đều rất chú trọng đến hai chữ sanh tử, nhằm nhắc nhở người tu học nên ghi tâm khắc cốt vấn đề trọng đại này để hạ thủ công phu, như ngài Ấn Quang dạy: *“Nếu thường nghĩ mình sắp bị nước cuốn trôi, lửa thiêu cháy khó có thể cứu vớt và tưởng sắp chết, sắp đọa địa ngục, thì tâm tự quyết liệt, tâm tự quy nhất, ngôi pháp “trì danh niệm Phật” ắt sẽ không cần đến diệu pháp nào nữa cả. Thế nên trong kinh thường nói “nhớ khổ địa ngục, phát bồ đề tâm”. Đây là lời khai thị tối thiết yếu của Đại Giác Thế Tôn. Tiếc vì người đời không chịu suy nghĩ điều này. Xét kỹ sự khổ ở địa ngục khổ hơn vô lượng vô biên lần so với sự khổ nước trôi lửa cháy ở thế gian. Trong khi nghĩ đến sự khổ nước trôi lửa cháy ở thế gian thì*

sanh tâm vô cùng sợ hãi. Thế nhưng khi nghĩ đến nỗi khổ cùng cực ở địa ngục thì lại lơ là cho rằng không thiết thực. Ấy là suy nghĩ cạn cợt của hầu hết chúng sanh thời mạt pháp”.

Thiết nghĩ, chính vì vậy mà đa phần người học Phật thời nay không gieo được chánh nhân liễu sanh thoát tử trong sự nghiệp tu hành của mình. Qua lời dạy của Đại Sư Ấn Quang “*Niệm Phật muốn được nhất tâm thì trước hết phải phát tâm chân thật, thực sự vì liễu sanh thoát tử*” và “*Nếu thường nghĩ mình sắp bị nước cuốn trôi, lửa thiêu cháy, sắp đọa địa ngục, thời tâm tự quyết liệt, tâm tự quy nhất*”. Ở đây, Tổ Sư chỉ cho chúng ta thấy, trong sự khổ đau cùng cực thì sự thành tâm và khẩn thiết nơi tâm chúng ta mới trỗi dậy, tu theo Phật pháp là phải nhận ra sự cấp bách của việc tự mình phải cứu lấy mình, trong lúc bình thường phải luôn đặt mình vào hôn cảnh nguy cấp khôn cùng. Bởi chính ở trong trạng thái khẩn cấp như thế, chúng ta mới có thể buông xả vạn duyên, mới khẩn trương niệm Phật, điều này cũng giống như khi mình gặp điều gì đó không may xảy đến bất ngờ, thì mình hoảng hốt luôn miệng xưng “*Nam mô Phật! Nam mô Phật!*”, cũng như trong giấc ngủ, có người nằm mơ thấy mình bị hổ dữ vồ tới, liền hốt hoảng niệm “*Nam*

mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát” liền đó giật mình tỉnh dậy thì thấy mình nằm trên giường, dù là mơ nhưng gương mặt vẫn còn lộ vẻ hoảng sợ, nhịp tim vẫn còn đập mạnh, mồ hôi đầm ướt, nhưng khi tỉnh dậy rồi thì người ta không còn niệm Phật, niệm Bồ Tát cứu khổ nữa. Một đặc điểm chung của con người là khi gặp khổ nạn nguy cấp hầu hết đều khẩn thiết kêu cầu cứu, lúc thoát nạn xong là quên ngay những biến cố cuộc đời, rất thanh thản bằng lòng trôi theo dòng sanh tử. Chính vì vậy mà chư vị Tổ Sư, chư vị tôn túc đã khuyên người học Phật hãy dán hai chữ “sanh tử” lên trên trán, không rời nó một phút một giây thì mới có thể gieo được cái chánh nhân tu tập giải thoát.

Thật ra, nói đến việc gieo chánh nhân giải thoát đối với người tu theo pháp môn niệm Phật, trước đây trong cuốn *Nhất tâm niệm Phật – Quyết định vãng sanh*, chúng tôi đã nêu bật vấn đề này trong các chương *Sanh tử là việc lớn của đời người, Ngày giờ qua mau, mạng sống giảm dần, Cảnh tỉnh vô thường, Lập chí tu hành*. Trong cuốn *Chân thật niệm Phật – Cực lạc hiện tiền* này, chúng tôi cũng đã nêu vấn đề này trong các chương đầu sách (*Thân người khó được, Phật pháp khó gặp*). Tất cả đều là để nhắc nhở

người sơ cơ học Phật luôn cảnh tỉnh được đời sống vô thường, nhận thức sâu sắc về kiếp người ngắn ngủi, mạng sống mong manh mà phát tâm chân thật vì liễu sinh thốt tử để vĩnh viễn từ đây không còn luân hồi trong lục đạo tứ sanh. Bởi chúng tôi nghĩ rằng, nếu người học Phật mà không ý thức được việc lớn của đời người là sinh tử thì sẽ không bao giờ gieo được chánh nhân trên bước đường học Phật.

Chúng ta nói đến *chân thật niệm Phật* tức là nói đến cái tâm tha thiết với việc giải quyết sinh tử, từ đó phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, chứ không phải cái tâm cầu phước báo nhơn thiên mà niệm Phật, càng không phải cái tâm nhất thời niệm Phật vì hoạn nạn trong đời sống. Do vậy chúng tôi tha thiết mong mỗi quý Phật tử hãy y cứ vào lời dạy của chư Phật chư Tổ mà phát tâm chân thật niệm Phật vì liễu sanh thốt tử.

Chúng tôi thiết nghĩ, có phát tâm chân thật thì việc niệm Phật mới chân thật. Chân thật thành khẩn niệm Phật thì sự niệm Phật mới tập trung, lý niệm Phật mới rõ ráo, do đó mới có thể dễ dàng đạt đến nhất tâm bất loạn. Chúng ta nên luôn khắc ghi trong lòng đời sống vô thường, mạng sống con người quá ngắn ngủi, chỉ được

vài chục năm thông chốc đã trôi qua, như ông bà ta thường ví von *đời người như bóng câu qua sông cửa*, mới đó mà nay đã gần hết một kiếp làm người, trong khi đó, mạng sống của chúng ta chỉ trong chừng hơi thở, sanh tử tử sanh xảy ra liên tục trong từng niệm, chứ không phải khi lâm chung hấp hối mới gọi là sanh tử, cho nên khi chúng ta phát tâm tu hành thì phải phát tâm chân thật ngay trong từng niệm, ngay trong từng hơi thở ra vào.

Phát tâm chân thật, niệm niệm trì danh chân thật, thì chúng ta mới có thể tích góp đầy đủ tư lương cho giây phút lâm chung hấp hối, được như vậy khi đó chúng ta mới có đủ định lực để tiếp tục vượt qua khúc ngặt nghèo nhất của một đời người để tiến lên cảnh giới cao hơn, an lạc thù thắng tươi đẹp hơn, đó là cảnh giới Tây Phương Cực Lạc.

Bình thường chúng ta không phát tâm chân thật, thì lúc lâm chung sẽ rơi vào tình trạng hỗn mang vô phương hướng, niệm Phật trong trạng thái hoảng loạn mơ hồ, không có một chút định lực thì làm sao có thể nhất tâm về Phật Quốc. Giải quyết sanh tử là vấn đề hệ trọng bậc nhất của một đời người, là vấn đề cấp bách mà chúng ta cần phải giải quyết ngay trong đời sống

ngắn ngủi này, không thể chân chờ hay hứa hẹn, cũng không nên phát tâm hời hợt qua loa đại khái, vì như vậy thì làm sao đạt đến chỗ chân thật niệm Phật được.

Trong phần đầu cuốn sách này, trong các chương *Thân người khó được, Phật pháp khó gặp*, chúng tôi trình bày nội dung tương đối dài dòng, nhiều chỗ lặp đi lặp lại, cũng không ngại chủ ý là mong muốn quý Phật tử, gieo được chánh nhân giải thoát khổ đau luân hồi sanh tử. Khi nói đến *chân thật niệm Phật*, có lẽ nhiều người cho rằng, niệm Phật là niệm Phật, có ai giả dối khi niệm Phật đâu, thì đặt vấn đề *chân thật niệm Phật* để làm gì? Chúng tôi mong rằng, quý Phật tử nên hiểu vấn đề này trên tinh thần sách tấn khuyến tu trên con đường Phật pháp thì sẽ không cảm thấy bị tổn thương hay tự ái, vì chư vị Tổ Sư, chư tôn đức luôn mong muốn chúng ta phát tâm tu hành vì liễu sanh thoát tử mà niệm Phật chớ không vì một mục đích nào khác. Khi nói đến hai chữ chân thật là muốn nói đến cái nền tảng để chúng ta hạ thủ công phu, vì sự nghiệp giải thoát là động cơ để chúng ta phát tâm tu hành chân chính trên nền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường. Chư vị Tổ Sư nói đến *chân thật niệm Phật*, đó là vì xót thương hàng sơ cơ

niệm Phật chúng ta, muốn uốn nắn cái nhân học Phật của chúng ta ngay từ lúc ban đầu, nếu chúng ta có rơi vào trường hợp lệch lạc trong việc gieo nhân học Phật thì điều chỉnh cho phù hợp với đạo giải thoát. Phần của chúng ta là nên tự xem xét lại mình, bấy lâu nay chúng ta niệm Phật là vì điều gì? Chúng ta đã từng giây từng phút đặt hai chữ sanh tử lên trán mà khẩn thiết niệm Phật để giải thoát sanh tử hay chưa? Nếu tâm của chúng ta tu niệm chưa tương ứng với những gì mà chư Phật, chư Tổ đã dạy thì chúng ta cần phải kịp thời chỉnh sửa uốn nắn. Nếu chúng ta đã thật sự vì *việc lớn sanh tử* mà tha thiết niệm Phật, thì chúng ta hãy nỗ lực, tinh tấn tu nhiều hơn nữa, vì quỹ thời gian của mỗi chúng ta càng ngày càng rút ngắn lại, con đường phía trước hiện vẫn còn lắm gian nan, vậy chúng ta hãy cùng nhau phát tâm đồng mãnh chân thật tu hành vì liễu sanh thoát tử để công phu của chúng ta chắc thật đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn, đạt đến cảnh giới Cực Lạc hiện tiền.

Khi chúng ta đã chọn pháp môn niệm Phật để hành trì, thì tất cả chúng ta đều niệm Phật, dù tất cả chúng ta cùng niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà, thế nhưng do vì sự phát tâm sai khác nên dẫn đến kết quả cũng sai khác. Chính vì vậy mà

cõi Tịnh Độ ngày càng trở nên xa xôi đối với những người chưa gieo chánh nhân giải thoát, ngược lại đối với người chân thật phát tâm tu hành vì liễu sanh thoát tử thì cảnh giới Cực Lạc luôn hiển hiện một cách an lạc, thanh tịnh, tinh khiết trong tâm hồn chứ không ở đâu xa. Để giúp người sơ cơ niệm Phật có được niềm tin vững chắc trên bước đường tu tập, chúng tôi đã nhiều lần nêu lên tầm quan trọng của việc phát tâm chân thật vì giải thoát luân hồi sinh tử, bởi đó là chánh nhân của một người học Phật chân chính.

Trong chương *Chân thật niệm Phật – Cực lạc hiện tiền này*, chúng tôi xin nêu lên hai ý chính để trợ duyên cho công phu niệm Phật của quý Phật tử, để quý Phật tử dễ dàng đạt đến chỗ chân thật niệm Phật. Hai ý chính đó là *buông xả vạn duyên và thành kính niệm Phật*.

Như chúng ta đã biết, yếu chỉ của pháp môn niệm Phật là “*Phóng hạ vạn duyên - Nhất tâm niệm Phật*”, nghĩa là buông bỏ vạn duyên, một lòng niệm Phật. Ở phần trên, chúng ta đã đọc qua nhiều pháp ngữ của Tổ Sư, chư vị tôn túc thấy đều nhắc nhở chúng ta phát tâm chân thật vì liễu sanh thoát tử. Các ngài luôn nhắc nhở chúng ta *sanh tử là việc lớn* là nhằm khuyên chúng ta hãy một phen buông xả tất cả, trần lao

phiền não, thất tình lục dục, vọng tưởng tạp duyên nhất thời đều phải buông xuống để hạ thủ công phu.

Nếu chúng ta chưa thể đặt mình vào những trạng thái bức ngặt hiềm nghèo, thì cách tốt nhất là chúng ta nên buông xả, bởi vì chỉ có buông xả, chúng ta mới có cơ hội đến gần chỗ chân thật của người tu đạo lý giải thoát. Pháp Sư Tịnh Không dạy rằng: *“Một số người công phu không được đắc lực vì không buông xả được vạn duyên, tự tạo cho mình một chướng ngại trầm trọng. Chướng ngại này, người khác không thể nào giúp, chư Phật, Bồ Tát cũng không thể giúp. Nhất quyết phải do tự bản thân mình buông xả, bất luận điều gì cũng không nên chấp giữ trong lòng. Chỉ giữ một câu A Di Đà Phật trong tâm, nương theo Phật lực mà niệm Phật, hiện tiền, tương lai, chắc chắn thấy Phật”*. Trong đời sống tu học, nếu chúng ta quyết tâm buông xả thì tính chân thật của việc tu hành lần lần hiển hiện ra. Buông xả chính là thể hiện sự nhận thức sâu xa về đời sống vô thường, là thể hiện ý thức trách nhiệm giải quyết nỗi khổ đau luân hồi sinh tử của chính mình.

Thế nhưng người học Phật chúng ta làm sao có thể buông xả tập khí, vọng tưởng sâu dày

nhieu đời nhiều kiếp, Hòa thượng Tịnh Không dạy: “Đây là việc mà người sơ cơ học Phật rất khó làm. Vì sao chúng ta không thể phóng hạ và buông xả được phiền não? Đó là vì không có nhận thức chính xác, không hiểu rõ về chân tướng vũ trụ nhân sinh. Nếu chúng ta liễu giải triệt để được thì tự nhiên chúng ta sẽ phóng hạ và buông xả được. Điều quan trọng mà đức Phật dạy chúng ta là ba tâm không thể nắm giữ được. Tâm quá khứ không thể nắm giữ được, tâm hiện tại và vị lai cũng không thể nắm giữ được. Cái tâm hằng ngày mà chúng ta nghĩ là có thể nắm giữ được thì đó chỉ là vọng tâm, không có thật. Những gì chúng ta nắm giữ hằng ngày, không kể là vật chất hay tinh thần, Phật dạy đó chỉ là do nhân duyên biến hiện, là duyên sinh. Bất kể vật gì cũng đều do nhiều yếu tố hợp lại mà thành, nó không có tự thể. Vì thế mới nói bản thể vốn không nên không thể nắm giữ”.

Như lời Pháp Sư Tịnh Không, do vô minh phân biệt, chấp trước quá sâu nặng nên chúng ta cứ mãi loay hoay chạy theo huyễn cảnh, lấy giả làm thật, nhận huyễn làm chơn, chấp giữ ôm ghi lấy, đến khi lâm chung hấp hối thì hóa ra mình một đời hồ đồ lầm lẫn, lúc đó hồn tồn không mang theo được gì cả, lúc này vội vàng buông

bỏ cũng không cách nào buông bỏ nổi. Vì sao? Vì lúc đó tâm trí rối loạn, cái tâm tham sống sợ chết nổi lên quá mạnh, chỉ một lòng cầu thoát nạn, song một khi mạng căn đã hết, nghiệp báo hiện đến thì chúng ta gần như không còn đường nào né tránh. Chúng ta cần nhận thức rằng, khổ nạn nơi chúng ta là do chúng ta không chịu buông bỏ, chúng ta thử nghĩ xem, hạt sương ban mai đọng trên đầu ngọn cỏ, dưới ánh nắng mặt trời nó có thể tồn tại được bao lâu? Mạng sống của chúng ta cũng như hạt sương mai, cũng như ánh nắng chiều vậy, rất ngắn ngủi, rất mong manh, chúng ta là hàng phàm phu nên cái nhìn cạn cợt, thấy biết kém cỏi, không thể thấu rõ tường tận cái họa vô thường sanh diệt, nhưng đức Phật là bậc Đại Giác, đầy đủ trí tuệ, ngài nhận thấy được điều này một cách rõ ràng nên ngài buông xả một cách rất ráo trợn vẹn trên suốt quãng đời tu học, xuất gia tầm đạo cho đến khi chứng quả. Chúng ta cần phải nhận thức một cách chánh kiến thì trong cuộc sống chúng ta mới có thể buông xả trọn vẹn được.

Chúng ta cũng cần ý thức rằng, buông xả ở đây không có nghĩa là né tránh, chạy trốn, hay dẹp bỏ, mà là nhận chân sự việc một cách chánh kiến, có nhận ra chân tướng sự việc thì chúng ta

mới có thể an ổn sống, làm việc, tu tập. Nếu chúng ta né tránh, chạy trốn hay dẹp bỏ, thì chúng ta dễ dàng bị phiền não trói buộc, còn khi chúng ta tùy duyên thì sẽ được thông dong tự tại, sẽ không bị phiền não trói buộc nữa, đạo tâm mỗi ngày sẽ sáng lên, công phu mỗi ngày một tăng tiến, hiệu quả.

Tóm lại, chúng ta cần nhận thức sâu sắc về chân tướng của vạn vật chỉ là do nhân duyên mà thành, rồi cũng do nhân duyên mà tan, tất cả đều không thật có, để chúng ta buông xả phiền não, vọng tâm, chấp trước, rồi tùy duyên thông dong tự tại tu hành, có như thế thì cuộc sống của chúng ta mới hanh thông, mới đạt đến điều mà mình đã *Tín-Nguyện*.

Chúng ta biết cách buông xả và buông xả được tất cả phiền não, vọng tâm, chấp trước, tức là chúng ta đã tự tạo cho mình sự hanh thông trên bước đường về quê nhà Cực Lạc. Trong kinh đức Phật dạy, chúng sanh khổ đau và phiền não là đều do từ mê muội mà tự chiêu cảm lấy. Nguyên nhân của sự mê lầm này như chúng tôi đã trình bày, đó là do chúng ta không hiểu rõ ràng về chân tướng của vạn vật. Nên chi, ngày ngày chúng ta chỉ có vọng tưởng, chỉ sống trong vọng tưởng, đã vậy chúng ta còn phát triển vọng

tướng lên cao độ bởi những suy nghĩ, xem nghe, thấy biết của chúng ta, do vậy dẫn đến kết quả là một tổng thể sai lầm. Nếu chúng ta không chịu buông xả thì từ mê muội trước dẫn đến mê muội sau, từ sai lầm nhỏ sinh ra sai lầm lớn. Chúng ta cần lưu ý, tư tưởng và suy nghĩ của chúng ta, nó luôn chỉ đạo cho mọi hành vi của con người. Tư tưởng sai lầm nhất định dẫn đến hành động sai lầm, hành động sai lầm đương nhiên là dẫn đến kết quả khổ đau. Đức Phật đã dạy, muốn giải quyết khổ đau cho chúng sanh, điều đầu tiên phải giúp cho họ giác ngộ, mà muốn giác ngộ thì điều kiện đầu tiên là giúp họ nhận ra chân tướng của nhân sinh vũ trụ, thấy được sự giả huyễn của cuộc đời họ mới buông xả, rồi sau đó mới có thể tinh tấn tiến tu trên con đường chánh pháp.

Trong kinh Kim Cang có câu: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, nghĩa là những gì có hình tướng đều là hư vọng cả; nhìn vào cuộc sống chúng ta thấy rằng, muôn người muôn vật đều chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định nào đó, nó như mây như khói, bay qua rồi tan mất, thì có gì đâu mà phóng tâm theo đuổi nó để tự đánh mất chân tâm thanh tịnh của mình. Nếu chúng ta thực hành hạnh buông xả chúng ta sẽ thấy sự lợi ích thật sự cho bản thân và cái hay

cái cao quý sâu xa của hạnh buông xả. Hòa thượng Tuyên Hóa dạy một câu rất chí lý: “*Phật và Ma chỉ khác nhau ở một tâm niệm. Phật thì có tâm từ bi, còn Ma thì có tâm hơn thua*”. Qua đó chúng ta thấy rằng, người thật sự biết cách tu hành thì nhất cử nhất động đều là tu cả, chúng ta buông xả được tâm tranh đấu hơn thua, tâm tham dục, nói chung là phiền não, phân biệt, chấp trước... thì chúng ta có thể tự hào là người biết cách tu tập và cũng có thể tự tin vào kết quả tu tập của mình.

Hòa thượng Tịnh Không trong suốt quá trình hoằng dương pháp môn niệm Phật, đã tổng lược sự tu hành của một đời người, tóm gọn trong hai mươi chữ: “*Chân thành - Thanh tịnh - Bình đẳng - Chánh giác - Từ bi - Khán phá - Phóng hạ - Tự tại - Tùy duyên - Niệm Phật*”. Trong chương này chúng ta đang nói đến *Khán phá và Phóng hạ (Buông xả)*. Khán phá có nghĩa là nhận ra chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Buông xả là sau khi thấy rõ được lẽ thật cuộc đời, hiểu thấu kiếp nhân sinh, chúng ta liền quyết tâm buông xả tất cả, không luyến tiếc, không dính mắc. Nhờ buông xả mà tâm chúng ta nhẹ nhàng, thanh tịnh, an ổn; nhờ nhẹ nhàng thanh tịnh an ổn mà chúng ta càng nhận ra đời sống vô

thường một cách tường tận hơn, sâu xa hơn, khiến cho tâm chúng ta buông xả một cách tự nhiên, không vướng mắc điều gì. Tâm càng an tịnh thì sự buông xả càng trở nên dễ dàng hơn. Buông xả là khâu quan trọng để người học Phật chúng ta tùy duyên tự tại trong đời sống, nhờ đó mà sự nỗ lực công phu tu tập của chúng ta đạt hiệu quả cao hơn.

Đối với người chân thật niệm Phật, ngồi việc buông xả thì còn phải luôn thấy nhược điểm của bản thân mình và luôn biết tầm quý thì con đường tu tập mới trở nên thuận lợi. Thật ra, đã là người thì không ai mà không có nhược điểm, nếu không có nhược điểm thì chúng ta đã là Thánh hết cả rồi. Đối với người tu theo pháp môn niệm Phật, tức là luôn niệm giác, luôn gần Phật, thì việc luôn nhìn thấy nhược điểm của bản thân là một điều hết sức cần thiết, bởi vì khi nhìn thấy nhược điểm của bản thân thì chúng ta mới có thể tìm cách khắc phục nó. Muốn được như vậy đòi hỏi chúng ta phải luôn sống trong tỉnh thức, luôn tự biết mình, nhờ vậy sẽ không rơi vào bệnh tự cao tự mãn, nhờ vậy mà lời nói sẽ luôn đi đôi với việc làm. Nhược điểm của con người thì hằng hà sa số, không thể nào nói cho hết, nhưng với người tu theo Phật pháp, thì một

nhược điểm lớn gây cản trở không ít trên con đường tu học, đó chính là cái tâm tham dục. Trong Phật pháp thì tự tri là nền tảng bước đầu để người học Phật chúng ta tự giác, vì không tự biết mình thì không thể nào giác ngộ được, là một người tu học chân chính, một khi nhận thấy nhược điểm của bản thân, thì chúng ta mới tìm mọi cách khắc phục sai trái lỗi lầm. Có thể nói rằng, khả năng tự tri lớn chừng nào thì sự tiến bộ trên bước đường tu học của chúng ta sẽ khởi sắc hanh thông chừng nấy. Tự biết lỗi mình để sửa sai, thường thấy lỗi mình để khắc phục, đó là một phẩm hạnh cao quý chỉ có ở người học Phật chân chính.

Đồng thời với việc luôn thấy nhược điểm của bản thân thì người tu học phải biết *Tàm quý* trước những điều không đúng của mình. Đây là điều đòi hỏi tinh thần tự giác rất cao, cũng là sức mạnh để người tu theo hạnh Phật tự nâng bước chân của mình đến ngôi nhà giải thoát giác ngộ nhanh hơn, vững vàng hơn. Đại Sư Ấn Quang dạy rằng: “*Muốn học theo Phật, Tổ liễu sinh tử thì phải bắt đầu từ việc hổ thẹn, sám hối, dứt ác, tu thiện, ăn chay, tự răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Phải thật sự tu tập, tận lực thực hành. Nếu không chỉ trở thành vọng ngữ trong các thứ*

hư dối. Biết chẳng khó, làm được mới khó. Máy kẻ thông minh trong thế gian đều chỉ nói được, nhưng không làm được. Trọn một đời này, uổng công vào núi báu, trở về tay không. Đáng xót, đáng tiếc thay.

Phàm phu còn mê, tín tâm bất định, vì thế, có tật lăm phen tin rồi lại ngờ, lăm phen đã tu rồi lại tạo nghiệp, cũng là do người dạy ban đầu không hiểu đạo đến nơi đến chốn. Nếu lúc ban đầu chỉ từ nhân quả thiện cận mà khởi sự sẽ chẳng đến nỗi bị điên đảo, mê hoặc như thế. Đối với những tội cũ, dù rất sâu nặng, hãy nên chí tâm sám hối, sửa đổi thói xưa, tu tập từ nay, dùng chánh tri kiến tu tập Tịnh nghiệp, dốc chí tự lợi, lợi tha thì tội chướng như sương tiêu tan, bầu trời chân tánh sáng rạng. Vì thế, kinh nói: “Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ. Một là người chẳng tạo tội. Hai là đã tạo tội rồi lại có thể sám hối”.

Một chữ “Hối” phải từ tâm khởi. Tâm chẳng thật sám hối, có nói gì cũng vô ích. Ví như chỉ đọc toa thuốc chứ chẳng uống thuốc, nhất định chẳng hy vọng gì lành bệnh được. Còn nếu theo toa uống thuốc sẽ tự lành bệnh, thân an. Điều đáng ngại là lập chí chẳng vững, một nóng

mười lạnh thì chỉ uống mang hư danh, không may may lợi ích thật sự.

Người niệm Phật đối với sự sự phải trung thứ, tâm tâm luôn đề phòng tội khiên. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa mạnh mẽ làm ngay thì mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu chẳng như thế là trái nghịch với Phật, quyết khó cảm thông”.

Người tu pháp môn niệm Phật cần phải thực hành hai điều căn bản là *buông xả* và *chí thành cung kính niệm Phật*. Nói về *buông xả* thì chúng tôi đã trình bày, chắc quý Phật tử cũng đã thông suốt. Thế còn việc *chí thành cung kính niệm Phật* đó sự thể ra sao? Có khác gì với việc niệm Phật bình thường? Chúng tôi nghĩ rằng, đây là điều cực kỳ quan trọng, rất mong quý Phật tử lưu tâm để ý đến. Đại Sư Ấn Quang dạy rằng: *“Niệm Phật thành khẩn cung kính”* lời này thế gian ai cũng biết, nhưng lý này thế gian không ai rõ. Tôi vì muốn tiêu nghiệp chướng, muốn báo ân Phật, nên thường “*Chí Thành Cung Kính Niệm Phật*”.

Như đã nói ở phần cuối chương trước, trong chương này chúng tôi sẽ nêu ra một bí quyết của Tô Sư Tịnh Độ để trợ duyên quý Phật tử công phu niệm Phật dễ dàng đạt đến nhất tâm.

Bí quyết này đã được chư vị Tổ sư, chư tôn đức khai thị rất nhiều trong các thời pháp thoại, chúng tôi trong quá trình tu học cảm thấy vô cùng lợi ích nên chắt lọc vài dòng nhằm chia sẻ cùng quý Phật tử những điều bổ ích lợi lạc. Sau khi suy ngẫm và trải nghiệm qua phương cách cung kính chí thành niệm Phật, chúng tôi nhận ra đây quả là một bí quyết niệm Phật rất dễ dàng đạt đến chỗ nhất tâm. Nếu quý Phật tử ứng dụng thực hành thì sẽ thấy ngay kết quả. Chẳng hạn khi quý Phật tử thắp một nén nhang lên bàn thờ Phật với tâm trạng thành kính trang nghiêm, chắc hẳn sẽ khác với khi thắp một nén nhang với tâm trạng bình thường, càng khác với những khi tâm trạng quý Phật tử lãng xãng nghĩ ngợi đủ điều.

Niệm Phật cũng vậy, khi chúng ta niệm lên danh hiệu Phật bằng một cái tâm thành kính tột cùng, giống như là đang được quỳ dưới chân đức Phật thì sự chú tâm khẩn thiết của chúng ta cũng sẽ tăng lên gấp vạn ngàn lần so với lúc chúng ta niệm Phật một cách bình thường. Mỗi một câu Phật hiệu được chúng ta niệm lên bằng cái tâm cung kính chí thành, điều này cũng giống như chúng ta đang được giao cảm với đức Phật A Di Đà, thì tự nhiên tâm chúng ta trở nên thanh

tịnh chuyên nhất. Chúng ta hãy thường xuyên niệm Phật bằng cái tâm cung kính chí thành như chư vị Tổ Sư đã dạy thì sự tu hành của chúng ta sẽ tiến triển rất nhanh. Ngài Ấn Quang vốn là một Tổ Sư Tông Tịnh Độ, đã dạy kỹ điều này, thì đây quả là một kinh nghiệm vô cùng quý báu cho tất cả người học Phật chúng ta, như Ngài đã nói: *“Đây là bí quyết nhiệm mầu để siêu phàm nhập Thánh, liễu sanh thoát tử, nên đối với người có duyên tôi thường hay khuyên nhắc như vậy”*.

Cùng với việc gieo chánh nhân giải thoát, phát tâm vì liễu sanh thoát tử mà nỗ lực công phu trì danh niệm Phật, chúng ta cần thực hành *Buông xả* và thực hiện phương pháp *Cung Kính Chí Thành Niệm Phật*, thì trong tương lai không xa chúng ta sẽ được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, chắc chắn chúng ta sẽ vĩnh viễn thoát khỏi khổ đau luân hồi sanh tử. Để hỗ trợ cho quý Phật tử thuận duyên trong quá trình tu theo pháp môn trì danh niệm Phật, chúng tôi xin trích đăng lời khai thị của ngài Ấn Quang, Tổ Sư thứ 13 Tịnh Độ Tông, vì nhận thấy rằng, những dòng pháp ngữ này chính là kim chỉ nam vô cùng quý giá cho người sơ cơ học Phật thời nay:

“Bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hòa, nhẫn nhục điều người khác khó nhẫn được, làm những việc mà người khác khó làm được; thay người làm những việc cực nhọc, thành tôn việc tốt đẹp cho người. Khi tĩnh tọa thường nghĩ đến điều lỗi của mình. Lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người. Lúc đi đứng, nằm ngồi, ăn mặc từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, chỉ niệm Phật không để gián đoạn; hoặc niệm Phật nhỏ, hoặc niệm thầm. Ngồi việc niệm Phật, đừng dấy khởi một niệm nào khác. Nếu khởi vọng niệm, phải tức thời bỏ ngay.

Thường có lòng hổ thẹn và tâm sám hối. Nếu đã tu trì, phải tự hiểu là công phu của ta hãy còn nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng, khoa trương, chỉ nên chăm sóc việc nhà mình mà đừng nên dính vào việc nhà người. Chỉ nên nhìn đến những hình dạng tốt đẹp mà đừng để mắt tới hình dạng xấu xa bại hoại. Hãy coi mọi người đều là Bồ Tát, mà ta chỉ là kẻ phàm phu. Nếu quả có thể tu hành được như những điều kể trên, thì nhất định được sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc”.

Trên đây chúng tôi đã trình bày nội dung chân thật niệm Phật, còn như thế nào gọi là Cực

Lạc hiện tiền? Thật ra nếu quý Phật tử đã đạt đến chỗ *chân thật niệm Phật*, nghĩa là quý Phật tử thực hành hạnh *buông xả và chỉ thành cung kính niệm Phật* thì ngay đó là Cực Lạc rồi, chứ không đợi phải vãng sanh mới được cực lạc. Thế giới Tây Phương Cực Lạc mà chúng ta đã từng nghe, từng biết, sẽ là kết quả chắc chắn của mỗi chúng ta, nếu như chúng ta *chân thật niệm Phật*, nếu như chúng ta đạt đến nhất tâm bất loạn. Khi đó chúng ta không chỉ nghe, chỉ biết, mà còn tận mắt chứng kiến, tâm tâm giao cảm. Bởi điều này đức Phật A Di Đà đã hứa khả và ngài luôn thủ tín với chúng ta.

Các bậc Tổ Sư thường dạy: “*Quá khứ là việc đã qua, đừng luyến tiếc; tương lai là việc chưa đến, đừng cầu mong; hiện tại hãy an trú trong chánh niệm*”. Chúng tôi nghĩ rằng đây là điều rất quan trọng đối với hành giả Tịnh Độ. Trong suốt quá trình niệm Phật, chúng ta không cầu mong về tương lai là để chúng ta không khởi vọng tâm hướng ngoại tìm cầu, chúng ta không vọng khởi về bất cứ điều gì là để tâm của chúng ta an trú trong chánh niệm. Có như vậy thì chúng ta mới loại trừ được tạp niệm, vọng tưởng; mới không sanh nhị tâm, mới có cơ may đạt đến nhất tâm bất loạn. Cho nên chúng ta chỉ cần *buông xả*

và *cung kính chí thành niệm Phật* thì hiện tại là chánh niệm. Hiện tại tinh chuyên vào danh hiệu Phật thì đây tức là Cực Lạc hiện tiền.

Quý Phật tử sau khi đọc qua chương *Chân thật niệm Phật – Cực lạc hiện tiền* này, chắc có lẽ quý Phật tử cũng đã có thêm hiểu biết về pháp môn niệm Phật, nếu quý Phật tử chuyên chú thực hiện rốt ráo, thì tất cả chúng ta đều có khả năng xây dựng một cõi Cực Lạc ngay tự tâm mình. Chính điều này là cơ sở để chúng ta xây dựng thế giới Ta Bà khổ đau phiền phức này trở thành một thế giới *hòa bình – hạnh phúc - an lạc*. Chúng tôi tin chắc rằng *Chân Thật Niệm Phật* thì *Cực Lạc Hiện Tiền*.